DANH MỤC KỸ THUẬT TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH BÌNH PHƯỚC
ĐÃ ĐƯỢC SỞ Y TẾ PHÊ DUYỆT THEO THÔNG TƯ SỐ 43/2013/TT-BYT

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
1	1.	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x									x	QĐ 12/2014
1	2.	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x	x									x	QĐ 139/2014
1	3.	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục ≤ 8 giờ	x	x	x								x		QĐ 12/2014
1	5.	Làm test phục hồi máu mao mạch	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
1	6.	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
1	7.	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm 01 nòng	x	x	x							x			QĐ 12/2014
1	8.	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm nhiều nòng	x	x	x							x			QĐ 12/2014
1	9.	Đặt catheter động mạch	x	x								x			QĐ 12/2014
1	10.	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	x	x										QĐ 12/2014
1	11.	Chăm sóc catheter động mạch	x	x											QĐ 12/2014
1	12.	Đặt đường truyền vào xương (qua đường xương)	x	x	x							x			QĐ 12/2014
1	15.	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	x	x	x									x	QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
1	16.	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục ≤ 8 giờ	x	x									x		QĐ 12/2014
1	17.	Đo áp lực động mạch xâm nhập liên tục ≤ 8 giờ	x	x									x		QĐ 12/2014
1	18.	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	x	x	x							x			QĐ 630/2016
1	19.	Siêu âm Doppler mạch cấp cứu tại giường	x	x	x							x			QĐ 630/2016
1	20.	Siêu âm dẫn đường đặt catheter tĩnh mạch cấp cứu	x	x	x								x		QĐ 630/2016
1	21.	Siêu âm dẫn đường đặt catheter động mạch cấp cứu	x	x	x								x		QĐ 630/2016
1	22.	Siêu âm cấp cứu đánh giá tiền gánh tại giường bệnh ở người bệnh sốc	x	x								x			QĐ 630/2016
1	25.	Kỹ thuật đánh giá huyết động cấp cứu không xâm nhập bằng USCOM	x	x								x			QĐ 216/2020
1	28.	Theo dõi SPO_2 liên tục tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
1	29.	Đo độ bão hoà oxy tĩnh mạch trung tâm (ScvO2)	x	x											QĐ 12/2014
1	30.	Đo độ bão hoà oxy tĩnh mạch cảnh (SjvO2)	x	x											QĐ 12/2014
1	32.	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	x	x	x								x		QĐ 139/2014
1	34.	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng máy sốc điện	x	x	x							x			QĐ 12/2014
1	35.	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc	x	x	x							x			QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
1	39.	Hạ huyết áp chỉ huy ≤ 8 giờ	x	x	x							x			QĐ 12/2014
1	40.	Chọc hút dịch màng ngoài tim dưới siêu âm	x	x	x							x			QĐ 139/2014
1	41.	Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu	x	x	x							x			QĐ 12/2014
1	42.	Đặt dẫn lưu màng ngoài tim cấp cứu bằng catheter qua da	x	x								x			QĐ 12/2014
1	43.	Mở màng ngoài tim cấp cứu tại giường bệnh	x	x	x						x				QĐ 630/2016
1	44.	Dẫn lưu màng ngoài tim cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x							x			QĐ 12/2014
1	45.	Dùng thuốc chống đông	x	x	x								x		QĐ 12/2014
1	51.	Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ	x	x	x	x						x			QĐ 12/2014
1	52.	Cầm chảy máu ở lỗ mũi sau bằng ống thông có bóng chèn	x	x	x	x						x			QĐ 12/2014
1	53.	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
1	54.	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
1	55.	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh có thở máy (một lần hút)	x	x	x								x		QĐ 12/2014
1	56.	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy) (một lần hút)	x	x	x									x	QĐ 630/2016
1	57.	Thở oxy qua gọng kính (£ 8 giờ)	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
1	58.	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (£ 8 giờ)	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
1	59.	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (£ 8 giờ)	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
1	60.	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (£ 8 giờ)	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
1	61.	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (£ 8 giờ)	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
1	62.	Thở oxy dài hạn điều trị suy hô hấp mạn tính ≤ 8 giờ	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
1	63.	Thở oxy qua mặt nạ venturi (£ 8 giờ)	x	x	x								x		QĐ 12/2014
1	64.	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em	x	x	x	x						x			QĐ 12/2014
1	65.	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x							x		QĐ 139/2014
1	66.	Đặt ống nội khí quản	x	x	x							x			QĐ 139/2014
1	67.	Đặt nội khí quản 2 nòng	x	x							x				QĐ 630/2016
1	68.	Đặt nội khí quản cấp cứu bằng Combitube	x	x	x							x			QĐ 630/2016
1	69.	Đặt mặt nạ thanh quản cấp cứu	x	x	x							x			QĐ 630/2016
1	70.	Đặt ống nội khí quản có cửa hút trên bóng chèn (Hi-low EVAC)	x	x								x			QĐ 630/2016
1	71.	Mở khí quản cấp cứu	x	x	x			x							QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
1	72.	Mở khí quản qua màng nhẫn giáp	x	x	x							x			QĐ 630/2016
1	73.	Mở khí quản thường quy	x	x	x				x						QĐ 12/2014
1	74.	Mở khí quản qua da một thì cấp cứu ngạt thở	x	x	x							x			QĐ 630/2016
1	75.	Chăm sóc ống nội khí quản (một lần)	x	x	x										QĐ 12/2014
1	76.	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	x	x	x										QĐ 12/2014
1	77.	Thay ống nội khí quản	x	x	x							x			QĐ 12/2014
1	78.	Rút ống nội khí quản	x	x	x									x	QĐ 12/2014
1	79.	Rút canuyn khí quản	x	x	x									x	QĐ 12/2014
1	80.	Thay canuyn mở khí quản	x	x	x									x	QĐ 12/2014
1	81.	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
1	82.	Đánh giá mức độ nặng của COPD bằng FEV1 (một lần)	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
1	83.	Theo dõi ETCO2 ≤ 8 giờ	x	x										x	QĐ 12/2014
1	84.	Thăm dò CO2 trong khí thở ra	x	x	x								x		QĐ 12/2014
1	85.	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x								x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
1	86.	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
1	87.	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)	x	x	x								x		QĐ 12/2014
1	88.	Làm ẩm đường thở qua máy phun sương mù	x	x	x								x		QĐ 630/2016
1	89.	Đặt canuyn mở khí quản 02 nòng	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
1	92.	Siêu âm màng phổi cấp cứu	x	x								x			QĐ 12/2014
1	93.	Chọc hút dịch – khí màng phổi bằng kim hay catheter	x	x	x							x			QĐ 139/2014
1	94.	Dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp ≤ 8 giờ	x	x	x							x			QĐ 139/2014
1	95.	Mở màng phổi cấp cứu	x	x	x							x			QĐ 630/2016
1	96.	Mở màng phổi tối thiểu bằng troca	x	x	x							x			QĐ 630/2016
1	97.	Dẫn lưu màng phổi liên tục ≤ 8 giờ	x	x	x							x			QĐ 630/2016
1	128.	Thông khí nhân tạo không xâm nhập ≤ 8 giờ	x	x	x							x			QĐ 12/2014
1	129.	Thông khí nhân tạo CPAP qua van Boussignac ≤ 8 giờ	x	x	x							x			QĐ 630/2016
1	130.	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức CPAP ≤ 8 giờ	x	x	x							x			QĐ 12/2014
1	131.	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức BiPAP ≤ 8 giờ	x	x	x							x			QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
1	132.	Thông khí nhân tạo xâm nhập ≤ 8 giờ	x	x	x							x			QĐ 12/2014
1	133.	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức VCV ≤ 8 giờ	x	x	x							x			QĐ 12/2014
1	134.	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PCV ≤ 8 giờ	x	x	x							x			QĐ 12/2014
1	135.	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức A/C (VCV) ≤ 8 giờ	x	x	x							x			QĐ 12/2014
1	136.	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức SIMV ≤ 8 giờ	x	x	x							x			QĐ 12/2014
1	137.	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PSV ≤ 8 giờ	x	x	x							x			QĐ 12/2014
1	138.	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức CPAP ≤ 8 giờ	x	x	x							x			QĐ 12/2014
1	139.	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức APRV ≤ 8 giờ	x	x								x			QĐ 12/2014
1	144.	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển	x	x	x								x		QĐ 12/2014
1	145.	Cai thở máy bằng phương thức SIMV ≤ 8 giờ	x	x	x								x		QĐ 12/2014
1	146.	Cai thở máy bằng phương thức PSV ≤ 8 giờ	x	x	x								x		QĐ 12/2014
1	147.	Cai thở máy bằng thở T-tube ngắt quãng ≤ 8 giờ	x	x	x								x		QĐ 12/2014
1	148.	Thủ thuật huy động phế nang 40/40	x	x								x			QĐ 12/2014
1	149.	Thủ thuật huy động phế nang 60/40	x	x								x			QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
1	150.	Thủ thuật huy động phế nang PCV	x	x								x			QĐ 12/2014
1	151.	Kỹ thuật thử nghiệm tự thở CPAP	x	x	x								x		QĐ 12/2014
1	154.	Theo dõi các thông số cơ học phổi ≤ 8 giờ	x	x	x									x	QĐ 12/2014
1	155.	Gây mê liên tục kiểm soát người bệnh thở máy ≤ 8 giờ	x	x	x									x	QĐ 630/2016
1	157.	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
1	158.	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	x	x	x	x						x			QĐ 12/2014
1	159.	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp nâng cao	x	x	x							x			QĐ 12/2014
1	160.	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	x	x	x	x								x	QĐ 139/2014
1	161.	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	x	x	x								x		QĐ 12/2014
1	162.	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang trên khớp vệ	x	x	x							x			QĐ 12/2014
1	163.	Mở thông bàng quang trên xương mu	x	x	x							x			QĐ 12/2014
1	164.	Thông bàng quang	x	x	x	x								x	QĐ 139/2014
1	165.	Rửa bàng quang lấy máu cục	x	x	x								x		QĐ 12/2014
1	166.	Vận động trị liệu bàng quang	x	x	x									x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
1	167.	Chọc thăm dò bể thận dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x								x			QĐ 1746/2017
1	168.	Dẫn lưu bể thận qua da cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x								x			QĐ 1746/2017
1	169.	Dẫn lưu bể thận ngược dòng cấp cứu bằng nội soi ≤ 8 giờ	x	x								x			QĐ 630/2016
1	170.	Bài niệu cưỡng bức ≤ 8 giờ	x	x	x								x		QĐ 12/2014
1	171.	Kiềm hóa nước tiểu tăng thải trừ chất độc ≤ 8 giờ	x	x	x								x		QĐ 12/2014
1	172.	Đặt catheter lọc máu cấp cứu	x	x									x		QĐ 12/2014
1	173.	Lọc máu cấp cứu (ở người chưa có mở thông động tĩnh mạch)	x	x	x							x			QĐ 12/2014
1	174.	Thận nhân tạo cấp cứu	x	x	x							x			QĐ 12/2014
1	175.	Thận nhân tạo thường qui	x	x	x								x		QĐ 12/2014
1	176.	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH)	x	x							x				QĐ 12/2014
1	177.	Lọc máu liên tục cấp cứu có thẩm tách (CVVHD)	x	x							x				QĐ 12/2014
1	178.	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh sốc nhiễm khuẩn	x	x							x				QĐ 12/2014
1	179.	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh suy đa tạng	x	x							x				QĐ 12/2014
1	180.	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh viêm tụy cấp	x	x							x				QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
1	181.	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF)	x	x							x				QĐ 12/2014
1	182.	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh sốc nhiễm khuẩn	x	x							x				QĐ 12/2014
1	183.	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh suy đa tạng	x	x							x				QĐ 12/2014
1	184.	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh viêm tụy cấp	x	x							x				QĐ 12/2014
1	185.	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh ARDS	x	x							x				QĐ 12/2014
1	186.	Lọc máu liên tục cấp cứu (SCUF) cho người bệnh quá tải thể tích.	x	x							x				QĐ 12/2014
1	187.	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh suy thận cấp do tiêu cơ vân nặng	x	x							x				QĐ 12/2014
1	188.	Lọc màng bụng cấp cứu liên tục	x	x								x			QĐ 139/2014
1	201.	Soi đáy mắt cấp cứu	x	x	x									x	QĐ 12/2014
1	202.	Chọc dịch tuỷ sống	x	x	x								x		QĐ 12/2014
1	211.	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
1	213.	Điều trị co giật liên tục ≤ 8 giờ	x	x	x										QĐ 12/2014
1	214.	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x										QĐ 12/2014
1	215.	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
1	216.	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	x								x	QĐ 139/2014
1	217.	Mở thông dạ dày bằng nội soi	x	x								x			QĐ 12/2014
1	218.	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	x							x		QĐ 139/2014
1	219.	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
1	220.	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hoá (dạ dày, tiểu tràng, đại tràng)	x	x	x							x			QĐ 630/2016
1	221.	Thụt tháo	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
1	222.	Thụt giữ	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
1	223.	Đặt ống thông hậu môn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
1	224.	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)	x	x	x	x								x	QĐ 139/2014
1	225.	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
1	226.	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông hỗng tràng ≤ 8 giờ	x	x	x									x	QĐ 12/2014
1	227.	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy truyền thức ăn qua ống thông dạ dày ≤ 8 giờ	x	x	x									x	QĐ 12/2014
1	228.	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày (một lần)	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
1	229.	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ	x	x	x	x									QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
1	230.	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch trung tâm ≤ 8 giờ	x	x	x										QĐ 12/2014
1	231.	Đặt ống thông Blakemore vào thực quản cầm máu	x	x	x							x			QĐ 216/2020
1	232.	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chẩn đoán và cầm máu	x	x	x							x			QĐ 139/2014
1	233.	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu có gây mê tĩnh mạch	x	x	x							x			QĐ 12/2014
1	234.	Nội soi trực tràng cấp cứu	x	x	x									x	QĐ 630/2016
1	235.	Nội soi đại tràng chẩn đoán bằng ống soi mềm	x	x	x								x		QĐ 630/2016
1	236.	Nội soi đại tràng cầm máu	x	x	x							x			QĐ 630/2016
1	237.	Nội soi đại tràng sinh thiết	x	x	x							x			QĐ 630/2016
1	239.	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	x	x	x								x		QĐ 12/2014
1	240.	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	x	x	x								x		QĐ 12/2014
1	241.	Dẫn lưu dịch ổ bụng cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x								x		QĐ 12/2014
1	242.	Rửa màng bụng cấp cứu	x	x	x							x			QĐ 630/2016
1	243.	Dẫn lưu ổ bụng trong viêm tuỵ cấp ≤ 8 giờ	x	x	x								x		QĐ 12/2014
1	244.	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm	x	x	x							x			QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
1	245.	Cân người bệnh tại giường bằng cân treo hay cân điện tử	x	x	x										QĐ 630/2016
1	246.	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	x	x	x									QĐ 12/2014
1	249.	Giải stress cho người bệnh	x	x	x										QĐ 12/2014
1	250.	Kiểm soát đau trong cấp cứu	x	x	x										QĐ 12/2014
1	251.	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	x	x	x	x									QĐ 12/2014
1	252.	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ	x	x	x	x									QĐ 12/2014
1	253.	Lấy máu tĩnh mạch bẹn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
1	254.	Truyền máu và các chế phẩm máu	x	x	x	x									QĐ 12/2014
1	255.	Kiểm soát pH máu bằng bicarbonate ≤ 8 giờ	x	x	x										QĐ 12/2014
1	256.	Điều chỉnh tăng/giảm kali máu bằng thuốc tĩnh mạch	x	x	x								x		QĐ 12/2014
1	257.	Điều chỉnh tăng/giảm natri máu bằng thuốc tĩnh mạch	x	x	x								x		QĐ 12/2014
1	258.	Kiểm soát tăng đường huyết chỉ huy ≤ 8 giờ	x	x	x										QĐ 12/2014
1	259.	Rửa mắt tẩy độc	x	x	x							x			QĐ 12/2014
1	260.	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê (một lần)	x	x	x									x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
1	261.	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
1	262.	Gội đầu cho người bệnh tại giường	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
1	263.	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
1	264.	Tắm cho người bệnh tại giường	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
1	265.	Tắm tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	x						x			QĐ 12/2014
1	266.	Xoa bóp phòng chống loét	x	x	x	x									QĐ 12/2014
1	267.	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	x	x	x									x	QĐ 12/2014
1	268.	Phục hồi chức năng vận động, nói, nuốt cho người bệnh cấp cứu £ 8 giờ	x	x	x									x	QĐ 630/2016
1	269.	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
1	270.	Ga rô hoặc băng ép cầm máu	x	x	x	x							x		QĐ 139/2014
1	271.	Dùng thuốc kháng độc điều trị giải độc	x	x	x							x			QĐ 12/2014
1	272.	Sử dụng than hoạt đa liều cấp cứu ngộ độc ≤ 8 giờ	x	x	x								x		QĐ 12/2014
1	273.	Điều trị giải độc bằng huyết thanh kháng nọc đặc hiệu	x	x	x							x			QĐ 12/2014
1	274.	Điều trị giải độc ngộ độc rượu cấp	x	x	x							x			QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
1	275.	Băng bó vết thương	x	x	x	x									QĐ 139/2014
1	276.	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x	x	x	x								x	QĐ 139/2014
1	277.	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
1	278.	Vận chuyển người bệnh cấp cứu	x	x	x	x									QĐ 12/2014
1	279.	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng	x	x	x								x		QĐ 630/2016
1	280.	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy	x	x	x								x		QĐ 12/2014
1	281.	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	x	x	x	x									QĐ 12/2014
1	282.	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm	x	x	x									x	QĐ 12/2014
1	283.	Lấy máu các động mạch khác xét nghiệm	x	x	x									x	QĐ 12/2014
1	284.	Định nhóm máu tại giường	x	x	x	x									QĐ 12/2014
1	285.	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường	x	x	x	x									QĐ 12/2014
1	286.	Đo các chất khí trong máu	x	x	x										QĐ 12/2014
1	287.	Đo lactat trong máu	x	x	x										QĐ 12/2014
1	288.	Định tính chất độc bằng test nhanh – một lần	x	x	x										QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
1	296.	Phát hiện opiat bằng naloxone	x	x	x								x		QĐ 1746/2017
1	303.	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh	x	x	x								x		QĐ 139/2014
1	304.	Chụp X quang cấp cứu tại giường	x	x	x								x		QĐ 630/2016
2	1.	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
2	2.	Bơm rửa khoang màng phổi	x	x	x								x		QĐ 12/2014
2	4.	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	x	x	x	x									QĐ 12/2014
2	7.	Chọc dò dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x								x		QĐ 12/2014
2	8.	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x								x		QĐ 12/2014
2	9.	Chọc dò dịch màng phổi	x	x	x	x								x	QĐ 139/2014
2	10.	Chọc tháo dịch màng phổi	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
2	11.	Chọc hút khí màng phổi	x	x	x									x	QĐ 12/2014
2	12.	Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x								x		QĐ 12/2014
2	14.	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter	x	x	x	x									QĐ 630/2016
2	16.	Đặt ống dẫn lưu khoang MP	x	x	x								x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
2	17.	Đặt nội khí quản 2 nòng	x	x							x				QĐ 630/2016
2	24.	Đo chức năng hô hấp	x	x	x	x									QĐ 630/2016
2	26.	Hút dẫn lưu khoang màng phổi bằng máy hút áp lực âm liên tục	x	x	x									x	QĐ 630/2016
2	28.	Kỹ thuật ho có điều khiển	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
2	31.	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
2	32.	Khí dung thuốc giãn phế quản	x	x	x	x									QĐ 12/2014
2	33.	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm	x	x	x										QĐ 12/2014
2	60.	Nghiệm pháp đi bộ 6 phút	x	x	x										QĐ 630/2016
2	61.	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe	x	x	x										QĐ 12/2014
2	63.	Siêu âm màng phổi cấp cứu	x	x	x										QĐ 630/2016
2	67.	Thay canuyn mở khí quản	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
2	68.	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
2	74.	Chọc dò và dẫn lưu màng ngoài tim	x	x	x							x			QĐ 12/2014
2	75.	Chọc dò màng ngoài tim	x	x	x							x			QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
2	76.	Dẫn lưu màng ngoài tim	x	x	x							x			QĐ 12/2014
2	77.	Đặt máy tạo nhịp tạm thời với điện cực trong buồng tim	x	x								x			QĐ 216/2020
2	85.	Điện tim thường	x	x	x	x									QĐ 12/2014
2	95.	Holter điện tâm đồ	x	x	x										QĐ 216/2020
2	97.	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc	x	x	x										QĐ 12/2014
2	101.	Nong và đặt stent động mạch vành	x	x							x				QĐ 216/2020
2	103.	Nong hẹp van 2 lá bằng bóng Inoue	x	x							x				QĐ 216/2020
2	106.	Nong van động mạch phổi	x	x							x				QĐ 216/2020
2	109.	Nghiệm pháp gắng sức điện tâm đồ	x	x									x		QĐ 216/2020
2	111.	Nghiệm pháp atropin	x	x	x								x		QĐ 12/2014
2	112.	Siêu âm Doppler mạch máu	x	x	x									x	QĐ 630/2016
2	113.	Siêu âm Doppler tim	x	x	x									x	QĐ 630/2016
2	119.	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	x	x	x									x	QĐ 630/2016
2	120.	Sốc điện điều trị rung nhĩ	x	x								x			QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
2	121.	Sốc điện điều trị các rối loạn nhịp nhanh	x	x	x								x		QĐ 630/2016
2	125.	Thông tim chẩn đoán	x	x								x			QĐ 216/2020
2	126.	Thông tim và chụp buồng tim cản quang	x	x							x				QĐ 216/2020
2	128.	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần)	x	x	x	x									QĐ 12/2014
2	129.	Chọc dò dịch não tuỷ	x	x	x								x		QĐ 139/2014
2	140.	Điều trị trạng thái động kinh	x	x											QĐ 12/2014
2	145.	Ghi điện não thường quy	x	x	x										QĐ 12/2014
2	149.	Gội đầu cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường	x	x	x										QĐ 630/2016
2	150.	Hút đờm hầu họng	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
2	151.	Lấy máu tĩnh mạch bẹn	x	x	x										QĐ 12/2014
2	152.	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy, truyền thức ăn qua thực quản, dạ dày	x	x											QĐ 12/2014
2	156.	Soi đáy mắt cấp cứu tại giường	x	x										x	QĐ 630/2016
2	157.	Tắm cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường	x												QĐ 12/2014
2	163.	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN	x	x	x								x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
2	164.	Theo dõi SPO_2 liên tục tại giường	x	x	x										QĐ 12/2014
2	165.	Vệ sinh răng miệng bệnh nhân thần kinh tại giường	x	x	x										QĐ 12/2014
2	166.	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)	x	x	x										QĐ 12/2014
2	167.	Chăm sóc sonde dẫn lưu bể thận qua da/lần	x	x	x										QĐ 630/2016
2	169.	Chăm sóc catheter TMTT trong lọc máu	x	x											QĐ 12/2014
2	170.	Chăm sóc và bảo quản catheter tĩnh mạch trung tâm trong lọc máu	x	x	x										QĐ 12/2014
2	171.	Chăm sóc và bảo quản catheter đường hầm có cuff để lọc máu	x	x	x										QĐ 12/2014
2	172.	Chăm sóc ống dẫn lưu bể thận qua da 24 giờ	x	x	x										QĐ 630/2016
2	175.	Chọc hút dịch quanh thận dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x							x			QĐ 630/2016
2	176.	Chọc hút dịch nang thận dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x								x			QĐ 630/2016
2	177.	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	x	x	x								x		QĐ 12/2014
2	178.	Chụp bàng quang chẩn đoán trào ngược bàng quang niệu quản	x	x											QĐ 12/2014
2	180.	Dẫn lưu dịch quanh thận dưới siêu âm	x	x								x			QĐ 630/2016
2	182.	Dẫn lưu bể thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x								x			QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
2	183.	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh để lọc máu cấp cứu	x	x								x			QĐ 12/2014
2	184.	Đặt catheter hai nòng có cuff, tạo đường hầm để lọc máu	x	x								x			QĐ 12/2014
2	185.	Đặt catheter hai nòng tĩnh mạch cảnh trong để lọc máu	x	x									x		QĐ 12/2014
2	186.	Đặt catheter hai nòng tĩnh mạch dưới đòn để lọc máu	x	x									x		QĐ 12/2014
2	187.	Đặt catheter một nòng hoặc hai nòng tĩnh mạch đùi để lọc máu	x	x									x		QĐ 12/2014
2	188.	Đặt sonde bàng quang	x	x	x									x	QĐ 12/2014
2	191.	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh để lọc máu cấp cứu	x	x									x		QĐ 12/2014
2	195.	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	x	x										QĐ 12/2014
2	201.	Kỹ thuật tạo đường hầm trên cầu nối (AVF) để sử dụng kim đầu tù trong lọc máu (Kỹ thuật Button hole)	x	x									x		QĐ 12/2014
2	202.	Lấy sỏi niệu quản qua nội soi	x	x							x				QĐ 630/2016
2	209.	Lọc máu bằng kỹ thuật thẩm tách siêu lọc dịch bù trực tiếp từ dịch lọc (Hemodiafiltration Online: HDF-Online) (Hoặc: Thẩm tách siêu lọc máu (HDF-Online))	x	x								x			QĐ 12/2014
2	211.	Nong niệu đạo và đặt sonde đái	x	x									x		QĐ 12/2014
2	212.	Nội soi bàng quang chẩn đoán (Nội soi bàng quang không sinh thiết)	x	x								x			QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
2	216.	Nội soi bàng quang gắp dị vật bàng quang	x	x								x			QĐ 12/2014
2	218.	Nội soi bơm rửa bàng quang, lấy máu cục	x	x								x			QĐ 630/2016
2	221.	Nội soi bàng quang	x	x								x			QĐ 12/2014
2	222.	Nội soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi	x	x								x			QĐ 12/2014
2	223.	Nối thông động- tĩnh mạch	x	x								x			QĐ 12/2014
2	224.	Nối thông động- tĩnh mạch có dịch chuyển mạch	x	x								x			QĐ 12/2014
2	227.	Rút sonde dẫn lưu bể thận qua da	x	x											QĐ 630/2016
2	228.	Rút sonde dẫn lưu tụ dịch- máu quanh thận	x	x											QĐ 12/2014
2	231.	Rút catheter đường hầm	x	x											QĐ 12/2014
2	232.	Rửa bàng quang lấy máu cục	x	x	x								x		QĐ 12/2014
2	233.	Rửa bàng quang	x	x	x									x	QĐ 12/2014
2	234.	Siêu lọc máu chậm liên tục (SCUF)	x	x							x				QĐ 12/2014
2	235.	Siêu lọc máu liên tục cấp cứu (SCUF) cho người bệnh quá tải thể tích.	x	x							x				QĐ 12/2014
2	241.	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hỗng tràng (một lần)	x	x	x	x									QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
2	242.	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm	x	x	x									x	QĐ 12/2014
2	243.	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị	x	x	x									x	QĐ 12/2014
2	244.	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
2	245.	Đặt ống thông tá tràng dưới hướng dẫn C-ARM	x	x								x			QĐ 630/2016
2	246.	Đặt ống thông mũi mật	x	x							x				QĐ 630/2016
2	247.	Đặt ống thông hậu môn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
2	248.	Đặt dẫn lưu đường mật, đặt stent đường mật qua da dưới hướng dẫn của siêu âm C- ARM	x	x											QĐ 630/2016
2	252.	Mở thông dạ dày bằng nội soi	x	x							x				QĐ 630/2016
2	253.	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng cấp cứu	x	x	x							x			QĐ 630/2016
2	254.	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng có dùng thuốc tiền mê	x	x	x							x			QĐ 630/2016
2	255.	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng qua đường mũi	x	x	x							x			QĐ 630/2016
2	256.	Nội soi trực tràng ống mềm	x	x	x									x	QĐ 630/2016
2	257.	Nội soi trực tràng ống mềm cấp cứu	x	x	x									x	QĐ 630/2016
2	259.	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm không sinh thiết	x	x	x							x			QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
2	260.	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có dùng thuốc tiền mê	x	x								x			QĐ 630/2016
2	261.	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có dùng thuốc gây mê	x	x								x			QĐ 630/2016
2	262.	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có sinh thiết	x	x	x							x			QĐ 630/2016
2	264.	Nội soi can thiệp - tiêm xơ búi giãn tĩnh mạch thực quản	x	x								x			QĐ 1746/2017
2	265.	Nội soi can thiệp - thắt búi giãn tĩnh mạch thực quản bằng vòng cao su	x	x								x			QĐ 630/2016
2	266.	Nội soi can thiệp - Nong thực quản bằng bóng	x	x								x			QĐ 1746/2017
2	268.	Nội soi can thiệp - sinh thiết niêm mạc ống tiêu hóa	x	x	x							x			QĐ 630/2016
2	271.	Nội soi can thiệp - tiêm cầm máu	x	x								x			QĐ 630/2016
2	272.	Nội soi can thiệp - làm Clo test chẩn đoán nhiễm H.Pylori	x	x	x								x		QĐ 630/2016
2	273.	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - tiêm xơ búi trĩ	x	x	x								x		QĐ 1746/2017
2	283.	Nội soi mật tụy ngược dòng - (ERCP)	x	x							x				QĐ 630/2016
2	284.	Nội soi mật tụy ngược dòng can thiệp - cắt cơ oddi	x	x							x				QĐ 630/2016
2	285.	Nội soi can thiệp - kẹp Clip cầm màu	x	x							x				QĐ 630/2016
2	287.	Nội soi can thiệp - nhuộm màu chẩn đoán ung thư sớm	x	x	x							x			QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
2	290.	Nội soi can thiệp - gắp giun, dị vật ống tiêu hóa	x	x							x				QĐ 630/2016
2	292.	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - thắt trĩ bằng vòng cao su	x	x									x		QĐ 1746/2017
2	293.	Nội soi trực tràng toàn bộ có sinh thiết	x	x									x		QĐ 630/2016
2	294.	Nội soi đại trực tràng toàn bộ can thiệp cấp cứu	x	x								x			QĐ 1746/2017
2	295.	Nội soi can thiệp - cắt 1 polyp ống tiêu hóa < 1cm	x	x								x			QĐ 630/2016
2	296.	Nội soi can thiệp - cắt polyp ống tiêu hóa > 1cm hoặc nhiều polyp	x	x							x				QĐ 630/2016
2	297.	Nội soi hậu môn ống cứng	x	x	x									x	QĐ 1746/2017
2	300.	Nội soi đại trực tràng toàn bộ dải tần hẹp (NBI)	x	x									x		QĐ 630/2016
2	301.	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng độ phân giải cao (HDTV)	x	x								x			QĐ 1746/2017
2	302.	Nội soi đại trực tràng toàn bộ độ phân giải cao (HDTV)	x	x								x			QĐ 1746/2017
2	304.	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng có sinh thiết	x	x								x			QĐ 630/2016
2	305.	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng không sinh thiết	x	x									x		QĐ 630/2016
2	306.	Nội soi đại tràng sigma không sinh thiết	x	x	x								x		QĐ 630/2016
2	307.	Nội soi đại tràng sigma ổ có sinh thiết	x	x	x								x		QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
2	308.	Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết	x	x	x									x	QĐ 630/2016
2	309.	Nội soi trực tràng ống mềm có sinh thiết	x	x	x									x	QĐ 630/2016
2	311.	Nội soi trực tràng ống cứng có sinh thiết	x	x										x	QĐ 1746/2017
2	313.	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
2	314.	Siêu âm ổ bụng	x	x	x	x									QĐ 12/2014
2	315.	Siêu âm DOPPLER mạch máu khối u gan	x	x											QĐ 630/2016
2	316.	Siêu âm DOPPLER mạch máu hệ tĩnh mạch cửa hoặc mạch máu ổ bụng	x	x											QĐ 630/2016
2	317.	Siêu âm can thiệp - Đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe	x	x	x							x			QĐ 630/2016
2	318.	Siêu âm can thiệp - chọc hút nang gan	x	x								x			QĐ 630/2016
2	321.	Siêu âm can thiệp - Đặt dẫn lưu đường mật, đặt stent đường mật qua da	x	x											QĐ 1746/2017
2	322.	Siêu âm can thiệp - Chọc dịch ổ bụng xét nghiệm	x	x									x		QĐ 1746/2017
2	325.	Siêu âm can thiệp - chọc hút mủ ổ áp xe gan	x	x	x							x			QĐ 630/2016
2	326.	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe gan	x	x								x			QĐ 1746/2017
2	329.	Siêu âm can thiệp - chọc hút nang giả tụy	x	x								x			QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
2	330.	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu nang giả tụy	x	x								x			QĐ 1746/2017
2	334.	Siêu âm can thiệp - chọc hút ổ áp xe trong ổ bụng	x	x	x							x			QĐ 1746/2017
2	337.	Thụt thuốc qua đường hậu môn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
2	338.	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
2	339.	Thụt tháo phân	x	x	x	x								x	QĐ 139/2014
2	343.	Chọc hút tế bào phần mềm dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x									x		QĐ 12/2014
2	349.	Hút dịch khớp gối	x	x	x									x	QĐ 12/2014
2	350.	Hút dịch khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x									x		QĐ 12/2014
2	351.	Hút dịch khớp háng	x	x										x	QĐ 630/2016
2	352.	Hút dịch khớp háng dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x									x		QĐ 630/2016
2	353.	Hút dịch khớp khuỷu	x	x										x	QĐ 12/2014
2	354.	Hút dịch khớp khuỷu dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x									x		QĐ 12/2014
2	355.	Hút dịch khớp cổ chân	x	x										x	QĐ 12/2014
2	356.	Hút dịch khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x									x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
2	357.	Hút dịch khớp cổ tay	x	x										x	QĐ 12/2014
2	358.	Hút dịch khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x									x		QĐ 12/2014
2	359.	Hút dịch khớp vai	x	x										x	QĐ 12/2014
2	360.	Hút dịch khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x									x		QĐ 12/2014
2	361.	Hút nang bao hoạt dịch	x	x	x									x	QĐ 630/2016
2	362.	Hút nang bao hoạt dịch dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x									x		QĐ 630/2016
2	363.	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm	x	x	x									x	QĐ 12/2014
2	364.	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x									x		QĐ 12/2014
2	365.	Nội soi khớp gối chẩn đoán (có sinh thiết)	x	x								x			QĐ 1746/2017
2	366.	Nội soi khớp gối điều trị rửa khớp	x	x								x			QĐ 1746/2017
2	367.	Nội soi khớp gối điều trị bào khớp	x	x								x			QĐ 1746/2017
2	368.	Nội soi khớp gối điều trị nội soi kết hợp mở tối thiểu ổ khớp lấy dị vật	x	x								x			QĐ 1746/2017
2	373.	Siêu âm khớp (một vị trí)	x	x											QĐ 630/2016
2	374.	Siêu âm phần mềm (một vị trí)	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
2	377.	Sinh thiết phần mềm bằng kim bắn dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x									x		QĐ 1746/2017
2	381.	Tiêm khớp gối	x	x										x	QĐ 12/2014
2	382.	Tiêm khớp háng	x	x										x	QĐ 12/2014
2	383.	Tiêm khớp cổ chân	x	x										x	QĐ 12/2014
2	384.	Tiêm khớp bàn ngón chân	x	x										x	QĐ 12/2014
2	385.	Tiêm khớp cổ tay	x	x										x	QĐ 12/2014
2	386.	Tiêm khớp bàn ngón tay	x	x										x	QĐ 12/2014
2	387.	Tiêm khớp đốt ngón tay	x	x										x	QĐ 12/2014
2	388.	Tiêm khớp khuỷu tay	x	x										x	QĐ 12/2014
2	389.	Tiêm khớp vai	x	x										x	QĐ 12/2014
2	390.	Tiêm khớp ức đòn	x	x										x	QĐ 630/2016
2	392.	Tiêm khớp đòn- cùng vai	x	x										x	QĐ 12/2014
2	396.	Tiêm điểm bám gân mỏm trâm quay (mỏm trâm trụ)	x	x										x	QĐ 12/2014
2	397.	Tiêm điểm bám gân lồi cầu trong (lồi cầu ngoài) xương cánh tay	x	x										x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
2	398.	Tiêm điểm bám gân quanh khớp gối	x	x										x	QĐ 12/2014
2	400.	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay	x	x										x	QĐ 12/2014
2	401.	Tiêm gân gấp ngón tay	x	x										x	QĐ 12/2014
2	402.	Tiêm gân nhị đầu khớp vai	x	x										x	QĐ 12/2014
2	403.	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai)	x	x										x	QĐ 12/2014
2	404.	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai	x	x										x	QĐ 12/2014
2	405.	Tiêm điểm bám gân mỏm trâm quay (trâm trụ)	x	x										x	QĐ 12/2014
2	406.	Tiêm gân gót	x	x										x	QĐ 12/2014
2	407.	Tiêm cân gan chân	x	x										x	QĐ 12/2014
2	411.	Tiêm khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x									x		QĐ 12/2014
2	412.	Tiêm khớp háng dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x									x		QĐ 12/2014
2	413.	Tiêm khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x									x		QĐ 12/2014
2	414.	Tiêm khớp bàn ngón chân dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x									x		QĐ 12/2014
2	415.	Tiêm khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x									x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
2	416.	Tiêm khớp bàn ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x									x		QĐ 12/2014
2	417.	Tiêm khớp đốt ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x									x		QĐ 12/2014
2	418.	Tiêm khớp khuỷu tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x									x		QĐ 12/2014
2	419.	Tiêm khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x									x		QĐ 12/2014
2	420.	Tiêm khớp ức đòn dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x									x		QĐ 12/2014
2	421.	Tiêm khớp ức – sườn dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x									x		QĐ 12/2014
2	422.	Tiêm khớp đòn- cùng vai dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x									x		QĐ 12/2014
2	425.	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x									x		QĐ 12/2014
2	426.	Tiêm gân gấp ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x									x		QĐ 12/2014
2	427.	Tiêm gân nhị đầu khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x									x		QĐ 12/2014
2	428.	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai) dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x									x		QĐ 12/2014
2	429.	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x									x		QĐ 12/2014
3	11.	Thận nhân tạo (ở người đã có mở thông động tĩnh mạch)	x	x								x			QĐ 139/2014
3	18.	Dẫn lưu dịch màng ngoài tim cấp cứu	x	x								x			QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	19.	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục 24 giờ	x	x										x	QĐ 12/2014
3	20.	Đo độ bão hoà oxy trung tâm cấp cứu	x	x											QĐ 12/2014
3	21.	Đo độ bão hoà oxy trong tĩnh mạch cảnh	x	x											QĐ 12/2014
3	23.	Kích thích tim tạm thời với điện cực ngoài lồng ngực	x	x								x			QĐ 630/2016
3	24.	Sốc điện phá rung nhĩ, cơn tim đập nhanh	x	x								x			QĐ 139/2014
3	25.	Tạo nhịp tim cấp cứu với điện cực ngoài	x	x								x			QĐ 630/2016
3	27.	Xử trí và theo dõi loạn nhịp tim cấp cứu	x	x							x				QĐ 12/2014
3	28.	Đặt catheter tĩnh mạch	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	29.	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	x	x	x								x		QĐ 139/2014
3	30.	Đặt ống thông tĩnh mạch trung tâm	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	31.	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	33.	Đặt catheter động mạch	x	x	x							x			QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	34.	Đặt catheter tĩnh mạch rốn ở trẻ sơ sinh	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	35.	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	36.	Đo áp lực động mạch liên tục	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	37.	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	38.	Chọc hút dịch màng ngoài tim dưới siêu âm	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	39.	Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu	x	x								x			QĐ 12/2014
3	40.	Dẫn lưu dịch, máu màng ngoài tim	x	x								x			QĐ 630/2016
3	41.	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	x	x	x							x			QĐ 630/2016
3	42.	Mở màng ngoài tim cấp cứu	x	x							x				QĐ 630/2016
3	43.	Siêu âm Doppler mạch máu cấp cứu	x	x	x							x			QĐ 1746/2017
3	44.	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	45.	Hạ huyết áp chỉ huy	x	x	x							x			QĐ 630/2016
3	46.	Theo dõi huyết áp liên tục tại giường	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	47.	Theo dõi điện tim liên tục tại giường	x	x	x									x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	48.	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	49.	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	50.	Chăm sóc catheter động mạch	x	x										x	QĐ 12/2014
3	51.	Ép tim ngoài lồng ngực	x	x	x	x						x			QĐ 139/2014
3	55. B	Bơm surfactant trong điều trị suy hô hấp sơ sinh	x	x							x				QĐ 12/2014
3	58.	Thở máy bằng xâm nhập	x	x								x			QĐ 630/2016
3	60.	Dẫn lưu trung thất	x	x							x				QĐ 630/2016
3	61.	Chọc hút dịch, khí trung thất	x	x							x				QĐ 630/2016
3	66.	Bơm rửa phế quản không bàn chải	x	x								x			QĐ 630/2016
3	68.	Siêu âm với đầu dò thực quản cấp cứu	x	x									x		QĐ 630/2016
3	69.	Siêu âm màng ngoài tim cấp cứu	x	x										x	QĐ 12/2014
3	70.	Siêu âm màng phổi	x	x								x			QĐ 12/2014
3	75.	Cai máy thở	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	76.	Hút đờm khí phế quản ở người bệnh sau đặt nội khí quản, mở khí quản, thở máy.	x	x	x								x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	77.	Đặt ống nội khí quản	x	x	x							x			QĐ 139/2014
3	78.	Mở khí quản	x	x	x				x						QĐ 139/2014
3	79.	Chọc hút/dẫn lưu dịch màng phổi	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	80.	Chọc hút/dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	81.	Bơm rửa màng phổi	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	82.	Thở máy không xâm nhập (thở CPAP, Thở BIPAP)	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	83.	Hỗ trợ hô hấp xâm nhập qua nội khí quản	x	x	x							x			QĐ 630/2016
3	84.	Chọc thăm dò màng phổi	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	85.	Mở màng phổi tối thiểu	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	86.	Dẫn lưu màng phổi liên tục	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	87.	Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2) liên tục tại giường	x	x	x										QĐ 12/2014
3	88.	Thăm dò chức năng hô hấp	x	x	x								x		QĐ 216/2020
3	89.	Khí dung thuốc cấp cứu	x	x	x										QĐ 12/2014
3	90.	Khí dung thuốc thở máy	x	x	x								x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	91.	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter một lần	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	92.	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter kín	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	93.	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	95.	Mở khí quản một thì cấp cứu ngạt thở	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	96.	Mở khí quản qua da cấp cứu	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	98.	Chọc hút dịch khí phế quản qua màng nhẫn giáp	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	99.	Đặt nội khí quản 2 nòng	x	x	~~x~~						x				QĐ 630/2016
3	100.	Rút catheter khí quản	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	101.	Thay canuyn mở khí quản	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	102.	Chăm sóc lỗ mở khí quản	x	x	x										QĐ 12/2014
3	103.	Làm ẩm đường thở qua máy phun sương mù	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	104.	Mở màng giáp nhẫn cấp cứu	x	x	x	x						x			QĐ 139/2014
3	105.	Thổi ngạt	x	x	x	x							x		QĐ 139/2014
3	106.	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x							x		QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	107.	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)	x	x	x	x						x			QĐ 139/2014
3	108.	Thở oxy gọng kính	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	109.	Thở oxy lưu lượng cao qua mặt nạ không túi	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	110.	Thở oxy qua mặt nạ có túi	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	111.	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	112.	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	113.	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	x	x	x	x					x				QĐ 12/2014
3	114.	Lọc máu liên tục (CRRT)	x	x							x				QĐ 12/2014
3	117.	Đặt catheter lọc máu cấp cứu	x	x									x		QĐ 12/2014
3	121.	Siêu lọc máu tái hấp phụ phân tử (gan nhân tạo) (MARS)	x	x							x				QĐ 12/2014
3	122.	Chọc thăm dò bể thận dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x								x			QĐ 630/2016
3	123.	Dẫn lưu bể thận qua da cấp cứu	x	x								x			QĐ 630/2016
3	124.	Dẫn lưu bể thận ngược dòng cấp cứu bằng nội soi	x	x								x			QĐ 630/2016
3	125.	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	x	x	x								x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	126.	Thận nhân tạo cấp cứu liên tục	x	x	x							x			QĐ 630/2016
3	127.	Thận nhân tạo thường quy chu kỳ	x	x									x		QĐ 630/2016
3	128.	Bài niệu cưỡng bức	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	129.	Mở thông bàng quang trên xương mu	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	130.	Vận động trị liệu bàng quang	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	131.	Rửa bàng quang lấy máu cục	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	132.	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	x	x	x									x	QĐ 139/2014
3	133.	Thông tiểu	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	134.	Hồi sức chống sốc	x	x	x	x						x			QĐ 12/2014
3	137.	Xử trí tăng áp lực nội sọ	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	138.	Điện não đồ thường quy	x	x											QĐ 630/2016
3	140.	Điện não đồ monitoring (theo dõi liên tục 24h)	x	x											QĐ 630/2016
3	146.	Chọc dò tuỷ sống trẻ sơ sinh	x	x								x			QĐ 12/2014
3	148.	Chọc dịch tuỷ sống	x	x	x								x		QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	150.	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	152.	Soi đáy mắt cấp cứu	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	153.	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hoá (dạ dày, tiểu tràng, đại tràng)	x	x								x			QĐ 12/2014
3	154.	Mở thông dạ dày bằng nội soi	x	x								x			QĐ 630/2016
3	155.	Nội soi dạ dày cầm máu	x	x								x			QĐ 12/2014
3	157.	Cầm máu thực quản qua nội soi	x	x								x			QĐ 630/2016
3	158.	Soi đại tràng chẩn đoán bằng ống soi mềm	x	x									x		QĐ 1746/2017
3	159.	Soi dạ dày thực quản chẩn đoán và cầm máu	x	x								x			QĐ 139/2014
3	160.	Soi đại tràng cầm máu	x	x								x			QĐ 1746/2017
3	161.	Soi đại tràng sinh thiết	x	x								x			QĐ 1746/2017
3	162.	Nội soi trực tràng cấp cứu	x	x										x	QĐ 630/2016
3	163.	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	164.	Dẫn lưu ổ bụng cấp cứu	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	165.	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	x	x	x								x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	166.	Rửa màng bụng cấp cứu	x	x								x			QĐ 630/2016
3	167.	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x									x	QĐ 139/2014
3	168.	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	169.	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	171.	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	172.	Cho ăn qua ống thông dạ dày	x	x	x									x	QĐ 139/2014
3	174.	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường tĩnh mạch trung tâm	x	x											QĐ 12/2014
3	175.	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày	x	x	x									x	QĐ 630/2016
3	177.	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy, truyền thức ăn qua thực quản, dạ dày	x	x										x	QĐ 12/2014
3	178.	Đặt sonde hậu môn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	179.	Thụt tháo phân	x	x	x	x								x	QĐ 139/2014
3	180.	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	181.	Nuôi dưỡng người bệnh qua Catheter thực quản dạ dày băng bơm tay	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	183.	Kiểm soát tăng đường huyết chỉ huy	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	185.	Nâng thân nhiệt chủ động	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	186.	Chiếu đèn điều trị vàng da sơ sinh	x	x								x			QĐ 12/2014
3	187.	Kiểm soát đau trong cấp cứu	x	x	x										QĐ 630/2016
3	188.	Siêu âm đen trắng tại giường bệnh	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3		Siêu âm màu tại giuòng													QĐ 12/2014
3	189.	Chụp X quang cấp cứu tại giường	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	190.	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm khí máu	x	x	x										QĐ 12/2014
3	191.	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường	x	x	x										QĐ 12/2014
3	192.	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	193.	Truyền máu và các chế phẩm máu	x	x	x										QĐ 12/2014
3	194.	Tắm cho người bệnh tại giường	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	195.	Tắm tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	x						x			QĐ 630/2016
3	196.	Gội đầu cho người bệnh tại giường	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	197.	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	198.	Vệ sinh răng miệng đặc biệt	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	199.	Xoa bóp phòng chống loét	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	200.	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	201.	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x	x	x	x								x	QĐ 139/2014
3	202.	Băng bó vết thương	x	x	x	x									QĐ 139/2014
3	203.	Cầm máu (vết thương chảy máu)	x	x	x	x									QĐ 139/2014
3	204.	Vận chuyển người bệnh an toàn	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	205.	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
3	206.	Định nhóm máu tại giường	x	x	x	~~x~~									QĐ 12/2014
3	207.	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	208.	Lấy máu tĩnh mạch bẹn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	209.	Truyền dịch vào tủy xương	x	x	x										QĐ 12/2014
3	210.	Tiêm truyền thuốc	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	213.	Làm test nhanh chẩn đoán ngộ độc cấp	x	x	x										QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	215.	Đo các chất khí trong máu	x	x	x										QĐ 12/2014
3	216.	Đo lactat trong máu	x	x	x										QĐ 12/2014
3	238.	Trắc nghiệm tâm lý Zung	x	x	x										QĐ 630/2016
3	242.	Liệu pháp thư giãn luyện tập	x	x	x										QĐ 630/2016
3	243.	Liệu pháp âm nhạc	x	x											QĐ 630/2016
3	257.	Xử trí người bệnh kích động	x	x	x										QĐ 630/2016
3	259.	Xử trí người bệnh không ăn	x	x	x										QĐ 630/2016
3	260.	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần	x	x	x										QĐ 630/2016
3	261.	Liệu pháp tâm lý nhóm	x	x	x										QĐ 630/2016
3	262.	Liệu pháp tâm lý gia đình	x	x	x										QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	263.	Liệu pháp tái thích ứng xã hội	x	x	x										QĐ 630/2016
3	264.	Tư vấn tâm lí cho người bệnh và gia đình	x	x	x										QĐ 630/2016
3	266.	Liệu pháp giải thích hợp lý	x	x	x										QĐ 630/2016
3	268.	Cấp cứu người bệnh tự sát	x	x	x	x									QĐ 630/2016
3	269.	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần	x	x	x	x									QĐ 630/2016
3	270.	Test nhanh phát hiện chất opiats trong nước tiểu	x	x	x	x									QĐ 630/2016
3	274.	Kéo nắn cột sống cổ	x	x									x		QĐ 12/2014
3	275.	Kéo nắn cột sống thắt lưng	x	x									x		QĐ 12/2014
3	284.	Sắc thuốc thang	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	288.	Chườm ngải	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	289.	Hào châm	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
3	290.	Nhĩ châm	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
3	291.	Ôn châm	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	292.	Chích lể	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
3	293.	Luyện tập dưỡng sinh	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
3	351.	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	352.	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	353.	Điện nhĩ châm điều trị đau thần kinh tọa	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	354.	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	355.	Điện nhĩ châm điều trị bại não	x	x	x								x		QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	356.	Điện nhĩ châm điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	357.	Điện nhĩ châm điều trị bệnh tự kỷ	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	358.	Điện nhĩ châm điều trị chứng ù tai	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	359.	Điện nhĩ châm điều trị giảm khứu giác	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	360.	Điện nhĩ châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	364.	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	366.	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	367.	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	368.	Điện nhĩ châm điều trị thiếu máu não mạn tính	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	369.	Điện nhĩ châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x								x		QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	370.	Điện nhĩ châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	371.	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây thần kinhVII ngoại biên	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	372.	Điện nhĩ châm điều trị chắp lẹo	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	373.	Điện nhĩ châm điều trị sụp mi	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	374.	Điện nhĩ châm điều trị bệnh hố mắt	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	376.	Điện nhĩ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	377.	Điện nhĩ châm điều trị lác	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	378.	Điện nhĩ châm điều trị giảm thị lực	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	379.	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	380.	Điện nhĩ châm điều trị giảm thính lực	x	x	x								x		QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	381.	Điện nhĩ châm điều trị thất ngôn	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	382.	Điện nhĩ châm điều trị viêm xoang	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	383.	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi dị ứng	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	384.	Điện nhĩ châm điều trị hen phế quản	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	385.	Điện nhĩ châm điều trị tăng huyết áp	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	386.	Điện nhĩ châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	387.	Điện nhĩ châm điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	388.	Điện nhĩ châm điều trị đau ngực, sườn	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	393.	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	394.	Điện nhĩ châm điều trị đau mỏi cơ	x	x	x								x		QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	395.	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	396.	Điện nhĩ châm điều trị đái dầm	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	397.	Điện nhĩ châm điều trị bí đái	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	398.	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	399.	Điện nhĩ châm điều trị béo phì	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	461.	Điện châm điều trị di chứng bại liệt	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	462.	Điện châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	463.	Điện châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	464.	Điện châm điều trị liệt nửa người	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	465.	Điện châm điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	466.	Điện châm điều trị teo cơ	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	467.	Điện châm điều trị đau thần kinh toạ	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	468.	Điện châm điều trị bại não	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	470.	Điện châm điều trị chứng ù tai	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	471.	Điện châm điều trị giảm khứu giác	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	472.	Điện châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	473.	Điện châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	474.	Điện châm cai thuốc lá	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	475.	Điện châm điều trị hỗ trợ cai nghiện ma tuý	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	476.	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	477.	Điện châm điều trị động kinh cục bộ	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	478.	Điện châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	479.	Điện châm điều trị mất ngủ	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	480.	Điện châm điều trị stress	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	481.	Điện châm điều trị thiếu máu não mạn tính	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	482.	Điện châm điều trị tổn thương gây liệt rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	483.	Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	484.	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	485.	Điện châm điều trị chắp lẹo	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	486.	Điện châm điều trị sụp mi	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	489.	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	490.	Điện châm điều trị lác	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	491.	Điện châm điều trị giảm thị lực	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	492.	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	493.	Điện châm điều trị giảm thính lực	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	494.	Điện châm điều trị thất ngôn	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	495.	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	496.	Điện châm điều trị viêm co cứng cơ delta	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	497.	Điện châm điều trị nôn nấc	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	498.	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	501.	Điện châm điều rối loạn trị đại, tiểu tiện	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	502.	Điện châm điều trị táo bón	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	503.	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hoá	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	504.	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	505.	Điện châm điều trị đái dầm	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	506.	Điện châm điều trị bí đái	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	507.	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	512.	Điện châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	513.	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	514.	Điện châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	516.	Điện châm điều trị đau răng	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	517.	Điện châm điều trị giảm đau do Zona	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	518.	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	519.	Điện châm điều trị hen phế quản	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	520.	Điện châm điều trị tăng huyết áp	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	521.	Điện châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	522.	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	523.	Điện châm điều trị đau ngực sườn	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	524.	Điện châm điều trị viêm đa dây thần kinh	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	525.	Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	526.	Điện châm điều trị thoái hoá khớp	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	527.	Điện châm điều trị đau lưng	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	528.	Điện châm điều trị đau mỏi cơ	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	529.	Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	530.	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	532.	Thuỷ châm điều trị liệt	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	533.	Thuỷ châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	534.	Thuỷ châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	535.	Thuỷ châm điều trị liệt nửa người	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	536.	Thuỷ châm điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	537.	Thuỷ châm điều trị teo cơ	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	538.	Thuỷ châm điều trị đau thần kinh toạ	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	539.	Thuỷ châm điều trị bại não	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	547.	Thuỷ châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	549.	Thuỷ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	550.	Thuỷ châm điều trị mất ngủ	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	551.	Thuỷ châm điều trị stress	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	552.	Thuỷ châm điều trị thiếu máu não mạn tính	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	553.	Thuỷ châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	554.	Thuỷ châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	555.	Thuỷ châm điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	556.	Thuỷ châm điều trị sụp mi	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	560.	Thuỷ châm điều trị giảm thị lực	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	561.	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	562.	Thuỷ châm điều trị giảm thính lực	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	563.	Thuỷ châm điều trị thất ngôn	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	566.	Thuỷ châm điều trị hen phế quản	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	567.	Thuỷ châm điều trị tăng huyết áp	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	568.	Thuỷ châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	570.	Thuỷ châm điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	571.	Thuỷ châm điều trị đau ngực, sườn	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	572.	Thuỷ châm điều trị trĩ	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	574.	Thuỷ châm điều trị đau dạ dày	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	575.	Thuỷ châm điều trị nôn, nấc	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	578.	Thuỷ châm điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	579.	Thuỷ châm điều trị thoái hoá khớp	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	580.	Thuỷ châm điều trị đau lưng	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	581.	Thuỷ châm điều trị đau mỏi cơ	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	582.	Thuỷ châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	583.	Thuỷ châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	585.	Thuỷ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	586.	Thuỷ châm điều trị viêm co cứng cơ delta	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	594.	Thuỷ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	597.	Thuỷ châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	598.	Thuỷ châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	601.	Thuỷ châm điều trị đau răng	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	602.	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	603.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	604.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	605.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	606.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	607.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh toạ	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	608.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	609.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bại não trẻ em	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	610.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	611.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	612.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng ngất	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	616.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	617.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt các dây thần kinh	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	618.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị teo cơ	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	621.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	622.	Xoa búp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	624.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	625.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	626.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị stress	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	627.	Xoa búp bấm huyệt điều trị thiếu máu não mạn tính	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	628.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	629.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	630.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	631.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	635.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	636.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	637.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	638.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	639.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tăng huyết áp	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	640.	Xoa búp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	641.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau vùng ngực	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	642.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	643.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau ngực, sườn	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	645.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	646.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	647.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thoái hoá khớp	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	648.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	649.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau mỏi cơ	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	650.	Xoa búp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	651.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	654.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	655.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm co cứng cơ delta	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	656.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	657.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	658.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hoá	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	659.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	660.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	661.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	663.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	664.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	665.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	666.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	667.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau răng	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	668.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	670.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hysteria	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	671.	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	672.	Cứu điều trị đau thần kinh toạ thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	673.	Cứu điều trị đau bụng ỉa chảy thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	674.	Cứu điều trị liệt thần kinh VII ngoại biên thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	675.	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	676.	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	677.	Cứu điều trị liệt thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	678.	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	679.	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	680.	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	681.	Cứu điều trị liệt do bệnh của cơ thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	682.	Cứu điều trị bại não thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	684.	Cứu điều trị ù tai thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	685.	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	686.	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	688.	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	689.	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	690.	Cứu điều trị nôn nấc thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	691.	Cứu điều trị rối loạn đại tiểu tiện thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	692.	Cứu điều trị rối loạn tiêu hoá thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	693.	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	694.	Cứu điều trị bí đái thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	695.	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	696.	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	708.	Siêu âm điều trị	x	x										x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	710.	Điều trị bằng đắp paraphin	x	x										x	QĐ 12/2014
3	714.	Kéo cột sống bằng máy	x	x										x	QĐ 12/2014
3	718.	Tập vận độngPHCN sau bỏng	x	x										x	QĐ 12/2014
3	720.	Tập vận động trên người bệnh đang điều trị bỏng để dự phòng cứng khớp và co kéo chi thể	x	x										x	QĐ 12/2014
3	721.	Tập vận động để phục hồi khả năng vận động của chi thể sau bỏng	x	x										x	QĐ 12/2014
3	726.	Điều trị sẹo bỏng bằng siêu âm kết hợp với thuốc	x	x										x	QĐ 12/2014
3	730.	Vật lý trị liệu sau phẫu thuật bàn tay	x	x										x	QĐ 12/2014
3	731.	Vật lý trị liệu sau mổ vi phẫu nối thần kinh ngoại biên và mô mềm	x	x										x	QĐ 12/2014
3	732.	Vật lý trị liệu sau mổ nội soi rách nhóm cơ chỏm xoay	x	x										x	QĐ 12/2014
3	733.	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh sau chiếu xạ	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	736.	Vật lý trị liệu- PHCN người bệnh thay khớp gối hoàn toàn	x	x											QĐ 12/2014
3	737.	Vật lý trị liệu-PHCN người bệnh thay khớp hông toàn phần	x	x											QĐ 12/2014
3	738.	Đánh giá chung về sự phát triển của trẻ - ASQ	x	x											QĐ 12/2014
3	739.	Đánh giá kỹ năng ngôn ngữ-giao tiếp	x	x											QĐ 12/2014
3	740.	Đánh giá kỹ năng vận động tinh-sinh hoạt hàng ngày	x	x											QĐ 12/2014
3	741.	Đánh giá trẻ tự kỷ DSM-IV	x	x											QĐ 12/2014
3	742.	Đánh giá trẻ tự kỷ CARS	x	x											QĐ 12/2014
3	743.	Xoa bóp bằng máy	x	x											QĐ 12/2014
3	744.	Kéo giãn cột sống cổ bằng máy	x	x										x	QĐ 12/2014
3	745.	Kéo giãn cột sống thắt lưng bằng máy	x	x										x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	747.	Kỹ năng giao tiếp sớm	x	x											QĐ 12/2014
3	748.	Kỹ năng hiểu và diễn tả bằng ngôn ngữ nói	x	x											QĐ 12/2014
3	749.	Sửa lỗi phát âm	x	x											QĐ 12/2014
3	750.	Kỹ năng vận động môi miệng chuẩn bị cho nói	x	x											QĐ 12/2014
3	751.	Kỹ năng hoà nhập xã hội	x	x											QĐ 12/2014
3	752.	Kỹ năng tiền học đường	x	x											QĐ 12/2014
3	753.	Ngôn ngữ trị liệu cả ngày	x	x										x	QĐ 12/2014
3	754.	Ngôn ngữ trị liệu nửa ngày	x	x										x	QĐ 12/2014
3	755.	Ngôn ngữ trị liệu theo nhóm 30 phút	x	x										x	QĐ 12/2014
3	756.	Kỹ năng vận động tinh của bàn tay	x	x										x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	757.	Kỹ năng sinh hoạt hàng ngày (ăn/uống/vệ sinh/thay quần áo…)	x	x										x	QĐ 12/2014
3	758.	Kỹ năng kiểm soát hàm và nhai nuốt	x	x											QĐ 12/2014
3	759.	Kỹ năng phối hợp tay - mắt	x	x											QĐ 12/2014
3	760.	Kỹ năng kiểm soát tư thế	x	x										x	QĐ 12/2014
3	761.	Kỹ năng phối hợp các bộ phận cơ thể	x	x											QĐ 12/2014
3	762.	Kỹ năng điều hoà cảm giác	x	x										x	QĐ 12/2014
3	763.	Kỹ năng sử dụng xe lăn	x	x											QĐ 12/2014
3	764.	Hoạt động trị liệu cả ngày	x	x											QĐ 12/2014
3	765.	Hoạt động trị liệu nửa ngày	x	x											QĐ 12/2014
3	766.	Hoạt động trị liệu theo nhóm 30 phút	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	767.	Thuỷ trị liệu	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	768.	Thuỷ trị liệu có thuốc	x	x	x										QĐ 12/2014
3	769.	Hoạt động trị liệu	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	770.	Ngôn ngữ trị liệu	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	771.	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	772.	Điều trị bằng điện phân thuốc	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	773.	Điều trị bằng các dòng điện xung	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	774.	Điều trị bằng tia hồng ngoại	x	x	x										QĐ 12/2014
3	778.	Dẫn lưu tư thế	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	779.	Kỹ thuật di động khớp – trượt khớp	x	x	x									x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	780.	Kỹ thuật kéo giãn	x	x	x										QĐ 12/2014
3	781.	Đánh giá nguy cơ loét chân ở người bệnh đái tháo đường	x	x	x										QĐ 12/2014
3	782.	Thông tiểu ngắt quãng trong PHCN tổn thương tuỷ sống	x	x	x										QĐ 12/2014
3	784.	Điều trị sẹo bỏng bằng quần áo áp lực kết hợp với thuốc làm mềm sẹo	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	785.	Vật lý trị liệu cho người bệnh đái tháo đường	x	x	x										QĐ 12/2014
3	786.	Vật lý trị liệu trong tổn thương đám rối thần kinh cánh tay ở trẻ sơ sinh do tai biến sản khoa	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	787.	Vật lý trị liệu cho viêm khớp thái dương – hàm	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	788.	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị viêm não.	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	789.	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị vẹo cổ	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	790.	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị dị tật bàn chân khoèo bẩm sinh	x	x	x									x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	791.	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị vẹo cột sống	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	792.	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị bại não thể nhẽo	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	793.	Khám-đánh giá người bệnh PHCN xây dựng mục tiêu và phương pháp PHCN	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	794.	Tư vấn tâm lý cho người bệnh PHCN	x	x	x										QĐ 12/2014
3	795.	Vật lý trị liệu -PHCN cho trẻ bị chậm phát triển trí tuệ	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	796.	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh cứng khớp	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	797.	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị bại não thể co cứng	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	798.	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị bại não múa vờn	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	799.	Vật lý trị liệu-PHCN người bệnh sau mổ thoát vị đĩa đệm cột sống cổ và cột sống thắt lưng	x	x	x										QĐ 12/2014
3	800.	Đánh giá kỹ năng Vận động thô	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	801.	Đánh giá trẻ Bại não	x	x	x										QĐ 12/2014
3	802.	Đánh giá trẻ Chậm PT trí tuệ	x	x	x										QĐ 12/2014
3	803.	Vật lý trị liệu hô hấp tại khoa PHCN	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	806.	Tập dưỡng sinh	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	807.	Xoa bóp cục bộ bằng tay (60 phút)	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	808.	Xoa bóp toàn thân bằng tay (60 phút)	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	809.	Chườm lạnh	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	810.	Chườm ngải cứu	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	811.	Tập vận động có trợ giúp	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	812.	Vỗ rung lồng ngực	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	813.	Xoa bóp	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	814.	Tập ho	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	815.	Tập thở	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	816.	Hướng dẫn người bệnh ra vào xe lăn tay	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	817.	Sử dụng khung, nạng, gậy trong tập đi	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	818.	Sử dụng xe lăn	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	819.	Kỹ thuật thay đổi tư thế lăn trở khi nằm	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	820.	Tập vận động chủ động	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	821.	Tập vận động có kháng trở	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	822.	Tập vận động thụ động	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	823.	Đo tầm vận động khớp	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	824.	Đắp nóng	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	825.	Thử cơ bằng tay	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	826.	Điều trị sẹo bỏng bằng băng thun áp lực kết hợp với thuốc làm mềm sẹo	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	827.	Điều trị sẹo bỏng bằng day sẹo- massage sẹo với các thuốc làm mềm sẹo	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	828.	Vật lý trị liệu phòng ngừa các biến chứng do bất động	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	829.	Vật lý trị liệu điều trị các chứng đau cho sản phụ trong lúc mang thai và sau khi sinh	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	830.	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh bại liệt	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	831.	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh quay	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	832.	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh giữa	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	833.	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh trụ	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	834.	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang tay giả	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	835.	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương dây chằng chéo trước khớp gối	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	836.	Vật lý trị liệu - PHCN người bệnh tổn thương sụn chêm khớp gối	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	837.	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh sau chấn thương khớp gối	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	838.	Vật lý trị liệu -PHCN viêm quanh khớp vai	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	839.	Vật lý trị liệu -PHCN trật khớp vai	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	840.	Vật lý trị liệu -PHCN gãy xương đòn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	841.	Vật lý trị liệu trong viêm cột sống dính khớp	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	842.	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật chi dưới	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	843.	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật chi trên	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	844.	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật ổ bụng	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	845.	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật lồng ngực	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	846.	Phục hồi chức năng vận động người bệnh tai biến mạch máu não	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	847.	Phục hồi chức năng và phòng ngừa tàn tật do bệnh phong	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	848.	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh gẫy thân xương đùi	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	849.	Vật lý trị liệu -PHCN gẫy cổ xương đùi	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	850.	Vật lý trị liệu -PHCN gẫy trên lồi cầu xương cánh tay	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	851.	Vật lý trị liệu -PHCN gẫy hai xương cẳng tay	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	852.	Vật lý trị liệu -PHCN gẫy đầu dưới xương quay	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	853.	Vật lý trị liệu -PHCN gẫy hai xương cẳng chân	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	854.	Vật lý trị liệu -PHCN trong tổn thương thần kinh chày	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	855.	Vật lý trị liệu -PHCN tổn thương tuỷ sống	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	856.	Vật lý trị liệu -PHCN trong gẫy đầu dưới xương đùi	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	857.	Vật lý trị liệu -PHCN sau chấn thương xương chậu	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	858.	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang chi giả trên gối	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	859.	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang chi giả dưới gối	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	860.	Vật lý trị liệu cho người bệnh áp xe phổi	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	861.	Phòng ngừa và xử trí loét do đè ép	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	862.	Phục hồi chức năng cho người bệnh động kinh	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	863.	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh chấn thương sọ não	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	864.	Vật lý trị liệu người bệnh lao phổi	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	865.	Vật lý trị liệu -PHCN trong vẹo cổ cấp	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	866.	Vật lý trị liệu trong suy tim	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	867.	Vật lý trị liệu trong bệnh tắc nghẽn phổi mãn tính	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	868.	Vật lý trị liệu cho người bệnh tràn dịch màng phổi	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	869.	Vật lý trị liệu sau phẫu thuật van tim	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	870.	Vật lý trị liệu-PHCN cho người bệnh teo cơ tiến triển	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	871.	Tập vận động PHCN cho người bệnh đái tháo đường phòng ngừa biến chứng	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	872.	Vật lý trị liệu trong viêm tắc động mạch chi dưới	x	x	x	x									QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	873.	Vật lý trị liệu-PHCN người bệnh bỏng	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	874.	Vật lý trị liệu-PHCN người bệnh vá da	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	875.	Vật lý trị liệu-PHCN trong giãn tĩnh mạch	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	876.	Phục hồi chức năng thoái hoá khớp (cột sống cổ - lưng)	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	877.	Phục hồi chức năng cho người bệnh viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	878.	Phục hồi chức năng cho người bệnh đau lưng	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	879.	Vật lý trị liệu-phục hồi chức năng cho người bệnh hội chứng đuôi ngựa	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	880.	Vật lý trị liệu- PHCN cho người bệnh đau thần kinh toạ	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	881.	Vật lý trị liệu-PHCN cho người bệnh liệt dây VII ngoại biên	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	882.	Vật lý trị liệu-PHCN cho người cao tuổi	x	x	x	x									QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	883.	Vật lý trị liệu-PHCN cho người bệnh Parkinson	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	884.	Xoa bóp bấm huyệt/kéo nắn cột sống, các khớp	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	885.	Xoa bóp đầu mặt cổ, vai gáy, tay	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	886.	Xoa bóp lưng, chân	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	887.	Xoa bóp	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	888.	Xoa bóp tại giường bệnh cho người bệnh nội trú các khoa	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	889.	Tập do cứng khớp	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	890.	Tập do liệt ngoại biên người bệnh liệt nửa người,liệt các chi,tổn thương hệ vận động	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	891.	Tập do liệt thần kinh trung ương	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	892.	Tập vận động đoạn chi 30 phút	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	893.	Tập vận động đoạn chi 15 phút	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	894.	Tập vận động toàn thân 30 phút	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	895.	Tập vận động toàn thân 15 phút	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	896.	Tập vận động cột sống	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	897.	Tập KT tạo thuận VĐ cho trẻ (lẫy, ngồi, bò, đứng, đi…..)	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	898.	Tập cho trẻ bị Xơ hóa cơ	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	899.	Tập cho trẻ dị tật tay/ chân	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	900.	Tập vận động tại giường	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	901.	Tập luyện với ghế tập cơ 4 đầu đùi	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	902.	Tập với hệ thống ròng rọc	x	x	x	x									QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	903.	Tập với xe đạp tập	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	904.	Tập với xe lăn	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	906.	Vật lý trị liệu hô hấp tại giường bệnh	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	969.	Thang tường	x	x											QĐ 630/2016
3	970.	Thanh song song	x	x											QĐ 630/2016
3	977.	Khung tập đi	x	x	x										QĐ 630/2016
3	981.	Bàn tập mạnh cơ tứ đầu đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
3	982.	Xe đạp	x	x	x										QĐ 12/2014
3	983.	Nạng nách	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	984.	Nạng khuỷu	x	x	x	x									QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	985.	Gậy tập	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	986.	Nẹp khớp gối	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	987.	Máng đỡ bàn tay	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	988.	Các dụng cụ tập sự khéo léo của bàn tay	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	992.	Nội soi cầm máu mũi không sử dụng Meroxeo (1 bên)	x	x								x			QĐ 12/2014
3	994.	Nội soi cầm máu mũi	x	x									x		QĐ 12/2014
3	997.	Nội soi mũi, họng có sinh thiết	x	x									x		QĐ 12/2014
3	999.	Nội soi mũi xoang	x	x									x		QĐ 12/2014
3	1001.	Nội soi tai	x	x	x										QĐ 12/2014
3	1002.	Nội soi mũi	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1003.	Nội soi họng	x	x	x										QĐ 12/2014
3	1031.	Nội soi đặt bộ Stent thực quản, dạ dày, tá tràng, đại tràng, trực tràng	x	x							x				QĐ 1746/2017
3	1032.	Nội soi nong đường mật, Oddi	x	x								x			QĐ 630/2016
3	1033.	Nội soi đường mật tán sỏi qua da	x	x							x				QĐ 630/2016
3	1034.	Nội soi ong hẹp thực quản, tâm vị	x	x							x				QĐ 1746/2017
3	1035.	Nội soi đặt dẫn lưu đường mật qua nội soi tá tràng	x	x							x				QĐ 630/2016
3	1036.	Nội soi tiêu hoá dưới gây mê (dạ dày - đại tràng)	x	x								x			QĐ 630/2016
3	1041.	Nội soi mở thông dạ dày	x	x								x			QĐ 630/2016
3	1045.	Nội soi siêu âm đường tiêu hóa trên kết hợp với chọc hút tế bào	x	x							x				QĐ 1746/2017
3	1046.	Nội soi mật tuỵ ngược dòng để chẩn đoán bệnh lý đường mật tuỵ	x	x								x			QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1047.	Nội soi mật tuỵ ngược dòng để cắt cơ vòng Oddi dẫn lưu mật hoặc lấy sỏi đường mật tuỵ	x	x							x				QĐ 1746/2017
3	1048.	Nội soi mật tuỵ ngược dòng để đặt Stent đường mật tuỵ	x	x							x				QĐ 1746/2017
3	1049.	Nội soi cầm máu bằng clip trong chảy máu đường tiêu hóa	x	x								x			QĐ 1746/2017
3	1052.	Nội soi ổ bụng để thăm dò, chẩn đoán	x	x								x			QĐ 630/2016
3	1053.	Nội soi hố thận để thăm dò, chẩn đoán	x	x					x						QĐ 630/2016
3	1054.	Nội soi khung chậu để thăm dò, chẩn đoán	x	x					x						QĐ 630/2016
3	1055.	Nội soi ổ bụng- sinh thiết	x	x							x				QĐ 630/2016
3	1056.	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu hoá cao để chẩn đoán và điều trị	x	x								x			QĐ 1746/2017
3	1057.	Nội soi thực quản-dạ dày, tiêm cầm máu	x	x							x				QĐ 1746/2017
3	1058.	Nội soi thực quản-dạ dày, điều trị giãn tĩnh mạch thực quản	x	x							x				QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1059.	Nội soi thực quản-dạ dày, lấy dị vật	x	x								x			QĐ 1746/2017
3	1061.	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng có thể kết hợp sinh thiết	x	x								x			QĐ 630/2016
3	1062.	Nội soi đại tràng sigma	x	x										x	QĐ 630/2016
3	1063.	Nội soi đại tràng-lấy dị vật	x	x								x			QĐ 630/2016
3	1064.	Nội soi đại tràng tiêm cầm máu	x	x								x			QĐ 630/2016
3	1065.	Nội soi trực tràng-hậu môn thắt trĩ	x	x									x		QĐ 630/2016
3	1066.	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết	x	x								x			QĐ 630/2016
3	1067.	Nội soi cắt polip ông tiêu hoá (thực quản, dạ dày, tá tràng, đại trực tràng)	x	x								x			QĐ 630/2016
3	1068.	Nội soi hậu môn có sinh thiết, tiêm xơ	x	x									x		QĐ 1746/2017
3	1069.	Nội soi đường mật qua tá tràng	x	x							x				QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1071.	Soi trực tràng	x	x										x	QĐ 630/2016
3	1074.	Nội soi đặt ống thông niệu quản (sonde JJ)	x	x							x				QĐ 630/2016
3	1075.	Nội soi rút sonde JJ	x								x				QĐ 630/2016
3	1076.	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser).	x	x							x				QĐ 630/2016
3	1077.	Nội soi lấy sỏi niệu quản	x	x							x				QĐ 630/2016
3	1078.	Nội soi bàng quang	x	x									x		QĐ 630/2016
3	1079.	Nội soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi	x	x								x			QĐ 630/2016
3	1081.	Nội soi bàng quang, đưa catheter lên niệu quản bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài cơ thể khi sỏi tắc ở niệu quản	x	x								x			QĐ 630/2016
3	1082.	Nội soi bàng quang, bơm rửa lấy máu cục tránh phẫu thuật	x	x								x			QĐ 630/2016
3	1083.	Nội soi sinh thiết niệu đạo	x	x								x			QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1084.	Nội soi bàng quang đặt UPR, đặt Catheter niệu quản	x	x								x			QĐ 630/2016
3	1085.	Nội soi niệu quản chẩn đoán	x	x								x			QĐ 630/2016
3	1086.	Nội soi niệu quản sinh thiết	x	x								x			QĐ 630/2016
3	1087.	Nội soi bàng quang sinh thiết	x	x								x			QĐ 630/2016
3	1258.	GMHS phẫu thuật thay chỏm xương đùi, khớp háng, khớp gối	x	x											QĐ 1746/2017
3	1259.	GMHS phẫu thuật nối chi	x	x											QĐ 1746/2017
3	1265.	Kỹ thuật đặt nội khí quản 2 nòng	x	x								x			QĐ 1746/2017
3	1267.	Kỹ thuật gây mê có hạ huyết áp chỉ huy	x	x							x				QĐ 630/2016
3	1269.	Kỹ thuật mê tĩnh mạch theo TCI	x	x											QĐ 630/2016
3	1271.	Kỹ thuật thông khí một phổi	x	x							x				QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1280.	Kỹ thuật đo và theo dõi SpO_2	x	x											QĐ 630/2016
3	1283.	Kỹ thuật theo dõi thân nhiệt bằng máy	x	x											QĐ 630/2016
3	1284.	Theo dõi Hb trong phòng mổ	x	x										x	QĐ 1746/2017
3	1285.	Theo dõi Hct trong phòng mổ	x	x										x	QĐ 12/2014
3	1286.	Theo dõi đông máu trong phòng mổ	x	x										x	QĐ 12/2014
3	1287.	Theo dõi khí máu trong phòng mổ	x	x											QĐ 12/2014
3	1288.	Theo dõi truyền dịch bằng máy đếm giọt	x	x											QĐ 12/2014
3	1289.	Theo dõi truyền máu bằng máy đếm giọt	x	x											QĐ 12/2014
3	1293.	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang NMC ngực đường giữa	x	x								x			QĐ 1746/2017
3	1294.	Kỹ thuật gây tê đặt kim kết hợp tuỷ sống - NMC	x	x								x			QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1295.	Kỹ thuật gây tê khoang cùng	x	x								x			QĐ 1746/2017
3	1296.	Kỹ thuật gây tê đám rối thắt lưng	x	x								x			QĐ 630/2016
3	1297.	Kỹ thuật gây tê cạnh nhãn cầu	x	x								x			QĐ 630/2016
3	1298.	Kỹ thuật gây tê thân thần kinh bằng máy dò thần kinh	x	x								x			QĐ 1746/2017
3	1300.	GMHS phẫu thuật áp xe não	x	x											QĐ 1746/2017
3	1302.	GMHS phẫu thuật chấn thương cột sống (cổ, ngực, thắt lưng)	x	x											QĐ 630/2016
3	1304.	GMHS phẫu thuật chấn thương sọ não (kín, hở)	x	x											QĐ 12/2014
3	1312.	GMHS cho phẫu thuật thành ngực	x	x											QĐ 630/2016
3	1313.	GMHS cho mở màng phổi tối đa	x	x											QĐ 630/2016
3	1314.	GMHS cho khâu vết thương nhu mô phổi	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1315.	GMHS cho cắt phổi theo tổn thương	x	x											QĐ 630/2016
3	1316.	GMHS cho bóc màng phổi trong dày dính màng phổi, lấy máu cục	x	x											QĐ 630/2016
3	1317.	GMHS cho phẫu thuật cơ hoành rách do chấn thương qua đường ngực	x	x											QĐ 630/2016
3	1320.	GMHS cho phẫu thuật lớn trên dạ dày, ruột	x	x											QĐ 630/2016
3	1321.	GMHS thận niệu quản	x	x											QĐ 630/2016
3	1322.	GMHS phẫu thuật nội soi ổ bụng	x	x											QĐ 630/2016
3	1323.	GMHS phẫu thuật nội soi tuyến giáp	x	x											QĐ 630/2016
3	1324.	GMHS phẫu thuật nội soi trong phụ khoa	x	x											QĐ 630/2016
3	1325.	GMHS trên người bệnh béo phì	x	x											QĐ 630/2016
3	1326.	An thần cho nội soi đường tiêu hóa	x	x								x			QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1327.	GMHS phẫu thuật gan, mật, lách, tạng	x	x											QĐ 630/2016
3	1328.	GMHS cho thủ thuật ERCP	x	x											QĐ 1746/2017
3	1329.	GMHS người bệnh chấn thương có sốc, đa chấn thương	x	x											QĐ 630/2016
3	1330.	GMHS phẫu thuật nội soi u xơ TLT	x	x											QĐ 630/2016
3	1331.	GMHS phẫu thuật bóc u xơ TLT	x	x											QĐ 630/2016
3	1332.	GMHS phẫu thuật cắt bàng quang	x	x											QĐ 1746/2017
3	1334.	GMHS phẫu thuật bướu cổ to	x	x											QĐ 1746/2017
3	1337.	GMHS phẫu thuật người có bệnh mạch vành kèm theo	x	x											QĐ 1746/2017
3	1338.	GMHS phẫu thuật trên người bệnh có bệnh tăng HA chưa ổn định, hay có thương tổn cơ quan đích	x	x											QĐ 1746/2017
3	1339.	GMHS trên người bệnh có bệnh phổi kinh niên	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1340.	GMHS trên người bệnh có hen phế quản	x	x											QĐ 630/2016
3	1341.	GMHS trên người bệnh có tiền sử hay bệnh dị ứng	x	x											QĐ 630/2016
3	1342.	GMHS trên người giảm chức năng thận hay suy thận	x	x											QĐ 630/2016
3	1343.	GMHS trên người bị suy giảm chức năng gan	x	x											QĐ 630/2016
3	1344.	GMHS trên người bệnh bị sốc, suy thở	x	x											QĐ 630/2016
3	1345.	GMHS trên người bệnh bị rối loạn nước điện giải, rối loạn thăng bằng kiềm toan, rối loạn đông máu	x	x											QĐ 630/2016
3	1346.	GMHS trên người bệnh tiểu đường	x	x											QĐ 630/2016
3	1349.	GMHS phẫu thuật mắt ở trẻ em	x	x											QĐ 12/2014
3	1350.	GMHS phẫu thuật mắt trên người bệnh có bệnh kèm theo	x	x											QĐ 630/2016
3	1351.	Đặt NKQ khó trong phẫu thuật hàm mặt	x	x							x				QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1352.	Gây mê phẫu thuật chấn thương vùng hàm mặt	x	x				x							QĐ 12/2014
3	1353.	GMHS cho khối u vùng hàm mặt	x	x											QĐ 630/2016
3	1354.	Gây mê lấy dị vật đường hô hấp	x	x											QĐ 630/2016
3	1355.	GMHS cho các phẫu thuật TMH	x	x											QĐ 12/2014
3	1356.	GMHS nạo VA ở trẻ em	x	x											QĐ 12/2014
3	1358.	GMHS phẫu thuật bụng lớn ở trẻ em	x	x											QĐ 12/2014
3	1359.	GMHS phẫu thuật xương ở trẻ em	x	x											QĐ 12/2014
3	1364.	Giảm đau sau phẫu thuật bằng truyền liên tục thuốc tê vào thân thần kinh hay đám rối qua catheter	x	x							x				QĐ 630/2016
3	1367.	Lọc máu nhân tạo cấp cứu thường quy	x	x							x				QĐ 630/2016
3	1368.	Lọc máu nhân tạo cấp cứu liên tục	x	x							x				QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1370.	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường tĩnh mạch	x	x											QĐ 630/2016
3	1371.	Điều trị dò đường tiêu hóa (nuôi dưỡng, hút liên tục đường dò)	x	x								x			QĐ 630/2016
3	1372.	Kỹ thuật gây mê hô hấp qua mặt nạ	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	1373.	Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch với etomidate, ketamine, propofol	x	x	x										QĐ 12/2014
3	1374.	Kỹ thuật đặt Mask thanh quản	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1375.	Kỹ thuật đặt combitube	x	x	x						x				QĐ 630/2016
3	1376.	Kỹ thuật đặt nội khí quản với thuốc mê tĩnh mạch, thuốc mê hô hấp	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1377.	Kỹ thuật đặt nội khí quản khi dạ dầy đầy	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1379.	Kỹ thuật đặt nội khí quản qua mũi	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1380.	Kỹ thuật thường quy đặt nội khí quản khó	x	x	x								x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1382.	Kỹ thuật đặt nội khí quản khó với đèn Mac Coy (đèn có mũi điều khiển), mask thanh quản	x	x	x							x			QĐ 1746/2017
3	1383.	Kỹ thuật đặt nội khí quản khó ngược dòng	x	x	x						x				QĐ 630/2016
3	1384.	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày	x	x	x										QĐ 12/2014
3	1385.	Kỹ thuật gây mê vòng kín có vôi soda	x	x	x										QĐ 12/2014
3	1386.	Kỹ thuật gây mê lưu lượng thấp	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	1390.	Kỹ thuật săn sóc theo dõi ống thông tiểu	x	x	x										QĐ 12/2014
3	1391.	Kỹ thuật hô hấp nhân tạo bằng tay với bóng hay ambu trong và sau mê	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	1392.	Kỹ thuật hô hấp nhân tạo bằng máy trong và sau mê	x	x	x						x				QĐ 12/2014
3	1393.	Kỹ thuật theo dõi người bệnh trong và sau mổ	x	x	x										QĐ 12/2014
3	1394.	Kỹ thuật xử lý thường quy các tai biến trong và sau vô cảm	x	x	x							x			QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1395.	Kỹ thuật vô cảm ngoài phòng mổ	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1396.	Kỹ thuật vô cảm nắn xương	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	1399.	Kỹ thuật theo dõi SpO_2	x	x	x										QĐ 12/2014
3	1400.	Kỹ thuật theo dõi et CO_2	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	1401.	Kỹ thuật theo dõi HAĐM bằng phương pháp xâm lấn	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1402.	Kỹ thuật theo dõi HAĐM không xâm lấn bằng máy	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	1403.	Kỹ thuật theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường quy	x	x	x										QĐ 12/2014
3	1404.	Thử nhóm máu trước truyền máu	x	x	x										QĐ 12/2014
3	1405.	Truyền dịch thường quy	x	x	x										QĐ 12/2014
3	1406.	Truyền máu thường quy	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1407.	Kỹ thuật chọc đặt kim luồn tĩnh mạch ngoại biên trẻ em	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	1409.	Kỹ thuật truyền dịch trong sốc	x	x	x										QĐ 12/2014
3	1410.	Kỹ thuật truyền máu trong sốc	x	x	x										QĐ 12/2014
3	1411.	Kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	1412.	Kỹ thuật cấp cứu ngừng tim	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	1413.	Kỹ thuật cấp cứu ngừng thở	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	1414.	Kỹ thuật chọc tĩnh mạch cảnh trong	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	1415.	Kỹ thuật chọc tĩnh mạch cảnh ngoài	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	1416.	Kỹ thuật chọc tĩnh mạch đùi	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	1417.	Kỹ thuật chọc tuỷ sống đường giữa	x	x	x								x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1418.	Kỹ thuật chọc tuỷ sống đường bên	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1419.	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng (NMC) thắt lưng đường giữa	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1420.	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang NMC thắt lưng đường bên	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1421.	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường trên xương đòn	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1422.	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường gian cơ bậc thang	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1423.	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường nách	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1424.	Kỹ thuật gây tê đám rối cổ nông	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1425.	Kỹ thuật gây tê đám rối cổ sâu	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1426.	Kỹ thuật gây tê ở khuỷu tay	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1427.	Kỹ thuật gây tê ở cổ tay	x	x	x								x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1428.	Kỹ thuật gây tê thần kinh hông to	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1430.	Kỹ thuật gây tê vùng khớp gối	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	1431.	Kỹ thuật gây tê vùng bàn chân	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1432.	GMHS phẫu thuật động mạch, tĩnh mạch ngoại biên	x	x	x										QĐ 1746/2017
3	1433.	GMHS phẫu thuật rách cơ hoành qua đường bụng	x	x	x										QĐ 1746/2017
3	1434.	GMHS phẫu thuật thông dạ dày, khâu lỗ thủng dạ dày, ruột non đơn thuần	x	x	x										QĐ 12/2014
3	1435.	GMHS phẫu thuật viêm ruột thừa, viêm phúc mạc, áp xe ruột thừa	x	x	x										QĐ 12/2014
3	1436.	Vô cảm phẫu thuật thoát vị bẹn	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	1437.	GMHS phẫu thuật vùng đáy chậu, hậu môn, bẹn, bìu	x	x	x										QĐ 12/2014
3	1438.	GMHS phẫu thuật chi trên	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1439.	GMHS phẫu thuật chi dưới	x	x	x										QĐ 12/2014
3	1440.	GMHS phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn	x	x	x										QĐ 1746/2017
3	1441.	GMHS người bệnh chấn thương không sốc, sốc nhẹ	x	x	x										QĐ 12/2014
3	1442.	GMHS phẫu thuật bướu cổ nhỏ	x	x	x										QĐ 1746/2017
3	1443.	Gây mê để thay băng người bệnh bỏng	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	1444.	Gây mê, gây tê cắt amidan ở trẻ em	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	1445.	GMHS phẫu thuật ổ bụng trung phẫu ở trẻ em	x	x	x										QĐ 12/2014
3	1446.	GMHS phẫu thuật thoát vị bẹn, nước màng tinh hoàn ở trẻ em	x	x	x										QĐ 12/2014
3	1447.	Vô cảm cho các phẫu thuật nhỏ ở tầng sinh môn trẻ em: chích áp xe, lấy máu tụ, dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản	x	x	x						x				QĐ 12/2014
3	1448.	Giảm đau bằng thuốc cho người bệnh sau phẫu thuật, sau chấn thương	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1449.	Giảm đau sau phẫu thuật bằng tiêm Morphin cách quãng dưới da	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	1450.	Vệ sinh, vô trùng phòng phẫu thuật	x	x	x										QĐ 12/2014
3	1451.	Tiệt trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS	x	x	x										QĐ 12/2014
3	1452.	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	x	x	x							x			QĐ 630/2016
3	1453.	Chụp X-quang cấp cứu tại giường	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	1454.	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	1455.	Theo dõi HA liên tục tại giường	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	1456.	Theo dõi điện tim liên tục tại giường	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	1457.	Đặt, theo dõi máy tạo nhịp tạm thời	x	x	x							x			QĐ 1746/2017
3	1458.	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1459.	Chăm sóc catheter động mạch	x	x	x										QĐ 12/2014
3	1460.	Thở máy xâm nhập, không xâm nhập với các phương thức khác nhau	x	x	x						x				QĐ 12/2014
3	1461.	Mở khí quản trên người bệnh có hay không có ống nội khí quản	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	1462.	Thở oxy gọng kính	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	1463.	Thở oxy qua mặt nạ	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1464.	Thở oxy qua ống chữ T	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1466.	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày	x	x	x										QĐ 630/2016
3	1467.	Liệu pháp kháng sinh dự phòng trước và sau phẫu thuật	x	x	x										QĐ 12/2014
3	1468.	Dự phòng tắc tĩnh mạch sau phẫu thuật, sau chấn thương	x	x	x										QĐ 630/2016
3	1469.	Điều trị rối loạn đông máu trong ngoại khoa	x	x	x										QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1470.	Phát hiện, phòng, điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện (vết phẫu thuật, catheter, hô hấp, tiết niệu…)	x	x	x										QĐ 12/2014
3	1489.	Thay băng điều trị bỏng nông, từ 10% đến 20% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x									x		QĐ 1746/2017
3	1490.	Thay băng điều trị bỏng sâu, dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x									x		QĐ 12/2014
3	1491.	Cắt hoại tử bỏng sâu kiểu tiếp, dưới 3% diện tích cơ thể trở lên ở trẻ em	x	x					x						QĐ 12/2014
3	1492.	Cắt hoại tử bỏng sâu kiểu toàn lớp, dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em.	x	x					x						QĐ 12/2014
3	1493.	Ghép da tự thân kiểu mảnh lớn, dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x				x							QĐ 630/2016
3	1494.	Ghép da tự thân kiểu mắt lưới (mesh graft), dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x				x							QĐ 12/2014
3	1495.	Ghép da tự thân kiểu tem thư (post stam), dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x				x							QĐ 12/2014
3	1496.	Cắt hoại tử toàn lớp - ghép da mỏng tự thân, dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x				x							QĐ 12/2014
3	1497.	Cắt hoại tử toàn lớp - ghép da dày tự thân, dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1498.	Cắt hoại tử toàn lớp – chuyển vạt da các loại để che phủ khuyết tổn điều trị bỏng sâu	x	x			x								QĐ 12/2014
3	1499.	Ghép da đồng loại (da của người cho da, da tử thi)	x	x					x						QĐ 1746/2017
3	1502.	Cắt cụt chi thể cấp cứu, trên người bệnh bỏng sâu chi thể không còn khả năng bảo tồn, đe doạ đến tính mạng.	x	x				x							QĐ 630/2016
3	1503.	Cắt cụt chi thể trong điều trị, trên người bệnh bỏng sâu chi thể không còn khả năng bảo tồn.	x	x				x							QĐ 630/2016
3	1504.	Tháo khớp trong điều trị người bệnh bỏng sâu chi thể không còn khả năng bảo tồn	x	x				x							QĐ 12/2014
3	1505.	Phẫu thuật khoan, đục xương chi thể, lấy bỏ xương chết trong điều trị bỏng sâu có tổn thương xương	x	x				x							QĐ 12/2014
3	1507.	Tắm điều trị người bệnh bỏng	x	x									x		QĐ 1746/2017
3	1509.	Sử dụng thuốc tạo màng điều trị vết thương bỏng nông theo chỉ định	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	1510.	Thay băng điều trị bỏng nông, dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em.	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1512.	Rạch hoại tử bỏng sâu giải phòng chèn ép trong	x	x	x							x			QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1513.	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bỏng sâu do dòng điện	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	1514.	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1515.	Ngâm rửa vết bỏng bằng nước mát sạch, băng ép, trong sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng kỳ đầu.	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	1516.	Thay băng điều trị vết thương mãn tính	x	x									x		QĐ 12/2014
3	1517.	Ngâm rửa điều trị vết thương mãn tính	x	x									x		QĐ 1746/2017
3	1518.	Cắt đáy ổ loét vết thương mãn tính	x	x						x					QĐ 12/2014
3	1526.	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, Phaco) đặt IOL trên mắt độc nhất, gần mù	x	x				x							QĐ 630/2016
3	1527.	Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (Phaco) ± IOL	x	x				x							QĐ 630/2016
3	1528.	Phẫu thuật glôcôm lần hai trở lên	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	1540.	Cắt dịch kính điều trị viêm mủ nội nhãn	x	x				x							QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1541.	Cắt dịch kính điều trị tổ chức hóa dịch kính	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	1546.	Điều trị glôcôm bằng laser mống mắt chu biên	x	x							x				QĐ 1746/2017
3	1548.	Điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bè (Trabeculoplasty)	x	x					x						QĐ 630/2016
3	1552.	Mở bao sau đục bằng laser	x	x								x			QĐ 1746/2017
3	1559.	Lấy thể tinh sa, lệch bằng phương pháp Phaco, phối hợp cắt dịch kính ± IOL	x	x			x								QĐ 630/2016
3	1560.	Lấy thể thủy tinh sa, lệch trong bao phối hợp cắt dịch kính ± cố định IOL	x	x				x							QĐ 630/2016
3	1561.	Cắt thể thủy tinh, dịch kính ± cố định IOL	x	x				x							QĐ 630/2016
3	1562.	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao ± IOL	x	x				x							QĐ 630/2016
3	1563.	Phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)	x	x					x						QĐ 630/2016
3	1564.	Phẫu thuật chỉnh, xoay, lấy IOL ± cắt DK	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1565.	Đặt IOL trên mắt cận thị (Phakic)	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	1566.	Phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính	x	x				x							QĐ 630/2016
3	1567.	Cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử	x	x					x						QĐ 630/2016
3	1568.	Mở bao sau bằng phẫu thuật	x	x					x						QĐ 630/2016
3	1574.	Nối thông lệ mũi ± đặt ống Silicon ± áp MMC	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	1576.	Phẫu thuật đặt ống Silicon lệ quản - ống lệ mũi	x	x					x						QĐ 1746/2017
3	1577.	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rìa tự thân, màng ối...) ± áp thuốc chống chuyển hoá (5FU hoặc MMC)	x	x					x						QĐ 1746/2017
3	1579.	Ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc	x	x					x						QĐ 630/2016
3	1580.	Tách dính mi cầu, ghép kết mạc rìa hoặc màng ối	x	x			x								QĐ 1746/2017
3	1581.	Lấy dị vật hốc mắt	x	x					x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1582.	Lấy dị vật trong củng mạc	x	x					x						QĐ 630/2016
3	1583.	Lấy dị vật tiền phòng	x	x				x							QĐ 630/2016
3	1586.	Vá da, niêm mạc tạo cùng đồ ± tách dính mi cầu	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	1589.	Tái tạo lệ quản kết hợp khâu mi	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	1591.	Chích mủ mắt	x	x						x					QĐ 630/2016
3	1600.	Tạo hình đường lệ ± điểm lệ	x	x					x						QĐ 630/2016
3	1608.	Phẫu thuật rút ngắn cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	x	x				x							QĐ 630/2016
3	1609.	Phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	x	x				x							QĐ 630/2016
3	1610.	Phẫu thuật treo mi - cơ trán (bằng Silicon, cân cơ đùi…) điều trị sụp mi	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	1611.	Phẫu thuật hạ mi trên (chỉnh chỉ, lùi cơ nâng mi…)	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1612.	Cắt cơ Muller	x	x				x							QĐ 630/2016
3	1613.	Lùi cơ nâng mi	x	x					x						QĐ 630/2016
3	1615.	Ghép da hay vạt da điều trị hở mi do sẹo	x	x				x							QĐ 630/2016
3	1616.	Phẫu thuật làm hẹp khe mi, rút ngắn dây chằng mi ngoài, mi trong điều trị hở mi do liệt dây VII	x	x				x							QĐ 630/2016
3	1617.	Phẫu thuật cắt cơ Muller ± cắt cân cơ nâng mi điều trị hở mi	x	x				x							QĐ 630/2016
3	1618.	Ghép da mi hay vạt da điều trị lật mi dưới do sẹo	x	x				x							QĐ 630/2016
3	1619.	Khâu cơ kéo mi dưới để điều trị lật mi dưới	x	x				x							QĐ 630/2016
3	1621.	Phẫu thuật mở rộng khe mi	x	x					x						QĐ 630/2016
3	1622.	Phẫu thuật hẹp khe mi	x	x					x						QĐ 630/2016
3	1624.	Lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) ± lấy mỡ dưới da mi	x	x					x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1631.	Tạo hình mống mắt (khâu mống mắt, chân mống mắt...)	x	x				x							QĐ 630/2016
3	1634.	Cắt củng mạc sâu đơn thuần	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	1636.	Mở bè ± cắt bè	x	x				x							QĐ 630/2016
3	1639.	Sửa vá sẹo bọng bằng kết mạc, màng ối, củng mạc	x	x				x							QĐ 630/2016
3	1641.	Tiêm nội nhãn (kháng sinh, Avastin, corticoid...)	x	x							x				QĐ 630/2016
3	1649.	Cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	1650.	Rạch áp xe túi lệ	x	x								x			QĐ 630/2016
3	1654.	Tập nhược thị	x	x	x										QĐ 630/2016
3	1655.	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mủ, hóa chất...)	x	x	x				x						QĐ 630/2016
3	1656.	Cắt bỏ túi lệ	x	x	x				x						QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1657.	Phẫu thuật mộng đơn thuần	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	1658.	Lấy dị vật giác mạc	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	1659.	Cắt bỏ chắp có bọc	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	1660.	Khâu cò mi, tháo cò	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	1661.	Chích dẫn lưu túi lệ	x	x	x					x					QĐ 630/2016
3	1663.	Khâu da mi	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	1664.	Khâu phục hồi bờ mi	x	x	x				x						QĐ 630/2016
3	1665.	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	1666.	Khâu phủ kết mạc	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	1667.	Khâu giác mạc	x	x	x			x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1668.	Khâu củng mạc	x	x	x			x							QĐ 630/2016
3	1669.	Thăm dò, khâu vết thương củng mạc	x	x	x			x							QĐ 630/2016
3	1670.	Khâu lại mép mổ giác mạc, củng mạc	x	x	x			x							QĐ 630/2016
3	1673.	Bơm hơi tiền phòng	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	1674.	Cắt bỏ nhãn cầu ± cắt thị thần kinh dài	x	x	x				x						QĐ 1746/2017
3	1677.	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut)	x	x	x				x						QĐ 630/2016
3	1680.	Mổ quặm bẩm sinh	x	x	x				x						QĐ 630/2016
3	1681.	Cắt chỉ khâu giác mạc	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1682.	Tiêm dưới kết mạc	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1683.	Tiêm cạnh nhãn cầu	x	x	x								x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1684.	Tiêm hậu nhãn cầu	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1685.	Bơm thông lệ đạo	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	1688.	Khâu kết mạc	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	1689.	Lấy calci đông dưới kết mạc	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	1690.	Cắt chỉ khâu kết mạc	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	1692.	Bơm rửa lệ đạo	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1693.	Chích chắp, lẹo, chích áp xe mi, kết mạc	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1694.	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	1695.	Rửa cùng đồ	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1696.	Bóc sợi (Viêm giác mạc sợi)	x	x	x									x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1697.	Bóc giả mạc	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	1698.	Rạch áp xe mi	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1699.	Soi đáy mắt trực tiếp	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1700.	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	x	x	x								x		QĐ 1746/2017
3	1701.	Soi đáy mắt bằng Schepens	x	x	x								x		QĐ 1746/2017
3	1702.	Soi góc tiền phòng	x	x	x								x		QĐ 1746/2017
3	1703.	Cắt chỉ khâu da	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	1704.	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu	x	x	x	x						x			QĐ 12/2014
3	1705.	Theo dõi nhãn áp 3 ngày	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	1706.	Lấy dị vật kết mạc	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1707.	Khám mắt	x	x	x	x									QĐ 12/2014
3	1723.	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng vạt trượt đẩy sang bên có ghép niêm mạc	x	x					x						QĐ 630/2016
3	1724.	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng ghép vạt niêm mạc toàn phần	x	x					x						QĐ 630/2016
3	1725.	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng ghép mô liên kết dưới biểu mô	x	x					x						QĐ 630/2016
3	1726.	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội.	x	x						x					QĐ 12/2014
3	1727.	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	x	x						x					QĐ 12/2014
3	1728.	Điều trị tuỷ răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tuỷ bằng Gutta percha nguội	x	x						x					QĐ 12/2014
3	1729.	Điều trị tuỷ răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tuỷ bằng Gutta percha nóng chảy	x	x						x					QĐ 12/2014
3	1731.	Phẫu thuật nội nha - chia cắt chân răng	x	x						x					QĐ 12/2014
3	1732.	Phục hồi cổ răng bằng Compomer	x	x									x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1738.	Chụp sứ Cercon	x	x							x				QĐ 12/2014
3	1739.	Cầu sứ Cercon	x	x							x				QĐ 12/2014
3	1762.	Lấy lại khoảng bằng khí cụ cố định	x	x								x			QĐ 12/2014
3	1775.	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ cố định	x	x								x			QĐ 12/2014
3	1782.	Làm dài thân răng lâm sàng bằng khí cụ cố định	x	x								x			QĐ 12/2014
3	1800.	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	x	x						x					QĐ 12/2014
3	1801.	Phẫu thuật nhổ răng ngầm	x	x					x						QĐ 12/2014
3	1802.	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân	x	x					x						QĐ 12/2014
3	1803.	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân và chia tách chân	x	x					x						QĐ 12/2014
3	1804.	Phẫu thuật nhổ răng có tạo hình xương ổ răng	x	x						x					QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1805.	Phẫu thuật mở xương cho răng mọc	x	x						x					QĐ 12/2014
3	1806.	Phẫu thuật nạo quanh cuống răng	x	x					x						QĐ 12/2014
3	1807.	Phẫu thuật cắt cuống răng	x	x					x						QĐ 12/2014
3	1808.	Cấy chuyển răng	x	x					x						QĐ 12/2014
3	1809.	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng	x	x					x						QĐ 12/2014
3	1810.	Phẫu thuật làm dài thân răng lâm sàng	x	x				x							QĐ 12/2014
3	1811.	Phẫu thuật cắt, nạo xương ổ răng	x	x				x							QĐ 12/2014
3	1812.	Phẫu thuật cắt bỏ 1 chân răng để bảo tồn răng	x	x				x							QĐ 12/2014
3	1813.	Cắt lợi xơ cho răng mọc	x	x						x					QĐ 12/2014
3	1814.	Cắt lợi di động để làm hàm giả	x	x						x					QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1815.	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi	x	x						x					QĐ 12/2014
3	1816.	Phẫu thuật cắt phanh môi	x	x						x					QĐ 12/2014
3	1817.	Phẫu thuật cắt phanh má	x	x						x					QĐ 12/2014
3	1818.	Phẫu thuật tạo hình xương ổ răng	x	x						x					QĐ 12/2014
3	1819.	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	x	x						x					QĐ 12/2014
3	1820.	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới	x	x					x						QĐ 12/2014
3	1821.	Phẫu thuật nạo túi quanh răng	x	x						x					QĐ 12/2014
3	1822.	Phẫu thuật tạo hình nhú lợi	x	x					x						QĐ 12/2014
3	1823.	Phẫu thuật ghép vạt niêm mạc làm tăng chiều cao lợi dính	x	x					x						QĐ 12/2014
3	1826.	Phẫu thuật cắt lợi điều trị túi quanh răng	x	x					x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1827.	Phẫu thuật vạt điều trị túi quanh răng	x	x					x						QĐ 12/2014
3	1830.	Phẫu thuật điều chỉnh xương ổ răng	x	x						x					QĐ 12/2014
3	1831.	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng vạt trượt đẩy sang bên	x	x					x						QĐ 12/2014
3	1833.	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại	x	x									x		QĐ 12/2014
3	1834.	Điều trị áp xe quanh răng	x	x								x			QĐ 12/2014
3	1835.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam có sử dụng Laser	x	x									x		QĐ 12/2014
3	1836.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite	x	x									x		QĐ 12/2014
3	1837.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Compomer	x	x									x		QĐ 12/2014
0	1838.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite có sử dụng Laser	x	x									x		QĐ 630/2016
3	1839.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) có sử dụng Laser	x	x									x		QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1840.	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement (GIC) có sử dụng Laser	x	x									x		QĐ 630/2016
3	1841.	Phục hồi cổ răng bằng Composite có sử dụng Laser	x	x								x			QĐ 630/2016
3	1842.	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay Composite	x	x								x			QĐ 12/2014
3	1843.	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng có sử dụng chốt chân răng bằng nhiều vật liệu khác nhau	x	x								x			QĐ 12/2014
3	1844.	Veneer Composite trực tiếp	x	x										x	QĐ 12/2014
3	1845.	Chụp tuỷ bằng MTA	x	x								x			QĐ 630/2016
3	1846.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	x	x						x					QĐ 12/2014
3	1847.	Lấy tuỷ buồng Răng vĩnh viễn	x	x									x		QĐ 12/2014
3	1848.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tuỷ bằng Gutta percha có sử dụng trâm xoay máy	x	x								x			QĐ 12/2014
3	1849.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tuỷ bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay cầm tay	x	x						x					QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1850.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay máy	x	x						x					QĐ 12/2014
3	1851.	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA	x	x						x					QĐ 12/2014
3	1852.	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhổ)	x	x								x			QĐ 12/2014
3	1853.	Điều trị tủy lại	x	x						x					QĐ 12/2014
3	1854.	Phẫu thuật nội nha - hàn ngược ống tuỷ	x	x						x					QĐ 12/2014
3	1857.	Tẩy trắng răng nội tuỷ	x	x									x		QĐ 12/2014
3	1858.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	x	x						x					QĐ 12/2014
3	1859.	Điều trị tuỷ răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng châm xoay cầm tay	x	x						x					QĐ 12/2014
3	1860.	Chụp Composite	x	x									x		QĐ 630/2016
3	1874.	Chụp Composite	x	x									x		QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1893.	Tháo chốt răng giả	x	x								x			QĐ 12/2014
3	1894.	Tháo cầu răng giả	x	x								x			QĐ 12/2014
3	1895.	Tháo chụp răng giả	x	x									x		QĐ 12/2014
3	1914.	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	1915.	Nhổ chân răng vĩnh viễn	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	1916.	Nhổ răng thừa	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	1917.	Nhổ răng vĩnh viễn	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	1918.	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	1919.	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	1920.	Nhổ chân răng vĩnh viễn	x	x	x							x			QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1921.	Nhổ răng thừa	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	1922.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1924.	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	1925.	Liên kết cố định răng lung lay bằng Composite	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	1926.	Điều trị viêm lợi do mọc răng	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	1927.	Điều trị viêm quanh thân răng cấp	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	1928.	Điều trị viêm quanh răng	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	1929.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	1930.	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	1931.	Phục hồi cổ răng bằng Composite	x	x	x							x			QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1932.	Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	1933.	Chụp tuỷ bằng Hydroxit canxi {Ca(OH)2 }	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	1935.	Mài chỉnh khớp cắn	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	1936.	Tháo chụp răng giả	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	1937.	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement (GIC) hoá trùng hợp	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	1938.	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement (GIC) quang trùng hợp	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	1939.	Trám bít hố rãnh với Composite hoá trùng hợp	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	1940.	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	1941.	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	1942.	Điều trị răng sữa viêm tuỷ có hồi phục	x	x	x						x				QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1943.	Lấy tuỷ buồng răng sữa	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	1944.	Điều trị tuỷ răng sữa	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	1945.	Điều trị đóng cuống răng bằng $Ca(OH)_2$	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	1946.	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	1947.	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	1949.	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	1950.	Hàn răng không sang chấn với GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	x						x			QĐ 12/2014
3	1951.	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Amalgam	x	x	x	x				x					QĐ 12/2014
3	1952.	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Composite	x	x	x	x				x					QĐ 12/2014
3	1953.	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	x						x			QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1954.	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	x						x			QĐ 12/2014
3	1955.	Nhổ răng sữa	x	x	x	x						x			QĐ 12/2014
3	1956.	Nhổ chân răng sữa	x	x	x	x						x			QĐ 12/2014
3	1957.	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	1958.	Chích Apxe lợi trẻ em	x	x	x	x						x			QĐ 12/2014
3	1959.	Điều trị viêm lợi trẻ em	x	x	x	x						x			QĐ 12/2014
3	1960.	Chích áp xe lợi	x	x	x	x						x			QĐ 12/2014
3	1961.	Điều trị viêm lợi do mọc răng	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	1963.	Sửa hàm giả gãy	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	1967.	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1970.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Eugenate	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	1971.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	1972.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	1974.	Lấy cao răng 2 hàm (Các kỹ thuật)	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	1981.	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên Lefort II bằng chỉ thép	x	x				x							QĐ 12/2014
3	1982.	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên Lefort II bằng nẹp vít hợp kim	x	x				x							QĐ 12/2014
3	1987.	Phẫu thuật điều trị can sai xương hàm trên	x	x			x								QĐ 630/2016
3	1988.	Phẫu thuật điều trị can sai xương hàm dưới	x	x			x								QĐ 630/2016
3	1989.	Phẫu thuật điều trị can sai xương gò má	x	x			x								QĐ 630/2016
3	1993.	Phẫu thuật mở xương hàm trên một bên	x	x			x								QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	1994.	Phẫu thuật mở xương hàm trên hai bên	x	x			x								QĐ 630/2016
3	1995.	Phẫu thuật mở xương hàm dưới một bên	x	x			x								QĐ 630/2016
3	1996.	Phẫu thuật mở xương hàm dưới hai bên	x	x			x								QĐ 630/2016
3	1997.	Phẫu thuật mở xương 2 hàm	x	x			x								QĐ 630/2016
3	2017.	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hổng tổ chức	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2018.	Cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2019.	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương hàm dưới bằng chỉ thép	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2020.	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2022.	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương gò má bằng chỉ thép	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2023.	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít hợp kim	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2025.	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy cung tiếp bằng chỉ thép	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2026.	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2028.	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chỉ thép	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2029.	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2031.	Điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nắn chỉnh (có gây tê hoặc gây tê)	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2032.	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên Lefort I bằng chỉ thép	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2033.	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên Lefort I bằng nẹp vít hợp kim	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2035.	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương chính mũi bằng chỉ thép	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2036.	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít hợp kim	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2041.	Phẫu thuật cắt đường rò môi dưới	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2042.	Phẫu thuật làm sâu ngách tiền đình	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2043.	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan toả vùng hàm mặt	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2044.	Phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2045.	Phẫu thuật điều trị viêm xoang hàm do răng	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2046.	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo rò điều trị viêm xương hàm	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2049.	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2050.	Phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm trên	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2051.	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên có can thiệp xoang	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2052.	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm dưới	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2053.	Phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm dưới	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2055.	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2056.	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê	x	x								x			QĐ 12/2014
3	2057.	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng máng phẫu thuật	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2058.	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng cung cố định 2 hàm	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2059.	Cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng các nút Ivy	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2061.	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2063.	Điều trị gãy xương chính mũi bằng nắn chỉnh	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2064.	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2065.	Phẫu thuật cắt lồi xương	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2066.	Điều trị viêm tuyến mang tai bằng bơm rửa thuốc qua lỗ ống tuyến	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2067.	Phẫu thuật lấy sỏi ống Wharton tuyến dưới hàm	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2068.	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức	x	x	x			x							QĐ 12/2014
3	2069.	Nắn sai khớp thái dương hàm	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	2070.	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	2071.	Chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	2072.	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	x	x	x						x				QĐ 12/2014
3	2074.	Dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	2075.	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	2076.	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	x	x	x						x				QĐ 12/2014
3	2077.	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	x	x	x	x				x					QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2098.	Tạo hình ống tai ngoài phần xương	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2100.	Phẫu thuật tai xương chũm trong viêm màng não	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2101.	Phẫu thuật tai xương chũm trong viêm tắc tĩnh mạch bên	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2102.	Phẫu thuật tiệt căn xương chũm	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2103.	Phẫu thuật sào bào thượng nhĩ, vá nhĩ	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2104.	Vá nhĩ đơn thuần	x	x					x						QĐ 12/2014
3	2106.	Tạo hình khuyết bộ phận vành tai, vạt da có cuống	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2107.	Thủ thuật nong vòi nhĩ	x	x								x			QĐ 12/2014
3	2108.	Đặt ống thông khí hòm tai	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2110.	Phẫu thuật cắt vành tai	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2114.	Phẫu thuật nạo vét sụn vành tai	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	2115.	Khâu vành tai rách sau chấn thương	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	2116.	Thông vòi nhĩ	x	x	x									x	QĐ 1746/2017
3	2117.	Lấy dị vật tai	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	2118.	Chọc hút dịch tụ huyết vành tai	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	2119.	Chích nhọt ống tai ngoài	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	2120.	Làm thuốc tai	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	2121.	Chích rạch màng nhĩ	x	x										x	QĐ 12/2014
3	2122.	Đặt ống thông khí tại giữa	x	x					x						QĐ 12/2014
3	2123.	Phẫu thuật đặt ống thông khí	x	x					x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2124.	Phẫu thuật tăng cường màng nhĩ - đặt ống thông khí	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2125.	Lấy dáy tai (nút biểu bì)	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	2131.	Phẫu thuật nội soi giảm áp ổ mắt	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2133.	Phẫu thuật lấy dị vật trong xoang, ổ mắt	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2134.	Phẫu thuật tịt cửa mũi sau trẻ em	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2135.	Phẫu thuật cạnh mũi lấy u hốc mũi	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2136.	Phẫu thuật rò vùng sống mũi	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2139.	Khâu lỗ thủng bịt vách ngăn mũi	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2141.	Phẫu thuật nạo sàng hàm	x	x	x			x							QĐ 12/2014
3	2142.	Phẫu thuật Caldwell-Luc, phẫu thuật xoang hàm lấy răng	x	x	x			x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2145.	Phẫu thuật vách ngăn mũi	x	x	x			x							QĐ 12/2014
3	2146.	Phẫu thuật nạo VA đặt ống thông khí	x	x	x			x							QĐ 630/2016
3	2147.	Phẫu thuật lỗ thông mũi xoang qua khe dưới	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	2148.	Nắn sống mũi sau chấn thương	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	2149.	Nhét bấc mũi sau	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	2150.	Nhét bấc mũi trước	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	2151.	Đốt cuốn mũi	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	2152.	Bẻ cuốn dưới	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	2153.	Chọc rửa xoang hàm	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	2154.	Làm Proetz	x	x	x									x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2155.	Cầm máu mũi bằng Meroxeo (2 bên)	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
3	2166.	Phẫu thuật chỉnh hình chấn thương thanh quản	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2172.	Phẫu thuật chỉnh hình họng, màn hầu, lưỡi gà	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2173.	Phẫu thuật chỉnh hình lỗ mở khí quản trong cắt thanh quản toàn phần	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2174.	Phẫu thuật cắt phanh môi, má, lưỡi	x	x	x				x						QĐ 630/2016
3	2175.	Chích áp xe thành sau họng	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	2178.	Lấy dị vật hạ họng	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	2179.	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	2180.	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	2181.	Chích áp xe quanh Amidan	x	x	x							x			QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2182.	Đốt nhiệt họng hạt	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	2184.	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	2185.	Bơm rửa đường hô hấp qua nội khí quản	x	x	x				x						QĐ 630/2016
3	2187.	Rửa vòm họng	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	2188.	Đặt nội khí quản khó: Co thắt khí quản, đe doạ ngạt thở	x	x	x				x						QĐ 630/2016
3	2189.	Sơ cứu bỏng kỳ đầu đường hô hấp	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	2190.	Lấy dị vật họng miệng	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	2191.	Khí dung mũi họng	x	x	x	x						x			QĐ 12/2014
3	2197.	Phẫu thuật cắt u xơ vòm mũi họng	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2205.	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe quanh thực quản	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2207.	Phẫu thuật chấn thương xoang trán	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2211.	Phẫu thuật lấy đường rò tai, cổ	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2212.	Phẫu thuật tạo hình sống mũi, cánh mũi	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2213.	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ mặt trên 5cm	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2214.	Phẫu thuật chỉnh hình sẹo hẹp lỗ mũi trước	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2215.	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ mặt dưới 5cm	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2216.	Phẫu thuật tuyến dưới hàm	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2219.	Phẫu thuật chấn thương thanh khí quản	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2220.	Khâu phục hồi thanh quản do chấn thương	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2222.	FESS giải quyết các u lành tính	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2224.	Phẫu thuật chỉnh hình khối mũi sàng	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2225.	Phẫu thuật chỉnh hình xương gò má	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2226.	Phẫu thuật cắt mỏm trám	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2227.	Phẫu thuật khâu phục hồi tổn thương phần mềm miệng, họng	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2234.	Phẫu thuật chấn thương mạch máu vùng cổ	x	x			x								QĐ 1746/2017
3	2235.	Phẫu thuật tạo hình vòm miệng thủng sau mổ khe hở vòm miệng	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2237.	Phẫu thuật tạo hình điều trị khe hở vòm miệng	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2238.	Đốt họng bằng khí nitơ lỏng	x	x	x							x			QĐ 1746/2017
3	2240.	Phẫu thuật nạo VA gây mê	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	2243.	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ	x	x	x					x					QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2245.	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	2246.	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh	x	x								x			QĐ 12/2014
3	2248.	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa	x	x					x						QĐ 12/2014
3	2250.	Phẫu thuật tạo hình âm đạo (nội soi kết hợp đường dưới)	x					x							QĐ 12/2014
3	2252.	Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2253.	Phẫu thuật cắt âm vật phì đại	x	x					x						QĐ 12/2014
3	2254.	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	x	x			x								QĐ 12/2014
3	2255.	Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu- sinh dục	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2257.	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2258.	Chích áp xe tuyến Bartholin	x	x	x									x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2259.	Dẫn lưu cùng đồ Douglas	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	2260.	Chọc dò túi cùng Douglas	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	2261.	Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ	x	x	x										QĐ 12/2014
3	2262.	Lấy dị vật âm đạo	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	2263.	Khâu rách cùng đồ âm đạo	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	2264.	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	2265.	Phong bế ngoài màng cứng	x	x									x		QĐ 12/2014
3	2326.	Dẫn lưu ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2329.	Đặt sonde dẫn lưu khoang màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	2330.	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế điều trị giãn phế quản, áp xe phổi	x	x	x							x			QĐ 630/2016
3	2331.	Rút sonde dẫn lưu màng phổi, sonde dẫn lưu ổ áp xe	x	x	x							x			QĐ 630/2016
3	2332.	Chọc dò màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x								x		QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2333.	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	2334.	Đặt stent đường mật, đường tuỵ	x								x				QĐ 630/2016
3	2335.	Đặt dẫn lưu áp xe gan dưới siêu âm	x	x								x			QĐ 630/2016
3	2337.	Đặt dẫn lưu ổ dịch/áp xe ổ bụng sau mổ dưới siêu âm	x	x								x			QĐ 12/2014
3	2339.	Thắt tĩnh mạch thực quản	x	x								x			QĐ 630/2016
3	2341.	Chọc hút tế bào gan dưới hướng dẫn siêu âm	x	x								x			QĐ 1746/2017
3	2342.	Sinh thiết gan bằng kim/ dụng cụ sinh thiết dưới siêu âm	x	x								x			QĐ 1746/2017
3	2343.	Tiêm thuốc điều trị nang gan dưới hướng dẫn siêu âm	x	x								x			QĐ 1746/2017
3	2344.	Chọc hút và tiêm thuốc nang gan	x	x								x			QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2352.	Chọc áp xe gan qua siêu âm	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	2354.	Chọc dịch màng bụng	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	2355.	Dẫn lưu dịch màng bụng	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	2356.	Chọc hút áp xe thành bụng	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	2357.	Thụt tháo phân	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	2358.	Đặt sonde hậu môn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	2359.	Nong hậu môn	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	2360.	Kỹ thuật chọc hút dịch nang đơn thận qua da phối hợp bơm cồn tuyệt đối làm xơ hóa nang dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x								x			QĐ 1746/2017
3	2362.	Dẫn lưu bể thận qua da dưới siêu âm	x	x								x			QĐ 12/2014
3	2363.	Sinh thiết thận qua da dưới siêu âm	x	x								x			QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2364.	Bơm rửa bàng quang, bơm hoá chất	x	x									x		QĐ 1746/2017
3	2365.	Lọc màng bụng chu kỳ	x	x									x		QĐ 1746/2017
3	2367.	Chọc dịch khớp	x	x								x			QĐ 630/2016
3	2371.	Tiêm chất nhờn vào khớp	x	x								x			QĐ 1746/2017
3	2372.	Tiêm corticoide vào khớp	x	x								x			QĐ 630/2016
3	2373.	Tiêm thuốc ngoài màng cứng	x	x									x		QĐ 630/2016
3	2379.	Test lẩy da với các dị nguyên	x	x										x	QĐ 12/2014
3	2380.	Giảm mẫn cảm đường tiêm và dưới da	x	x								x			QĐ 630/2016
3	2382.	Test lẩy da (Prick test) với các loại thuốc	x	x	x	x						x			QĐ 12/2014
3	2383.	Test nội bì	x	x	x	x						x			QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2384.	Test áp (Patch test) với các loại thuốc	x	x	x	x						x			QĐ 12/2014
3	2385.	Lấy bệnh phẩm họng để chẩn đoán các bệnh nhiễm trùng	x	x										x	QĐ 12/2014
3	2386.	Lấy bệnh phẩm trực tràng để chẩn đoán các bệnh nhiễm trùng	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	2387.	Tiêm trong da	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	2388.	Tiêm dưới da	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	2389.	Tiêm bắp thịt	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	2390.	Tiêm tĩnh mạch	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	2391.	Truyền tĩnh mạch	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	2406.	Phẫu thuật nạo viêm lao xương sườn	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2407.	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp ức sườn, khớp ức đòn	x	x					x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2408.	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp vai	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2409.	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp khuỷu	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2410.	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn tay	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2411.	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cánh tay	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2412.	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng tay	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2413.	Phẫu thuật nạo viêm lao xương đốt bàn-ngón tay	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2414.	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cùng chậu	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2415.	Phẫu thuật nạo viêm lao xương chậu	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2416.	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp háng	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2417.	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp gối	x	x					x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2418.	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn chân	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2419.	Phẫu thuật nạo viêm lao xương đùi	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2420.	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng chân	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2421.	Phẫu thuật nạo viêm lao xương bàn-ngón chân	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2422.	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe lạnh thắt lưng do lao	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2423.	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe lạnh hố chậu do lao	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2424.	Bơm rửa ổ lao khớp	x	x								x			QĐ 630/2016
3	2426.	Phẫu thuật bóc tách, cắt bỏ hạch lao to vùng cổ	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2427.	Phẫu thuật bóc tách, cắt bỏ hạch lao to vùng nách	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2428.	Phẫu thuật bóc tách, cắt bỏ hạch lao to vùng bẹn	x	x					x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2429.	Phẫu thuật thăm dò lao tinh hoàn /bìu	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2435.	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao thành ngực	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2436.	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu các khớp ngoại biên	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2437.	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng cổ	x	x	x				x						QĐ 630/2016
3	2438.	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng nách	x	x	x				x						QĐ 630/2016
3	2439.	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng bẹn	x	x	x				x						QĐ 630/2016
3	2442.	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính trên 10 cm	x	x	x			x							QĐ 630/2016
3	2443.	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính 5 đến 10 cm	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2444.	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính trên 10 cm	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2446.	Đốt lạnh u mạch máu vùng mặt cổ	x	x								x			QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2447.	Cắt ung thư da có vá da rộng đường kính dưới 5cm	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2448.	Cắt ung thư da có vá da rộng đường kính trên 5cm	x	x			x								QĐ 630/2016
3	2449.	Cắt u da vùng mặt, tạo hình.	x	x			x								QĐ 630/2016
3	2450.	Cắt u vùng tuyến mang tai	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	2451.	Cắt u phần mềm vùng cổ	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2452.	Cắt u nang bạch huyết vùngcổ	x	x					x						QĐ 1746/2017
3	2454.	Cắt nang giáp móng	x	x					x						QĐ 1746/2017
3	2455.	Cắt u da đầu lành, đường kính từ 5 cm trở lên	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2456.	Cắt u da đầu lành, đường kính dưới 5 cm	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	2457.	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính dưới 10 cm	x	x	x			x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2458.	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính dưới 5 cm	x	x	x					x					QĐ 1746/2017
3	2459.	Điều trị các u sọ não bằng dao gamma	x	x											QĐ 1746/2017
3	2508.	Cắt u vùng hàm mặt đơn giản	x	x						x					QĐ 630/2016
3	2509.	Cắt u sắc tố vùng hàm mặt	x	x						x					QĐ 12/2014
3	2512.	Cắt u cơ vùng hàm mặt	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2513.	Cắt u lợi đường kính dưới hoặc bằng 2cm	x	x					x						QĐ 12/2014
3	2514.	Cắt toàn bộ u lợi 1 hàm	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2515.	Cắt bỏ nang xương hàm từ 2-5 cm	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2516.	Cắt nang xương hàm khó	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2517.	Cắt u môi lành tính có tạo hình	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2518.	Cắt u tuyến nước bọt dưới hàm	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2519.	Cắt u tuyến nước bọt dưới lưỡi	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2522.	Cắt nang vùng sàn miệng	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2523.	Cắt nang vùng sàn miệng và tuyến nước bọt dưới hàm	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2531.	Cắt bỏ u lành tính vùng tuyến nước bọt mang tai hoặc dưới hàm trên 5 cm	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2532.	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2533.	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính trên 3 cm	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2534.	Cắt bỏ nang xương hàm dưới 2cm	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	2535.	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	2536.	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm	x	x	x			x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2537.	Cắt nang răng đường kính dưới 2 cm	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	2538.	Cắt bỏ u lành tính vùng tuyến nước bọt mang tai hoặc dưới hàm từ 2-5 cm	x	x	x			x							QĐ 12/2014
3	2543.	Cắt u mi cả bề dày không vá	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2544.	Cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2545.	Cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2548.	Cắt u kết mạc, giác mạc không vá	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2549.	Cắt u kết mạc không vá	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2550.	Cắt u kết mạc, giác mạc cú ghép kết mạc, màng ối hoặc giác mạc	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2552.	Cắt u hốc mắt không mở xương hốc mắt	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2582.	Cắt u lưỡi qua đường miệng	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2587.	Cắt u amidan qua đường miệng	x	x					x						QĐ 12/2014
3	2590.	Cắt u máu vùng cổ	x	x			x								QĐ 630/2016
3	2591.	Cắt u biểu bì vùng cổ	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2592.	Cắt u nhái sàn miệng	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2606.	Cắt khối u khẩu cái	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2607.	Cắt u thành sau họng	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2608.	Cắt u thành bên họng	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2609.	Phẫu thuật cạnh mũi lấy u hốc mũi	x	x					x						QĐ 12/2014
3	2610.	Cắt u xương ống tai ngoài	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2612.	Súc rửa vòm họng trong điều trị xạ trị	x	x										x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2613.	Cắt polyp ống tai	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	2614.	Cắt polyp mũi	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	2632.	Mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2635.	Phẫu thuật bóc kén màng phổi	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2636.	Phẫu thuật cắt kén khí phổi	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2641.	Phẫu thuật bóc u thành ngực	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2644.	Cắt u máu, u bạch huyết đường kính dưới 5 cm	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2660.	Cắt 2/3 dạ dày do ung thư	x	x											QĐ 630/2016
3	2662.	Cắt đoạn đại tràng, làm hậu môn nhân tạo	x	x											QĐ 630/2016
3	2663.	Cắt đoạn đại tràng ngang, đại tràng sigma nối ngay	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2664.	Cắt một nửa đại tràng phải, trái	x	x											QĐ 630/2016
3	2666.	Cắt u sau phúc mạc	x	x											QĐ 630/2016
3	2667.	Cắt u mạc treo có cắt ruột	x	x											QĐ 630/2016
3	2668.	Cắt u mạc treo không cắt ruột	x	x											QĐ 630/2016
3	2670.	Cắt đoạn ruột non do u	x	x											QĐ 630/2016
3	2671.	Mổ thăm dò ổ bụng, sinh thiết u	x	x											QĐ 630/2016
3	2672.	Cắt u nang mạc nối lớn	x	x											QĐ 630/2016
3	2675.	Mở thông dạ dày ra da do ung thư	x	x	x										QĐ 630/2016
3	2685.	Cắt chỏm nang gan	x	x											QĐ 630/2016
3	2686.	Cắt gan không điển hình-Cắt gan nhỏ do ung thư	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2688.	Dẫn lưu đường mật ra da do ung thư	x	x											QĐ 630/2016
3	2692.	Khâu cầm máu gan và dẫn lưu ổ bụng do ung thư gan vỡ	x	x											QĐ 630/2016
3	2694.	Cắt chỏm nang gan bằng nội soi hay mở bụng	x	x											QĐ 630/2016
3	2695.	Cắt phân thuỳ gan	x	x											QĐ 630/2016
3	2696.	Cắt đuôi tuỵ và cắt lách	x	x											QĐ 630/2016
3	2699.	Cắt lách do u, ung thư,	x	x											QĐ 630/2016
3	2709.	Cắt một phần bàng quang	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2710.	Cắt u tinh hoàn có sinh thiết trong mổ	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2711.	Cắt u phần mềm bìu	x	x						x					QĐ 630/2016
3	2712.	Cắt u thận lành	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2713.	Cắt ung thư thận	x	x											QĐ 630/2016
3	2715.	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2716.	Cắt u bàng quang đường trên	x	x											QĐ 630/2016
3	2717.	Cắt một nửa bàng quang và cắt túi thừa bàng quang	x	x											QĐ 630/2016
3	2720.	Cắt u lành dương vật	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2725.	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2726.	Cắt cụt cổ tử cung	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2729.	Cắt u nang buồng trứng xoắn	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	2730.	Cắt u nang buồng trứng	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	2731.	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	x	x	x				x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2732.	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	2733.	Cắt u thành âm đạo	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	2734.	Bóc nang tuyến Bartholin	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	2735.	Cắt u vú lành tính	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	2736.	Mổ bóc nhân xơ vú	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	2744.	Cắt cụt cánh tay do ung thư	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	2745.	Tháo khớp khuỷu tay do ung thư	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	2746.	Tháo khớp cổ tay do ung thư	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	2747.	Tháo khớp háng do ung thư chi dưới	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	2748.	Căt cụt cẳng chân do ung thư	x	x				x							QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2749.	Cắt cụt đùi do ung thư chi dưới	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	2750.	Tháo khớp gối do ung thư	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	2751.	Tháo nửa bàn chân trước do ung thư	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	2752.	Tháo khớp cổ chân do ung thư	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	2753.	Cắt rộng thương tổn phần mềm do ung thư + cắt các cơ liên quan	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	2756.	Cắt u xơ cơ xâm lấn	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2757.	Cắt u thần kinh	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2758.	Cắt u xương, sụn	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2759.	Cắt chi và vét hạch do ung thư	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	2760.	Cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính dưới 5cm	x	x					x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2761.	Cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính bằng và trên 5cm	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2763.	Cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2765.	Cắt u bạch mạch đường kính dưới 10 cm	x	x	x				x						QĐ 1746/2017
3	2766.	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10cm	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	2767.	Cắt u máu khu trú, đường kính dưới 5 cm	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	2768.	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	2769.	Cắt u bao gân	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	2770.	Cắt u xương sụn lành tính	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	2820.	Siêu âm tim tại giường										x			QĐ 1746/2017
3	2833.	Bóc nhân tuyến giáp	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2834.	Bóc nhân độc tuyến giáp	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2835.	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x	x					x						QĐ 1746/2017
3	2847.	Dẫn lưu áp xe tuỵ	x	x						x					QĐ 630/2016
3	2849.	Cắt thân và đuôi tuỵ	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2850.	Cắt đuôi tuỵ và cắt lách	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2851.	Cắt u nang tuỵ, không cắt tuỵ có dẫn lưu	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2855.	Cắt u lành tuyến tiền liệt đường bụng	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2857.	Cắt bỏ tinh hoàn ung thư lạc chỗ có hoặc không vét hạch ổ bụng	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2859.	Cắt bỏ tinh hoàn	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2911.	Phẫu thuật rút ngắn, gấp cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2912.	Phẫu thuật treo mi lên cơ trán điều trị sụp mi	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2913.	Phẫu thuật chuyển gân điều trị hở mi	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2914.	Phẫu thuật điều trị hở mi	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2915.	Phẫu thuật chuyển gân điều trị trễ mi	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2916.	Phẫu thuật điều trị trễ mi dưới	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2919.	Phẫu thuật tạo hình mi mắt toàn bộ	x	x			x								QĐ 630/2016
3	2920.	Phẫu thuật tạo hình mi mắt từng phần	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2921.	Phẫu thuật tạo hình mi mắt kết hợp các bộ phận xung quanh	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2922.	Phẫu thuật tạo hình mắt 1 mí thành 2 mí	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2923.	Phẫu thuật cắt bỏ da thừa mi mắt	x	x					x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2924.	Phẫu thuật tạo hình môi toàn bộ	x	x			x								QĐ 12/2014
3	2925.	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2926.	Phẫu thuật tạo hình môi kết hợp các bộ phận xung quanh	x	x			x								QĐ 12/2014
3	2928.	Phẫu thuật tạo hình khe hở môi	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2929.	Phẫu thuật tạo hình môi, mũi cho người bệnh đã mổ khe hở môi	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2932.	Phẫu thuật tạo hình từng phần vành tai	x	x					x						QĐ 12/2014
3	2933.	Phẫu thuật tạo hình vành tai kết hợp các bộ phận xung quanh	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2934.	Cắt sụn thừa nắp tai	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	2935.	Phẫu thuật tai vểnh	x	x	x			x							QĐ 12/2014
3	2939.	Phẫu thuật tạo hình mũi từng phần	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2940.	Phẫu thuật tạo hình mũi kết hợp các bộ phận xung quanh	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2941.	Phẫu thuật nâng cánh mũi bị sập	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2943.	Phẫu thuật chỉnh sửa chóp mũi (hếch, khoằm, nhọn...)	x	x					x						QĐ 12/2014
3	2944.	Phẫu thuật tạo hình rốn	x	x					x						QĐ 1746/2017
3	2945.	Phẫu thuật tái tạo thành bụng đơn giản	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2949.	Phẫu thuật cắt bỏ sẹo xấu ngắn dưới 5cm: Tạo hình phức tạp	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2950.	Phẫu thuật cắt bỏ sẹo xấu dài trên 5cm: Tạo hình phức tạp	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2951.	Phẫu thuật tái tạo tổn khuyết da bằng ghép da tự do	x	x					x						QĐ 12/2014
3	2952.	Phẫu thuật tái tạo tổn khuyết da bằng vạt có cuống	x	x			x								QĐ 12/2014
3	2953.	Phẫu thuật tái tạo tổn khuyết da bằng vạt tại chỗ	x	x					x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2954.	Phẫu thuật tái tạo tổn khuyết da bằng vạt hình trụ	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2957.	Phẫu thuật cắt bỏ nốt ruồi phức tạp	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2966.	Phẫu thuật cắt bỏ nốt ruồi đơn giản	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	2967.	Phẫu thuật cắt bỏ sẹo xấu ngắn dưới 5cm: Cắt khâu đơn giản	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	2968.	Phẫu thuật cắt bỏ sẹo xấu dài trên 5cm: Cắt khâu đơn giản	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	2974.	Điều trị sẹo lõm bằng giải phóng các dải xơ dính	x	x	x					x					QĐ 630/2016
3	2977.	Phẫu thuật tạo hình co rút bàn tay sau bỏng	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2978.	Phẫu thuật tạo hình co rút hệ vận động sau bỏng	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2979.	Phẫu thuật tạo hình co rút nếp gấp tự nhiên sau bỏng	x	x					x						QĐ 630/2016
3	2981.	Phẫu thuật cấy ghép tóc, lông mày điều trị di chứng bỏng	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2982.	Phẫu thuật cắt sẹo bỏng, ghép da dày toàn lớp kiểu Wolf-Kraun	x	x				x							QĐ 12/2014
3	2984.	Lấy túi giãn da, cắt bỏ sẹo bỏng, tạo hình ổ khuyết phần mềm	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2985.	Chuyển vạt da tại chỗ đơn giản điều trị sẹo bỏng	x	x					x						QĐ 12/2014
3	2986.	Chuyển vạt da xoay, chợt phức tạp điều trị sẹo bỏng	x	x				x							QĐ 630/2016
3	2987.	Chuyển vạt da có cuống mạch nuôi điều trị sẹo bỏng	x	x			x								QĐ 630/2016
3	2990.	Phẫu thuật cắt bỏ sẹo bỏng khâu kín	x	x	x			x							QĐ 12/2014
3	2994.	Điều trị bệnh da bằng tia hồng ngoại toàn thân	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	2995.	Điều trị bệnh da bằng tia hồng ngoại từng phần	x	x	x								x		QĐ 630/2016
3	2996.	Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm	x	x	x									x	QĐ 630/2016
3	2998.	Đắp mặt nạ điều trị bệnh da	x	x	x							x			QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	2999.	Chăm sóc da điều trị bệnh da	x	x	x							x			QĐ 630/2016
3	3004.	Chăm sóc người bệnh Pemphigus nặng	x	x	x									x	QĐ 630/2016
3	3007.	Chăm sóc người bệnh dị ứng thuốc nặng: Lyell, Stevens-Johnson	x	x	x							x			QĐ 630/2016
3	3023.	Thay băng người bệnh chợt, loét da dưới 20% diện tích cơ thể	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	3024.	Thay băng người bệnh chợt, loét da trên 20% diện tích cơ thể	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	3025.	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết dưới 20% diện tích cơ thể	x	x	x						x				QĐ 630/2016
3	3026.	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết trên 20% diện tích cơ thể	x	x	x						x				QĐ 630/2016
3	3029.	Cắt các dải xơ dính điều trị sẹo lõm	x	x	x					x					QĐ 630/2016
3	3030.	Phẫu thuật móng: bóc móng, móng chọc thịt, móng cuộn...	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3031.	Chích rạch áp xe nhỏ	x	x	x						x				QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3032.	Chích rạch áp xe lớn, dẫn lưu	x	x	x						x				QĐ 12/2014
3	3033.	Nạo vét lỗ đáo không viêm xương	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	3034.	Nạo vét lỗ đáo có viêm xương	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3035.	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
3	3036.	Điều trị hạt cơm phẳng bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
3	3037.	Điều trị chứng dày sừng bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng, gọt cắt bỏ	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
3	3038.	Điều trị dày sừng da dầu, ánh sáng bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
3	3039.	Điều trị u mềm lây bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
3	3040.	Điều trị u nhú, u mềm treo bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
3	3041.	Điều trị các thương tổn có sùi bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3042.	Điều trị sùi mào gà ở phụ nữ bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
3	3043.	Điều trị sùi mào gà ở nam giới bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
3	3044.	Điều trị u ống tuyến mồ hôi bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
3	3045.	Điều trị mắt cá chân bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
3	3046.	Điều trị chai chân bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
3	3047.	Điều trị sẩn cục bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
3	3048.	Điều trị bớt sùi da đầu <0.5cm bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
3	3059.	Khoan sọ thăm dò	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3060.	Ghép khuyết xương sọ	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3064.	Phẫu thuật áp xe não	x	x			x								QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3067.	Phẫu thuật viêm xương sọ	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3068.	Lấy máu tụ trong sọ, ngoài màng cứng, dưới màng cứng, trong não	x	x			x								QĐ 12/2014
3	3069.	Khâu vết thương xoang tĩnh mạch dọc trên, xoang tĩnh mạch trên, xoang hơi trán	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3070.	Phẫu thuật vết thương sọ não hở	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3071.	Mổ lấy khối máu tụ nội sọ do chấn thương sọ não phức tạp	x	x			x								QĐ 12/2014
3	3072.	Phẫu thuật mở nắp sọ giải áp, lấy máu tụ và chùng màng cứng	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3073.	Phẫu thuật giải phóng chèn ép tủy	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	3074.	Nhấc xương đầu lún qua da ở trẻ em dưới 1 tuổi	x	x						x					QĐ 12/2014
3	3075.	Phẫu thuật nhấc xương lún	x	x						x					QĐ 12/2014
3	3077.	Khâu nối dây thần kinh ngoại biên	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3078.	Đặt catheter não đo áp lực trong não	x	x						x					QĐ 1746/2017
3	3082.	Rạch da đầu rộng trong máu tụ dưới da đầu	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	3083.	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	3135.	Khâu vết thương tim, do đâm hay do mảnh đạn	x	x			x								QĐ 630/2016
3	3136.	Phẫu thuật vỡ tim do chấn thương ngực kín	x	x			x								QĐ 630/2016
3	3137.	Dẫn lưu màng tim qua đường Marfan	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3139.	Dẫn lưu màng tim qua đường cắt sụn sườn 5	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3208.	Phẫu thuật làm cầu nối điều trị tắc động mạch mãn tính	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3214.	Khâu vết thương mạch máu chi	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3216.	Phẫu thuật bắc cầu mạch máu để chạy thận nhân tạo	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3229.	Cắt 1 thuỳ kèm cắt 1 phân thuỳ phổi điển hình	x	x			x								QĐ 630/2016
3	3230.	Cắt 1 thuỳ hay 1 phân thuỳ phổi	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3231.	Cắt mảng thành ngực điều trị ổ cặn màng phổi (Schede)	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3232.	Phẫu thuật cắt phổi kèm theo bóc vỏ màng phổi	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3233.	Mở ngực nhỏ tạo dính màng phổi trong tràn khí màng phổi tái phát	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3234.	Mở lồng ngực thăm dò	x	x						x					QĐ 630/2016
3	3236.	Phẫu thuật mở lồng ngực khâu lỗ rò phế quản	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3243.	Bóc vỏ màng phổi điều trị ổ cặn màng phổi	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3245.	Mở màng phổi tối đa	x	x						x					QĐ 630/2016
3	3246.	Khâu vết thương nhu mô phổi	x	x						x					QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3247.	Đặt dẫn lưu khí, dịch màng phổi	x	x							x				QĐ 630/2016
3	3248.	Dẫn lưu áp xe phổi	x	x							x				QĐ 630/2016
3	3249.	Cắt phổi không điển hình (Wedge resection)	x	x						x					QĐ 630/2016
3	3250.	Mở lồng ngực lấy dị vật trong phổi	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3251.	Bóc màng phổi trong dày dính màng phổi	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3252.	Đánh xẹp thành ngực trong ổ cặn màng phổi	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3253.	Mở lồng ngực trong tràn khí màng phổi có cắt thuỳ phổi	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3255.	Cắt một xương sườn trong viêm xương	x	x						x					QĐ 630/2016
3	3257.	Mở ngực lấy máu cục màng phổi	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3258.	Mở lồng ngực trong tràn khí màng phổi, khâu lỗ thủng	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3259.	Khâu lại vết phẫu thuật lồng ngực bị nhiễm khuẩn	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3260.	Khâu cơ hoành bị rách hay thủng do chấn thương qua đường ngực	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3261.	Khâu kín vết thương thủng ngực	x	x	x				x						QĐ 630/2016
3	3263.	Khâu cơ hoành bị rách hay thủng do chấn thương qua đường bụng	x	x	x			x							QĐ 630/2016
3	3265.	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản	x	x	x	x						x			QĐ 630/2016
3	3282.	Dẫn lưu áp xe dưới cơ hoành	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3283.	Dẫn lưu áp xe dưới cơ hoành có cắt xương sườn	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3284.	Cắt 2/3 dạ dày do loét, viêm, u lành	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3285.	Phẫu thuật cắt 3/4 dạ dày	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3289.	Phẫu thuật điều trị xoắn dạ dày	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3290.	Cắt túi thừa tá tràng	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3291.	Phẫu thuật thoát vị cơ hoành có kèm trào ngược	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3292.	Mở dạ dày lấy bã thức ăn	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3293.	Nối dạ dày-ruột (omega hay Roux-en-Y)	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3297.	Mở thông dạ dày	x	x	x					x					QĐ 630/2016
3	3298.	Khâu lỗ thủng dạ dày, tá tràng đơn thuần	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3303.	Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc do thủng ruột: dẫn lưu ổ bụng, làm hậu môn nhân tạo	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3304.	Phẫu thuật điều trị xoắn trung tràng	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3305.	Phẫu thuật điều trị còn ống rốn tràng, túi thừa Meckel không biến chứng	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	3306.	Phẫu thuật điều trị viêm/chảy máu túi thừa Meckel	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3309.	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do bã thức ăn	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3310.	Phẫu thuật tắc ruột do giun	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3311.	Phẫu thuật điều trị xoắn ruột	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3312.	Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc do viêm ruột hoại tử biến chứng	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3313.	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do dính/dây chằng không cắt nối ruột	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3314.	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do dính/dây chằng có cắt nối ruột	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3316.	Làm hậu môn nhân tạo trẻ lớn	x	x						x					QĐ 12/2014
3	3317.	Phẫu thuật tháo lồng không cắt ruột	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3318.	Phẫu thuật tháo lồng có cắt ruột, nối ngay hoặc dẫn lưu 2 đầu ruột	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3319.	Cắt lại đại tràng	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3320.	Cắt đoạn đại tràng	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3321.	Đóng hậu môn nhân tạo	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3322.	Phẫu thuật cắt nửa đại tràng trái/phải	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	3325.	Thụt tháo đại tràng trong phình đại tràng bẩm sinh	x	x									x		QĐ 1746/2017
3	3326.	Tháo lồng bằng bơm khí/nước	x	x								x			QĐ 630/2016
3	3327.	Phẫu thuật viêm ruột thừa	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3328.	Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa	x	x	x			x							QĐ 12/2014
3	3329.	Phẫu thuật cắt túi thừa ruột non, ruột già	x	x	x				x						QĐ 630/2016
3	3330.	Phẫu thuật áp xe ruột thừa trong ổ bụng	x	x	x			x							QĐ 12/2014
3	3331.	Cắt đoạn ruột non	x	x	x				x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3332.	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	3341.	Phẫu thuật Longo	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3345.	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn tiền đình 1 thì/2 thì	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3346.	Xử trí vết thương tầng sinh môn phức tạp	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3347.	Phẫu thuật sa trực tràng không cắt ruột	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3348.	Phẫu thuật điều trị rò cạnh hậu môn	x	x						x					QĐ 630/2016
3	3349.	Phẫu thuật rò hậu môn phức tạp hay phẫu thuật lại	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3350.	Phẫu thuật áp xe hậu môn, có mở lỗ rò	x	x						x					QĐ 630/2016
3	3360.	Phẫu thuật khâu treo trĩ theo phương pháp Longo cải biên	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3364.	Cắt cơ tròn trong	x	x						x					QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3365.	Cắt trĩ từ 2 búi trở lên	x	x						x					QĐ 12/2014
3	3366.	Phẫu thuật trĩ độ II	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3367.	Phẫu thuật trĩ độ III	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3368.	Phẫu thuật trĩ độ IV	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3369.	Cắt bỏ trĩ vòng	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3370.	Phẫu thuật lại trĩ chảy máu	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3371.	Phẫu thuật trĩ nhồi máu phức tạp	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3373.	Thắt trĩ bằng dây cao su	x	x						x					QĐ 12/2014
3	3374.	Nong hậu môn dưới gây mê	x	x								x			QĐ 630/2016
3	3375.	Nong hậu môn không gây mê	x	x										x	QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3376.	Thắt trĩ độ I, II	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	3377.	Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3378.	Thắt trĩ có kèm bóc tách, cắt một bó trĩ	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3379.	Phẫu thuật trĩ nhồi máu nhỏ	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3380.	Cắt polype trực tràng	x	x	x				x						QĐ 630/2016
3	3383.	Cắt nang/polyp rốn	x	x						x					QĐ 630/2016
3	3384.	Phẫu thuật thoát vị khó: đùi, bịt	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3385.	Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư trong ổ bụng	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3386.	Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3387.	Phẫu thuật cắt u nang mạc nối lớn	x	x					x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3388.	Phẫu thuật cắt u nang mạc treo ruột không cắt ruột	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3389.	Phẫu thuật cắt u nang mạc treo ruột có cắt nối ruột	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3390.	Phẫu thuật cắt u sau phúc mạc	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3391.	Cắt u nang buồng trứng	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3392.	Cắt u tuyến thượng thận	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3393.	Cắt teratoma/u tế bào mầm vùng cùng cụt bằng đường mổ cùng cụt	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3394.	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đái chậu	x	x						x					QĐ 12/2014
3	3395.	Phẫu thuật thoát vị bẹn nghẹt	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3396.	Phẫu thuật thoát vị rốn nghẹt	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3397.	Phẫu thuật thoát vị vết mổ cũ thành bụng	x	x					x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3398.	Phẫu thuật lại chữa rò ống tiêu hoá sau mổ	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3399.	Dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	3400.	Lấy máu tụ tầng sinh môn	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	3401.	Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng thường	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	3402.	Mở bụng thăm dò	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	3403.	Khâu lại bục thành bụng đơn thuần	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3404.	Khâu lại da thì 2, sau nhiễm khuẩn	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	3405.	Chọc dò túi cùng Douglas	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	3406.	Chích áp xe tầng sinh môn	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	3407.	Phẫu thuật vết thương tầng sinh môn đơn giản	x	x	x					x					QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3411.	Cắt gan không điển hình do vỡ gan, cắt gan lớn	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	3412.	Cắt hạ phân thùy gan	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	3413.	Cắt gan không điển hình do vỡ gan, cắt gan nhỏ	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3414.	Cắt chỏm nang gan bằng mở bụng	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3415.	Khâu vỡ gan do chấn thương, vết thương gan	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3416.	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	3419.	Tán sỏi đường mật bằng thủy điện lực	x	x							x				QĐ 1746/2017
3	3422.	Lấy sỏi ống mật chủ, dẫn lưu ống Kehr kèm tạo hình cơ thắt Oddi	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	3427.	Cắt túi mật	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3428.	Cắt túi mật, mở ống mật chủ lấy sỏi, dẫn lưu Kehr	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3429.	Phẫu thuật điều trị áp xe gan do giun, mở ống mật chủ lấy giun	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3430.	Phẫu thuật điều trị thủng đường mật ngoài gan	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3434.	Lấy sỏi ống mật chủ, dẫn lưu ống Kehr, phẫu thuật lại	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3435.	Lấy sỏi ống mật chủ, dẫn lưu ống Kehr lần đầu	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3437.	Nối ống mật chủ - hỗng tràng	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3438.	Dẫn lưu đường mật ra da	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3439.	Đặt bộ phận giả đường mật qua da	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3440.	Chọc mật qua da, dẫn lưu tạm thời đường mật qua da.	x	x							x				QĐ 630/2016
3	3442.	Nối túi mật - hỗng tràng	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3443.	Dẫn lưu túi mật	x	x	x					x					QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3444.	Dẫn lưu nang ống mật chủ	x	x	x					x					QĐ 630/2016
3	3458.	Dẫn lưu áp xe tụy	x	x						x					QĐ 630/2016
3	3459.	Phẫu thuật vỡ tụy bằng chèn gạc cầm máu	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3460.	Dẫn lưu túi mật và dẫn lưu hậu cung mạc nối kèm lấy tổ chức tụy hoại tử	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3461.	Cắt lách bán phần do chấn thương	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	3463.	Cắt lách toàn bộ do chấn thương	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3470.	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	3471.	Cắt thận đơn thuần	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	3475.	Lấy sỏi san hô thận	x	x					x						QĐ 1746/2017
3	3476.	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang	x	x					x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3477.	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3478.	Lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3479.	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3480.	Tán sỏi ngoài cơ thể	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3481.	Chọc hút và bơm thuốc vào kén thận	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3482.	Dẫn lưu đài bể thận qua da	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3484.	Phẫu thuật khâu bảo tồn hoặc cắt thận bán phần trong chấn thương thận	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3485.	Phẫu thuật hở lấy sỏi thận sỏi niệu quản + kết hợp nội soi mềm để lấy toàn bộ sỏi	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3486.	Dẫn lưu bể thận tối thiểu	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3488.	Dẫn lưu thận	x	x	x				x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3489.	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3491.	Cắt nối niệu quản	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3492.	Lấy sỏi niệu quản	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3493.	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3494.	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3496.	Nong niệu quản	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3498.	Dẫn lưu niệu quản ra thành bụng 1 bên/ 2 bên	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3499.	Đóng dẫn lưu niệu quản 1 bên/ 2 bên	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3500.	Trồng niệu quản vào bàng quang 1bên/ 2 bên	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3517.	Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3519.	Dẫn lưu bàng quang bằng chọc trôca	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3522.	Cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3524.	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3525.	Bơm rửa bàng quang, bơm hoá chất	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3526.	Thay ống thông dẫn lưu thận, bàng quang	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3527.	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3529.	Dẫn lưu bàng quang trên xương mu bằng ống thông	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3531.	Mổ lấy sỏi bàng quang	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3532.	Mở thông bàng quang	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3533.	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang	x	x	x				x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3534.	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3535.	Đặt ống thông bàng quang	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	3547.	Lấy sỏi niệu đạo	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3549.	Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nước tiểu	x	x	x			x							QĐ 12/2014
3	3550.	Phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt	x	x	x			x							QĐ 12/2014
3	3572.	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ 1 bên một thì	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3576.	Cắt tinh mạc	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3577.	Cắt mào tinh	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3578.	Cắt phần phụ tinh hoàn/mào tinh hoàn xoắn	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3579.	Phẫu thuật tái tạo miệng sáo do hẹp miệng sáo	x	x					x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3580.	Thắt tĩnh mạch tinh trên bụng	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3582.	Phẫu thuật vỡ vật hang do gẫy dương vật	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3583.	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn/nang thừng tinh 1 bên/2 bên	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3584.	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn/nang thừng tinh 1 bên/2 bên	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3586.	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3587.	Phẫu thuật hạ lại tinh hoàn	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3589.	Phẫu thuật thoát vị bẹn bẹn nghẹt	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3590.	Phẫu thuật thoát vị đùi đùi nghẹt	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3593.	Chích rạch màng trinh điều trị ứ dịch âm đạo, tử cung	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3594.	Khâu vết thương âm hộ, âm đạo	x	x					x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3599.	Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên /2 bên	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3600.	Rạch rộng vòng thắt nghẹt bao quy đầu	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3601.	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	x	x	x			x							QĐ 12/2014
3	3603.	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3604.	Cắt hẹp bao quy đầu (phimosis)	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3605.	Mở rộng lỗ sáo	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3606.	Nong niệu đạo	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	3607.	Cắt bỏ tinh hoàn	x	x	x			x							QĐ 12/2014
3	3608.	Dẫn lưu áp xe bìu/tinh hoàn	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3630.	Cố định cột sống bằng vít qua cuống	x	x				x							QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3633.	Mở cung sau và cắt bỏ mỏm khớp dưới	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	3634.	Giải phóng chèn ép chấn thương cột sống thắt lưng	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	3635.	Cắt bỏ dây chằng vàng	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	3636.	Mở cung sau cột sống ngực	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	3637.	Giải phóng chèn ép chấn thương cột sống thắt lưng	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	3638.	Phẫu thuật cố định cột sống bằng cung kim loại	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	3640.	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương phức tạp (sọ não, ngực, bụng, chi)	x	x			x								QĐ 12/2014
3	3641.	Phẫu thuật kết hợp xương cột sống ngực	x	x			x								QĐ 1746/2017
3	3642.	Phẫu thuật kết hợp xương cột sống thắt lưng	x	x			x								QĐ 630/2016
3	3646.	Cố định nẹp vít gãy trật khớp vai	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3647.	Phẫu thuật trật khớp cùng đòn	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3648.	Tháo khớp vai	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	3649.	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương đòn	x	x	x			x							QĐ 12/2014
3	3651.	Lấy bỏ tổ chức u điều trị u xương	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3659.	Lấy bỏ tổ chức u điều trị u xương	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3661.	Phẫu thuật điều trị vẹo khuỷu, đục sửa trục	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3662.	Cố định nẹp vít gãy liên lồi cầu cánh tay	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3663.	Phẫu thuật gãy xương cánh tay kèm tổn thương thần kinh hoặc mạch máu	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3664.	Cố định Kirschner trong gãy đầu trên xương cánh tay	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3665.	Cố định nẹp vít gãy thân xương cánh tay	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3666.	Phẫu thuật cứng duỗi khớp khuỷu	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3667.	Phẫu thuật dính khớp khuỷu	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3669.	Phẫu thuật trật khớp khuỷu	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3671.	Phẫu thuật dính khớp khuỷu	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3672.	Phẫu thuật dính khớp quay trụ bẩm sinh	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3673.	Phẫu thuật can lệnh đầu dưới xương quay	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3675.	Phẫu thuật gãy đầu dưới xương quay và trật khớp quay trụ dưới	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3676.	Nắn găm Kirschner trong gãy Pouteau-Colles	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3677.	Phẫu thuật giải phóng dây giữa trong hội chứng ống cổ tay	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3678.	Cắt lọc vết thương gẫy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời	x	x						x					QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3679.	Phẫu thuật gãy Monteggia	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3680.	Cắt cụt cánh tay	x	x						x					QĐ 630/2016
3	3681.	Tháo khớp khuỷu	x	x						x					QĐ 630/2016
3	3682.	Cắt cụt cẳng tay	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3683.	Tháo khớp cổ tay	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3684.	Phẫu thuật gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3685.	Phẫu thuật viêm xương cánh tay: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	3686.	Phẫu thuật gãy mỏm trên ròng rọc xương cánh tay	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3687.	Phẫu thuật viêm xương cẳng tay đục, mổ, nạo, dẫn lưu	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	3688.	Phẫu thuật cố định nẹp vít gãy hai xương cẳng tay	x	x	x				x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3689.	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 2 xương cẳng tay	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3690.	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 1 xương cẳng tay	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3698.	Phẫu thuật chuyển gân điều trị cò ngón tay do liệt vận động	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3702.	Cắt dị tật bẩm sinh về bàn và ngón tay	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3703.	Găm đinh Kirschner gãy đốt bàn nhiều đốt bàn	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3704.	Phẫu thuật viêm tấy bàn tay, cả viêm bao hoạt dịch	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3705.	Phẫu thuật dị tật dính ngón, bằng và dưới 2 ngón tay	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3706.	Phẫu thuật điều trị ngón tay cò súng	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3707.	Phẫu thuật điều trị các dị tật bàn tay, di chứng vết thương bàn tay	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3708.	Phẫu thuật chuyển ngón thay thế ngón cái	x	x			x								QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3709.	Chuyển ngón có cuống mạch nuôi	x	x			x								QĐ 1746/2017
3	3710.	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	3711.	Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3712.	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương với Kirschner hoặc nẹp vít	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3721.	Phẫu thuật khoan xương có tưới rửa kháng sinh liên tục điều trị viêm xương tủy giai đoạn trung gian	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3722.	Phẫu thuật toác khớp mu	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3723.	Tháo khớp háng	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	3724.	Làm cứng khớp ở tư thế chức năng	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3725.	Đóng đinh xương đùi mở, ngược dòng	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3726.	Phẫu thuật cắt cụt đùi	x	x					x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3727.	Kết xương đinh nẹp một khối gãy liền mấu chuyển hoặc dưới mấu chuyển	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3728.	Kết xương đinh nẹp khối gãy trên lồi cầu, liên lồi cầu	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3729.	Phẫu thuật viêm xương khớp háng	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	3730.	Phẫu thuật trật khớp háng	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3731.	Phẫu thuật vỡ trần ổ khớp háng	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	3732.	Đặt đinh nẹp gãy xương đùi (xuôi dòng)	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3733.	Đặt nẹp vít gãy mâm chày và trên đầu xương chày	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3735.	Lấy bỏ tổ chức u điều trị u xương	x	x					x						QĐ 1746/2017
3	3737.	Phẫu thuật đóng đinh xương đùi dưới C Arm	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3738.	Đặt nẹp vít điều trị gãy mâm chày và đầu trên xương chày	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3739.	Cắt lọc vết thương gẫy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3740.	Cắt cụt dưới mấu chuyển xương đùi	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3741.	Phẫu thuật viêm xương đùi đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3742.	Phẫu thuật xơ cứng cơ thẳng trước	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3743.	Cố định ngoài điều trị gãy khung chậu	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3744.	Cố định ngoài điều trị gãy xương đùi	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3749.	Lấy bỏ toàn bộ xương bánh chè	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3751.	Phẫu thuật thay lại dây chằng chéo trước khớp gối	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	3754.	Néo ép hoặc buộc vòng chỉ thép gãy xương bánh chè	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3755.	Tháo khớp gối	x	x	x				x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3756.	Chọc hút máu tụ khớp gối, bó bột ống	x	x	x	x				x					QĐ 12/2014
3	3758.	Đóng đinh xương chày mở	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3759.	Đặt nẹp vít gãy thân xương chày	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3760.	Đặt nẹp vít gãy đầu dưới xương chày	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3763.	Phẫu thuật co gân Achille	x	x			x								QĐ 1746/2017
3	3765.	Phẫu thuật khớp giả xương chầy bẩm sinh có ghép xương	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3766.	Phẫu thuật khớp giả xương chầy	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3769.	Phẫu thuật chuyển gân điều trị bàn chân rủ do liệt vận động	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	3771.	Lấy u xương, ghép xương tự thân hoặc ghép xương đồng loại điều trị u xương	x	x					x						QĐ 1746/2017
3	3772.	Lấy bỏ tổ chức u điều trị u xương	x	x					x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3773.	Cố định ngoài điều trị gãy xương cẳng chân	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3774.	Cắt lọc vết thương gẫy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3775.	Cắt cụt cẳng chân	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3776.	Phẫu thuật viêm xương cẳng chân: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3777.	Phẫu thuật khoan xương có tưới rửa kháng sinh liên tục điều trị viêm xương tủy giai đoạn trung gian	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3778.	Găm Kirschner trong gãy mắt cá	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3779.	Kết hợp xương trong trong gãy xương mác	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3785.	Kết hợp xương điều trị gãy xương bàn, xương ngón chân	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3786.	Đặt vít gãy thân xương sên	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3787.	Đặt nẹp vít trong gãy trật xương chêm	x	x					x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3788.	Phẫu thuật Kirschner gãy thân xương sên	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3789.	Đặt nẹp vít gãy mắt cá trong, ngoài hoặc Dupuytren	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3792.	Tháo một nửa bàn chân trước	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3793.	Cắt lọc vết thương gẫy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời	x	x						x					QĐ 12/2014
3	3794.	Đặt nẹp điều trị vít gãy mắt cá trong, ngoài hoặc Dupuytren	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3795.	Tháo khớp cổ chân	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3796.	Tháo khớp kiểu Pirogoff	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3797.	Tháo bỏ các ngón chân	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3798.	Tháo đốt bàn	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3800.	Phẫu thuật bong lóc da và cơ phức tạp, sâu, rộng sau chấn thương	x	x					x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3801.	Chuyển vạt da có cuống mạch	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3802.	Tạo hình các vạt da che phủ, vạt trượt	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3803.	Nối gân gấp	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3804.	Gỡ dính gân	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3805.	Khâu nối thần kinh	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3806.	Gỡ dính thần kinh	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3807.	Vá da dày toàn bộ, diện tích bằng và trên 10cm2	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3808.	Phẫu thuật màng da cổ (Pterygium Colli)	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3809.	Ghép da rời rộng mỗi chiều trên 5cm	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3810.	Ghép da tự do trên diện hẹp	x	x					x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3811.	Cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3812.	Bơm rửa ổ áp xe khớp (khớp háng, khớp gối …)	x	x						x					QĐ 12/2014
3	3813.	Phẫu thuật viêm khớp mủ thứ phát có sai khớp	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3814.	Dẫn lưu viêm mủ khớp, không sai khớp	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3815.	Dẫn lưu áp xe cơ đái chậu	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3816.	Phẫu thuật vết thương bàn tay, cắt lọc đơn thuần	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3817.	Chích áp xe phần mềm lớn	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	3818.	Khâu lại da vết phẫu thuật sau nhiễm khuẩn	x	x	x									x	QĐ 12/2014
3	3819.	Nối gân duỗi	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3820.	Tạo hình bằng các vạt tại chỗ đơn giản	x	x	x			x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3821.	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	3822.	Cắt hoại tử tiếp tuyến 10 đến 15% diện tích cơ thể	x	x	x				x						QĐ 630/2016
3	3823.	Cắt hoại tử tiếp tuyến từ dưới 10% diện tích cơ thể	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3824.	Vá da dầy toàn bộ, diện tích dưới 10cm^2	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3825.	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	3826.	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	3827.	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	3828.	Bột Corset Minerve, Cravate	x	x								x			QĐ 12/2014
3	3829.	Nắn, bó bột giai đoạn trong hội chứng Volkmann	x	x									x		QĐ 630/2016
3	3830.	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng	x	x								x			QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3831.	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ O	x	x								x			QĐ 1746/2017
3	3832.	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X	x	x								x			QĐ 1746/2017
3	3833.	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	x	x								x			QĐ 12/2014
3	3834.	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa xương đùi	x	x								x			QĐ 12/2014
3	3835.	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	x	x								x			QĐ 12/2014
3	3836.	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh	x	x								x			QĐ 630/2016
3	3837.	Nắn, bó bột gãy xương hàm	x	x	x							x			QĐ 630/2016
3	3838.	Nắn, bó bột cột sống	x	x	x							x			QĐ 630/2016
3	3839.	Nắn, bó bột trật khớp vai	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	3840.	Nắn, bó bột gãy xương đòn	x	x	x									x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3841.	Nắn, bó bột gẫy 1/3 trên thân xương cánh tay	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	3842.	Nắn, bó bột gẫy 1/3 giữa thân xương cánh tay	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	3843.	Nắn, bó bột gẫy 1/3 dưới thân xương cánh tay	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	3844.	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	3845.	Nắn bó bột gãy và trật khớp khuỷu	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	3846.	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	3847.	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	3848.	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ III và độ IV	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	3849.	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	3850.	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	x	x	x							x			QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3851.	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	3852.	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	3853.	Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	3854.	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	3855.	Nắn, bó bột trật khớp háng	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	3856.	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng	x	x	x							x			QĐ 630/2016
3	3857.	Nắn, bó bột gãy mâm chày	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	3858.	Nắn, bó bột gãy xương chậu	x	x	x							x			QĐ 630/2016
3	3859.	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi	x	x	x							x			QĐ 630/2016
3	3860.	Nắn, cố định trật khớp háng không có chỉ định phẫu thuật	x	x	x							x			QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3861.	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	3862.	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	3863.	Nắn, bó bột trật khớp gối	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	3864.	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	3865.	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	3866.	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	3867.	Nắn, bó bột gãy xương chày	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	3868.	Nắn, bó bột gãy Dupuytren	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	3869.	Nắn, bó bột gãy Monteggia	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	3870.	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	x	x	x							x			QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3871.	Nắn, bó bột gẫy xương gót	x	x	x							x			QĐ 12/2014
3	3872.	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	3873.	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	3874.	Nắn, cố định trật khớp hàm	x	x	x	x						x			QĐ 630/2016
3	3875.	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	3876.	Nắn, bú bột gãy xương các loại dưới C Arm	x	x	x	x						x			QĐ 12/2014
3	3877.	Nẹp bột các loại, không nắn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
3	3884.	Đục nạo xương viêm và chuyển vạt che phủ	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3885.	Nắn bó giai đoạn trong cơ quan vận động	x	x							x				QĐ 12/2014
3	3886.	Ghép trong mất đoạn xương	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3887.	Phẫu thuật điều trị can lệch, có kết hợp xương	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3888.	Phẫu thuật can lệch, không kết hợp xương	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3889.	Kết hợp xương bằng đinh Sign không mở ổ gãy	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3890.	Kết hợp xương bằng phương pháp không mổ	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3891.	Phẫu thuật Doenig	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3894.	Chuyển xoay vạt da, cơ ghép có cuống mạch liền không nối	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3895.	Tạo hình mở xương phức tạp (osteotomy)	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3896.	Phẫu thuật giải áp thần kinh ngoại biên	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3897.	Phẫu thuật điều trị liệt thần kinh vận động	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3898.	Chích rạch áp xe lớn, dẫn lưu	x	x	x								x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3899.	Mở cửa sổ xương	x	x	x				x						QĐ 630/2016
3	3900.	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3901.	Rút đinh các loại	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	3902.	Phẫu thuật vết thương khớp	x	x	x			x							QĐ 12/2014
3	3903.	Phẫu thuật viêm tấy phần mềm ở cơ quan vận động	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3904.	Mở khoang và giải phóng mạch bị chèn ép của các chi	x	x	x			x							QĐ 12/2014
3	3905.	Rút chỉ thép xương ức	x	x	x				x						QĐ 12/2014
3	3907.	Chuyển xoay vạt da ghép có cuống mạch liền không nối	x	x				x							QĐ 630/2016
3	3908.	Tạo hình bằng các vạt tự do đa dạng đơn giản	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3909.	Chích rạch áp xe nhỏ	x	x	x	x					x				QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3910.	Chích hạch viêm mủ	x	x	x	x					x				QĐ 12/2014
3	3911.	Thay băng, cắt chỉ	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
3	3915.	Cắt rò phần mềm	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3916.	Cắt u nang bao hoạt dịch	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3918.	Phẫu thuật lấy dị vật thành ngực, thành bụng	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3919.	Phẫu thuật lấy dị vật lồng ngực, ổ bụng	x	x				x							QĐ 12/2014
3	3920.	Phẫu thuật lấy dị vật phần mềm	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3921.	Phẫu thuật sinh thiết tổ chức phần mềm bề mặt	x	x						x					QĐ 630/2016
3	3922.	Phẫu thuật sinh thiết nội quan (ngực, bụng)	x	x					x						QĐ 630/2016
3	3923.	Phẫu thuật lại cầm máu do chảy máu sau mổ	x	x					x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3924.	Cắt lọc tổ chức hoại tử	x	x	x					x					QĐ 12/2014
3	3925.	Dẫn lưu áp xe cổ/áp xe tuyến giáp	x	x	x								x		QĐ 12/2014
3	3955.	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	3956.	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn dưới	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3957.	Phẫu thuật nội soi mũi xoang dẫn lưu u nhầy	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3958.	Phẫu thuật nội soi cuốn giữa và cuốn dưới	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3959.	Phẫu thuật nội soi mở sàng-hàm, cắt polyp mũi	x	x					x						QĐ 12/2014
3	3960.	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn	x	x					x						QĐ 1746/2017
3	3961.	Phẫu thuật nội soi nạo V.A	x	x					x						QĐ 1746/2017
3	3962.	Phẫu thuật nội soi vá nhĩ đơn thuần	x	x					x						QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	3963.	Phẫu thuật nội soi nạo V.A - đặt ống thông khí	x	x					x						QĐ 1746/2017
3	3964.	Phẫu thuật nội soi vá nhĩ	x	x					x						QĐ 1746/2017
3	3965.	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn giữa	x	x					x						QĐ 12/2014
3	4009.	Phẫu thuật nội soi điều trị lồng ruột	x	x				x							QĐ 630/2016
3	4011.	Phẫu thuật nội soi cắt u nang mạc nối lớn	x	x				x							QĐ 630/2016
3	4013.	Phẫu thuật nội soi điều trị apxe gan	x	x					x						QĐ 12/2014
3	4014.	Phẫu thuật nội soi điều trị nang gan đơn thuần	x	x					x						QĐ 12/2014
3	4015.	Phẫu thuật nội soi thăm dò ổ bụng ± sinh thiết	x	x					x						QĐ 12/2014
3	4022.	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở ống mật chủ lấy sỏi, đặt dẫn lưu Kehr	x	x				x							QĐ 630/2016
3	4023.	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu túi mật/đường mật ngoài gan	x	x					x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	4026.	Phẫu thuật nội soi mở thông dạ dày	x	x					x						QĐ 630/2016
3	4066.	Nội soi cắt polyp dạ dày	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	4067.	Nội soi cắt polyp trực tràng, đại tràng	x	x				x							QĐ 1746/2017
3	4068.	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày	x	x				x							QĐ 12/2014
3	4069.	Phẫu thuật nội soi cắt dầy dính trong ổ bụng	x	x					x						QĐ 12/2014
3	4070.	Phẫu thuật nội soi thoát vị bẹn	x	x						x					QĐ 12/2014
3	4071.	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	x	x					x						QĐ 12/2014
3	4072.	Phẫu thuật nội soi điều trị thoát vị qua khe thực quản	x	x				x							QĐ 630/2016
3	4073.	Phẫu thuật nội soi ổ bụng điều trị thoát vị cơ hoành	x	x				x							QĐ 630/2016
3	4074.	Phẫu thuật nội soi vỡ ruột trong chấn thương bụng kín	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	4075.	Phẫu thuật nội soi lỗ thủng ruột do bệnh lý hoặc vết thương bụng	x	x				x							QĐ 630/2016
3	4076.	Phẫu thuật nội soi điều trị thủng tạng rỗng (trong chấn thương bụng)	x	x				x							QĐ 630/2016
3	4077.	Phẫu thuật nội soi tắc ruột do dây chằng	x	x				x							QĐ 630/2016
3	4078.	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc ruột thừa	x	x				x							QĐ 12/2014
3	4079.	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel	x	x				x							QĐ 12/2014
3	4092.	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận	x	x				x							QĐ 630/2016
3	4093.	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận qua phúc mạc và sau phúc mạc	x	x				x							QĐ 630/2016
3	4098.	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản đoạn trên qua nội soi sau phúc mạc	x	x				x							QĐ 12/2014
3	4101.	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa bàng quang	x	x				x							QĐ 630/2016
3	4106.	Nội soi đặt sonde JJ	x	x						x					QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	4107.	Nội soi tháo sonde JJ	x	x						x					QĐ 630/2016
3	4108.	Tán sỏi niệu quản đoạn giữa và dưới qua nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống cứng và máy tán hơi	x	x				x							QĐ 12/2014
3	4109.	Tán sỏi niệu quản qua nội soi	x	x				x							QĐ 12/2014
3	4111.	Mở rộng niệu quản qua nội soi	x	x				x							QĐ 630/2016
3	4115.	Nội soi cắt u bàng quang tái phát	x					x							QĐ 1746/2017
3	4116.	Nội soi lấy sỏi bàng quang	x	x				x							QĐ 12/2014
3	4117.	Nội soi bàng quang chẩn đoán	x	x				x							QĐ 12/2014
3	4118.	Phẫu thuật nội soi cấp cứu vỡ bàng quang	x	x							x				QĐ 12/2014
3	4119.	Bóp sỏi bàng quang qua nội soi (bóp sỏi cơ học)	x	x				x							QĐ 12/2014
3	4120.	Phẫu thuật nội soi điều trị túi sa niệu quản trong bàng quang	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
3	4133.	Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	x	x				x							QĐ 630/2016
3	4134.	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần	x	x				x							QĐ 12/2014
3	4136.	Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc buồng trứng	x	x				x							QĐ 12/2014
3	4137.	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ	x	x				x							QĐ 12/2014
3	4138.	Nội soi niệu đạo, bàng quang chẩn đoán	x	x					x						QĐ 12/2014
3	4139.	Phẫu thuật nội soi điều trị buồng trứng bị xoắn	x	x				x							QĐ 12/2014
3	4140.	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng	x	x				x							QĐ 12/2014
3	4141.	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ	x	x				x							QĐ 12/2014
3	4156.	Phẫu thuật nội soi cắt lọc khâu rách chóp xoay qua nội soi khớp vai	x	x				x							QĐ 1746/2017
4	12.	Phẫu thuật nạo viêm lao xương sườn	x	x					x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
4	13.	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp ức sườn, khớp ức đòn	x	x					x						QĐ 630/2016
4	14.	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp vai	x	x					x						QĐ 630/2016
4	15.	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp khuỷu	x	x					x						QĐ 630/2016
4	16.	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn tay	x	x					x						QĐ 630/2016
4	17.	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cánh tay	x	x					x						QĐ 630/2016
4	18.	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng tay	x	x					x						QĐ 630/2016
4	19.	Phẫu thuật nạo viêm lao xương đốt bàn-ngón tay	x	x					x						QĐ 630/2016
4	20.	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cùng chậu	x	x					x						QĐ 630/2016
4	21.	Phẫu thuật nạo viêm lao xương chậu	x	x					x						QĐ 630/2016
4	22.	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp háng	x	x				x							QĐ 630/2016
4	23.	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp gối	x	x					x						QĐ 630/2016
4	24.	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn chân	x	x					x						QĐ 630/2016
4	25.	Phẫu thuật nạo viêm lao xương đùi	x	x					x						QĐ 630/2016
4	26.	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng chân	x	x					x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
4	27.	Phẫu thuật nạo viêm lao xương bàn-ngón chân	x	x					x						QĐ 630/2016
4	28.	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe lạnh thắt lưng do lao	x	x					x						QĐ 630/2016
4	29.	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe lạnh hố chậu do lao	x	x					x						QĐ 630/2016
4	30.	Bơm rửa ổ lao khớp	x	x								x			QĐ 630/2016
4	31.	Phẫu thuật lấy hạch mạc treo trong ổ bụng do lao	x	x				x							QĐ 630/2016
4	32.	Phẫu thuật bóc tách, cắt bỏ hạch lao to vùng cổ	x	x				x							QĐ 630/2016
4	33.	Phẫu thuật bóc tách, cắt bỏ hạch lao to vùng nách	x	x					x						QĐ 630/2016
4	34.	Phẫu thuật bóc tách, cắt bỏ hạch lao to vùng bẹn	x	x					x						QĐ 630/2016
4	35.	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao hạch cổ	x	x					x						QĐ 630/2016
4	36.	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao thành ngực	x	x					x						QĐ 630/2016
4	37.	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao các khớp ngoại biên	x	x					x						QĐ 630/2016
4	38.	Phẫu thuật nạo viêm lao thành ngực	x	x	x				x						QĐ 630/2016
4	39.	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng cổ	x	x	x				x						QĐ 630/2016
4	40.	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng nách	x	x	x				x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
4	41.	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng bẹn	x	x	x				x						QĐ 630/2016
5	1.	Chăm sóc người bệnh Pemphigus nặng	x	x										x	QĐ 12/2014
5	2.	Chăm sóc bệnh nhân dị ứng thuốc nặng	x	x								x			QĐ 12/2014
5	3.	Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
5	4.	Điều trị sùi mào gà bằng Laser CO_2	x	x								x			QĐ 630/2016
5	5.	Điều trị hạt cơm bằng Laser CO_2	x	x									x		QĐ 630/2016
5	6.	Điều trị u ống tuyến mồ hôi bằng Laser CO_2	x	x									x		QĐ 630/2016
5	7.	Điều trị u mềm treo bằng Laser CO_2	x	x									x		QĐ 630/2016
5	10.	Điều trị sẩn cục bằng Laser CO_2	x	x									x		QĐ 630/2016
5	11.	Điều trị bớt sùi bằng Laser CO_2	x	x									x		QĐ 630/2016
5	68.	Phẫu thuật điều trị móng chọc thịt	x	x					x						QĐ 630/2016
5	69.	Phẫu thuật điều trị móng cuộn, móng quặp	x	x					x						QĐ 630/2016
6	7.	Thang đánh giá lo âu - trầm cảm - stress (DASS)	x	x											QĐ 12/2014
6	9.	Thang đánh giá lo âu - zung	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
6	33.	Thang đánh giá bồn chồn bất an – BARNES	x	x											QĐ 12/2014
6	36.	Thang đánh giá hội chứng cai rượu CIWA	x	x											QĐ 12/2014
6	42.	Sốc điện thông thường	x	x								x			QĐ 12/2014
6	44.	Liệu pháp thư giãn luyện tập	x	x											QĐ 12/2014
6	49.	Liệu pháp giải thích hợp lý	x	x	x										QĐ 12/2014
6	50.	Liệu pháp hành vi	x	x											QĐ 12/2014
6	52.	Liệu pháp nhận thức hành vi	x	x											QĐ 12/2014
6	58.	Liệu pháp thể dục, thể thao	x	x	x	x									QĐ 12/2014
6	59.	Liệu pháp tái thích ứng xã hội	x	x	x	x									QĐ 12/2014
6	60.	Liệu pháp lao động	x	x	x	x									QĐ 12/2014
6	62.	Xử trí trạng thái kích động	x	x	x	x									QĐ 12/2014
6	63.	Xử trí trạng thái động kinh	x	x											QĐ 630/2016
6	64.	Xử trí trạng thái không ăn	x	x	x										QĐ 12/2014
6	66.	Xử trí trạng thái bồn chồn bất an do thuốc hướng thần	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
6	68.	Cấp cứu tự sát	x	x	x	x									QĐ 12/2014
6	69.	Xử trí hạ huyết áp tư thế	x	x	x	x									QĐ 12/2014
6	70.	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần	x	x	x										QĐ 12/2014
6	71.	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần	x	x	x	x									QĐ 12/2014
6	72.	Xử trí trạng thái sảng rượu	x	x											QĐ 630/2016
6	73.	Test nhanh phát hiện chất opiats trong nước tiểu	x	x	x										QĐ 630/2016
6	74.	Test nhanh phát hiện chất gây nghiện trong nước tiểu	x	x	x										QĐ 630/2016
6	76.	Nghiệm pháp Naloxone chẩn đoán hội chứng cai các chất dạng thuốc phiện	x	x											QĐ 630/2016
6	77.	Điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng các thuốc hướng thần	x	x	x	x									QĐ 12/2014
6	78.	Điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc methadone	x	x											QĐ 12/2014
6	83.	Điều trị nghiện rượu	x	x											QĐ 12/2014
7	6.	Cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân	x	x				x							QĐ 12/2014
7	7.	Cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x	x						x					QĐ 12/2014
7	8.	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x	x					x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
7	9.	Cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân	x	x					x						QĐ 12/2014
7	10.	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân	x	x				x							QĐ 12/2014
7	11.	Cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x				x							QĐ 12/2014
7	218.	Cắt đoạn xương bàn chân trên người bệnh đái tháo đường	x	x					x						QĐ 12/2014
7	219.	Nạo xương viêm trên người bệnh đái tháo đường	x	x						x					QĐ 12/2014
7	220.	Tháo khớp ngón chân trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x					x					QĐ 12/2014
7	221.	Ghép da tự thân bằng mảnh da tròn nhỏ <5mm trên người bệnh đái tháo đường	x	x					x						QĐ 12/2014
7	222.	Ghép da tự thân bằng mảnh da dài mỏng trên người bệnh đái tháo đường	x	x					x						QĐ 12/2014
7	223.	Ghép da tự thân bằng mảnh da mắt lưới trên người bệnh đái tháo đường	x	x					x						QĐ 12/2014
7	224.	Ghép da tự thân bằng các mảnh da lớn, dày toàn lớp da trên người bệnh đái tháo đường	x	x				x							QĐ 12/2014
7	225.	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
7	226.	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét khu trú ở ngón chân trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x								x		QĐ 12/2014
7	227.1	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng < ¼ bàn chân trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x								x		QĐ 12/2014
7	228.	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng < ½ bàn chân trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x							x			QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
7	229.	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng lan tỏa cả bàn chân trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x							x			QĐ 12/2014
7	230.	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng phần mềm trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x								x		QĐ 12/2014
7	231.	Chích rạch, dẫn lưu ổ áp xe trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x									x	QĐ 12/2014
7	232.	Tháo móng quặp trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x								x		QĐ 12/2014
7	233.	Gọt chai chân (gọt nốt chai) trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x									x	QĐ 12/2014
7	234.	Cắt móng chân, chăm sóc móng trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
7	235.	Các tiểu phẫu ở người bệnh ĐTĐ (kiểm soát đường huyết kém) (danh từ tiểu phẫu cần ghi rõ)	x	x								x			QĐ 12/2014
7	236.	Các tiểu phẫu ở người bệnh ĐTĐ (kiểm soát đường huyết tốt)	x	x	x							x			QĐ 12/2014
7	239.	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Insulin	x	x	x	x									QĐ 12/2014
7	240.	Hướng dẫn tự chăm sóc bàn chân	x	x	x	x									QĐ 12/2014
7	241.	Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện	x	x	x	x									QĐ 12/2014
7	242.	Chọc hút dịch điều trị u nang giáp	x	x	x									x	QĐ 630/2016
7	243.	Chọc hút dịch điều trị u nang giáp có hướng dẫn của siêu âm	x	x									x		QĐ 630/2016
7	244.	Chọc hút tế bào tuyến giáp	x	x	x									x	QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
7	245.	Chọc hút u giáp có hướng dẫn của siêu âm	x	x									x		QĐ 630/2016
8	2.	Hào châm	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
8	3.	Mãng châm	x	x	x							x			QĐ 630/2016
8	4.	Nhĩ châm	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	5.	Điện châm	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	6.	Thủy châm	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	7.	Cấy chỉ	x	x	x							x			QĐ 630/2016
8	8.	Ôn châm	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	9.	Cứu	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
8	10.	Chích lể	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
8	11.	Laser châm	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	13.	Kéo nắn cột sống cổ	x	x	x								x		QĐ 12/2014
8	14.	Kéo nắn cột sống thắt lưng	x	x	x								x		QĐ 12/2014
8	22.	Sắc thuốc thang	x	x	x	x									QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
8	27.	Chườm ngải	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
8	28.	Luyện tập dưỡng sinh	x	x	x	x									QĐ 630/2016
8	162.	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	163.	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	164.	Điện nhĩ châm điều trị hen phế quản	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	165.	Điện nhĩ châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	166.	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây VII ngoại biên	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	167.	Điện nhĩ châm điều trị tắc tia sữa	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	168.	Điện nhĩ châm điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	169.	Điện nhĩ châm điều trị đau đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	170.	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	171.	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng stress	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	172.	Điện nhĩ châm điều trị nôn	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	173.	Điện nhĩ châm điều trị nấc	x	x	x								x		QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
8	174.	Điện nhĩ châm điều trị cảm mạo	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	176.	Điện nhĩ châm điều trị béo phì	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	177.	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	178.	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng dạ dày-tá tràng	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	179.	Điện nhĩ châm phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	180.	Điện nhĩ châm điều trị giảm thính lực	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	182.	Điện nhĩ châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	183.	Điện nhĩ châm điều trị phục hồi chức năng ở trẻ bại não	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	186.	Điện nhĩ châm điều di tinh	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	187.	Điện nhĩ châm điều trị liệt dương	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	188.	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiểu tiện	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	189.	Điện nhĩ châm điều trị bí đái cơ năng	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	192.	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	193.	Điện nhĩ châm điều trị thất vận ngôn	x	x	x								x		QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
8	194.	Điện nhĩ châm điều trị đau dây thần kinh V	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	195.	Điện nhĩ châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	196.	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	198.	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	199.	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	200.	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	203.	Điện nhĩ châm điều trị đau hố mắt	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	205.	Điện nhĩ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	206.	Điện nhĩ châm điều trị giảm thị lực	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	208.	Điện nhĩ châm điều trị táo bón kéo dài	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	209.	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi xoang	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	211.	Điện nhĩ châm điều trị đái dầm	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	213.	Điện nhĩ châm điều trị đau răng	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	215.	Điện nhĩ châm điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x								x		QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
8	216.	Điện nhĩ châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	217.	Điện nhĩ châm điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	218.	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	219.	Điện nhĩ châm điều trị ù tai	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	220.	Điện nhĩ châm điều trị giảm khứu giác	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	221.	Điện nhĩ châm điều trị liệt rễ, đám rối dây thần kinh	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	222.	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác nông	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	223.	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	225.	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do Zona	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	226.	Điện nhĩ châm điều trị viêm đa rễ, đa dây thần kinh	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	227.	Điện nhĩ châm điều trị chứng tíc cơ mặt	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	278.	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	279.	Điện châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	280.	Điện châm điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
8	281.	Điện châm điều trị hội chứng stress	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	282.	Điện châm điều trị cảm mạo	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	285.	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	287.	Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	288.	Điện châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	289.	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	292.	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	293.	Điện châm điều trị bí đái cơ năng	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	295.	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	296.	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	297.	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	298.	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	300.	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	301.	Điện châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
8	302.	Điện châm điều trị chắp lẹo	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	303.	Điện châm điều trị đau hố mắt	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	305.	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	306.	Điện châm điều trị lác cơ năng	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	307.	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	310.	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	312.	Điện châm điều trị đau răng	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	313.	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	314.	Điện châm điều trị ù tai	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	315.	Điện châm điều trị giảm khứu giác	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	316.	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	317.	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	319.	Điện châm điều trị giảm đau do zona	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	320.	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
8	321.	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	322.	Thuỷ châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	323.	Thuỷ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	324.	Thuỷ châm điều trị mất ngủ	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	325.	Thuỷ châm điều trị hội chứng stress	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	327.	Thuỷ châm điều trị cảm mạo, cúm	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	329.	Thuỷ châm điều trị béo phì	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	330.	Thuỷ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	337.	Thuỷ châm điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	338.	Thuỷ châm điều trị bại liệt trẻ em	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	339.	Thuỷ châm điều trị giảm thính lực	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	340.	Thuỷ châm điều trị liệt trẻ em	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	342.	Thuỷ châm điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	344.	Thuỷ châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x	x	x								x		QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
8	347.	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	348.	Thuỷ châm điều trị thống kinh	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	350.	Thuỷ châm điều trị đái dầm	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	351.	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	352.	Thuỷ châm điều trị đau vai gáy	X	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	353.	Thuỷ châm điều trị hen phế quản	X	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	354.	Thuỷ châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	355.	Thuỷ châm điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	356.	Thuỷ châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	357.	Thuỷ châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	358.	Thuỷ châm điều trị thất vận ngôn	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	359.	Thuỷ châm điều trị đau dây V	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	360.	Thuỷ châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	361.	Thuỷ châm điều trị loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x								x		QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
8	362.	Thuỷ châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	364.	Thuỷ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	365.	Thuỷ châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	366.	Thuỷ châm điều trị liệt hai chi dưới	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	367.	Thuỷ châm điều trị sụp mi	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	371.	Thuỷ châm điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	374.	Thuỷ châm điều trị táo bón kéo dài	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	375.	Thuỷ châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	376.	Thuỷ châm điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	377.	Thuỷ châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	378.	Thuỷ châm điều trị đau lưng	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	379.	Thuỷ châm điều trị sụp mi	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	380.	Thuỷ châm điều trị đau hố mắt	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	381.	Thuỷ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x								x		QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
8	382.	Thuỷ châm điều trị lác cơ năng	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	383.	Thuỷ châm điều trị giảm thị lực	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	387.	Thuỷ châm điều trị rối loạn tiểu tiện	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	388.	Thuỷ châm điều trị bí đái cơ năng	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	389.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	390.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	391.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	392.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	393.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	394.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	395.	Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	396.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	397.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	398.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
8	400.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	401.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	402.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	403.	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị nghiện rượu	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	404.	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	406.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	407.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	408.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	409.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	410.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	411.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	412.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	413.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	414.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
8	415.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	416.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	417.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	418.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	419.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	420.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	421.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	422.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	423.	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	424.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	425.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	426.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	427.	Xoa búp bấm huyệt điều trị nấc	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	428.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
8	429.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hoá khớp	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	430.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	431.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	432.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	433.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mặt	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	434.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	435.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	437.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
8	439.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	440.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hoá	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	441.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nông	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	442.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	443.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	444.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
8	445.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
8	446.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	X							x		QĐ 12/2014
8	449.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	x	x	x	X							x		QĐ 630/2016
8	450.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng phân ly	x	x	x								x		QĐ 630/2016
8	451.	Cứu điều trị hội chứng thắt lưng- hông thể phong hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
8	452.	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
8	453.	Cứu điều trị nấc thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
8	454.	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	x	x	x	x									QĐ 630/2016
8	455.	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
8	456.	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
8	457.	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
8	458.	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
8	459.	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
8	460.	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
8	461.	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
8	462.	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
8	464.	Cứu điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
8	465.	Cứu điều trị di tinh thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
8	466.	Cứu điều trị liệt dương thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
8	467.	Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
8	468.	Cứu điều trị bí đái thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
8	469.	Cứu điều trị sa tử cung thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
8	470.	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
8	471.	Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
8	472.	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
8	473.	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
8	474.	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
8	475.	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
8	476.	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
8	477.	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
8	479.	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
8	480.	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
8	481.	Giác hơi điều trị các chứng đau	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
8	482.	Giác hơi điều trị cảm cúm	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
9	1.	Kỹ thuật an thần PCS	x	x	x							x			QĐ 630/2016
9	2.	Kỹ thuật cách ly dự phòng	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3.	Kỹ thuật cách ly nhiễm trùng	x	x	x										QĐ 12/2014
9	4.	Cai máy thở bằng chế độ thở thông thường	x	x	x										QĐ 12/2014
9	6.	Cấp cứu cao huyết áp	x	x	x							x			QĐ 12/2014
9	7.	Cấp cứu ngừng thở	x	x	x							x			QĐ 12/2014
9	8.	Cấp cứu ngừng tim	x	x	x							x			QĐ 12/2014
9	10.	Cấp cứu tụt huyết áp	x	x	x							x			QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	11.	Chăm sóc bệnh nhân đã tử vong	x	x	x										QĐ 12/2014
9	12.	Chăm sóc catheter động mạch	x	x	x										QĐ 630/2016
9	13.	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	x	x										QĐ 12/2014
9	15.	Chọc tĩnh mạch cảnh ngoài	x	x	x									x	QĐ 630/2016
9	16.	Chọc tĩnh mạch cảnh trong	x	x	x							x			QĐ 630/2016
9	17.	Chọc tĩnh mạch đùi	x	x	x									x	QĐ 630/2016
9	18.	Chọc tĩnh mạch dưới đòn	x	x	x							x			QĐ 12/2014
9	19.	Chọc tuỷ sống đường bên	x	x	x								x		QĐ 12/2014
9	20.	Chọc tuỷ sống đường giữa	x	x	x								x		QĐ 12/2014
9	21.	Chống hạ thân nhiệt trong hoặc sau phẫu thuật	x	x	x								x		QĐ 12/2014
9	22.	Chụp X-quang cấp cứu tại giường	x	x	x									x	QĐ 12/2014
9	28.	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh ngoài	x	x	x								x		QĐ 630/2016
9	29.	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm luồn từ tĩnh mạch ngoại vi	x	x	x							x			QĐ 630/2016
9	31.	Đặt Combitube	x	x	x							x			QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	32.	Đặt dẫn lưu ngực cấp cứu	x	x	x							x			QĐ 630/2016
9	33.	Đặt mát thanh quản Fastract	x	x	x							x			QĐ 630/2016
9	34.	Đặt mát thanh quản kinh điển hoặc tương đương	x	x	x							x			QĐ 630/2016
9	35.	Đặt mát thanh quản Proseal hoặc tương đương	x	x	x							x			QĐ 12/2014
9	36.	Đặt nội khí quản 1 bên với nòng chẹn phế quản (blocker)	x	x							x				QĐ 630/2016
9	37.	Đặt nội khí quản khi dạ dầy đầy	x	x	x								x		QĐ 12/2014
9	38.	Đặt nội khí quản khó ngược dòng	x	x	x						x				QĐ 630/2016
9	39.	Đặt nội khí quản khó trong phẫu thuật hàm mặt	x	x							x				QĐ 12/2014
9	40.	Đặt nội khí quản khó với đèn McCoy (đèn có mũi điều khiển).	x	x	x							x			QĐ 630/2016
9	41.	Đặt nội khí quản mò qua mũi	x	x	x							x			QĐ 630/2016
9	42.	Đặt nội khí quản qua đèn Airtracq hoặc tương đương	x	x	x						x				QĐ 630/2016
9	43.	Đặt nội khí quản qua đèn Glidescope hoặc tương đương	x	x	x						x				QĐ 630/2016
9	44.	Đặt nội khí quản qua mũi	x	x	x								x		QĐ 12/2014
9	45.	Đặt nội khí quản với ống nội khí quản có vòng xoắn kim loại	x	x	x								x		QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	46.	Đặt nội khí quản với thuốc mê tĩnh mạch, thuốc mê hô hấp	x	x	x								x		QĐ 12/2014
9	47.	Đặt ống thông khí phổi 2 nòng	x	x							x				QĐ 12/2014
9	49.	Đặt tư thế năm sấp khi thở máy	x	x							x				QĐ 630/2016
9	59.	Dự phòng rối loạn đông máu bằng tiêm truyền axit tranexamic	x	x	x										QĐ 12/2014
9	60.	Dự phòng tắc tĩnh mạch sau phẫu thuật, sau chấn thương	x	x	x										QĐ 630/2016
9	61.	Kỹ thuật gây mê có hạ huyết áp chỉ huy	x	x							x				QĐ 12/2014
9	62.	Kỹ thuật gây mê hô hấp qua mặt nạ	x	x	x								x		QĐ 139/2014
9	63.	Kỹ thuật gây mê hô hấp với hệ thống Magill	x	x	x								x		QĐ 630/2016
9	64.	Kỹ thuật gây mê lưu lượng thấp	x	x	x								x		QĐ 139/2014
9	65.	Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch trong chọc hút trứng	x	x								x			QĐ 630/2016
9	66.	Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch trong nạo hút thai	x	x								x			QĐ 12/2014
9	67.	Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch với etomidate, ketamine, propofol, thiopental	x	x	x										QĐ 139/2014
9	68.	Kỹ thuật gây mê vòng kín có vôi soda	x	x	x										QĐ 139/2014
9	69.	Kỹ thuật gây tê 3 trong 1	x	x	x							x			QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	70.	Kỹ thuật gây tê cạnh nhãn cầu	x	x	x							x			QĐ 12/2014
9	71.	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng ngực	x	x								x			QĐ 630/2016
9	72.	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng thắt lưng đường giữa	x	x	x							x			QĐ 12/2014
9	73.	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng thắt lưng, đường bên	x	x	x							x			QĐ 12/2014
9	74.	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường trên xương đòn	x	x	x							x			QĐ 12/2014
9	75.	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường gian cơ bậc thang	x	x	x							x			QĐ 12/2014
9	76.	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường nách	x	x	x							x			QĐ 12/2014
9	77.	Kỹ thuật gây tê đám rối cổ nông	x	x	x							x			QĐ 630/2016
9	78.	Kỹ thuật gây tê đám rối cổ sâu	x	x	x							x			QĐ 630/2016
9	79.	Kỹ thuật gây tê đám rối thần kinh bằng máy dò xung điện	x	x	x							x			QĐ 630/2016
9	80.	Kỹ thuật gây tê đám rối thần kinh bằng máy siêu âm	x	x	x							x			QĐ 630/2016
9	81.	Kỹ thuật gây tê đám rối thắt lưng	x	x								x			QĐ 630/2016
9	82.	Kỹ thuật gây tê đặt kim kết hợp tuỷ sống - ngoài màng cứng	x	x	x						x				QĐ 630/2016
9	83.	Kỹ thuật gây tê hoặc giảm đau cạnh đốt sống	x	x								x			QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	84.	Kỹ thuật gây tê khoang cùng	x	x	x							x			QĐ 12/2014
9	85.	Kỹ thuật gây tê ngoài màng cứng phẫu thuật lấy thai	x	x											QĐ 12/2014
9	86.	Kỹ thuật gây tê ở cổ tay	x	x	x								x		QĐ 12/2014
9	87.	Kỹ thuật gây tê ở khuỷu tay	x	x	x								x		QĐ 12/2014
9	88.	Kỹ thuật gây tê thần kinh hông to	x	x	x								x		QĐ 630/2016
9	89.	Kỹ thuật gây tê thân thần kinh	x	x	x								x		QĐ 630/2016
9	90.	Kỹ thuật gây tê thân thần kinh bằng máy dò thần kinh	x	x	x							x			QĐ 630/2016
9	91.	Kỹ thuật gây tê thân thần kinh bằng máy dò xung điện	x	x	x							x			QĐ 630/2016
9	93.	Kỹ thuật gây tê tủy sống + ngoài màng cứng phối hợp phẫu thuật lấy thai	x	x											QĐ 630/2016
9	94.	Kỹ thuật gây tê tủy sống phẫu thuật lấy thai	x	x	x										QĐ 12/2014
9	95.	Kỹ thuật gây tê vùng bàn chân	x	x	x								x		QĐ 12/2014
9	96.	Kỹ thuật gây tê vùng khớp gối	x	x	x							x			QĐ 12/2014
9	97.	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x	x									x	QĐ 12/2014
9	98.	Kỹ thuật giảm đau bằng tiêm morphin cách quãng dưới da	x	x	x									x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	99.	Kỹ thuật giảm đau bằng dò liều morphin tĩnh mạch	x	x	x									x	QĐ 12/2014
9	100.	Kỹ thuật giảm đau bằng morphin tĩnh mạch theo kiểu PCA	x	x									x		QĐ 630/2016
9	101.	Kỹ thuật giảm đau bằng morphinic tủy sống	x	x								x			QĐ 12/2014
9	102.	Kỹ thuật giảm đau bằng thuốc cho người bệnh sau phẫu thuật, sau chấn thương	x	x	x										QĐ 12/2014
9	103.	Kỹ thuật giảm đau bằng thuốc tê-morphinic qua khoang ngoài màng cứng ngực qua bơm tiêm điện	x	x							x				QĐ 630/2016
9	104.	Kỹ thuật giảm đau bằng thuốc tê-morphinic qua khoang ngoài màng cứng thắt lưng qua bơm tiêm điện	x	x	x						x				QĐ 12/2014
9	105.	Kỹ thuật giảm đau bằng tiêm morphinic-thuốc tê theo kiểu PCEA	x	x							x				QĐ 630/2016
9	106.	Kỹ thuật giảm đau bằng truyền liên tục thuốc tê vào đám rối qua catheter	x	x							x				QĐ 630/2016
9	107.	Kỹ thuật giảm đau bằng truyền liên tục thuốc tê vào thân thần kinh qua catheter	x	x							x				QĐ 630/2016
9	108.	Kỹ thuật giảm đau qua các lớp cân bụng (TAP)	x	x											QĐ 630/2016
9	109.	Kỹ thuật giảm đau sau phẫu thuật bằng gây tê NMC	x	x							x				QĐ 12/2014
9	110.	Kỹ thuật giảm đau sau phẫu thuật bằng truyền ketamin liều thấp	x	x	x										QĐ 12/2014
9	111.	Kỹ thuật giảm đau sau phẫu thuật bằng kết hợp thuốc qua kim tủy sống-ngoài màng cứng (CSE)	x	x							x				QĐ 12/2014
9	112.	Kỹ thuật giảm đau trong chuyển dạ bằng gây tê NMC	x	x							x				QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	113.	Kỹ thuật giảm đau và gây ngủ nắn xương	x	x	x							x			QĐ 12/2014
9	114.	Kỹ thuật giảm đau và gây ngủ ngoài phòng phẫu thuật	x	x	x							x			QĐ 12/2014
9	116.	Hô hấp nhân tạo bằng máy trong và sau mê	x	x	x							x			QĐ 630/2016
9	117.	Hô hấp nhân tạo bằng tay với bóng hay ambu trong và sau mê	x	x	x								x		QĐ 12/2014
9	118.	Hút dẫn lưu ngực	x	x	x								x		QĐ 12/2014
9	120.	Hút nội khí quản hoặc hút mở khí quản	x	x	x								x		QĐ 12/2014
9	123.	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng	x	x	x								x		QĐ 12/2014
9	124.	Xoay trở bệnh nhân thở máy	x	x	x										QĐ 12/2014
9	125.	Xử trí dò đường tiêu hóa (nuôi dưỡng và hút liên tục đường dò)	x	x								x			QĐ 12/2014
9	127.	Liệu pháp kháng sinh dự phòng trước và sau phẫu thuật	x	x	x										QĐ 12/2014
9	130.	Lọc máu liên tục	x	x							x				QĐ 630/2016
9	131.	Lọc máu nhân tạo cấp cứu thường qui	x	x	x						x				QĐ 630/2016
9	132.	Lọc máu thay huyết tương	x	x							x				QĐ 630/2016
9	133.	Lưu kim luồn tĩnh mạch để tiêm thuốc	x	x	x									x	QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	134.	Lý liệu pháp ngực ở bệnh nhân nặng	x	x	x									x	QĐ 12/2014
9	135.	Mê tĩnh mạch theo TCI	x	x	x										QĐ 630/2016
9	136.	Mở khí quản	x	x	x							x			QĐ 12/2014
9	137.	Mở khí quản bằng dụng cụ nong	x	x								x			QĐ 630/2016
9	138.	Mở khí quản qua da bằng bóng nong	x	x								x			QĐ 630/2016
9	139.	Nâng thân nhiệt chỉ huy	x	x	x							x			QĐ 630/2016
9	141.	Nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch	x	x	x										QĐ 12/2014
9	142.	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày	x	x	x										QĐ 12/2014
9	143.	Nuôi dưỡng qua ống thông hỗng tràng	x	x	x										QĐ 630/2016
9	145.	Pha loãng máu trước hoặc trong hoặc sau khi phẫu thuật	x	x								x			QĐ 630/2016
9	146.	Phát hiện, phòng, điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện (vết phẫu thuật, catheter, hô hấp, tiết niệu…)	x	x	x										QĐ 12/2014
9	147.	Phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày	x	x	x										QĐ 12/2014
9	148.	Rửa tay phẫu thuật	x	x	x										QĐ 12/2014
9	149.	Rửa tay sát khuẩn	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	150.	Săn sóc theo dõi ống thông tiểu	x	x	x										QĐ 12/2014
9	151.	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	x	x	x							x			QĐ 630/2016
9	156.	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm	x	x	x									x	QĐ 12/2014
9	158.	Theo dõi dãn cơ bằng máy	x	x	x									x	QĐ 630/2016
9	162.	Theo dõi đông máu tại chỗ	x	x										x	QĐ 630/2016
9	163.	Theo dõi đường giấy tại chỗ	x	x	x										QĐ 630/2016
9	165.	Theo dõi $EtCO_2$	x	x	x									x	QĐ 139/2014
9	166.	Theo dõi Hb tại chỗ	x	x	x									x	QĐ 139/2014
9	167.	Theo dõi Hct tại chỗ	x	x	x										QĐ 139/2014
9	168.	Theo dõi huyết áp không xấm lấn bằng máy	x	x	x										QĐ 139/2014
9	169.	Theo dõi huyết áp xâm lấn bằng máy	x	x	x										QĐ 630/2016
9	171.	Theo dõi khí máu tại chỗ	x	x	x										QĐ 12/2014
9	173.	Theo dõi SpO_2	x	x	x										QĐ 139/2014
9	174.	Theo dõi TEG tại chỗ	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	175.	Theo dõi thân nhiệt bằng máy	x	x	x										QĐ 630/2016
9	176.	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui	x	x	x										QĐ 139/2014
9	177.	Thở CPAP không qua máy thở	x	x	x								x		QĐ 630/2016
9	180.	Thở máy tần số cao hoặc tương đương	x	x							x				QĐ 630/2016
9	181.	Thở máy xâm nhập ở người bệnh ARDS	x	x							x				QĐ 630/2016
9	182.	Thở máy xâm nhập với các phương thức khác nhau	x	x	x						x				QĐ 12/2014
9	183.	Thở oxy gọng kính	x	x	x									x	QĐ 12/2014
9	184.	Thở oxy qua mặt nạ	x	x	x										QĐ 12/2014
9	185.	Thở oxy qua mũ kín	x	x	x										QĐ 12/2014
9	186.	Thở oxy qua ống chữ T	x	x	x								x		QĐ 12/2014
9	187.	Thông khí áp lực dương 2 mức qua hệ thống Boussignac	x	x	x						x				QĐ 630/2016
9	188.	Thông khí không xâm nhập bằng máy thở	x	x	x						x				QĐ 12/2014
9	189.	Thông khí một phổi	x	x							x				QĐ 12/2014
9	190.	Thông khí qua màng giáp nhẫn	x	x	x						x				QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	192.	Thường qui đặt nội khí quản khó	x	x	x						x				QĐ 12/2014
9	194.	Tiệt trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS	x	x	x										QĐ 12/2014
9	195.	Truyền dịch thường qui	x	x	x										QĐ 139/2014
9	196.	Truyền dịch trong sốc	x	x	x										QĐ 12/2014
9	197.	Truyền máu hoặc sản phẩm máu thường qui	x	x	x										QĐ 12/2014
9	198.	Truyền máu khối lượng lớn	x	x											QĐ 12/2014
9	199.	Truyền máu trong sốc	x	x	x										QĐ 12/2014
9	200.	Vận chuyển bệnh nhân nặng ngoại viện	x	x	x						x				QĐ 630/2016
9	201.	Vận chuyển bệnh nhân nặng nội viện	x	x	x							x			QĐ 12/2014
9	202.	Vệ sinh miệng ở bệnh nhân hồi sức	x	x	x										QĐ 12/2014
9	203.	Vô cảm cho các phẫu thuật nhỏ ở tầng sinh môn trẻ em	x	x	x						x				QĐ 630/2016
9	204.	Vô trùng phòng phẫu thuật, phòng tiểu phẫu hoặc buồng bệnh	x	x	x										QĐ 12/2014
9	205.	Xác định nhóm máu trước truyền máu tại giường	x	x	x										QĐ 139/2014
9	209.	Gây mê các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	210.	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân Basedow	x	x											QĐ 630/2016
9	211.	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh tim	x	x											QĐ 12/2014
9	212.	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh về máu	x	x											QĐ 630/2016
9	213.	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đa chấn thương	x	x											QĐ 12/2014
9	214.	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đái tháo đường	x	x											QĐ 12/2014
9	215.	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân động kinh + tiền sử động kinh	x	x											QĐ 12/2014
9	216.	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân giảm tiểu cầu	x	x											QĐ 12/2014
9	217.	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân hen phế quản	x	x											QĐ 12/2014
9	218.	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân hội chứng HELP	x	x											QĐ 630/2016
9	219.	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân lao + tiền sử lao phổi	x	x											QĐ 12/2014
9	220.	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân Lupus	x	x											QĐ 630/2016
9	221.	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân OAP- dọa OAP	x	x											QĐ 630/2016
9	222.	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau bong non	x	x											QĐ 12/2014
9	223.	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau cài răng lược	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	224.	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau tiền đạo ra máu	x	x											QĐ 12/2014
9	225.	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân thai chết lưu	x	x											QĐ 12/2014
9	226.	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân tiền sản giật nặng	x	x											QĐ 12/2014
9	227.	Gây mê nội soi buồng tử cung can thiệp	x	x											QĐ 630/2016
9	228.	Gây mê nội soi buồng tử cung chẩn đoán	x	x											QĐ 630/2016
9	229.	Gây mê nội soi buồng tử cung, nạo buồng tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	230.	Gây mê nội soi buồng tử cung, sinh thiết buồng tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	231.	Gây mê nội soi buồng tử cung, vòi trứng thông vòi trứng	x	x											QĐ 630/2016
9	232.	Gây mê nội soi mở rộng niệu quản, nong rộng niệu quản	x	x											QĐ 630/2016
9	233.	Gây mê nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gắp sỏi niệu quản	x	x											QĐ 12/2014
9	234.	Gây mê nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser	x	x											QĐ 630/2016
9	235.	Gây mê nội soi niệu quản tán sỏi bằng laser	x	x											QĐ 630/2016
9	236.	Gây mê nội soi nối vòi tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	237.	Gây mê nội soi nong hẹp thực quản	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	238.	Gây mê nội soi nong niệu quản hẹp	x	x											QĐ 630/2016
9	239.	Gây mê nội soi ổ bụng chẩn đoán	x	x											QĐ 12/2014
9	241.	Gây mê nội soi phế quản sinh thiết chẩn đoán	x	x											QĐ 630/2016
9	242.	Gây mê nội soi tán sỏi niệu quản	x	x											QĐ 12/2014
9	243.	Gây mê nội soi tán sỏi niệu quản ngược dòng	x	x											QĐ 12/2014
9	244.	Gây mê nội soi tạo hình niệu quản quặt sau tĩnh mạch chủ	x	x											QĐ 630/2016
9	245.	Gây mê nội soi thận ống mềm gắp sỏi thận	x	x											QĐ 12/2014
9	246.	Gây mê nội soi thận ống mềm tán sỏi thận	x	x											QĐ 12/2014
9	247.	Gây mê nội soi xẻ hẹp bể thận - niệu quản, mở rộng niệu quản	x	x											QĐ 630/2016
9	248.	Gây mê nội soi xẻ lỗ niệu quản lấy sỏi	x	x											QĐ 12/2014
9	249.	Gây mê phẫu thuật áp xe dưới màng tủy	x	x											QĐ 630/2016
9	250.	Gây mê phẫu thuật áp xe gan	x	x	x										QĐ 630/2016
9	251.	Gây mê phẫu thuật áp xe não bằng đường qua mê nhĩ	x	x											QĐ 630/2016
9	252.	Gây mê phẫu thuật áp xe não	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	253.	Gây mê phẫu thuật áp xe tồn dư ổ bụng	x	x											QĐ 12/2014
9	261.	Gây mê phẫu thuật bàn chân bẹt, bàn chân lồi	x	x											QĐ 630/2016
9	262.	Gây mê phẫu thuật bàn chân gót và xoay ngoài	x	x											QĐ 630/2016
9	263.	Gây mê phẫu thuật bàn chân khoèo bẩm sinh	x	x											QĐ 630/2016
9	264.	Gây mê phẫu thuật bàn chân thuổng	x	x											QĐ 630/2016
9	266.	Gây mê phẫu thuật bảo tồn	x	x	x										QĐ 630/2016
9	267.	Gây mê phẫu thuật bất động ngoài xương chày, xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	269.	Gây mê phẫu thuật bệnh nhân chửa ngoài dạ con vỡ	x	x	x										QĐ 12/2014
9	270.	Gây mê phẫu thuật bệnh nhân tắc mạch ối	x	x											QĐ 630/2016
9	271.	Gây mê phẫu thuật bệnh nhân viêm phúc mạc ruột thừa	x	x	x										QĐ 12/2014
9	275.	Gây mê phẫu thuật bóc biểu mô giác mạc (xâm nhập dưới vạt) sau phẫu thuật Lasik	x	x											QĐ 630/2016
9	276.	Gây mê phẫu thuật bóc kén màng phổi (nhu mô phổi)	x	x											QĐ 630/2016
9	277.	Gây mê phẫu thuật bóc nhân xơ tử cung	x	x											QĐ 12/2014
9	278.	Gây mê phẫu thuật bóc nhân xơ vú	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	279.	Gây mê phẫu thuật bóc u xơ tiền liệt tuyến	x	x											QĐ 12/2014
9	280.	Gây mê phẫu thuật bơm dầu Silicon, khí bổ sung sau phẫu thuật cắt dịch kính điều trị bong võng mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	281.	Gây mê phẫu thuật bong hay đứt dây chằng bên khớp gối	x	x											QĐ 12/2014
9	282.	Gây mê phẫu thuật bong võng mạc tái phát	x	x											QĐ 630/2016
9	283.	Gây mê phẫu thuật bong võng mạc theo phương pháp kinh điển	x	x											QĐ 630/2016
9	284.	Gây mê phẫu thuật bong võng mạc trên mắt độc nhất, gần mù	x	x											QĐ 630/2016
9	285.	Gây mê phẫu thuật bong võng mạc, cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn, có hoặc không dùng dầu/khí nội nhãn	x	x											QĐ 630/2016
9	286.	Gây mê phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	x	x	x										QĐ 630/2016
9	287.	Gây mê phẫu thuật bụng cấp do chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	288.	Gây mê phẫu thuật bụng lớn ở trẻ em	x	x											QĐ 12/2014
9	289.	Gây mê phẫu thuật bướu cổ	x	x	x										QĐ 12/2014
9	290.	Gây mê phẫu thuật bướu tinh hoàn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	291.	Gây mê phẫu thuật các trường hợp chấn thương vùng đầu mặt cổ: chấn thương chính mũi, chấn thương các xoang hàm, sàng, chấn gẫy xương hàm trên dưới	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	292.	Gây mê phẫu thuật cầm máu lại tuyến giáp	x	x	x										QĐ 630/2016
9	293.	Gây mê phẫu thuật cắm niệu quản vào bàng quang	x	x											QĐ 12/2014
9	294.	Gây mê phẫu thuật cắt 1 phổi hoặc thuỳ phổi hoặc phân thùy phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	295.	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp	x	x											QĐ 630/2016
9	296.	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng trong bướu giáp thòng	x	x											QĐ 630/2016
9	297.	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ	x	x											QĐ 630/2016
9	298.	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp thòng	x	x											QĐ 630/2016
9	299.	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ	x	x											QĐ 630/2016
9	300.	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ	x	x											QĐ 630/2016
9	301.	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc	x	x											QĐ 630/2016
9	302.	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x	x											QĐ 12/2014
9	303.	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp	x	x											QĐ 630/2016
9	304.	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong Basedow	x	x											QĐ 630/2016
9	305.	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp khổng lồ	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	306.	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân	x	x											QĐ 12/2014
9	307.	Gây mê phẫu thuật cắt 2 tạng trong ổ bụng (tiểu khung) trở lên	x	x											QĐ 630/2016
9	308.	Gây mê phẫu thuật cắt âm hộ + vét hạch trên bệnh nhân K âm hộ	x	x											QĐ 630/2016
9	309.	Gây mê phẫu thuật cắt âm hộ đơn thuần	x	x	x										QĐ 630/2016
9	310.	Gây mê phẫu thuật cắt âm hộ ung thư, vét hạch bẹn hai bên	x	x											QĐ 630/2016
9	311.	Gây mê phẫu thuật cắt amidan ở người lớn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	312.	Gây mê phẫu thuật cắt amidan ở trẻ em	x	x	x										QĐ 12/2014
9	313.	Gây mê phẫu thuật cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x	x											QĐ 12/2014
9	314.	Gây mê phẫu thuật cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân	x	x											QĐ 12/2014
9	315.	Gây mê phẫu thuật cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x											QĐ 630/2016
9	316.	Gây mê phẫu thuật cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân	x	x											QĐ 630/2016
9	317.	Gây mê phẫu thuật cắt bán phần hay toàn phần do nang tuyến giáp, ung thư tuyến giáp có hoặc không kèm theo nạo vét hoạch vùng đầu mặt cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	318.	Gây mê phẫu thuật cắt bàng quan toàn bộ, nạo vét hạch và chuyển lưu dòng nước tiểu bằng ruột	x	x											QĐ 630/2016
9	319.	Gây mê phẫu thuật cắt bàng quang	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	320.	Gây mê phẫu thuật cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da	x	x											QĐ 630/2016
9	321.	Gây mê phẫu thuật cắt bàng quang, tạo hình bàng quang	x	x											QĐ 630/2016
9	322.	Gây mê phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài	x	x	x										QĐ 12/2014
9	323.	Gây mê phẫu thuật cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)	x	x											QĐ 12/2014
9	324.	Gây mê phẫu thuật cắt bè sử dụng thuốc chống chuyển hoá hoặc chất anti VEGF	x	x											QĐ 630/2016
9	325.	Gây mê phẫu thuật cắt bóng Vater và tạo hình ống mật chủ, ống Wirsung qua đường mở D2 tá tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	326.	Gây mê phẫu thuật cắt buồng trứng 2 bên	x	x											QĐ 12/2014
9	327.	Gây mê phẫu thuật cắt bướu thòng hỗ trợ qua nội soi	x	x											QĐ 12/2014
9	328.	Gây mê phẫu thuật cắt các khối u ở phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	329.	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm	x	x											QĐ 12/2014
9	330.	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	x	x	x										QĐ 12/2014
9	331.	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10 cm	x	x											QĐ 12/2014
9	332.	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm	x	x											QĐ 12/2014
9	333.	Gây mê phẫu thuật cắt chắp có bọc	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	334.	Gây mê phẫu thuật cắt chậu sàn miệng, tạo hình	x	x											QĐ 630/2016
9	335.	Gây mê phẫu thuật cắt chậu sàn miệng, tạo hình, vét hạch cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	336.	Gây mê phẫu thuật cắt chi, vét hạch do ung thư	x	x	x										QĐ 630/2016
9	337.	Gây mê phẫu thuật cắt chỏm nang gan	x	x											QĐ 630/2016
9	338.	Gây mê phẫu thuật cắt cổ bàng quang	x	x											QĐ 630/2016
9	339.	Gây mê phẫu thuật cắt cơ Muller có hoặc không cắt cân cơ nâng mi điều trị hở mi	x	x											QĐ 630/2016
9	340.	Gây mê phẫu thuật cắt cơ Muller	x	x											QĐ 630/2016
9	341.	Gây mê phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường âm đạo	x	x											QĐ 12/2014
9	342.	Gây mê phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường bụng, đường âm đạo	x	x											QĐ 12/2014
9	343.	Gây mê phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường bụng	x	x											QĐ 12/2014
9	344.	Gây mê phẫu thuật cắt cột tuỷ sống điều trị chứng đau thần kinh	x	x											QĐ 630/2016
9	345.	Gây mê phẫu thuật cắt củng mạc sâu có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	x	x											QĐ 630/2016
9	346.	Gây mê phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	347.	Gây mê phẫu thuật cắt cụt chi	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	348.	Gây mê phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	349.	Gây mê phẫu thuật cắt dây thần kinh giao cảm ngực	x	x											QĐ 630/2016
9	350.	Gây mê phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh dưới hàm	x	x											QĐ 630/2016
9	351.	Gây mê phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh ổ mắt	x	x											QĐ 630/2016
9	352.	Gây mê phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh thái dương	x	x											QĐ 630/2016
9	353.	Gây mê phẫu thuật cắt dị tật hậu môn-trực tràng, làm lại niệu đạo	x	x											QĐ 630/2016
9	354.	Gây mê phẫu thuật cắt đoạn chi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	355.	Gây mê phẫu thuật cắt đường dò dưới da-dưới màng tuỷ	x	x	x										QĐ 630/2016
9	356.	Gây mê phẫu thuật cắt đường rò luân nhĩ	x	x											QĐ 12/2014
9	357.	Gây mê phẫu thuật cắt đường rò môi dưới	x	x											QĐ 12/2014
9	358.	Gây mê phẫu thuật cắt đường thông động – tĩnh mạch chạy thận nhân tạo do biến chứng hoặc sau ghép thận	x	x	x										QĐ 630/2016
9	359.	Gây mê phẫu thuật cắt dương vật trong lưỡng giới giả nữ	x	x	x										QĐ 630/2016
9	361.	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu trên 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x											QĐ 630/2016
9	362.	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	363.	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x										QĐ 630/2016
9	364.	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 5% 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x										QĐ 630/2016
9	365.	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x										QĐ 630/2016
9	366.	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x										QĐ 630/2016
9	367.	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 1% 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x										QĐ 630/2016
9	368.	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x										QĐ 630/2016
9	369.	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm	x	x	x										QĐ 12/2014
9	370.	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính mi mắt	x	x	x										QĐ 12/2014
9	371.	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm	x	x	x										QĐ 12/2014
9	372.	Gây mê phẫu thuật cắt khối u khẩu cái	x	x											QĐ 630/2016
9	373.	Gây mê phẫu thuật cắt lách bán phần	x	x											QĐ 12/2014
9	374.	Gây mê phẫu thuật cắt lách bệnh lý	x	x											QĐ 12/2014
9	375.	Gây mê phẫu thuật cắt lách do chấn thương	x	x	x										QĐ 12/2014
9	376.	Gây mê phẫu thuật cắt lách ung thư, apxe	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	377.	Gây mê phẫu thuật cắt lại dạ dày	x	x											QĐ 630/2016
9	378.	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân từ 1 - 3% diện tích cơ thể	x	x	x										QĐ 630/2016
9	379.	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể	x	x	x										QĐ 630/2016
9	380.	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể	x	x	x										QĐ 630/2016
9	381.	Gây mê phẫu thuật cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	382.	Gây mê phẫu thuật cắt lọc nhu mô gan	x	x											QĐ 12/2014
9	383.	Gây mê phẫu thuật cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắm chỉnh và cố định tạm thời	x	x	x										QĐ 12/2014
9	384.	Gây mê phẫu thuật cắt lồi xương	x	x											QĐ 12/2014
9	385.	Gây mê phẫu thuật cắt mạc nối lớn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	386.	Gây mê phẫu thuật cắt mạc nối lớn, phúc mạc	x	x	x										QĐ 12/2014
9	387.	Gây mê phẫu thuật cắt màng ngăn tá tràng	x	x	x										QĐ 630/2016
9	388.	Gây mê phẫu thuật cắt màng tim rộng	x	x											QĐ 630/2016
9	389.	Gây mê phẫu thuật cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử	x	x											QĐ 630/2016
9	390.	Gây mê phẫu thuật cắt manh tràng và đoạn cuối hồi tràng	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	391.	Gây mê phẫu thuật cắt mào tinh	x	x											QĐ 12/2014
9	392.	Gây mê phẫu thuật cắt mỏm thừa trực tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	393.	Gây mê phẫu thuật cắt mống mắt quang học có hoặc không tách dính phức tạp	x	x											QĐ 630/2016
9	394.	Gây mê phẫu thuật cắt một bên phổi do ung thư	x	x											QĐ 630/2016
9	395.	Gây mê phẫu thuật cắt một nửa bàng quang và túi thừa bàng quang	x	x											QĐ 630/2016
9	396.	Gây mê phẫu thuật cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)	x	x											QĐ 630/2016
9	397.	Gây mê phẫu thuật cắt một phần bản sống trong hẹp ống sống cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	398.	Gây mê phẫu thuật cắt một phần tuỵ	x	x											QĐ 630/2016
9	399.	Gây mê phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm dưới	x	x											QĐ 12/2014
9	400.	Gây mê phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên có can thiệp xoang	x	x											QĐ 630/2016
9	401.	Gây mê phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên	x	x											QĐ 12/2014
9	402.	Gây mê phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm dưới	x	x											QĐ 12/2014
9	403.	Gây mê phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm trên	x	x											QĐ 12/2014
9	404.	Gây mê phẫu thuật cắt nang ống mật chủ	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	405.	Gây mê phẫu thuật cắt nang ống mật chủ, nối gan hỗng tràng	X	x											QĐ 630/2016
9	406.	Gây mê phẫu thuật cắt nang tụy	X	x											QĐ 12/2014
9	407.	Gây mê phẫu thuật cắt ngã ba đường mật hoặc ống gan phải ống gan trái	X	x											QĐ 630/2016
9	408.	Gây mê phẫu thuật cắt nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài	X	x											QĐ 630/2016
9	409.	Gây mê phẫu thuật cắt nhiều đoạn ruột non	X	x											QĐ 12/2014
9	410.	Gây mê phẫu thuật cắt nhiều hạ phân thuỳ	X	x											QĐ 630/2016
9	411.	Gây mê phẫu thuật cắt nối niệu đạo sau	X	x											QĐ 12/2014
9	412.	Gây mê phẫu thuật cắt nối niệu đạo trước	X	x											QĐ 12/2014
9	413.	Gây mê phẫu thuật cắt nối niệu quản	X	x											QĐ 12/2014
9	414.	Gây mê phẫu thuật cắt nối thực quản	X	x											QĐ 630/2016
9	415.	Gây mê phẫu thuật cắt nơvi sắc tố vùng hàm mặt	X	x											QĐ 630/2016
9	416.	Gây mê phẫu thuật cắt nửa bàng quang có tạo hình bằng đoạn ruột	X	x											QĐ 630/2016
9	417.	Gây mê phẫu thuật cắt nửa đại tràng phải, (trái) do ung thư kèm vét hạch	X	x											QĐ 630/2016
9	418.	Gây mê phẫu thuật cắt nửa xương hảm trên hoặc dưới	X	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	419.	Gây mê phẫu thuật cắt ống động mạch	X	x											QĐ 630/2016
9	420.	Gây mê phẫu thuật cắt phân thùy gan	X	x											QĐ 630/2016
9	421.	Gây mê phẫu thuật cắt phân thuỳ gan, thuỳ gan	X	x											QĐ 630/2016
9	422.	Gây mê phẫu thuật cắt phổi theo tổn thương	x	x											QĐ 630/2016
9	423.	Gây mê phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung	x	x											QĐ 12/2014
9	424.	Gây mê phẫu thuật cắt polyp kèm cắt toàn bộ đại tràng, để lại trực tràng chờ mổ hạ đại tràng thì sau	x	x											QĐ 630/2016
9	425.	Gây mê phẫu thuật cắt polyp một đoạn đại tràng phải, cắt đoạn đại tràng phía trên làm hậu môn nhân tạo	x	x											QĐ 12/2014
9	426.	Gây mê phẫu thuật cắt polyp mũi	x	x											QĐ 12/2014
9	427.	Gây mê phẫu thuật cắt rộng tổ chức áp xe vú	x	x	x										QĐ 12/2014
9	428.	Gây mê phẫu thuật cắt rộng u niệu đạo	x	x											QĐ 630/2016
9	429.	Gây mê phẫu thuật cắt ruột non hình chêm	x	x	x										QĐ 12/2014
9	430.	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa đơn thuần	x	x	x										QĐ 12/2014
9	431.	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa viêm cấp ở trẻ dưới 6 tuổi	x	x											QĐ 12/2014
9	432.	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	433.	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	x	x	x										QĐ 12/2014
9	434.	Gây mê phẫu thuật cắt ruột trong lồng ruột có cắt đại tràng	x	x											QĐ 12/2014
9	435.	Gây mê phẫu thuật cắt tá tràng bảo tồn đầu tụy	x	x	x										QĐ 630/2016
9	436.	Gây mê phẫu thuật cắt thận	x	x											QĐ 12/2014
9	437.	Gây mê phẫu thuật cắt thận bán phần	x	x											QĐ 630/2016
9	438.	Gây mê phẫu thuật cắt thận đơn thuần	x	x											QĐ 12/2014
9	439.	Gây mê phẫu thuật cắt thân đuôi tụy kèm cắt lách	x	x											QĐ 630/2016
9	440.	Gây mê phẫu thuật cắt thần kinh X chọn lọc	x	x											QĐ 630/2016
9	441.	Gây mê phẫu thuật cắt thần kinh X siêu chọn lọc	x	x											QĐ 630/2016
9	442.	Gây mê phẫu thuật cắt thần kinh X toàn bộ	x	x											QĐ 630/2016
9	443.	Gây mê phẫu thuật cắt thận phụ và xử lý phần cuối niệu quản trong niệu quản đôi	x	x											QĐ 630/2016
9	444.	Gây mê phẫu thuật cắt thận thận phụ (thận dư số) với niệu quản lạc chỗ	x	x											QĐ 630/2016
9	445.	Gây mê phẫu thuật cắt thân và đuôi tuy	x	x											QĐ 630/2016
9	448.	Gây mê phẫu thuật cắt thể thủy tinh, dịch kính có hoặc không cố định IOL	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	449.	Gây mê phẫu thuật cắt thị thần kinh	x	x											QĐ 630/2016
9	450.	Gây mê phẫu thuật cắt thừa ngón đơn thuần	x	x	x										QĐ 12/2014
9	461.	Gây mê phẫu thuật cắt thuỳ gan trái	x	X											QĐ 630/2016
9	462.	Gây mê phẫu thuật cắt thùy gan trái, phải do ung thư	x	X											QĐ 630/2016
9	463.	Gây mê phẫu thuật cắt thuỳ hoặc phần thuỳ phổi do ung thư	x	X											QĐ 630/2016
9	464.	Gây mê phẫu thuật cắt thuỳ phổi, phần phổi còn lại	x	X											QĐ 630/2016
9	465.	Gây mê phẫu thuật cắt thùy tuyến giáp	x	X											QĐ 12/2014
9	466.	Gây mê phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ	x	X	x										QĐ 12/2014
9	467.	Gây mê phẫu thuật cắt tinh hoàn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	468.	Gây mê phẫu thuật cắt tinh mạc	x	x											QĐ 12/2014
9	469.	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo hình bàng quang kiểu Studder, Camey	x	x											QĐ 630/2016
9	470.	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang và tạo hình.	x	x											QĐ 630/2016
9	471.	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang, cắm niệu quản vào ruột	x	x											QĐ 630/2016
9	472.	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ dạ dày	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	473.	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng, nối ngay ruột non – trực tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	474.	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng, trực tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	475.	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ đại trực tràng, đưa hồi tràng ra làm hậu môn nhân tạo	x	x											QĐ 630/2016
9	476.	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ đại trực tràng, nối ngay ruột non - ống hậu môn	x	x											QĐ 630/2016
9	478.	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ mạc treo trực tràng	x	x	x										QĐ 630/2016
9	479.	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ ruột non	X	x	x										QĐ 630/2016
9	480.	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ thận và niệu quản	X	x											QĐ 630/2016
9	481.	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tụy	X	x											QĐ 630/2016
9	482.	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp	X	x											QĐ 630/2016
9	483.	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp	X	x											QĐ 630/2016
9	484.	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong Basedow	X	x											QĐ 630/2016
9	485.	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	X	x											QĐ 630/2016
9	486.	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	X	x											QĐ 630/2016
9	487.	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ	X	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	488.	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ	X	X											QĐ 630/2016
9	489.	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thòng	X	X											QĐ 630/2016
9	490.	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp	X	X											QĐ 630/2016
9	491.	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII	X	X											QĐ 630/2016
9	492.	Gây mê phẫu thuật cắt từ 3 tạng trở lên trong điều trị ung thư	X	X											QĐ 630/2016
9	493.	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + 2 phần phụ + vét hạch chậu 2 bên	X	X											QĐ 630/2016
9	494.	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + phần phụ + mạc nối lớn	X	X	x										QĐ 630/2016
9	495.	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng kèm tạo hình niệu quản	X	X											QĐ 630/2016
9	496.	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng, u buồng trứng, phần phụ	X	X	x										QĐ 12/2014
9	497.	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn + buồng trứng trên bệnh nhân ung thư buồng trứng	X	X											QĐ 630/2016
9	498.	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn + vét hạch trên bệnh nhân ung thư tử cung	X	X											QĐ 630/2016
9	499.	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì Chorio + chửa trứng	X	X											QĐ 630/2016
9	500.	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì K cổ tử cung	X	X											QĐ 630/2016
9	501.	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì u xơ tử cung	X	X	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	502.	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung toàn bộ, vét hạch tiểu khung	x	X											QĐ 630/2016
9	503.	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung	x	X	x										QĐ 12/2014
9	504.	Gây mê phẫu thuật cắt túi lệ	x	X											QĐ 12/2014
9	505.	Gây mê phẫu thuật cắt túi mật	x	X	x										QĐ 12/2014
9	506.	Gây mê phẫu thuật cắt túi sa niệu quản	x	X											QĐ 630/2016
9	507.	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa đại tràng	x	X	x										QĐ 630/2016
9	508.	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa Meckel	x	X	x										QĐ 12/2014
9	509.	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa niệu đạo	x	X											QĐ 630/2016
9	510.	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa tá tràng	x	X	x										QĐ 630/2016
9	511.	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa thực quản cổ	x	X											QĐ 630/2016
9	512.	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa thực quản ngực	x	X											QĐ 630/2016
9	513.	Gây mê phẫu thuật cắt tụy trung tâm	x	X											QĐ 630/2016
9	515.	Gây mê phẫu thuật cắt tuyến cận giáp trong quá sản thứ phát sau suy thận mãn tính	x	X											QĐ 630/2016
9	516.	Gây mê phẫu thuật cắt tuyến nước bọt mang tai bảo tồn thần kinh VII	x	X											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	517.	Gây mê phẫu thuật cắt tuyến thượng thận 1 bên	x	X											QĐ 630/2016
9	518.	Gây mê phẫu thuật cắt tuyến thượng thận 2 bên	x	x											QĐ 630/2016
9	519.	Gây mê phẫu thuật cắt tuyến thượng thận	x	x											QĐ 630/2016
9	522.	Gây mê phẫu thuật cắt u bàng quang đường trên	x	x											QĐ 630/2016
9	523.	Gây mê phẫu thuật cắt u biểu bì	x	x											QĐ 630/2016
9	524.	Gây mê phẫu thuật cắt u buồng trứng hoặc bóc u buồng trứng	x	x											QĐ 12/2014
9	525.	Gây mê phẫu thuật cắt u buồng trứng, gỡ dính	x	x											QĐ 12/2014
9	526.	Gây mê phẫu thuật cắt u da đầu	x	x	x										QĐ 12/2014
9	527.	Gây mê phẫu thuật cắt u da lành tính vành tai	x	x											QĐ 12/2014
9	528.	Gây mê phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	x	x	x										QĐ 12/2014
9	529.	Gây mê phẫu thuật cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da	x	x											QĐ 630/2016
9	530.	Gây mê phẫu thuật cắt u da mi không ghép	x	x											QĐ 630/2016
9	531.	Gây mê phẫu thuật cắt u đáy lưỡi và mở khí quản	x	x											QĐ 630/2016
9	532.	Gây mê phẫu thuật cắt u đáy lưỡi	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	541.	Gây mê phẫu thuật cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép	x	x											QĐ 630/2016
9	543.	Gây mê phẫu thuật cắt u kết mạc, giác mạc không vỏ	x	x											QĐ 630/2016
9	544.	Gây mê phẫu thuật cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm	x	x	x										QĐ 12/2014
9	545.	Gây mê phẫu thuật cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp…)	x	x											QĐ 630/2016
9	546.	Gây mê phẫu thuật cắt u lành tính vùng mũi dưới 2cm	x	x											QĐ 630/2016
9	547.	Gây mê phẫu thuật cắt u lợi hàm	x	x											QĐ 630/2016
9	548.	Gây mê phẫu thuật cắt u lưỡi	x	x											QĐ 630/2016
9	549.	Gây mê phẫu thuật cắt u mạc nối lớn	x	x											QĐ 630/2016
9	550.	Gây mê phẫu thuật cắt u mạc treo ruột	x	x	x										QĐ 630/2016
9	551.	Gây mê phẫu thuật cắt u màng tim	x	x											QĐ 630/2016
9	552.	Gây mê phẫu thuật cắt u máu tuỷ sống, dị dạng động tĩnh mạch trong tuỷ	x	x											QĐ 630/2016
9	553.	Gây mê phẫu thuật cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính dưới 5 cm	x	x											QĐ 630/2016
9	554.	Gây mê phẫu thuật cắt u máu, u bạch huyết vùng cổ, nách, bẹn có đường kính trên 10 cm	x	x											QĐ 630/2016
9	555.	Gây mê phẫu thuật cắt u men xương hàm dưới giữ lại bờ nền	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	556.	Gây mê phẫu thuật cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da	x	x											QĐ 630/2016
9	557.	Gây mê phẫu thuật cắt u mi cả bề dày không ghép	x	x											QĐ 630/2016
9	558.	Gây mê phẫu thuật cắt u mi cả bề dày không vá	x	x											QĐ 630/2016
9	559.	Gây mê phẫu thuật cắt u mi ghép niêm mạc cứng của vòm miệng và chuyển vạt da	x	x											QĐ 630/2016
9	560.	Gây mê phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm	x	x	x										QĐ 12/2014
9	561.	Gây mê phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	x	x	x										QĐ 12/2014
9	562.	Gây mê phẫu thuật cắt u nang bao hoạt dịch	x	x	x										QĐ 12/2014
9	563.	Gây mê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng xoắn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	564.	Gây mê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng	x	x	x										QĐ 12/2014
9	565.	Gây mê phẫu thuật cắt u nang giáp lưỡi	x	x											QĐ 630/2016
9	566.	Gây mê phẫu thuật cắt u nang giáp trạng	x	x											QĐ 630/2016
9	567.	Gây mê phẫu thuật cắt u nang phổi hoặc nang phế quản	x	x											QĐ 630/2016
9	568.	Gây mê phẫu thuật cắt u nang tụy không cắt tụy có dẫn lưu	x	x											QĐ 630/2016
9	569.	Gây mê phẫu thuật cắt u nhú thanh quản bằng laser	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	570.	Gây mê phẫu thuật cắt u niêm mạc má	x	x											QĐ 630/2016
9	571.	Gây mê phẫu thuật cắt u ống mật chủ có đặt xen 1 quai hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	572.	Gây mê phẫu thuật cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang	x	x											QĐ 630/2016
9	573.	Gây mê phẫu thuật cắt u phổi, u màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	574.	Gây mê phẫu thuật cắt u sắc tố vùng hàm mặt	x	x											QĐ 630/2016
9	575.	Gây mê phẫu thuật cắt u sàn miệng, vét hạch	x	x											QĐ 630/2016
9	576.	Gây mê phẫu thuật cắt u sau phúc mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	577.	Gây mê phẫu thuật cắt u sùi đầu miệng sáo	x	x	x										QĐ 630/2016
9	578.	Gây mê phẫu thuật cắt u tá tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	579.	Gây mê phẫu thuật cắt u tế bào khổng lồ có hoặc không ghép xương	x	x											QĐ 630/2016
9	580.	Gây mê phẫu thuật cắt u thần kinh vùng hàm mặt	x	x											QĐ 630/2016
9	581.	Gây mê phẫu thuật cắt u thần kinh	x	x											QĐ 630/2016
9	582.	Gây mê phẫu thuật cắt u thành âm đạo	x	x											QĐ 630/2016
9	583.	Gây mê phẫu thuật cắt u thành ngực		x											

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	593.	Gây mê phẫu thuật cắt u tuyến nước bọt dưới hàm	x	x											QĐ 630/2016
9	600.	Gây mê phẫu thuật cắt u vú, vú to nam giới	x	x											QĐ 630/2016
9	601.	Gây mê phẫu thuật cắt u vùng họng miệng	x	x											QĐ 630/2016
9	602.	Gây mê phẫu thuật cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm	x	x											QĐ 630/2016
9	603.	Gây mê phẫu thuật cắt u xương lành	x	x	x										QĐ 630/2016
9	604.	Gây mê phẫu thuật cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn	x	x	x										QĐ 630/2016
9	605.	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư âm hộ + vét hạch bẹn 2 bên	x	x											QĐ 630/2016
9	606.	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư âm hộ tái phát	x	x											QĐ 630/2016
9	607.	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư amidan/thanh quản.	x	x											QĐ 630/2016
9	608.	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư bàng quang có hay không tạo hình bàng quang	x	x											QĐ 630/2016
9	609.	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư buồng trứng kèm cắt tử cung toàn bộ và mạc nối lớn.	x	x											QĐ 630/2016
9	610.	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư da đầu, mặt có tạo hình	x	x											QĐ 630/2016
9	611.	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư da vùng mi mắt dưới và tạo hình	x	x											QĐ 630/2016
9	612.	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư da vùng mi mắt trên và tạo hình	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	613.	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư hố mắt đã xâm lấn các xoang xoang hàm, xoang sàng …	x	x											QĐ 630/2016
9	614.	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư lưỡi có tái tạo vạt cơ da	x	x											QĐ 630/2016
9	615.	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư lưỡi sàn miệng, nạo vét hạch và tạo hình bằng vạt từ xa	x	x											QĐ 630/2016
9	616.	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư lưỡi và vét hạch cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	617.	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư môi có tạo hình đường kính dưới 5 cm	x	x											QĐ 630/2016
9	618.	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính dưới 5cm	x	x	x										QĐ 630/2016
9	619.	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư phần mềm	x	x											QĐ 630/2016
9	620.	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư thận	x	x											QĐ 630/2016
9	621.	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư tiền liệt tuyến.	x	x											QĐ 630/2016
9	622.	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư tinh hoàn lạc chỗ	x	x											QĐ 630/2016
9	623.	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư tử cung chảy máu	x	x											QĐ 630/2016
9	624.	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư túi mật	x	x											QĐ 630/2016
9	625.	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư vòm khẩu cái	x	x											QĐ 630/2016
9	626.	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư vú tiết kiệm da tạo hình ngay	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	627.	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm và hạch cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	628.	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm, hạch cổ và tạo hình bằng vạt tại chỗ	x	x											QĐ 630/2016
9	629.	Gây mê phẫu thuật cắt và thắt đường rò khí quản - thực quản	x	x											QĐ 630/2016
9	630.	Gây mê phẫu thuật cắt vú trên bệnh nhân K vú	X	x											QĐ 630/2016
9	631.	Gây mê phẫu thuật cắt xương hàm tạo hình	x	x											QĐ 630/2016
9	632.	Gây mê phẫu thuật cắt, nạo vét hạch cổ tiệt căn	x	x											QĐ 630/2016
9	633.	Gây mê phẫu thuật chấn thương không sốc hoặc sốc nhẹ	x	x	x										QĐ 12/2014
9	635.	Gây mê phẫu thuật chấn thương sọ não	x	x	x										QĐ 12/2014
9	636.	Gây mê phẫu thuật chấn thương/lao cột sống cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	637.	Gây mê phẫu thuật chấn thương/lao cột sống ngực, thắt lưng	x	x											QĐ 630/2016
9	638.	Gây mê phẫu thuật chích áp xe gan	x	x	x										QĐ 12/2014
9	639.	Gây mê phẫu thuật chỉnh , xoay, lấy IOL có hoặc không cắt DK	x	x											QĐ 630/2016
9	640.	Gây mê phẫu thuật chỉnh gù vẹo cột sống	x	x											QĐ 630/2016
9	641.	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình cong dương vật	x	x	x										QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	642.	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình vùi dương vật	x	x	x										QĐ 630/2016
9	643.	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình vùng đầu mặt cổ	x	x											QĐ 12/2014
9	644.	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình xương 2 hàm	x	x											QĐ 12/2014
9	645.	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình xương hàm dưới hai bên	x	x											QĐ 12/2014
9	646.	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình xương hàm dưới một bên	x	x											QĐ 12/2014
9	647.	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên hai bên	x	x											QĐ 12/2014
9	648.	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên một bên	x	x											QĐ 12/2014
9	649.	Gây mê phẫu thuật chỉnh sửa sẹo xấu dương vật	x	x											QĐ 630/2016
9	651.	Gây mê phẫu thuật chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt	x	x											QĐ 630/2016
9	652.	Gây mê phẫu thuật chồng khớp sọ, hẹp hộp sọ	x	x											QĐ 630/2016
9	653.	Gây mê phẫu thuật chửa ngoài dạ con vỡ	x	x	x										QĐ 12/2014
9	654.	Gây mê phẫu thuật chữa túi thừa bàng quang	x	x											QĐ 12/2014
9	655.	Gây mê phẫu thuật chuyển gân điều trị mắt hở mi (2 mắt)	x	x											QĐ 630/2016
9	656.	Gây mê phẫu thuật chuyển vạt da cân có cuống mạch nuôi	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	657.	Gây mê phẫu thuật cố định bao Tenon tạo cùng đồ dưới	x	x											QĐ 630/2016
9	658.	Gây mê phẫu thuật cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng các nút Ivy	x	x											QĐ 630/2016
9	659.	Gây mê phẫu thuật cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít neo chặn	x	x											QĐ 12/2014
9	660.	Gây mê phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính	x	x											QĐ 630/2016
9	661.	Gây mê phẫu thuật cố định kết hợp xương nẹp vit gãy thân xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	662.	Gây mê phẫu thuật cố định mảng sườn di động	x	x											QĐ 630/2016
9	663.	Gây mê phẫu thuật cố định màng xương tạo cùng đồ	x	x											QĐ 630/2016
9	664.	Gây mê phẫu thuật cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	x	x	x										QĐ 12/2014
9	665.	Gây mê phẫu thuật cơ hoành rách do chấn thương qua đường bụng	x	x											QĐ 12/2014
9	666.	Gây mê phẫu thuật cơ hoành rách do chấn thương qua đường ngực	x	x											QĐ 12/2014
9	667.	Gây mê phẫu thuật có sốc	x	x											QĐ 12/2014
9	668.	Gây mê phẫu thuật cứng khớp vai do xơ hóa cơ Delta	x	x											QĐ 12/2014
9	669.	Gây mê phẫu thuật đa chấn thương	x	x											QĐ 12/2014
9	671.	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu 2 niệu quản ra thành bụng	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	672.	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu 2 thận	x	x											QĐ 630/2016
9	673.	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đáy chậu	x	x	x										QĐ 630/2016
9	674.	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan	x	x	x										QĐ 12/2014
9	675.	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt	x	x											QĐ 630/2016
9	676.	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu niệu quản ra thành bụng 1 bên	x	x											QĐ 630/2016
9	677.	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu thận	x	x											QĐ 12/2014
9	678.	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu túi mật	x	x	x										QĐ 12/2014
9	679.	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu viêm mủ khớp, không sai khớp	x	x	x										QĐ 12/2014
9	680.	Gây mê phẫu thuật đặt bản silicon điều trị lõm mắt	x	x											QĐ 630/2016
9	681.	Gây mê phẫu thuật đặt IOL trên mắt cận thị (Phakic)	x	x											QĐ 630/2016
9	682.	Gây mê phẫu thuật đặt khung định vị u não	x	x											QĐ 630/2016
9	683.	Gây mê phẫu thuật đặt ống silicon lệ quản – ống lệ mũi	x	x											QĐ 630/2016
9	684.	Gây mê phẫu thuật đặt ống silicon tiền phòng điều trị glôcôm	x	x											QĐ 630/2016
9	685.	Gây mê phẫu thuật đặt ống tiền phòng điều trị glôcôm (đặt shunt mini express)	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	686.	Gây mê phẫu thuật đặt stent các động mạch ngoại vi	x	x	x										QĐ 630/2016
9	689.	Gây mê phẫu thuật đặt stent động mạch đùi	x	x	x										QĐ 630/2016
9	691.	Gây mê phẫu thuật đặt sụn sườn vào dưới màng xương điều trị lõm mắt	x	x											QĐ 630/2016
9	692.	Gây mê phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)	x	x											QĐ 12/2014
9	693.	Gây mê phẫu thuật đặt van dẫn lưu tiền phòng điều trị glôcôm	x	x											QĐ 12/2014
9	694.	Gây mê phẫu thuật dị dạng đường sinh dục	x	x											QĐ 630/2016
9	695.	Gây mê phẫu thuật dị dạng tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	696.	Gây mê phẫu thuật di thực hàng lông mi	x	x											QĐ 630/2016
9	698.	Gây mê phẫu thuật điều trị bảo tồn gẫy lồi cầu xương hàm dưới	x	x											QĐ 12/2014
9	699.	Gây mê phẫu thuật điều trị bệnh còn ống động mạch ở trẻ lớn và người lớn	x	x											QĐ 630/2016
9	701.	Gây mê phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò sung	x	x											QĐ 630/2016
9	702.	Gây mê phẫu thuật điều trị bệnh lý mủ màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	703.	Gây mê phẫu thuật điều trị bệnh lý phổi – trung thất ở trẻ em dưới 5 tuổi	x	x											QĐ 630/2016
9	704.	Gây mê phẫu thuật điều trị bệnh Rectocelle	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	705.	Gây mê phẫu thuật điều trị bệnh suy – giãn tĩnh mạch chi dưới	x	x											QĐ 630/2016
9	706.	Gây mê phẫu thuật điều trị bệnh Verneuil	x	x											QĐ 630/2016
9	707.	Gây mê phẫu thuật điều trị bệnh xuất tinh sớm	x	x											QĐ 630/2016
9	708.	Gây mê phẫu thuật điều trị bong hắc mạc: chọc hút dịch bong dưới hắc mạc, bơm hơi tiền phòng	x	x											QĐ 630/2016
9	709.	Gây mê phẫu thuật điều trị can sai xương gò má	x	x											QĐ 630/2016
9	710.	Gây mê phẫu thuật điều trị can sai xương hàm dưới	x	x											QĐ 630/2016
9	711.	Gây mê phẫu thuật điều trị can sai xương hàm trên	x	x											QĐ 630/2016
9	713.	Gây mê phẫu thuật điều trị chảy máu do tăng áp tịnh mạch cửa không có nối mạch máu	x	x											QĐ 630/2016
9	714.	Gây mê phẫu thuật điều trị chảy máu đường mật, cắt gan	x	x											QĐ 630/2016
9	715.	Gây mê phẫu thuật điều trị co giật mi, co quắp mi, cau mày, nếp nhăn da mi bằng thuốc (botox, dysport...), laser	x	x											QĐ 630/2016
9	720.	Gây mê phẫu thuật điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bè (Trabeculoplasty)	x	x											QĐ 630/2016
9	721.	Gây mê phẫu thuật điều trị hẹp khít động mạch cảnh do xơ vữa	x	x											QĐ 630/2016
9	722.	Gây mê phẫu thuật điều trị hẹp môn vị phì đại	x	x											QĐ 630/2016
9	723.	Gây mê phẫu thuật điều trị hở mi													QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	724.	Gây mê phẫu thuật điều trị hoại tử xương hàm do tia xạ	x	x											QĐ 630/2016
9	725.	Gây mê phẫu thuật điều trị hoại tử xương và phần mềm vùng hàm mặt do tia xạ	x	x											QĐ 630/2016
9	726.	Gây mê phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay	x	x	x										QĐ 630/2016
9	727.	Gây mê phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ	x	x	x										QĐ 630/2016
9	728.	Gây mê phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	729.	Gây mê phẫu thuật điều trị khe hở chéo mặt hai bên	x	x											QĐ 630/2016
9	730.	Gây mê phẫu thuật điều trị khe hở chéo mặt một bên	x	x											QĐ 630/2016
9	731.	Gây mê phẫu thuật điều trị khe hở môi hai bên	x	x											QĐ 630/2016
9	732.	Gây mê phẫu thuật điều trị khe hở môi một bên	x	x											QĐ 630/2016
9	733.	Gây mê phẫu thuật điều trị khe hở ngang mặt	x	x											QĐ 630/2016
9	734.	Gây mê phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng không toàn bộ	x	x											QĐ 630/2016
9	735.	Gây mê phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng toàn bộ	x	x											QĐ 630/2016
9	736.	Gây mê phẫu thuật điều trị khuyết hổng phần mềm vùng hàm mặt bằng kỹ thuật vi phẫu	x	x											QĐ 630/2016
9	737.	Gây mê phẫu thuật điều trị lác bằng thuốc (botox, dysport...)	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	738.	Gây mê phẫu thuật điều trị laser hồng ngoại	x	x											QĐ 630/2016
9	739.	Gây mê phẫu thuật điều trị lật mi dưới có hoặc không ghép	x	x											QĐ 630/2016
9	740.	Gây mê phẫu thuật điều trị một số bệnh võng mạc bằng laser (bệnh võng mạc tiểu đường, cao huyết áp, trẻ đẻ non…)	x	x											QĐ 630/2016
9	743.	Gây mê phẫu thuật điều trị phồng, giả phồng động mạch chi	x	x	x										QĐ 630/2016
9	744.	Gây mê phẫu thuật điều trị sa trực tràng đường bụng	x	x											QĐ 630/2016
9	745.	Gây mê phẫu thuật điều trị sa trực tràng qua đường hậu môn	x	x	x										QĐ 630/2016
9	748.	Gây mê phẫu thuật điều trị són tiểu	x	x											QĐ 630/2016
9	749.	Gây mê phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi bán cấp tính	x	x											QĐ 630/2016
9	750.	Gây mê phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi cấp tính do huyết khối, mảnh sùi, dị vật	x	x											QĐ 630/2016
9	751.	Gây mê phẫu thuật điều trị tắc tá tràng các loại	x	x											QĐ 630/2016
9	752.	Gây mê phẫu thuật điều trị táo bón do rối loạn co thắt cơ mu – trực tràng (Anismus)	x	x											QĐ 630/2016
9	753.	Gây mê phẫu thuật điều trị tật thiếu xương quay bẩm sinh	x	x											QĐ 630/2016
9	754.	Gây mê phẫu thuật điều trị teo đường mật bẩm sinh	x	x											QĐ 630/2016
9	757.	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	758.	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	x	x	x										QĐ 12/2014
9	759.	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice	x	x	x										QĐ 12/2014
9	760.	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	x	x	x										QĐ 12/2014
9	761.	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice	x	x	x										QĐ 12/2014
9	762.	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	x	x	x										QĐ 12/2014
9	763.	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị cơ hoành	x	x											QĐ 12/2014
9	764.	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	765.	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị hoành bẩm sinh (Bochdalek)	x	x											QĐ 630/2016
9	766.	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị khe hoành	x	x											QĐ 630/2016
9	767.	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị qua khe thực quản	x	x											QĐ 630/2016
9	768.	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	x	x	x										QĐ 630/2016
9	769.	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị vết phẫu thuật thành bụng	x	x	x										QĐ 630/2016
9	770.	Gây mê phẫu thuật điều trị thông động – tĩnh mạch cảnh	x	x											QĐ 630/2016
9	771.	Gây mê phẫu thuật điều trị thông động – tĩnh mạch chi	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	773.	Gây mê phẫu thuật điều trị thủng đường tiêu hóa có làm hậu môn nhân tạo	x	x											QĐ 12/2014
9	774.	Gây mê phẫu thuật điều trị tồn tại ống rốn bàng quang	x	x											QĐ 630/2016
9	775.	Gây mê phẫu thuật điều trị tồn tại ống rốn ruột	x	x											QĐ 630/2016
9	776.	Gây mê phẫu thuật điều trị tổn thương đám rối thần kinh cánh tay	x	x											QĐ 630/2016
9	777.	Gây mê phẫu thuật điều trị tổn thương gân cơ chóp xoay	x	x											QĐ 12/2014
9	778.	Gây mê phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	x	x	x										QĐ 12/2014
9	779.	Gây mê phẫu thuật điều trị u lợi bằng laser	x	x											QĐ 630/2016
9	780.	Gây mê phẫu thuật điều trị u máu bằng hoá chất	x	x											QĐ 630/2016
9	781.	Gây mê phẫu thuật điều trị vẹo cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	782.	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng ghép da tự thân	x	x	x										QĐ 12/2014
9	783.	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng vạt có sử dụng vi phẫu thuật	x	x											QĐ 630/2016
9	784.	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương mạch đốt sống	x	x											QĐ 630/2016
9	785.	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vạt da lân cận	x	x	x										QĐ 630/2016
9	786.	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vạt da tại chỗ	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	787.	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngực – bụng qua đường bụng	x	x	x										QĐ 12/2014
9	788.	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần	x	x	x										QĐ 12/2014
9	789.	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở nặng có chỉ định mở ngực cấp cứu	x	x											QĐ 12/2014
9	790.	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hổng tổ chức	x	x											QĐ 630/2016
9	791.	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức	x	x	x										QĐ 12/2014
9	792.	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương tim	x	x											QĐ 630/2016
9	793.	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương vùng hàm mặt do hoả khí	x	x											QĐ 12/2014
9	794.	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	795.	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp	x	x											QĐ 12/2014
9	796.	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm mủ màng tim	x	x											QĐ 630/2016
9	797.	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát	x	x	x										QĐ 12/2014
9	798.	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm tuyến mang tai bằng bơm rửa thuốc qua lỗ ống tuyến	x	x	x										QĐ 630/2016
9	799.	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm xoang hàm do răng	x	x											QĐ 12/2014
9	800.	Gây mê phẫu thuật điều trị vỡ phế quản do chấn thương ngực	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	801.	Gây mê phẫu thuật điều trị vỡ tim do chấn thương	x	x											QĐ 630/2016
9	802.	Gây mê phẫu thuật đính chỗ bám cơ vào dây chằng mi điều trị lác liệt	x	x											QĐ 630/2016
9	803.	Gây mê phẫu thuật dính khớp quay trụ bẩm sinh	x	x											QĐ 630/2016
9	804.	Gây mê phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo bẩm sinh	x	x											QĐ 630/2016
9	805.	Gây mê phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo-trực tràng bẩm sinh	x	x											QĐ 630/2016
9	806.	Gây mê phẫu thuật dò niệu đạo - trực tràng bẩm sinh	x	x											QĐ 630/2016
9	807.	Gây mê phẫu thuật Doenig	x	x											QĐ 630/2016
9	808.	Gây mê phẫu thuật độn củng mạc bằng collagen điều trị cận thị	x	x											QĐ 630/2016
9	809.	Gây mê phẫu thuật độn khuyết xương sọ bằng sụn tự thân	x	x											QĐ 630/2016
9	810.	Gây mê phẫu thuật động / tĩnh mạch ngoại biên các loại : tắc mạch , phình mạch, dãn tĩnh mạch chân	x	x											QĐ 630/2016
9	811.	Gây mê phẫu thuật đóng các lỗ rò niệu đạo	x	x											QĐ 630/2016
9	812.	Gây mê phẫu thuật đóng cứng khớp cổ chân (chưa bao gồm phương tiện cố định)	x	x	x										QĐ 12/2014
9	813.	Gây mê phẫu thuật đóng cứng khớp khác	x	x	x										QĐ 12/2014
9	814.	Gây mê phẫu thuật đóng dẫn lưu niệu quản 2 bên	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	815.	Gây mê phẫu thuật đóng dị tật nứt đốt sống (spina bifida) kèm theo thoát vị màng tuỷ, bằng đường vào phía sau	x	x											QĐ 630/2016
9	816.	Gây mê phẫu thuật đóng đinh nội tủy kín có chốt xương chày dưới màng hình tăng sang	x	x											QĐ 12/2014
9	817.	Gây mê phẫu thuật đóng dò bàng quang - âm đạo	x	x											QĐ 630/2016
9	819.	Gây mê phẫu thuật đóng dò trực tràng âm đạo	x	x											QĐ 630/2016
9	820.	Gây mê phẫu thuật đóng đường dò dịch não tuỷ hoặc một thoát vị màng tuỷ sau phẫu thuật tuỷ sống	x	x											QĐ 630/2016
9	821.	Gây mê phẫu thuật đóng đường dò dịch não tuỷ hoặc thoát vị màng não tầng trước nền sọ bằng đường qua xoang bướm	x	x											QĐ 630/2016
9	822.	Gây mê phẫu thuật đóng đường dò dịch não tuỷ hoặc thoát vị màng não ở tầng trước nền sọ qua đường mở nắp sọ	x	x											QĐ 630/2016
9	823.	Gây mê phẫu thuật đóng đường dò dịch não tuỷ hoặc thoát vị màng não tầng trước nền sọ bằng đường qua xoang sàng	x	x											QĐ 630/2016
9	824.	Gây mê phẫu thuật đóng đường dò dịch não tuỷ qua xoang trán	x	x											QĐ 630/2016
9	825.	Gây mê phẫu thuật đóng đường dò dịch não tuỷ sau phẫu thuật các thương tổn nền sọ	x	x											QĐ 630/2016
9	826.	Gây mê phẫu thuật đóng đường dò dịch não tuỷ tầng giữa nền sọ bằng đường vào trên xương đá	x	x											QĐ 630/2016
9	827.	Gây mê phẫu thuật đóng đường dò dịch não tuỷ tầng giữa nền sọ qua mở nắp sọ	x	x											QĐ 630/2016
9	828.	Gây mê phẫu thuật đóng hậu môn nhân tạo	x	x											QĐ 12/2014
9	829.	Gây mê phẫu thuật đóng lỗ dò đường lệ	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	830.	Gây mê phẫu thuật đóng lỗ mở bàng quang ra da	x	x											QĐ 12/2014
9	835.	Gây mê phẫu thuật đục chồi xương	x	x											QĐ 12/2014
9	836.	Gây mê phẫu thuật đục xương sửa trục	x	x											QĐ 630/2016
9	837.	Gây mê phẫu thuật duỗi cứng khớp gối, hoặc có gối ưỡn, hoặc có sai khớp xương bánh chè	x	x											QĐ 12/2014
9	838.	Gây mê phẫu thuật duỗi khớp gối đơn thuần	x	x											QĐ 12/2014
9	839.	Gây mê phẫu thuật duỗi khớp gối quá mức bẩm sinh, sai khớp hoặc bán sai khớp	x	x											QĐ 630/2016
9	840.	Gây mê phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu	x	x											QĐ 12/2014
9	841.	Gây mê phẫu thuật Epicanthus	x	x											QĐ 630/2016
9	842.	Gây mê phẫu thuật Frey – Beger điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn	x	x											QĐ 630/2016
9	843.	Gây mê phẫu thuật Frey điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn	x	x											QĐ 630/2016
9	844.	Gây mê phẫu thuật gan- mật	x	x											QĐ 12/2014
9	845.	Gây mê phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	x	x											QĐ 630/2016
9	846.	Gây mê phẫu thuật gấp và khép khớp háng do bại não	x	x											QĐ 630/2016
9	847.	Gây mê phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	848.	Gây mê phẫu thuật gãy xương thuyền bằng Vis Herbert	x	x	x										QĐ 630/2016
9	849.	Gây mê phẫu thuật ghép củng mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	850.	Gây mê phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf krause ≥ 3% diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu	x	x											QĐ 630/2016
9	851.	Gây mê phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf krause dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu	x	x	x										QĐ 630/2016
9	852.	Gây mê phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rắn cắn, vết thương phức tạp sau chấn thương có diện tích > 10%	x	x											QĐ 630/2016
9	853.	Gây mê phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rắn cắn, vết thương phức tạp sau chấn thương có diện tích < 5%	x	x											QĐ 630/2016
9	854.	Gây mê phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rắn cắn, vết thương có diện tích 5-10%	x	x											QĐ 630/2016
9	855.	Gây mê phẫu thuật ghép da hay vạt da điều trị hở mi do sẹo	x	x											QĐ 630/2016
9	856.	Gây mê phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	857.	Gây mê phẫu thuật ghép da tự thân trên 10% diện tích bỏng cơ thể	x	x											QĐ 630/2016
9	858.	Gây mê phẫu thuật ghép da tự thân từ 5 - 10% diện tích bỏng cơ thể	x	x											QĐ 630/2016
9	859.	Gây mê phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vi phẫu thuật	x	x	x										QĐ 630/2016
9	860.	Gây mê phẫu thuật ghép giác mạc có vành củng mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	861.	Gây mê phẫu thuật ghép giác mạc lần hai trở lên	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	862.	Gây mê phẫu thuật ghép giác mạc lớp	x	x											QĐ 630/2016
9	863.	Gây mê phẫu thuật ghép giác mạc nhân tạo	x	x											QĐ 630/2016
9	864.	Gây mê phẫu thuật ghép giác mạc tự thân	x	x											QĐ 630/2016
9	865.	Gây mê phẫu thuật ghép giác mạc xuyên	x	x											QĐ 630/2016
9	866.	Gây mê phẫu thuật ghép lại mảnh da mặt đứt rời không bằng vi phẫu	x	x	x										QĐ 630/2016
9	867.	Gây mê phẫu thuật ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	868.	Gây mê phẫu thuật ghép màng sinh học bề mặt nhãn cầu	x	x											QĐ 630/2016
9	869.	Gây mê phẫu thuật ghép mỡ điều trị lõm mắt	x	x											QĐ 630/2016
9	870.	Gây mê phẫu thuật ghép mỡ tự thân coleman điều trị lõm mắt	x	x											QĐ 630/2016
9	871.	Gây mê phẫu thuật ghép nội mô giác mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	872.	Gây mê phẫu thuật ghép toàn bộ mũi và bộ phận xung quanh đứt rời có sử dụng vi phẫu	x	x											QĐ 630/2016
9	874.	Gây mê phẫu thuật ghép vòng căng / hoặc thấu kính trong nhu mô giác mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	875.	Gây mê phẫu thuật ghép xương bằng vật liệu thay thế tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên	x	x											QĐ 630/2016
9	876.	Gây mê phẫu thuật ghép xương nhân tạo (chưa bao gồm xương nhân tạo và phương tiện kết hợp)	x	x	x										QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	877.	Gây mê phẫu thuật ghép xương trong chấn thương cột sống cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	878.	Gây mê phẫu thuật ghép xương tự thân (chưa bao gồm các phương tiện cố định)	x	x	x										QĐ 12/2014
9	879.	Gây mê phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên	x	x											QĐ 630/2016
9	880.	Gây mê phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới	x	x											QĐ 630/2016
9	881.	Gây mê phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới bằng kỹ thuật vi phẫu	x	x											QĐ 630/2016
9	882.	Gây mê phẫu thuật giải ép vi mạch cho dây thần kinh số V	x	x											QĐ 630/2016
9	883.	Gây mê phẫu thuật giảm áp hốc mắt (phá thành hốc mắt, mở rộng lỗ thị giác...)	x	x											QĐ 630/2016
9	884.	Gây mê phẫu thuật glôcôm ác tính trên mắt độc nhất, gần mù	x	x											QĐ 630/2016
9	885.	Gây mê phẫu thuật glôcôm lần hai trở lên	x	x											QĐ 630/2016
9	886.	Gây mê phẫu thuật gọt giác mạc đơn thuần	x	x											QĐ 630/2016
9	887.	Gây mê phẫu thuật hạ lại tinh hoàn	x	x											QĐ 630/2016
9	888.	Gây mê phẫu thuật hạ mi trên (chỉnh chỉ, lùi cơ nâng mi …)	x	x											QĐ 630/2016
9	889.	Gây mê phẫu thuật hạ tinh hoàn 1 bên	x	x	x										QĐ 12/2014
9	890.	Gây mê phẫu thuật hạ tinh hoàn 2 bên	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	891.	Gây mê phẫu thuật hạ tinh hoàn lạc chỗ 1 bên	x	x	x										QĐ 12/2014
9	892.	Gây mê phẫu thuật hạch ngoại biên	x	x	x										QĐ 630/2016
9	894.	Gây mê phẫu thuật hẹp khe mi	x	x											QĐ 630/2016
9	895.	Gây mê phẫu thuật hội chứng ống cổ tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	896.	Gây mê phẫu thuật hội chứng volkmann co cơ ấp có kết hợp xương	x	x											QĐ 630/2016
9	897.	Gây mê phẫu thuật hội chứng volkmann co cơ gấp không kết hợp xương	x	x	x										QĐ 630/2016
9	898.	Gây mê phẫu thuật kéo dài cân cơ nâng mi	x	x											QĐ 630/2016
9	899.	Gây mê phẫu thuật khâu da thì II	x	x	x										QĐ 12/2014
9	900.	Gây mê phẫu thuật khâu phục hồi cơ hoành	x	x											QĐ 12/2014
9	901.	Gây mê phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi	x	x											QĐ 12/2014
9	902.	Gây mê phẫu thuật khe thoát vị rốn, hở thành bụng	x	x											QĐ 630/2016
9	903.	Gây mê phẫu thuật khoan sọ dẫn lưu ổ tụ mủ dưới màng cứng	x	x	x										QĐ 630/2016
9	904.	Gây mê phẫu thuật khớp giả xương chày bẩm sinh có ghép xương	x	x											QĐ 630/2016
9	905.	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương (KHX) chấn thương Lisfranc và bàn chân giữa	x	x	x										QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	906.	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng ghép xương, sụn tự thân	x	x											QĐ 630/2016
9	907.	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	x	x											QĐ 12/2014
9	908.	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	x	x											QĐ 630/2016
9	909.	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng vật liệu thay thế	x	x											QĐ 630/2016
9	910.	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng các vật liệu thay thế	x	x											QĐ 630/2016
9	911.	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng chỉ thép	x	x											QĐ 630/2016
9	912.	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít hợp kim	x	x											QĐ 630/2016
9	913.	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít tự tiêu	x	x											QĐ 630/2016
9	914.	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chỉ thép	x	x											QĐ 12/2014
9	915.	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	x	x											QĐ 630/2016
9	916.	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	x	x											QĐ 12/2014
9	917.	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng chỉ thép	x	x											QĐ 12/2014
9	918.	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít hợp kim	x	x											QĐ 12/2014
9	919.	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít tự tiêu	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	920.	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng chỉ thép	x	x											QĐ 12/2014
9	921.	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	x	x											QĐ 12/2014
9	922.	Gây mê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	x	x											QĐ 630/2016
9	923.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy 2 xương cẳng tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	924.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	925.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương chày	x	x	x										QĐ 12/2014
9	926.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp vùng khớp gối	x	x	x										QĐ 12/2014
9	927.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy bong sụn vùng cổ xương đùi	x	x	x										QĐ 630/2016
9	928.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy chỏm đốt bàn và ngón tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	929.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy cổ chân	x												QĐ 12/2014
9	930.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	931.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy cổ xương bả vai	x	x											QĐ 12/2014
9	932.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy cổ xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	933.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy đài quay (Gãy cổ xương quay)	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	934.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy đài quay phức tạp	x	x	x										QĐ 12/2014
9	935.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy đài quay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	936.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương chày (Pilon)	x	x	x										QĐ 12/2014
9	937.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	938.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở độ II thân xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	939.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở độ II trên và liên lồi cầu xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	940.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở độ III hai xương cẳng chân	x	x	x										QĐ 12/2014
9	941.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở độ III thân xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	942.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở độ III trên và liên lồi cầu xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	943.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở I thân hai xương cẳng tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	944.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở II thân hai xương cẳng tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	945.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở III thân hai xương cẳng tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	946.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy hở liên lồi cầu xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	947.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy Hoffa đàu dưới xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	948.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy khung chậu – trật khớp mu	x	x											QĐ 12/2014
9	949.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy liên lồi cầu xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	950.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy liên mấu chuyển xương đùi	x	x											QĐ 12/2014
9	951.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	952.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	953.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy lồi cầu trong xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	954.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương bàn và ngón tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	955.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương khớp ngón tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	956.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy mâm chày + thân xương chày	x	x	x										QĐ 12/2014
9	957.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy mâm chày ngoài	x	x	x										QĐ 12/2014
9	958.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy mâm chày trong	x	x	x										QĐ 12/2014
9	959.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân	x	x	x										QĐ 12/2014
9	960.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy mắt cá ngoài	x	x	x										QĐ 12/2014
9	961.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy mắt cá trong	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	962.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu phức tạp	x	x	x										QĐ 12/2014
9	963.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu	x	x	x										QĐ 12/2014
9	964.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy Monteggia	x	x	x										QĐ 12/2014
9	965.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy nền đốt bàn ngón 5 (bàn chân)	x	x	x										QĐ 12/2014
9	966.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy nội khớp đầu dưới xương quay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	967.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy nội khớp xương khớp ngón tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	968.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy ổ cối đơn thuần	x	x	x										QĐ 630/2016
9	969.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy ổ cối phức tạp	x	x											QĐ 630/2016
9	970.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy phức tạp chỏm xương đùi – trật hang	x	x											QĐ 630/2016
9	971.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy phức tạp vùng khuỷu	x	x	x										QĐ 12/2014
9	972.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy Pilon	x	x	x										QĐ 630/2016
9	973.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy ròng rọc xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	974.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy sụn tăng trưởng ở đầu xương	x	x	x										QĐ 12/2014
9	975.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng chân	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	976.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	977.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân đốt bàn và ngón tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	978.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân xương cẳng chân	x	x	x										QĐ 12/2014
9	979.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	980.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay cánh tay có liệt TK quay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	981.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay phức tạp	x	x	x										QĐ 12/2014
9	982.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân xương chày	x	x	x										QĐ 12/2014
9	983.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi phức tạp	x	x											QĐ 12/2014
9	984.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	985.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	986.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	987.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy trật đốt bàn ngón chân	x	x	x										QĐ 12/2014
9	988.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy trật khớp cổ chân ở trẻ em	x	x	x										QĐ 12/2014
9	989.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy trật khớp cổ tay	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	990.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy trật xương gót	x	x	x										QĐ 12/2014
9	991.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy trật xương sên	x	x	x										QĐ 12/2014
9	993.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	994.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	995.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy trên và liên lồi cầu xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	996.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy xương bả vai	x	x											QĐ 12/2014
9	997.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy xương bánh chè phức tạp	x	x	x	X									QĐ 12/2014
9	998.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy xương bệnh lý	x	x	x										QĐ 12/2014
9	999.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy xương đòn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1000.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn ngón tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1001.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1002.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy xương gót	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1003.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy xương mác đơn thuần	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1004.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1005.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy xương sên và trật khớp	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1006.	Gây mê phẫu thuật KHX khớp giả xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1007.	Gây mê phẫu thuật KHX khớp giả xương đòn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1008.	Gây mê phẫu thuật KHX tạo hình điều trị cứng sau chấn thương	x	x											QĐ 12/2014
9	1009.	Gây mê phẫu thuật KHX tạo hình điều trị cứng sau chấn thương	x	x											QĐ 12/2014
9	1010.	Gây mê phẫu thuật KHX toác khớp mu (trật khớp)	x	x											QĐ 12/2014
9	1011.	Gây mê phẫu thuật KHX trật khớp cổ chân	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1012.	Gây mê phẫu thuật KHX trật khớp cùng chậu	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1013.	Gây mê phẫu thuật KHX trật khớp cùng đòn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1014.	Gây mê phẫu thuật KHX trật khớp dưới sên	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1015.	Gây mê phẫu thuật KHX trật khớp Lisfranc	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1016.	Gây mê phẫu thuật KHX trật khớp ức đòn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1017.	Gây mê phẫu thuật KHX trên màn hình tăng sáng (chưa bao gồm đinh xương, nẹp vít, ốc, khóa)	x	x											QĐ 12/2014
9	1018.	Gây mê phẫu thuật lác có chỉnh chỉ	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1019.	Gây mê phẫu thuật lác người lớn	x	x											QĐ 630/2016
9	1020.	Gây mê phẫu thuật lác phức tạp (di thực cơ, phẫu thuật cơ chéo, faden…)	x	x											QĐ 630/2016
9	1021.	Gây mê phẫu thuật lác thông thường	x	x											QĐ 630/2016
9	1022.	Gây mê phẫu thuật lách hoặc tụy	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1023.	Gây mê phẫu thuật lại các dị tật hậu môn trực tràng đơn thuần, không làm lại niệu đạo	x	x											QĐ 630/2016
9	1024.	Gây mê phẫu thuật lại phình đại tràng bẩm sinh	x	x											QĐ 630/2016
9	1025.	Gây mê phẫu thuật lại tắc ruột sau phẫu thuật	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1026.	Gây mê phẫu thuật lại ung thư, gỡ dính.	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1027.	Gây mê phẫu thuật làm hậu môn nhân tạo cấp cứu ở trẻ em	x	x											QĐ 630/2016
9	1028.	Gây mê phẫu thuật làm hậu môn nhân tạo	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1029.	Gây mê phẫu thuật làm hẹp khe mi, rút ngắn dây chằng mi ngoài, mi trong điều trị hở mi do liệt dây VII	x	x											QĐ 630/2016
9	1030.	Gây mê phẫu thuật làm sâu ngách tiền đình	x	x											QĐ 630/2016
9	1031.	Gây mê phẫu thuật làm thẳng dương vật	x	x											QĐ 630/2016
9	1032.	Gây mê phẫu thuật lạnh đông điều trị K võng mạc	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1033.	Gây mê phẫu thuật lạnh đông đơn thuần phòng bong võng mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	1034.	Gây mê phẫu thuật lao cột sống (cổ hoặc ngực hoặc thắt lưng)	x	x											QĐ 630/2016
9	1035.	Gây mê phẫu thuật laser điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt	x	x											QĐ 630/2016
9	1036.	Gây mê phẫu thuật laser điều trị u nguyên bào võng mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	1037.	Gây mê phẫu thuật laser excimer điều trị tật khúc xạ	x	x											QĐ 630/2016
9	1038.	Gây mê phẫu thuật laser femtosecond điều trị lão thị (PT: INTRACOR)	x	x											QĐ 630/2016
9	1039.	Gây mê phẫu thuật laser femtosecond điều trị tật khúc xạ	x	x											QĐ 630/2016
9	1040.	Gây mê phẫu thuật laser mở bao sau đục	x	x											QĐ 630/2016
9	1041.	Gây mê phẫu thuật lấy bỏ chỏm quay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1042.	Gây mê phẫu thuật lấy bỏ điện cực trong não bằng đường qua da	x	x											QĐ 630/2016
9	1043.	Gây mê phẫu thuật lấy bỏ lồi cầu xương hàm dưới gãy	x	x											QĐ 12/2014
9	1044.	Gây mê phẫu thuật lấy bỏ thân đốt sống ngực và đặt lồng titanium	x	x											QĐ 630/2016
9	1045.	Gây mê phẫu thuật lấy bỏ thân đốt sống ngực và ghép xương	x	x											QĐ 630/2016
9	1046.	Gây mê phẫu thuật lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1047.	Gây mê phẫu thuật lấy đa tạng từ người chết não	x	x											QĐ 630/2016
9	1048.	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật giác mạc sâu	x	x											QĐ 12/2014
9	1049.	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật hốc mắt	x	x											QĐ 630/2016
9	1050.	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật nội nhãn bằng nam châm	x	x											QĐ 630/2016
9	1051.	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật phổi – màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	1052.	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường bụng	x	x											QĐ 630/2016
9	1053.	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	1054.	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường ngực	x	x											QĐ 630/2016
9	1055.	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật tiền phòng	x	x											QĐ 630/2016
9	1056.	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật trong củng mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	1057.	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật trực tràng	x	x											QĐ 12/2014
9	1058.	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	x	x											QĐ 12/2014
9	1059.	Gây mê phẫu thuật lấy đĩa đệm đốt sống, cố định CS và ghép xương liên thân đốt đường trước (xương tự thân có hoặc không có lồng titanium) (ALIF)	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1060.	Gây mê phẫu thuật lấy đĩa đệm đường sau qua đường cắt xương sườn	x	x											QĐ 630/2016
9	1061.	Gây mê phẫu thuật lấy giun, dị vật ở ruột non	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1062.	Gây mê phẫu thuật lấy hạch cổ chọn lọc hoặc vét hạch cổ bảo tồn 1 bên	x	x											QĐ 630/2016
9	1063.	Gây mê phẫu thuật lấy hạch cuống gan	x	x											QĐ 630/2016
9	1064.	Gây mê phẫu thuật lấy huyết khối tĩnh mạch cửa	x	x											QĐ 630/2016
9	1065.	Gây mê phẫu thuật lấy mạc nối lớn và mạc nối nhỏ	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1066.	Gây mê phẫu thuật lấy máu tụ bao gan	x	x											QĐ 630/2016
9	1067.	Gây mê phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính	x	x											QĐ 12/2014
9	1068.	Gây mê phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính hai bên	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1069.	Gây mê phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng nhiều vị trí trên lều và/hoặc dưới lều tiểu não	x	x											QĐ 12/2014
9	1070.	Gây mê phẫu thuật lấy máu tụ quanh ổ mắt sau CTSN	x	x											QĐ 630/2016
9	1071.	Gây mê phẫu thuật lấy máu tụ trong não thất	x	x											QĐ 630/2016
9	1072.	Gây mê phẫu thuật lấy mỡ mi mắt trên, dưới và tạo hình 2 mi	x	x											QĐ 12/2014
9	1073.	Gây mê phẫu thuật lấy nhân ở tụy (di căn tụy, u tụy)	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1074.	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang	x	x											QĐ 12/2014
9	1075.	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi bàng quang	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1076.	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi bể thận ngoài xoang	x	x											QĐ 12/2014
9	1077.	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi mật, giun trong đường mật qua nội soi tá tràng	x	x											QĐ 12/2014
9	1078.	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi mở bể thận trong xoang	x	x											QĐ 12/2014
9	1079.	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	x	x											QĐ 12/2014
9	1080.	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi nhu mô thận	x	x											QĐ 12/2014
9	1081.	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi niệu đạo	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1082.	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1083.	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đơn thuần	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1084.	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	x	x											QĐ 12/2014
9	1085.	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1086.	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ, cắt túi mật	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1087.	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi ống tuyến Stenon đường miệng	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1088.	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi ống wharton tuyến dưới hàm	x	x											QĐ 12/2014
9	1089.	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt	x	x											QĐ 630/2016
9	1090.	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi san hô thận	x	x											QĐ 12/2014
9	1091.	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận đa nang	x	x											QĐ 630/2016
9	1092.	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi thận	x	x											QĐ 12/2014
9	1093.	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi túi mật, nối túi mật tá tràng	x	x											QĐ 12/2014
9	1094.	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi, nối tụy hỗng tràng	x	x											QĐ 12/2014
9	1095.	Gây mê phẫu thuật lấy thai bình thường ở sản phụ không có các bệnh kèm theo	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1096.	Gây mê phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, Phaco) có hoặc không đặt IOL trên mắt độc nhất	x	x											QĐ 12/2014
9	1097.	Gây mê phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL	x	x											QĐ 12/2014
9	1098.	Gây mê phẫu thuật lấy thể thủy tinh sa, lệch bằng phương pháp phaco, phối hợp cắt dịch kính có hoặc không đặt IOL	x	x											QĐ 12/2014
9	1099.	Gây mê phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt IOL trên mắt độc nhất	x	x											QĐ 12/2014
9	1100.	Gây mê phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt thể thủy tinh nhân tạo trên mắt độc nhất	x	x											QĐ 12/2014
9	1101.	Gây mê phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng đa tầng	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1102.	Gây mê phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng sử dụng nẹp cố định liên gai sau (DIAM, Silicon, Coflex, Gelfix ...)	x	x											QĐ 630/2016
9	1103.	Gây mê phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng vi phẫu	x	x											QĐ 630/2016
9	1104.	Gây mê phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng	x	x											QĐ 630/2016
9	1105.	Gây mê phẫu thuật lấy tổ chức tụy hoại tử, dẫn lưu	x	x											QĐ 630/2016
9	1106.	Gây mê phẫu thuật lấy tổ chức ung thư tái phát khu trú tại tụy	x	x											QĐ 630/2016
9	1107.	Gây mê phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng	x	x											QĐ 12/2014
9	1108.	Gây mê phẫu thuật lấy toàn bộ xương bánh chè	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1109.	Gây mê phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1110.	Gây mê phẫu thuật lấy u cơ, xơ…thực quản đường cổ hoặc đường bụng	x	x											QĐ 630/2016
9	1111.	Gây mê phẫu thuật lấy u cơ, xơ…thực quản đường ngực	x	x											QĐ 630/2016
9	1112.	Gây mê phẫu thuật lấy u xương (ghép xi măng)	x	x											QĐ 630/2016
9	1113.	Gây mê phẫu thuật lấy xương chết, nạo rò điều trị viêm xương hàm	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1114.	Gây mê phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1115.	Gây mê phẫu thuật lỗ tiểu đóng cao	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1116.	Gây mê phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, kỹ thuật Mathgieu, Magpi	x	x											QĐ 630/2016
9	1117.	Gây mê phẫu thuật loai 3	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1118.	Gây mê phẫu thuật loạn sản tổ chức tiên thiên khổng lồ (u quái khổng lồ)	x	x											QĐ 630/2016
9	1119.	Gây mê phẫu thuật lớn trên dạ dày hoặc ruột	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1120.	Gây mê phẫu thuật lùi cơ nâng mi	x	x											QĐ 630/2016
9	1121.	Gây mê phẫu thuật màng da cổ (Pterygium Coilli)	x	x											QĐ 630/2016
9	1122.	Gây mê phẫu thuật mắt ở trẻ em	x	x											QĐ 630/2016
9	1123.	Gây mê phẫu thuật miless	x	x											QĐ 630/2016
9	1124.	Gây mê phẫu thuật mở bao sau	x	x											QĐ 12/2014
9	1125.	Gây mê phẫu thuật mở bao sau đục bằng laser	x	x											QĐ 630/2016
9	1126.	Gây mê phẫu thuật mở bè có hoặc không cắt bè	x	x											QĐ 12/2014
9	1127.	Gây mê phẫu thuật mở bụng bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi bảo tồn tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	1128.	Gây mê phẫu thuật mở bụng thăm dò	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1129.	Gây mê phẫu thuật mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1130.	Gây mê phẫu thuật mở bụng thăm dò, sinh thiết	x	x											QĐ 12/2014
9	1131.	Gây mê phẫu thuật mở cơ môn vị	x	x											QĐ 630/2016
9	1132.	Gây mê phẫu thuật mở cơ trực tràng hoặc cắt cơ trực tràng và cơ tròn trong để điều trị co thắt cơ tròn trong	x	x											QĐ 630/2016
9	1133.	Gây mê phẫu thuật mở cung sau và cắt bỏ mỏm khớp dưới	x	x											QĐ 630/2016
9	1134.	Gây mê phẫu thuật mở dạ dày xử lý tổn thương	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1135.	Gây mê phẫu thuật mở đường mật ngoài gan lấy sỏi trừ mở ống mật chủ	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1136.	Gây mê phẫu thuật mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1137.	Gây mê phẫu thuật mở góc tiền phòng	x	x											QĐ 12/2014
9	1138.	Gây mê phẫu thuật mở hỗng tràng ra da nuôi ăn / mổ nội soi mở bụng thám sát chẩn đoán	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1139.	Gây mê phẫu thuật mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết	x	x											QĐ 630/2016
9	1140.	Gây mê phẫu thuật mở màng phổi tối đa	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1141.	Gây mê phẫu thuật mở miệng nối mật ruột lấy sỏi dẫn lưu Kehr hoặc làm lại miệng nối mật ruột	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1142.	Gây mê phẫu thuật mở ngực giám sát tổn thương	x	x											QĐ 12/2014
9	1143.	Gây mê phẫu thuật mở ngực thăm dò	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1144.	Gây mê phẫu thuật mở nhu mô gan lấy sỏi	x	x											QĐ 630/2016
9	1145.	Gây mê phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi có can thiệp đường mật	x	x											QĐ 12/2014
9	1146.	Gây mê phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, dẫn lưu đường mật	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1147.	Gây mê phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, không dẫn lưu đường mật	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1148.	Gây mê phẫu thuật mở rộng điểm lệ	x	x											QĐ 630/2016
9	1149.	Gây mê phẫu thuật mở rộng khe mi	x	x											QĐ 630/2016
9	1150.	Gây mê phẫu thuật mở rộng lỗ liên hợp để giải phóng chèn ép rễ	x	x											QĐ 630/2016
9	1151.	Gây mê phẫu thuật mở rộng lỗ sáo	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1152.	Gây mê phẫu thuật mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại…)	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1153.	Gây mê phẫu thuật mở thông dạ dày	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1154.	Gây mê phẫu thuật mở thông dạ dày, khâu lỗ thủng dạ dày, ruột non đơn thuần	x	x											QĐ 12/2014
9	1155.	Gây mê phẫu thuật mở thông hỗng tràng hoặc Gây mê phẫu thuật mở thông hồi tràng	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1156.	Gây mê phẫu thuật mở thông túi mật	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1157.	Gây mê phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1158.	Gây mê phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hoá	x	x											QĐ 12/2014
9	1159.	Gây mê phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học	x	x											QĐ 12/2014
9	1160.	Gây mê phẫu thuật mộng đơn thuần	x	x											QĐ 12/2014
9	1161.	Gây mê phẫu thuật múc nội nhãn	x	x											QĐ 630/2016
9	1162.	Gây mê phẫu thuật nâng sàn hốc mắt	x	x											QĐ 630/2016
9	1163.	Gây mê phẫu thuật nạo vét hạch cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	1164.	Gây mê phẫu thuật nạo vét hạch D1	x	x											QĐ 630/2016
9	1165.	Gây mê phẫu thuật nạo vét hạch D2	x	x											QĐ 630/2016
9	1166.	Gây mê phẫu thuật nạo vét hạch D3	x	x											QĐ 630/2016
9	1167.	Gây mê phẫu thuật nạo vét hạch D4	x	x											QĐ 630/2016
9	1168.	Gây mê phẫu thuật nạo vét hạch trung thất	x	x											QĐ 630/2016
9	1169.	Gây mê phẫu thuật nạo vét tổ chức hốc mắt	x	x											QĐ 630/2016
9	1170.	Gây mê phẫu thuật nhuộm giác mạc thẩm mỹ	x	x											QĐ 630/2016
9	1171.	Gây mê phẫu thuật nối diện cắt đầu tụy và thân tụy với ruột non trên quai Y	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1172.	Gây mê phẫu thuật nối diện cắt thân tụy với dạ dày	x	x											QĐ 630/2016
9	1174.	Gây mê phẫu thuật nối mật ruột bên - bên	x	x											QĐ 12/2014
9	1175.	Gây mê phẫu thuật nối nang tụy với dạ dày	x	x											QĐ 12/2014
9	1176.	Gây mê phẫu thuật nối nang tụy với hỗng tràng	x	x											QĐ 12/2014
9	1177.	Gây mê phẫu thuật nối nang tụy với tá tràng	x	x											QĐ 12/2014
9	1178.	Gây mê phẫu thuật nối ngã ba đường mật hoặc ống gan phải hoặc ống gan trái với hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	1179.	Gây mê phẫu thuật nối niệu quản - đài thận	x	x											QĐ 12/2014
9	1180.	Gây mê phẫu thuật nối ống dẫn tinh sau phẫu thuật đình sản	x	x											QĐ 630/2016
9	1183.	Gây mê phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung	x	x											QĐ 12/2014
9	1184.	Gây mê phẫu thuật nội soi bóc vỏ màng phổi	x	x											QĐ 1746/2017
9	1185.	Gây mê phẫu thuật nội soi buồng tử cung + mở thông 2 vòi tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	1186.	Gây mê phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt dính buồng tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	1187.	Gây mê phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polype	x	x											QĐ 630/2016
9	1188.	Gây mê phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1189.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắm lại niệu quản	x	x											QĐ 1746/2017
9	1191.	Gây mê phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật	x	x											QĐ 12/2014
9	1193.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 1 phần thùy phổi	x	x											QĐ 1746/2017
9	1211.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần lách trong chấn thương	x	x											QĐ 1746/2017
9	1216.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bóng khí phổi	x	x											QĐ 1746/2017
9	1217.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang gan	x	x											QĐ 630/2016
9	1218.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận sau phúc mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	1233.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt dây dính hay dây chằng	x	x											QĐ 630/2016
9	1267.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung ở bệnh nhân GEU	x	x											QĐ 630/2016
9	1272.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt kén, nang phổi	x	x											QĐ 1746/2017
9	1276.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt lách	x	x											QĐ 1746/2017
9	1279.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt lọc tụy hoại tử	x	x											QĐ 1746/2017
9	1283.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt mỏm ruột thừa	x	x											QĐ 630/2016
9	1284.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang đường mật	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1285.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang lách	x	x											QĐ 630/2016
9	1286.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang mạc treo ruột	x	x											QĐ 630/2016
9	1287.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang ống mật chủ, nối ống gan chung-hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	1288.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang thận													QĐ 630/2016
9	1289.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang trung thất	x	x											QĐ 630/2016
9	1290.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang tụy	x	x											QĐ 630/2016
9	1291.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang tuyến thượng thận	x	x											QĐ 630/2016
9	1292.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nhân độc tuyến giáp	x	x											QĐ 630/2016
9	1296.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt polyp cổ bọng đái	x	x											QĐ 630/2016
9	1297.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt polyp đại tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	1298.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1299.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1316.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt tiền liệt tuyến	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1317.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn	x	x											QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1323.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tử cung	X	x											QĐ 630/2016
9	1336.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi mật	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1337.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi mât, mở OMC lấy sỏi, dẫn lưu Kerh	x	x											QĐ 630/2016
9	1338.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa bàng quang	x	x											QĐ 630/2016
9	1339.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa đại tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	1340.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel	x	x											QĐ 630/2016
9	1346.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng	x	x											QĐ 630/2016
9	1347.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng, tử cung, thông vòi trứng	x	x											QĐ 630/2016
9	1348.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng+ tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	1350.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u hoạt dịch cổ tay (arthroscopic ganglion resection)	x	x											QĐ 630/2016
9	1351.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u lành thực quản ngực phải	x	x											QĐ 630/2016
9	1352.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột + cắt đoạn ruột non	x	x											QĐ 630/2016
9	1353.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột, không cắt ruột	x	x											QĐ 630/2016
9	1356.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u nhú tai mũi họng	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1358.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u sau phúc mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	1368.	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u xơ vòm mũi	x	x											QĐ 630/2016
9	1372.	Gây mê phẫu thuật nội soi chửa ngoài tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	1374.	Gây mê phẫu thuật nội soi cố định các tạng (lồng, sa, thoát vị …)	x	x											QĐ 630/2016
9	1377.	Gây mê phẫu thuật nội soi cố định trực tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	1378.	Gây mê phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe gan	x	x											QĐ 630/2016
9	1379.	Gây mê phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe tồn lưu	x	x											QĐ 630/2016
9	1380.	Gây mê phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe tụy	x	x											QĐ 630/2016
9	1381.	Gây mê phẫu thuật nội soi dẫn lưu đường mật qua da dưới siêu âm	x	x											QĐ 630/2016
9	1383.	Gây mê phẫu thuật nội soi dẫn lưu nang tụy	x	x											QĐ 630/2016
9	1385.	Gây mê phẫu thuật nội soi đặt lưới ngả tiền phúc mạc (TEP)	x	x											QĐ 630/2016
9	1386.	Gây mê phẫu thuật nội soi đặt lưới tiền phúc mạc qua ổ bụng (TAPP)	x	x											QĐ 630/2016
9	1387.	Gây mê phẫu thuật nội soi đặt lưới trong phúc mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	1390.	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị áp-xe ruột thừa	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1391.	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị chảy máu đường mật, cắt gan	x	x											QĐ 630/2016
9	1392.	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp cổ chân	x	x											QĐ 1746/2017
9	1393.	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp khủyu (Arthroscopic Management of Elbow Stiffness)	x	x											QĐ 1746/2017
9	1394.	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị đám quánh ruột thừa	x	x											QĐ 630/2016
9	1402.	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị máu đông màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	1404.	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị ổ cặn màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	1411.	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị sa sinh dục	x	x											QĐ 1746/2017
9	1428.	Gây mê phẫu thuật nội soi GEU thể huyết tụ thành nang	x	x											QĐ 12/2014
9	1435.	Gây mê phẫu thuật nội soi giảm áp ổ mắt	x	x											QĐ 630/2016
9	1436.	Gây mê phẫu thuật nội soi gỡ dính màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	1437.	Gây mê phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột	x	x											QĐ 12/2014
9	1438.	Gây mê phẫu thuật nội soi gỡ dính, hút rửa trong bệnh lý mủ màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	1442.	Gây mê phẫu thuật nội soi hẹp bể thận, niệu quản	x	x											QĐ 12/2014
9	1445.	Gây mê phẫu thuật nội soi hỗ trợ cắt polyp to đại tràng	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1456.	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu cơ hoành	x	x											QĐ 630/2016
9	1457.	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu gấp nếp cơ hoành (điều trị liệt thần kinh hoành)	x	x											QĐ 630/2016
9	1463.	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu mạc treo	x	x											QĐ 12/2014
9	1464.	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu miệng nối đại-trực tràng, rửa bụng, dẫn lưu (xì miệng nối đại-trực tràng)	x	x											QĐ 630/2016
9	1467.	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng cơ hoành	x	x											QĐ 12/2014
9	1468.	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	1469.	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày	x	x											QĐ 12/2014
9	1473.	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non	x	x											QĐ 630/2016
9	1475.	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	1478.	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	1479.	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày	x	x											QĐ 12/2014
9	1481.	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng	x	x											QĐ 630/2016
9	1482.	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non	x	x											QĐ 630/2016
9	1483.	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1491.	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy dị vật phổi – màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	1492.	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy dị vật trong đường mật		x											QĐ 630/2016
9	1495.	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy máu phế mạc đông	x	x											QĐ 630/2016
9	1499.	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy sỏi đường mật trong và ngoài gan có dẫn lưu Kehr	x	x											QĐ 630/2016
9	1500.	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản	x	x											QĐ 12/2014
9	1501.	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy sỏi OMC có dẫn lưu Kehr	x	x											QĐ 630/2016
9	1507.	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy u thành ngực	x	x											QĐ 630/2016
9	1509.	Gây mê phẫu thuật nội soi lồng ngực cầm máu	x	x											QĐ 630/2016
9	1511.	Gây mê phẫu thuật nội soi lồng ngực lấy máu tụ, cầm máu	x	x											QĐ 630/2016
9	1512.	Gây mê phẫu thuật nội soi lồng ngực sinh thiết chẩn đoán	x	x											QĐ 630/2016
9	1513.	Gây mê phẫu thuật nội soi lồng ngực xử trí tràn máu, tràn khí màng phổi	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1514.	Gây mê phẫu thuật nội soi mở cửa sổ màng tim–màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	1515.	Gây mê phẫu thuật nội soi mở hồi tràng/hỗng tràng ra da	x	x											QĐ 630/2016
9	1517.	Gây mê phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt túi mật	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1519.	Gây mê phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi	x	x											QĐ 630/2016
9	1520.	Gây mê phẫu thuật nội soi mở ruột lấy dị vật	x	x											QĐ 630/2016
9	1521.	Gây mê phẫu thuật nội soi mở ruột non ra da	x	x											QĐ 630/2016
9	1522.	Gây mê phẫu thuật nội soi mở sàng hàm	x	x											QĐ 630/2016
9	1523.	Gây mê phẫu thuật nội soi mở túi mật ra da	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1525.	Gây mê phẫu thuật nội soi nang thận qua phúc mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	1526.	Gây mê phẫu thuật nội soi nang thận sau phúc mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	1538.	Gây mê phẫu thuật nội soi nối thông lệ mũi	x	x											QĐ 630/2016
9	1540.	Gây mê phẫu thuật nội soi nối vòi tử cung	x	x											QĐ 1746/2017
9	1541.	Gây mê phẫu thuật nội soi ổ bụng chuẩn đoán	x	x											QĐ 12/2014
9	1542.	Gây mê phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy dụng cụ tránh thai	x	x											QĐ 630/2016
9	1543.	Gây mê phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy sỏi bể thận	x	x											QĐ 630/2016
9	1549.	Gây mê phẫu thuật nội soi phục hồi thành bụng	x	x											QĐ 12/2014
9	1550.	Gây mê phẫu thuật nội soi qua dạ dày cắt polyp dạ dày	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1552.	Gây mê phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu	x	x											QĐ 12/2014
9	1553.	Gây mê phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi bể thận	x	x											QĐ 12/2014
9	1554.	Gây mê phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản	x	x											QĐ 12/2014
9	1555.	Gây mê phẫu thuật nội soi sinh thiết hạch ổ bụng	x	x											QĐ 630/2016
9	1559.	Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân bánh chè tự thân)	x	x											QĐ 1746/2017
9	1560.	Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân chân ngỗng	x	x											QĐ 1746/2017
9	1561.	Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân tứ đầu	x	x											QĐ 1746/2017
9	1562.	Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng kỹ thuật hai bó)	x	x											QĐ 630/2016
9	1564.	Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo sau	x	x											QĐ 1746/2017
9	1565.	Gây mê phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo trước	x	x											QĐ 1746/2017
9	1571.	Gây mê phẫu thuật nội soi tạo hình niệu quản	x	x											QĐ 1746/2017
9	1585.	Gây mê phẫu thuật nội soi u buồng trứng trên bệnh nhân có thai	x	x											QĐ 630/2016
9	1586.	Gây mê phẫu thuật nội soi u mạc treo	x	x											QĐ 630/2016
9	1587.	Gây mê phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1588.	Gây mê phẫu thuật nội soi vét hạch tiểu khung	x	x											QĐ 630/2016
9	1589.	Gây mê phẫu thuật nội soi viêm phần phụ	x	x											QĐ 630/2016
9	1590.	Gây mê phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa	x	x											QĐ 630/2016
9	1593.	Gây mê phẫu thuật nội soi xẻ sa lồi lỗ niệu quản	x	x											QĐ 630/2016
9	1595.	Gây mê phẫu thuật nội soi xử lý viêm phúc mạc tiểu khung	x	x											QĐ 630/2016
9	1596.	Gây mê phẫu thuật nối tắt ruột non – đại tràng hoặc trực tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	1597.	Gây mê phẫu thuật nối tắt ruột non – ruột non	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1598.	Gây mê phẫu thuật nối thông lệ mũi có hoặc không đặt ống Silicon có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	x	x											QĐ 630/2016
9	1599.	Gây mê phẫu thuật nối tụy ruột	x	x											QĐ 630/2016
9	1600.	Gây mê phẫu thuật nối vị tràng	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1601.	Gây mê phẫu thuật nối vòi tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	1602.	Gây mê phẫu thuật nối Wirsung ruột non + nối ống mật chủ - ruột non + nối dạ dày – ruột non trên ba quai ruột biệt lập	x	x											QĐ 630/2016
9	1603.	Gây mê phẫu thuật nong niệu đạo	x	x											QĐ 12/2014
9	1604.	Gây mê phẫu thuật Nuss kết hợp nội soi lồng điều trị lõm ngực bẩm sinh (VATS)	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1605.	Gây mê phẫu thuật ổ bụng trung phẫu ở trẻ em	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1606.	Gây mê phẫu thuật quặm bẩm sinh	x	x											QĐ 12/2014
9	1607.	Gây mê phẫu thuật sa bàng quang qua ngõ âm đạo (tạo hình thành trước âm đạo)	x	x											QĐ 630/2016
9	1608.	Gây mê phẫu thuật sa sinh dục	x	x											QĐ 12/2014
9	1609.	Gây mê phẫu thuật tạo hình âm đạo + tầng sinh môn	x	x											QĐ 630/2016
9	1610.	Gây mê phẫu thuật tháo lồng ruột	x	x											QĐ 12/2014
9	1611.	Gây mê phẫu thuật ứ máu kinh	x	x											QĐ 630/2016
9	1612.	Gây mê phẫu thuật vá da tạo hình mi	x	x											QĐ 630/2016
9	1613.	Gây mê phẫu thuật vá da, niêm mạc tạo cùng đồ có hoặc không tách dính mi cầu	x	x											QĐ 630/2016
9	1614.	Gây mê phẫu thuật vá vỡ xương hốc mắt (thành dưới, thành trong có hoặc không dùng sụn sườn)	x	x											QĐ 630/2016
9	1615.	Gây mê phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa ở trẻ dưới 6 tuổi	x	x											QĐ 12/2014
9	1616.	Gây mê phẫu thuật viêm sụn vành tai, dị tật vành tai	x	x											QĐ 12/2014
9	1617.	Gây mê rút sonde JJ do nơi khác đặt hoặc thay sonde JJ tại khoa	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1618.	Gây mê tán sỏi qua da bằng laser	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1619.	Gây mê tán sỏi qua da bằng siêu âm	x	x											QĐ 630/2016
9	1620.	Gây mê tán sỏi qua da bằng xung hơi	x	x											QĐ 630/2016
9	1621.	Gây mê tán sỏi thận qua da	x	x											QĐ 12/2014
9	1623.	Gây mê trung phẫu ngực ở trẻ em	x	x											QĐ 630/2016
9	1624.	Hồi sức áp lạnh điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt trẻ em	x	x											QĐ 630/2016
9	1627.	Hồi sức các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1628.	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân Basedow	x	x											QĐ 630/2016
9	1629.	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh tim	x	x											QĐ 12/2014
9	1630.	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh về máu	x	x											QĐ 12/2014
9	1631.	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đa chấn thương	x	x											QĐ 12/2014
9	1632.	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đái tháo đường	x	x											QĐ 12/2014
9	1633.	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân động kinh + tiền sử động kinh	x	x											QĐ 12/2014
9	1634.	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân giảm tiểu cầu	x	x											QĐ 12/2014
9	1635.	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân hen phế quản	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1636.	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân hội chứng HELL	x	x											QĐ 12/2014
9	1637.	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân lao + tiền sử lao phổi	x	x											QĐ 12/2014
9	1638.	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân Lupus	x	x											QĐ 12/2014
9	1639.	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân OAP- dọa OAP	x	x											QĐ 630/2016
9	1640.	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau bong non	x	x											QĐ 12/2014
9	1641.	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau cài răng lược	x	x											QĐ 12/2014
9	1642.	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau tiền đạo ra máu	x	x											QĐ 12/2014
9	1643.	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân thai chết lưu	x	x											QĐ 12/2014
9	1644.	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân tiền sản giật nặng	x	x											QĐ 12/2014
9	1645.	Hồi sức nội soi buồng tử cung can thiệp	x	x											QĐ 630/2016
9	1646.	Hồi sức nội soi buồng tử cung chẩn đoán	x	x											QĐ 630/2016
9	1647.	Hồi sức nội soi buồng tử cung, nạo buồng tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	1648.	Hồi sức nội soi buồng tử cung, sinh thiết buồng tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	1649.	Hồi sức nội soi buồng tử cung, vòi trứng thông vòi trứng	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1650.	Hồi sức nội soi mở rộng niệu quản, nong rộng niệu quản	x	x											QĐ 12/2014
9	1651.	Hồi sức nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gắp sỏi niệu quản	x	x											QĐ 12/2014
9	1652.	Hồi sức nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser	x	x											QĐ 630/2016
9	1653.	Hồi sức nội soi niệu quản tán sỏi bằng laser	x	x											QĐ 630/2016
9	1654.	Hồi sức nội soi nối vòi tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	1655.	Hồi sức nội soi nong hẹp thực quản	x	x											QĐ 630/2016
9	1656.	Hồi sức nội soi nong niệu quản hẹp	x	x											QĐ 12/2014
9	1657.	Hồi sức nội soi ổ bụng chẩn đoán	x	x											QĐ 12/2014
9	1658.	Hồi sức nội soi ổ bụng hỗ trợ đốt u gan bằng sóng cao tần (RFA)	x	x											QĐ 630/2016
9	1659.	Hồi sức nội soi phế quản sinh thiết chẩn đoán	x	x											QĐ 630/2016
9	1660.	Hồi sức nội soi tán sỏi niệu quản	x	x											QĐ 12/2014
9	1661.	Hồi sức nội soi tán sỏi niệu quản ngược dòng	x	x											QĐ 12/2014
9	1662.	Hồi sức nội soi tạo hình niệu quản quặt sau tĩnh mạch chủ	x	x											QĐ 630/2016
9	1663.	Hồi sức nội soi thận ống mềm gắp sỏi thận	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1664.	Hồi sức nội soi thận ống mềm tán sỏi thận	x	x											QĐ 12/2014
9	1665.	Hồi sức nội soi xẻ hẹp bể thận - niệu quản, mở rộng niệu quản	x	x											QĐ 12/2014
9	1666.	Hồi sức nội soi xẻ lỗ niệu quản lấy sỏi	x	x											QĐ 12/2014
9	1667.	Hồi sức phẫu thuật áp xe dưới màng tủy	x	x											QĐ 630/2016
9	1668.	Hồi sức phẫu thuật áp xe gan	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1669.	Hồi sức phẫu thuật áp xe não bằng đường qua mê nhĩ	x	x											QĐ 630/2016
9	1670.	Hồi sức phẫu thuật áp xe não	x	x											QĐ 630/2016
9	1671.	Hồi sức phẫu thuật áp xe tồn dư ổ bụng	x	x											QĐ 12/2014
9	1679.	Hồi sức phẫu thuật bàn chân bẹt, bàn chân lồi	x	x											QĐ 630/2016
9	1680.	Hồi sức phẫu thuật bàn chân gót và xoay ngoài	x	x											QĐ 630/2016
9	1681.	Hồi sức phẫu thuật bàn chân khoèo bẩm sinh	x	x											QĐ 630/2016
9	1682.	Hồi sức phẫu thuật bàn chân thuổng	x	x											QĐ 630/2016
9	1684.	Hồi sức phẫu thuật bảo tồn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1685.	Hồi sức phẫu thuật bất động ngoài xương chày, xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1687.	Hồi sức phẫu thuật bệnh nhân chửa ngoài dạ con vỡ	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1688.	Hồi sức phẫu thuật bệnh nhân tắc mạch ối	x	x											QĐ 12/2014
9	1689.	Hồi sức phẫu thuật bệnh nhân viêm phúc mạc ruột thừa	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1693.	Hồi sức phẫu thuật bóc biểu mô GM (xâm nhập dưới vạt) sau phẫu thuật Lasik	x	x											QĐ 630/2016
9	1694.	Hồi sức phẫu thuật bóc kén màng phổi (nhu mô phổi)	x	x											QĐ 630/2016
9	1695.	Hồi sức phẫu thuật bóc nhân xơ tử cung	x	x											QĐ 12/2014
9	1696.	Hồi sức phẫu thuật bóc nhân xơ vú	x	x											QĐ 12/2014
9	1697.	Hồi sức phẫu thuật bóc u xơ tiền liệt tuyến	x	x											QĐ 12/2014
9	1699.	Hồi sức phẫu thuật bong hay đứt dây chằng bên khớp gối	x	x											QĐ 12/2014
9	1700.	Hồi sức phẫu thuật bong võng mạc tái phát	x	x											QĐ 630/2016
9	1701.	Hồi sức phẫu thuật bong võng mạc theo phương pháp kinh điển	x	x											QĐ 630/2016
9	1702.	Hồi sức phẫu thuật bong võng mạc trên mắt độc nhất, gần mù	x	x											QĐ 630/2016
9	1703.	Hồi sức phẫu thuật bong võng mạc, cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn, có hoặc không dùng dầu/khí nội nhãn	x	x											QĐ 630/2016
9	1704.	Hồi sức phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1705.	Hồi sức phẫu thuật bụng cấp cứu do chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1706.	Hồi sức phẫu thuật bụng lớn ở trẻ em	x	x											QĐ 12/2014
9	1707.	Hồi sức phẫu thuật bướu cổ	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1708.	Hồi sức phẫu thuật bướu tinh hoàn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1709.	Hồi sức phẫu thuật các trường hợp chấn thương vùng đầu mặt cổ: chấn thương chính mũi, chấn thương các xoang hàm, sàng, chấn gẫy xương hàm trên dưới	x	x											QĐ 12/2014
9	1710.	Hồi sức phẫu thuật cầm máu lại tuyến giáp	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1711.	Hồi sức phẫu thuật cắm niệu quản vào bàng quang	x	x											QĐ 630/2016
9	1712.	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 phổi hoặc thuỳ phổi hoặc phân thùy phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	1713.	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp	x	x											QĐ 630/2016
9	1714.	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng trong bướu giáp thòng	x	x											QĐ 630/2016
9	1715.	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ	x	x											QĐ 630/2016
9	1716.	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp thòng	x	x											QĐ 630/2016
9	1717.	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1718.	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ	x	x											QĐ 630/2016
9	1719.	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc	x	x											QĐ 630/2016
9	1720.	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x	x											QĐ 630/2016
9	1721.	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp	x	x											QĐ 630/2016
9	1722.	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong Basedow	x	x											QĐ 630/2016
9	1723.	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp khổng lồ	x	x											QĐ 630/2016
9	1724.	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân	x	x											QĐ 630/2016
9	1725.	Hồi sức phẫu thuật cắt 2 tạng trong ổ bụng (tiểu khung) trở lên	x	x											QĐ 12/2014
9	1726.	Hồi sức phẫu thuật cắt âm hộ + vét hạch trên bệnh nhân K âm hộ	x	x											QĐ 630/2016
9	1727.	Hồi sức phẫu thuật cắt âm hộ đơn thuần	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1728.	Hồi sức phẫu thuật cắt âm hộ ung thư, vét hạch bẹn hai bên	x	x											QĐ 630/2016
9	1729.	Hồi sức phẫu thuật cắt amidan ở người lớn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1730.	Hồi sức phẫu thuật cắt amidan ở trẻ em	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1731.	Hồi sức phẫu thuật cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1732.	Hồi sức phẫu thuật cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân	x	x											QĐ 630/2016
9	1733.	Hồi sức phẫu thuật cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x											QĐ 630/2016
9	1734.	Hồi sức phẫu thuật cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân	x	x											QĐ 630/2016
9	1735.	Hồi sức phẫu thuật cắt bán phần hay toàn phần do nang tuyến giáp, ung thư tuyến giáp có hoặc không kèm theo nạo vét hoạch vùng đầu mặt cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	1736.	Hồi sức phẫu thuật cắt bàng quan toàn bộ, nạo vét hạch và chuyển lưu dòng nước tiểu bằng ruột	x	x											QĐ 630/2016
9	1737.	Hồi sức phẫu thuật cắt bàng quang	x	x											QĐ 630/2016
9	1738.	Hồi sức phẫu thuật cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da	x	x											QĐ 630/2016
9	1739.	Hồi sức phẫu thuật cắt bàng quang, tạo hình bàng quang	x	x											QĐ 630/2016
9	1740.	Hồi sức phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1741.	Hồi sức phẫu thuật cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)	x	x											QĐ 12/2014
9	1742.	Hồi sức phẫu thuật cắt bè sử dụng thuốc chống chuyển hoá hoặc chất antiVEGF	x	x											QĐ 630/2016
9	1743.	Hồi sức phẫu thuật cắt bóng Vater và tạo hình ống mật chủ, ống Wirsung qua đường mở D2 tá tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	1744.	Hồi sức phẫu thuật cắt buồng trứng 2 bên	x	x											QĐ 12/2014
9	1745.	Hồi sức phẫu thuật cắt bướu thòng hỗ trợ qua nội soi	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1746.	Hồi sức phẫu thuật cắt các khối u ở phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	1747.	Hồi sức phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm	x	x											QĐ 12/2014
9	1748.	Hồi sức phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1749.	Hồi sức phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10 cm	x	x											QĐ 12/2014
9	1750.	Hồi sức phẫu thuật cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm	x	x											QĐ 12/2014
9	1751.	Hồi sức phẫu thuật cắt chắp có bọc	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1752.	Hồi sức phẫu thuật cắt chậu sàn miệng, tạo hình	x	x											QĐ 630/2016
9	1753.	Hồi sức phẫu thuật cắt chậu sàn miệng, tạo hình, vét hạch cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	1754.	Hồi sức phẫu thuật cắt chi, vét hạch do ung thư	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1755.	Hồi sức phẫu thuật cắt chỏm nang gan	x	x											QĐ 630/2016
9	1756.	Hồi sức phẫu thuật cắt cổ bàng quang	x	x											QĐ 630/2016
9	1757.	Hồi sức phẫu thuật cắt cơ Muller có hoặc không cắt cân cơ nâng mi điều trị hở mi	x	x											QĐ 630/2016
9	1758.	Hồi sức phẫu thuật cắt cơ Muller	x	x											QĐ 630/2016
9	1759.	Hồi sức phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường âm đạo	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1760.	Hồi sức phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường bụng, đường âm đạo	x	x											QĐ 630/2016
9	1761.	Hồi sức phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường bụng	x	x											QĐ 630/2016
9	1762.	Hồi sức phẫu thuật cắt cột tuỷ sống điều trị chứng đau thần kinh	x	x											QĐ 630/2016
9	1763.	Hồi sức phẫu thuật cắt củng mạc sâu có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	x	x											QĐ 630/2016
9	1764.	Hồi sức phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1765.	Hồi sức phẫu thuật cắt cụt chi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1766.	Hồi sức phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1767.	Hồi sức phẫu thuật cắt dây thần kinh giao cảm ngực	x	x											QĐ 630/2016
9	1768.	Hồi sức phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh dưới hàm	x	x											QĐ 630/2016
9	1769.	Hồi sức phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh ổ mắt	x	x											QĐ 630/2016
9	1770.	Hồi sức phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh thái dương	x	x											QĐ 630/2016
9	1771.	Hồi sức phẫu thuật cắt dị tật hậu môn-trực tràng, làm lại niệu đạo	x	x											QĐ 12/2014
9	1772.	Hồi sức phẫu thuật cắt đoạn chi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1773.	Hồi sức phẫu thuật cắt đường dò dưới da-dưới màng tuỷ	x	x	x										QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1774.	Hồi sức phẫu thuật cắt đường rò luân nhĩ	x	x											QĐ 12/2014
9	1775.	Hồi sức phẫu thuật cắt đường rò môi dưới	x	x											QĐ 12/2014
9	1776.	Hồi sức phẫu thuật cắt đường thông động – tĩnh mạch chạy thận nhân tạo do biến chứng hoặc sau ghép thận	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1777.	Hồi sức phẫu thuật cắt dương vật trong lưỡng giới giả nữ	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1779.	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu trên 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x											QĐ 630/2016
9	1780.	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x											QĐ 12/2014
9	1781.	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1782.	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 5% 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1783.	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1784.	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1785.	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 1% 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1786.	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1787.	Hồi sức phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1788.	Hồi sức phẫu thuật cắt khối u da lành tính mi mắt	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1789.	Hồi sức phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1790.	Hồi sức phẫu thuật cắt khối u khẩu cái	x	x											QĐ 630/2016
9	1791.	Hồi sức phẫu thuật cắt lách bán phần	x	x											QĐ 12/2014
9	1792.	Hồi sức phẫu thuật cắt lách bệnh lý	x	x											QĐ 630/2016
9	1793.	Hồi sức phẫu thuật cắt lách do chấn thương	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1794.	Hồi sức phẫu thuật cắt lách ung thư, apxe	x	x											QĐ 630/2016
9	1795.	Hồi sức phẫu thuật cắt lại dạ dày	x	x											QĐ 630/2016
9	1796.	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân từ 1 - 3% diện tích cơ thể	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1797.	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1798.	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1799.	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1800.	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc nhu mô gan	x	x											QĐ 12/2014
9	1801.	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắm chỉnh và cố định tạm thời	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1802.	Hồi sức phẫu thuật cắt lồi xương	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1803.	Hồi sức phẫu thuật cắt mạc nối lớn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1804.	Hồi sức phẫu thuật cắt mạc nối lớn, phúc mạc	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1805.	Hồi sức phẫu thuật cắt màng ngăn tá tràng	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1807.	Hồi sức phẫu thuật cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử	x	x											QĐ 630/2016
9	1808.	Hồi sức phẫu thuật cắt manh tràng và đoạn cuối hồi tràng	x	x											QĐ 12/2014
9	1809.	Hồi sức phẫu thuật cắt mào tinh	x	x											QĐ 12/2014
9	1810.	Hồi sức phẫu thuật cắt mỏm thừa trực tràng	x	x											QĐ 12/2014
9	1811.	Hồi sức phẫu thuật cắt mống mắt quang học có hoặc không tách dính phức tạp	x	x											QĐ 630/2016
9	1812.	Hồi sức phẫu thuật cắt một bên phổi do ung thư	x	x											QĐ 630/2016
9	1813.	Hồi sức phẫu thuật cắt một nửa bàng quang và túi thừa bàng quang	x	x											QĐ 630/2016
9	1814.	Hồi sức phẫu thuật cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)	x	x											QĐ 630/2016
9	1815.	Hồi sức phẫu thuật cắt một phần bản sống trong hẹp ống sống cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	1816.	Hồi sức phẫu thuật cắt một phần tuỵ	x	x											QĐ 630/2016
9	1817.	Hồi sức phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm dưới	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1818.	Hồi sức phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên có can thiệp xoang	x	x											QĐ 630/2016
9	1819.	Hồi sức phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên	x	x											QĐ 630/2016
9	1820.	Hồi sức phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm dưới	x	x											QĐ 630/2016
9	1821.	Hồi sức phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm trên	x	x											QĐ 630/2016
9	1822.	Hồi sức phẫu thuật cắt nang ống mật chủ	x	x											QĐ 630/2016
9	1823.	Hồi sức phẫu thuật cắt nang ống mật chủ, nối gan hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	1824.	Hồi sức phẫu thuật cắt nang tụy	x	x											QĐ 630/2016
9	1825.	Hồi sức phẫu thuật cắt ngã ba đường mật hoặc ống gan phải ống gan trái	x	x											QĐ 630/2016
9	1826.	Hồi sức phẫu thuật cắt nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài	x	x											QĐ 630/2016
9	1827.	Hồi sức phẫu thuật cắt nhiều đoạn ruột non	x	x											QĐ 12/2014
9	1828.	Hồi sức phẫu thuật cắt nhiều hạ phân thuỳ	x	x											QĐ 630/2016
9	1829.	Hồi sức phẫu thuật cắt nối niệu đạo sau	x	x											QĐ 12/2014
9	1830.	Hồi sức phẫu thuật cắt nối niệu đạo trước	x	x											QĐ 12/2014
9	1831.	Hồi sức phẫu thuật cắt nối niệu quản	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1832.	Hồi sức phẫu thuật cắt nối thực quản	x	x											QĐ 630/2016
9	1833.	Hồi sức phẫu thuật cắt nơvi sắc tố vùng hàm mặt	x	x											QĐ 630/2016
9	1834.	Hồi sức phẫu thuật cắt nửa bàng quang có tạo hình bằng đoạn ruột	x	x											QĐ 630/2016
9	1835.	Hồi sức phẫu thuật cắt nửa đại tràng phải, (trái) do ung thư kèm vét hạch	x	x											QĐ 630/2016
9	1836.	Hồi sức phẫu thuật cắt nửa xương hảm trên hoặc dưới	x	x											QĐ 630/2016
9	1837.	Hồi sức phẫu thuật cắt ống động mạch	x	x											QĐ 630/2016
9	1838.	Hồi sức phẫu thuật cắt phân thùy gan	x	x											QĐ 630/2016
9	1839.	Hồi sức phẫu thuật cắt phân thuỳ gan, thuỳ gan	x	x											QĐ 630/2016
9	1840.	Hồi sức phẫu thuật cắt phổi theo tổn thương	x	x											QĐ 630/2016
9	1841.	Hồi sức phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	1842.	Hồi sức phẫu thuật cắt polyp kèm cắt toàn bộ đại tràng, để lại trực tràng chờ mổ hạ đại tràng thì sau	x	x											QĐ 630/2016
9	1843.	Hồi sức phẫu thuật cắt polyp một đoạn đại tràng phải, cắt đoạn đại tràng phía trên làm hậu môn nhân tạo	x	x											QĐ 630/2016
9	1844.	Hồi sức phẫu thuật cắt polyp mũi	x	x											QĐ 12/2014
9	1845.	Hồi sức phẫu thuật cắt rộng tổ chức áp xe vú	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1846.	Hồi sức phẫu thuật cắt rộng u niệu đạo	x	x											QĐ 630/2016
9	1847.	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột non hình chêm	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1848.	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa đơn thuần	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1849.	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa viêm cấp ở trẻ dưới 6 tuổi	x	x											QĐ 12/2014
9	1850.	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1851.	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1852.	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột trong lồng ruột có cắt đại tràng	x	x											QĐ 12/2014
9	1853.	Hồi sức phẫu thuật cắt tá tràng bảo tồn đầu tụy	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1854.	Hồi sức phẫu thuật cắt thận	x	x											QĐ 12/2014
9	1855.	Hồi sức phẫu thuật cắt thận bán phần	x	x											QĐ 630/2016
9	1856.	Hồi sức phẫu thuật cắt thận đơn thuần	x	x											QĐ 12/2014
9	1857.	Hồi sức phẫu thuật cắt thân đuôi tụy kèm cắt lách	x	x											QĐ 630/2016
9	1861.	Hồi sức phẫu thuật cắt thận phụ và xử lý phần cuối niệu quản trong niệu quản đôi	x	x											QĐ 630/2016
9	1862.	Hồi sức phẫu thuật cắt thận thận phụ (thận dư số) với niệu quản lạc chỗ	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1863.	Hồi sức phẫu thuật cắt thân và đuôi tuỵ	x	x											QĐ 630/2016
9	1864.	Hồi sức phẫu thuật cắt thanh quản bán phần, toàn phần có hoặc không nạo vét hạch đầu mặt cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	1865.	Hồi sức phẫu thuật cắt thể Morgani xoắn	x	x											QĐ 630/2016
9	1866.	Hồi sức phẫu thuật cắt thể thủy tinh, dịch kính có hoặc không cố định IOL	x	x											QĐ 630/2016
9	1867.	Hồi sức phẫu thuật cắt thị thần kinh	x	x											QĐ 630/2016
9	1868.	Hồi sức phẫu thuật cắt thừa ngón đơn thuần	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1869.	Hồi sức phẫu thuật cắt thực quản có hay không kèm các tạng khác, tạo hình thực quản	x	x											QĐ 630/2016
9	1870.	Hồi sức phẫu thuật cắt thực quản, cắt toàn bộ dạ dày, tạo hình thực quản bằng đoạn đại tràng hoặc ruột non	x	x											QĐ 630/2016
9	1871.	Hồi sức phẫu thuật cắt thực quản, hạ họng, thanh quản	x	x											QĐ 630/2016
9	1872.	Hồi sức phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày đường bụng, ngực	x	x											QĐ 630/2016
9	1873.	Hồi sức phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày đường bụng, ngực, cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	1874.	Hồi sức phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày không mở ngực	x	x											QĐ 630/2016
9	1875.	Hồi sức phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng đại tràng đường bụng, ngực, cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	1876.	Hồi sức phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng đại tràng đường bụng, ngực	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1877.	Hồi sức phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng đại tràng không mở ngực	x	x											QĐ 630/2016
9	1878.	Hồi sức phẫu thuật cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng quai ruột (ruột non, đại tràng vi phẫu)	x	x											QĐ 630/2016
9	1879.	Hồi sức phẫu thuật cắt thuỳ gan trái	x	x											QĐ 630/2016
9	1880.	Hồi sức phẫu thuật cắt thùy gan trái, phải do ung thư	x	x											QĐ 630/2016
9	1881.	Hồi sức phẫu thuật cắt thuỳ hoặc phần thuỳ phổi do ung thư	x	x											QĐ 630/2016
9	1882.	Hồi sức phẫu thuật cắt thuỳ phổi, phần phổi còn lại	x	x											QĐ 630/2016
9	1883.	Hồi sức phẫu thuật cắt thùy tuyến giáp	x	x											QĐ 630/2016
9	1884.	Hồi sức phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1885.	Hồi sức phẫu thuật cắt tinh hoàn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1886.	Hồi sức phẫu thuật cắt tinh mạc	x	x											QĐ 12/2014
9	1887.	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo hình bàng quang kiểu Studder, Camey	x	x											QĐ 630/2016
9	1888.	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang và tạo hình.	x	x											QĐ 630/2016
9	1889.	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang, cắm niệu quản vào ruột	x	x											QĐ 630/2016
9	1890.	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ dạ dày	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1891.	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng, nối ngay ruột non – trực tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	1892.	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng, trực tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	1893.	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ đại trực tràng, đưa hồi tràng ra làm hậu môn nhân tạo	x	x											QĐ 630/2016
9	1894.	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ đại trực tràng, nối ngay ruột non - ống hậu môn	x	x											QĐ 630/2016
9	1895.	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ hạ họng - tạo hình thực quản	x	x											QĐ 630/2016
9	1896.	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ mạc treo trực tràng	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1897.	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ ruột non	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1898.	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ thận và niệu quản	x	x											QĐ 630/2016
9	1899.	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tụy	x	x											QĐ 630/2016
9	1900.	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp	x	x											QĐ 630/2016
9	1901.	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp	x	x											QĐ 630/2016
9	1902.	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong Basedow	x	x											QĐ 630/2016
9	1903.	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x											QĐ 630/2016
9	1904.	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1905.	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ	x	x											QĐ 630/2016
9	1906.	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ	x	x											QĐ 630/2016
9	1907.	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thòng	x	x											QĐ 630/2016
9	1908.	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp	x	x											QĐ 630/2016
9	1909.	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII	x	x											QĐ 630/2016
9	1910.	Hồi sức phẫu thuật cắt từ 3 tạng trở lên trong điều trị ung thư	x	x											QĐ 630/2016
9	1911.	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + 2 phần phụ + vét hạch chậu 2 bên	x	x											QĐ 12/2014
9	1912.	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + phần phụ + mạc nối lớn	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1913.	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng kèm tạo hình niệu quản	x	x											QĐ 630/2016
9	1914.	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng, u buồng trứng, phần phụ	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1915.	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn + buồng trứng trên bệnh nhân ung thư buồng trứng	x	x											QĐ 630/2016
9	1916.	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn + vét hạch trên bệnh nhân ung thư tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	1917.	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì Chorio + chửa trứng	x	x											QĐ 630/2016
9	1918.	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì K cổ tử cung	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1919.	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì u xơ tử cung	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1920.	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung toàn bộ, vét hạch tiểu khung	x	x											QĐ 630/2016
9	1921.	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1922.	Hồi sức phẫu thuật cắt túi lệ	x	x											QĐ 630/2016
9	1923.	Hồi sức phẫu thuật cắt túi mật	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1924.	Hồi sức phẫu thuật cắt túi sa niệu quản	x	x											QĐ 630/2016
9	1925.	Hồi sức phẫu thuật cắt túi thừa đại tràng	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1926.	Hồi sức phẫu thuật cắt túi thừa Meckel	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1927.	Hồi sức phẫu thuật cắt túi thừa niệu đạo	x	x											QĐ 12/2014
9	1928.	Hồi sức phẫu thuật cắt túi thừa tá tràng	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1929.	Hồi sức phẫu thuật cắt túi thừa thực quản cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	1930.	Hồi sức phẫu thuật cắt túi thừa thực quản ngực	x	x											QĐ 630/2016
9	1931.	Hồi sức phẫu thuật cắt tụy trung tâm	x	x											QĐ 630/2016
9	1932.	Hồi sức phẫu thuật cắt tuyến cận giáp trong cường tuyến cận giáp nguyên phát do quá sản tuyến hoặc u tuyến hoặc ung thư tuyến cận giáp	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1933.	Hồi sức phẫu thuật cắt tuyến cận giáp trong quá sản thứ phát sau suy thận mãn tính	x	x											QĐ 630/2016
9	1934.	Hồi sức phẫu thuật cắt tuyến nước bọt mang tai bảo tồn thần kinh VII	x	x											QĐ 630/2016
9	1935.	Hồi sức phẫu thuật cắt tuyến thượng thận 1 bên	x	x											QĐ 630/2016
9	1936.	Hồi sức phẫu thuật cắt tuyến thượng thận 2 bên	x	x											QĐ 630/2016
9	1937.	Hồi sức phẫu thuật cắt tuyến thượng thận	x	x											QĐ 630/2016
9	1940.	Hồi sức phẫu thuật cắt u bàng quang đường trên	x	x											QĐ 630/2016
9	1941.	Hồi sức phẫu thuật cắt u biểu bì	x	x											QĐ 630/2016
9	1942.	Hồi sức phẫu thuật cắt u buồng trứng hoặc bóc u buồng trứng	x	x											QĐ 12/2014
9	1943.	Hồi sức phẫu thuật cắt u buồng trứng, gỡ dính	x	x											QĐ 12/2014
9	1944.	Hồi sức phẫu thuật cắt u da đầu	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1945.	Hồi sức phẫu thuật cắt u da lành tính vành tai	x	x											QĐ 12/2014
9	1946.	Hồi sức phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1947.	Hồi sức phẫu thuật cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da	x	x											QĐ 630/2016
9	1948.	Hồi sức phẫu thuật cắt u da mi không ghép	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1949.	Hồi sức phẫu thuật cắt u đáy lưỡi và mở khí quản	x	x											QĐ 630/2016
9	1950.	Hồi sức phẫu thuật cắt u đáy lưỡi	x	x											QĐ 630/2016
9	1959.	Hồi sức phẫu thuật cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép	x	x											QĐ 630/2016
9	1961.	Hồi sức phẫu thuật cắt u kết mạc, giác mạc không vỏ	x	x											QĐ 630/2016
9	1962.	Hồi sức phẫu thuật cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1963.	Hồi sức phẫu thuật cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp…)	x	x											QĐ 12/2014
9	1964.	Hồi sức phẫu thuật cắt u lành tính vùng mũi dưới 2cm	x	x											QĐ 12/2014
9	1965.	Hồi sức phẫu thuật cắt u lợi hàm	x	x											QĐ 630/2016
9	1966.	Hồi sức phẫu thuật cắt u lưỡi	x	x											QĐ 630/2016
9	1967.	Hồi sức phẫu thuật cắt u mạc nối lớn	x	x											QĐ 630/2016
9	1968.	Hồi sức phẫu thuật cắt u mạc treo ruột	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1969.	Hồi sức phẫu thuật cắt u màng tim	x	x											QĐ 630/2016
9	1970.	Hồi sức phẫu thuật cắt u máu tuỷ sống, dị dạng động tĩnh mạch trong tuỷ	x	x											QĐ 630/2016
9	1971.	Hồi sức phẫu thuật cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính dưới 5 cm	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1972.	Hồi sức phẫu thuật cắt u máu, u bạch huyết vùng cổ, nách, bẹn có đường kính trên 10 cm	x	x											QĐ 630/2016
9	1973.	Hồi sức phẫu thuật cắt u men xương hàm dưới giữ lại bờ nền	x	x											QĐ 630/2016
9	1974.	Hồi sức phẫu thuật cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da	x	x											QĐ 630/2016
9	1975.	Hồi sức phẫu thuật cắt u mi cả bề dày không ghép	x	x											QĐ 630/2016
9	1976.	Hồi sức phẫu thuật cắt u mi cả bề dày không vá	x	x											QĐ 630/2016
9	1977.	Hồi sức phẫu thuật cắt u mi ghép niêm mạc cứng của vòm miệng và chuyển vạt da	x	x											QĐ 630/2016
9	1978.	Hồi sức phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1979.	Hồi sức phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1980.	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang bao hoạt dịch	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1981.	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang buồng trứng xoắn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1982.	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang buồng trứng	x	x	x										QĐ 12/2014
9	1983.	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang giáp lưỡi	x	x											QĐ 630/2016
9	1984.	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang giáp trạng	x	x											QĐ 630/2016
9	1985.	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang phổi hoặc nang phế quản	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	1986.	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang tụy không cắt tụy có dẫn lưu	x	x											QĐ 630/2016
9	1987.	Hồi sức phẫu thuật cắt u nhú thanh quản bằng laser	x	x											QĐ 630/2016
9	1988.	Hồi sức phẫu thuật cắt u niêm mạc má	x	x											QĐ 630/2016
9	1989.	Hồi sức phẫu thuật cắt u ống mật chủ có đặt xen 1 quai hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	1990.	Hồi sức phẫu thuật cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang	x	x											QĐ 630/2016
9	1991.	Hồi sức phẫu thuật cắt u phổi, u màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	1992.	Hồi sức phẫu thuật cắt u sắc tố vùng hàm mặt	x	x											QĐ 630/2016
9	1993.	Hồi sức phẫu thuật cắt u sàn miệng, vét hạch	x	x											QĐ 630/2016
9	1994.	Hồi sức phẫu thuật cắt u sau phúc mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	1995.	Hồi sức phẫu thuật cắt u sùi đầu miệng sáo	x	x	x										QĐ 630/2016
9	1996.	Hồi sức phẫu thuật cắt u tá tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	1997.	Hồi sức phẫu thuật cắt u tế bào khổng lồ có hoặc không ghép xương	x	x											QĐ 630/2016
9	1998.	Hồi sức phẫu thuật cắt u thần kinh vùng hàm mặt	x	x											QĐ 630/2016
9	1999.	Hồi sức phẫu thuật cắt u thần kinh	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2000.	Hồi sức phẫu thuật cắt u thành âm đạo	x	x											QĐ 630/2016
9	2001.	Hồi sức phẫu thuật cắt u thành ngực	x	x											QĐ 630/2016
9	2002.	Hồi sức phẫu thuật cắt u thực quản	x	x											QĐ 630/2016
9	2003.	Hồi sức phẫu thuật cắt u tiền phòng	x	x											QĐ 630/2016
9	2004.	Hồi sức phẫu thuật cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung	x	x											QĐ 630/2016
9	2005.	Hồi sức phẫu thuật cắt u trực tràng làm hậu môn nhân tạo	x	x											QĐ 630/2016
9	2006.	Hồi sức phẫu thuật cắt u trực tràng ống hậu môn	x	x											QĐ 630/2016
9	2007.	Hồi sức phẫu thuật cắt u trung thất to xâm lấn mạch máu	x	x											QĐ 630/2016
9	2008.	Hồi sức phẫu thuật cắt u trung thất vừa và nhỏ lệch bên lồng ngực	x	x											QĐ 630/2016
9	2009.	Hồi sức phẫu thuật cắt u tụy tiết Insulin	x	x											QĐ 630/2016
9	2010.	Hồi sức phẫu thuật cắt u tuỵ	x	x											QĐ 630/2016
9	2011.	Hồi sức phẫu thuật cắt u tuyến nước bọt dưới hàm	x	x											QĐ 630/2016
9	2012.	Hồi sức phẫu thuật cắt u tuyến nước bọt mang tai	x	x											QĐ 630/2016
9	2013.	Hồi sức phẫu thuật cắt u tuyến thượng thận	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2014.	Hồi sức phẫu thuật cắt u tuyến thượng thận 1 bên	x	x											QĐ 630/2016
9	2015.	Hồi sức phẫu thuật cắt u tuyến thượng thận 2 bên	x	x											QĐ 630/2016
9	2016.	Hồi sức phẫu thuật cắt u tuyến ức / nhược cơ	x	x											QĐ 630/2016
9	2017.	Hồi sức phẫu thuật cắt u vú lành tính	x	x											QĐ 630/2016
9	2018.	Hồi sức phẫu thuật cắt u vú, vú to nam giới	x	x											QĐ 630/2016
9	2019.	Hồi sức phẫu thuật cắt u vùng họng miệng	x	x											QĐ 630/2016
9	2020.	Hồi sức phẫu thuật cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm	x	x											QĐ 630/2016
9	2021.	Hồi sức phẫu thuật cắt u xương lành	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2022.	Hồi sức phẫu thuật cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2023.	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư âm hộ + vét hạch bẹn 2 bên	x	x											QĐ 630/2016
9	2024.	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư âm hộ tái phát	x	x											QĐ 630/2016
9	2025.	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư amidan/thanh quản.	x	x											QĐ 630/2016
9	2026.	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư bàng quang có hay không tạo hình bàng quang	x	x											QĐ 630/2016
9	2027.	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư buồng trứng kèm cắt tử cung toàn bộ và mạc nối lớn.	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2028.	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư da đầu, mặt có tạo hình	x	x											QĐ 630/2016
9	2029.	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư da vùng mi mắt dưới và tạo hình	x	x											QĐ 630/2016
9	2030.	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư da vùng mi mắt trên và tạo hình	x	x											QĐ 630/2016
9	2031.	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư hố mắt đã xâm lấn các xoang xoang hàm, xoang sàng …	x	x											QĐ 630/2016
9	2032.	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư lưỡi có tái tạo vạt cơ da	x	x											QĐ 630/2016
9	2033.	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư lưỡi sàn miệng, nạo vét hạch và tạo hình bằng vạt từ xa	x	x											QĐ 630/2016
9	2034.	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư lưỡi và vét hạch cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	2035.	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư môi có tạo hình đường kính dưới 5 cm	x	x											QĐ 630/2016
9	2036.	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính dưới 5cm	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2037.	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư phần mềm	x	x											QĐ 630/2016
9	2038.	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư thận	x	x											QĐ 630/2016
9	2039.	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư tiền liệt tuyến.	x	x											QĐ 630/2016
9	2040.	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư tinh hoàn lạc chỗ	x	x											QĐ 630/2016
9	2041.	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư tử cung chảy máu	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2042.	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư túi mật	x	x											QĐ 630/2016
9	2043.	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư vòm khẩu cái	x	x											QĐ 630/2016
9	2044.	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư vú tiết kiệm da tạo hình ngay	x	x											QĐ 630/2016
9	2045.	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm và hạch cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	2046.	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm, hạch cổ và tạo hình bằng vạt tại chỗ	x	x											QĐ 630/2016
9	2047.	Hồi sức phẫu thuật cắt và thắt đường rò khí quản - thực quản	x	x											QĐ 630/2016
9	2048.	Hồi sức phẫu thuật cắt vú trên bệnh nhân K vú	x	x											QĐ 630/2016
9	2049.	Hồi sức phẫu thuật cắt xương hàm tạo hình	x	x											QĐ 630/2016
9	2050.	Hồi sức phẫu thuật cắt, nạo vét hạch cổ tiệt căn	x	x											QĐ 630/2016
9	2051.	Hồi sức phẫu thuật chấn thương không sốc hoặc sốc nhẹ	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2053.	Hồi sức phẫu thuật chấn thương sọ não	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2054.	Hồi sức phẫu thuật chấn thương/lao cột sống cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	2055.	Hồi sức phẫu thuật chấn thương/lao cột sống ngực, thắt lưng	x	x											QĐ 630/2016
9	2056.	Hồi sức phẫu thuật chích áp xe gan	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2057.	Hồi sức phẫu thuật chỉnh , xoay, lấy IOL có hoặc không cắt DK	x	x											QĐ 12/2014
9	2058.	Hồi sức phẫu thuật chỉnh gù vẹo cột sống	x	x											QĐ 630/2016
9	2059	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình cong dương vật	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2060.	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình vùi dương vật	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2061.	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình vùng đầu mặt cổ	x	x											QĐ 12/2014
9	2062.	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình xương 2 hàm	x	x											QĐ 630/2016
9	2063.	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình xương hàm dưới hai bên	x	x											QĐ 630/2016
9	2064.	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình xương hàm dưới một bên	x	x											QĐ 630/2016
9	2065.	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên hai bên	x	x											QĐ 630/2016
9	2066.	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên một bên	x	x											QĐ 630/2016
9	2067.	Hồi sức phẫu thuật chỉnh sửa sẹo xấu dương vật	x	x											QĐ 630/2016
9	2069.	Hồi sức phẫu thuật chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt	x	x											QĐ 630/2016
9	2070.	Hồi sức phẫu thuật chồng khớp sọ, hẹp hộp sọ	x	x											QĐ 630/2016
9	2071.	Hồi sức phẫu thuật chửa ngoài dạ con vỡ	x	x	x										QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2072.	Hồi sức phẫu thuật chữa túi thừa bàng quang	x	x											QĐ 630/2016
9	2073.	Hồi sức phẫu thuật chuyển gân điều trị mắt hở mi (2 mắt)	x	x											QĐ 630/2016
9	2074.	Hồi sức phẫu thuật chuyển vạt da cân có cuống mạch nuôi	x	x											QĐ 630/2016
9	2075.	Hồi sức phẫu thuật cố định bao Tenon tạo cùng đồ dưới	x	x											QĐ 630/2016
9	2076.	Hồi sức phẫu thuật cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng các nút Ivy	x	x											QĐ 630/2016
9	2077.	Hồi sức phẫu thuật cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít neo chặn	x	x											QĐ 12/2014
9	2078.	Hồi sức phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính	x	x											QĐ 630/2016
9	2079.	Hồi sức phẫu thuật cố định kết hợp xương nẹp vit gãy thân xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2080.	Hồi sức phẫu thuật cố định mảng sườn di động	x	x											QĐ 12/2014
9	2081.	Hồi sức phẫu thuật cố định màng xương tạo cùng đồ	x	x											QĐ 12/2014
9	2082.	Hồi sức phẫu thuật cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2083.	Hồi sức phẫu thuật cơ hoành rách do chấn thương qua đường bụng	x	x											QĐ 12/2014
9	2084.	Hồi sức phẫu thuật cơ hoành rách do chấn thương qua đường ngực	x	x											QĐ 12/2014
9	2085.	Hồi sức phẫu thuật có sốc	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2086.	Hồi sức phẫu thuật cứng khớp vai do xơ hóa cơ Delta	x	x											QĐ 12/2014
9	2087.	Hồi sức phẫu thuật đa chấn thương	x	x											QĐ 12/2014
9	2089.	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu 2 niệu quản ra thành bụng	x	x											QĐ 630/2016
9	2090.	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu 2 thận	x	x											QĐ 630/2016
9	2091.	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đáy chậu	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2092.	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2093.	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt	x	x											QĐ 12/2014
9	2094.	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu niệu quản ra thành bụng 1 bên	x	x											QĐ 12/2014
9	2095.	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu thận	x	x											QĐ 12/2014
9	2096.	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu túi mật	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2097.	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu viêm mủ khớp, không sai khớp	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2098.	Hồi sức phẫu thuật đặt bản silicon điều trị lõm mắt	x	x											QĐ 630/2016
9	2099.	Hồi sức phẫu thuật đặt IOL trên mắt cận thị (Phakic)	x	x											QĐ 630/2016
9	2100.	Hồi sức phẫu thuật đặt khung định vị u não	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2101.	Hồi sức phẫu thuật đặt ống silicon lệ quản – ống lệ mũi	x	x											QĐ 630/2016
9	2102.	Hồi sức phẫu thuật đặt ống silicon tiền phòng điều trị glôcôm	x	x											QĐ 630/2016
9	2103.	Hồi sức phẫu thuật đặt ống tiền phòng điều trị glôcôm (đặt shunt mini express)	x	x											QĐ 630/2016
9	2104.	Hồi sức phẫu thuật đặt stent các động mạch ngoại vi	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2105.	Hồi sức phẫu thuật đặt stent động mạch chủ bụng	x	x											QĐ 630/2016
9	2106.	Hồi sức phẫu thuật đặt stent động mạch chủ ngực	x	x											QĐ 630/2016
9	2107.	Hồi sức phẫu thuật đặt stent động mạch đùi	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2109.	Hồi sức phẫu thuật đặt sụn sườn vào dưới màng xương điều trị lõm mắt	x	x											QĐ 630/2016
9	2110.	Hồi sức phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)	x	x											QĐ 12/2014
9	2111.	Hồi sức phẫu thuật đặt van dẫn lưu tiền phòng điều trị glôcôm	x	x											QĐ 630/2016
9	2112.	Hồi sức phẫu thuật dị dạng đường sinh dục	x	x											QĐ 12/2014
9	2113.	Hồi sức phẫu thuật dị dạng tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	2114.	Hồi sức phẫu thuật di thực hàng lông mi	x	x											QĐ 630/2016
9	2116.	Hồi sức phẫu thuật điều trị bảo tồn gãy lồi cầu xương hàm dưới	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2117.	Hồi sức phẫu thuật điều trị bệnh còn ống động mạch ở trẻ lớn và người lớn	x	x											QĐ 630/2016
9	2119.	Hồi sức phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò sung	x	x											QĐ 630/2016
9	2120.	Hồi sức phẫu thuật điều trị bệnh lý mủ màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	2121.	Hồi sức phẫu thuật điều trị bệnh lý phổi – trung thất ở trẻ em dưới 5 tuổi	x	x											QĐ 630/2016
9	2122.	Hồi sức phẫu thuật điều trị bệnh Rectocelle	x	x											QĐ 630/2016
9	2123.	Hồi sức phẫu thuật điều trị bệnh suy – giãn tĩnh mạch chi dưới	x	x											QĐ 630/2016
9	2124.	Hồi sức phẫu thuật điều trị bệnh Verneuil	x	x											QĐ 630/2016
9	2125.	Hồi sức phẫu thuật điều trị bệnh xuất tinh sớm	x	x											QĐ 630/2016
9	2126.	Hồi sức phẫu thuật điều trị bong hắc mạc: chọc hút dịch bong dưới hắc mạc, bơm hơi tiền phòng	x	x											QĐ 630/2016
9	2127.	Hồi sức phẫu thuật điều trị can sai xương gò má	x	x											QĐ 630/2016
9	2128.	Hồi sức phẫu thuật điều trị can sai xương hàm dưới	x	x											QĐ 630/2016
9	2129.	Hồi sức phẫu thuật điều trị can sai xương hàm trên	x	x											QĐ 630/2016
9	2131.	Hồi sức phẫu thuật điều trị chảy máu do tăng áp tịnh mạch cửa không có nối mạch máu	x	x											QĐ 630/2016
9	2132.	Hồi sức phẫu thuật điều trị chảy máu đường mật, cắt gan	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2133.	Hồi sức phẫu thuật điều trị co giật mi, co quắp mi, cau mày, nếp nhăn da mi bằng thuốc (botox, dysport...), laser	x	x											QĐ 630/2016
9	2138.	Hồi sức phẫu thuật điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bè (Trabeculoplasty)	x	x											QĐ 630/2016
9	2139.	Hồi sức phẫu thuật điều trị hẹp khít động mạch cảnh do xơ vữa	x	x											QĐ 630/2016
9	2140.	Hồi sức phẫu thuật điều trị hẹp môn vị phì đại	x	x											QĐ 630/2016
9	2141.	Hồi sức phẫu thuật điều trị hở mi													QĐ 630/2016
9	2142.	Hồi sức phẫu thuật điều trị hoại tử xương hàm do tia xạ	x	x											QĐ 630/2016
9	2143.	Hồi sức phẫu thuật điều trị hoại tử xương và phần mềm vùng hàm mặt do tia xạ	x	x											QĐ 630/2016
9	2144.	Hồi sức phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2145.	Hồi sức phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2146.	Hồi sức phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2147.	Hồi sức phẫu thuật điều trị khe hở chéo mặt hai bên	x	x											QĐ 630/2016
9	2148.	Hồi sức phẫu thuật điều trị khe hở chéo mặt một bên	x	x											QĐ 630/2016
9	2149.	Hồi sức phẫu thuật điều trị khe hở môi hai bên	x	x											QĐ 630/2016
9	2150.	Hồi sức phẫu thuật điều trị khe hở môi một bên	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2151.	Hồi sức phẫu thuật điều trị khe hở ngang mặt	x	x											QĐ 630/2016
9	2152.	Hồi sức phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng không toàn bộ	x	x											QĐ 630/2016
9	2153.	Hồi sức phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng toàn bộ	x	x											QĐ 630/2016
9	2154.	Hồi sức phẫu thuật điều trị khuyết hổng phần mềm vùng hàm mặt bằng kỹ thuật vi phẫu	x	x											QĐ 630/2016
9	2155.	Hồi sức phẫu thuật điều trị lác bằng thuốc (botox, dysport...)	x	x											QĐ 630/2016
9	2156.	Hồi sức phẫu thuật điều trị laser hồng ngoại	x	x											QĐ 630/2016
9	2157.	Hồi sức phẫu thuật điều trị lật mi dưới có hoặc không ghép	x	x											QĐ 630/2016
9	2158.	Hồi sức phẫu thuật điều trị một số bệnh võng mạc bằng laser (bệnh võng mạc tiểu đường, cao huyết áp, trẻ đẻ non…)	x	x											QĐ 630/2016
9	2159.	Hồi sức phẫu thuật điều trị phồng động mạch cảnh	x	x											QĐ 630/2016
9	2160.	Hồi sức phẫu thuật điều trị phồng và giả phồng động mạch tạng	x	x											QĐ 630/2016
9	2161.	Hồi sức phẫu thuật điều trị phồng, giả phồng động mạch chi	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2162.	Hồi sức phẫu thuật điều trị sa trực tràng đường bụng	x	x											QĐ 630/2016
9	2163.	Hồi sức phẫu thuật điều trị sa trực tràng qua đường hậu môn	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2166.	Hồi sức phẫu thuật điều trị són tiểu	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2167.	Hồi sức phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi bán cấp tính	x	x											QĐ 630/2016
9	2168.	Hồi sức phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi cấp tính do huyết khối, mảnh sùi, dị vật	x	x											QĐ 630/2016
9	2169.	Hồi sức phẫu thuật điều trị tắc tá tràng các loại	x	x											QĐ 630/2016
9	2170.	Hồi sức phẫu thuật điều trị táo bón do rối loạn co thắt cơ mu – trực tràng (Anismus)	x	x											QĐ 630/2016
9	2171.	Hồi sức phẫu thuật điều trị tật thiếu xương quay bẩm sinh	x	x											QĐ 630/2016
9	2172.	Hồi sức phẫu thuật điều trị teo đường mật bẩm sinh	x	x											QĐ 630/2016
9	2175.	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2176.	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2177.	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2178.	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2179.	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2180.	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2181.	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị cơ hoành	x	x											QĐ 12/2014
9	2182.	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị đùi	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2183.	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị hoành bẩm sinh (Bochdalek)	x	x											QĐ 630/2016
9	2184.	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị khe hoành	x	x											QĐ 630/2016
9	2185.	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị qua khe thực quản	x	x											QĐ 630/2016
9	2186.	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2187.	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị vết phẫu thuật thành bụng	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2188.	Hồi sức phẫu thuật điều trị thông động – tĩnh mạch cảnh	x	x											QĐ 630/2016
9	2189.	Hồi sức phẫu thuật điều trị thông động – tĩnh mạch chi	x	x											QĐ 630/2016
9	2191.	Hồi sức phẫu thuật điều trị thủng đường tiêu hóa có làm hậu môn nhân tạo	x	x											QĐ 12/2014
9	2192.	Hồi sức phẫu thuật điều trị tồn tại ống rốn bàng quang	x	x											QĐ 630/2016
9	2193.	Hồi sức phẫu thuật điều trị tồn tại ống rốn ruột	x	x											QĐ 630/2016
9	2194.	Hồi sức phẫu thuật điều trị tổn thương đám rối thần kinh cánh tay	x	x											QĐ 630/2016
9	2195.	Hồi sức phẫu thuật điều trị tổn thương gân cơ chóp xoay	x	x											QĐ 630/2016
9	2196.	Hồi sức phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2197.	Hồi sức phẫu thuật điều trị u lợi bằng laser	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2198.	Hồi sức phẫu thuật điều trị u máu bằng hoá chất	x	x											QĐ 630/2016
9	2199.	Hồi sức phẫu thuật điều trị vẹo cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	2200.	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng ghép da tự thân	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2201.	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng vạt có sử dụng vi phẫu thuật	x	x											QĐ 630/2016
9	2202.	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương mạch đốt sống	x	x											QĐ 630/2016
9	2203.	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vạt da lân cận	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2204.	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vạt da tại chỗ	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2205.	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngực – bụng qua đường bụng	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2206.	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2207.	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở nặng có chỉ định mở ngực cấp cứu	x	x											QĐ 12/2014
9	2208.	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hổng tổ chức	x	x											QĐ 12/2014
9	2209.	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2210.	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương tim	x	x											QĐ 630/2016
9	2211.	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương vùng hàm mặt do hoả khí	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2212.	Hồi sức phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2213.	Hồi sức phẫu thuật điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp	x	x											QĐ 630/2016
9	2214.	Hồi sức phẫu thuật điều trị viêm mủ màng tim	x	x											QĐ 630/2016
9	2215.	Hồi sức phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2216.	Hồi sức phẫu thuật điều trị viêm tuyến mang tai bằng bơm rửa thuốc qua lỗ ống tuyến	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2217.	Hồi sức phẫu thuật điều trị viêm xoang hàm do răng	x	x											QĐ 630/2016
9	2218.	Hồi sức phẫu thuật điều trị vỡ phế quản do chấn thương ngực	x	x											QĐ 630/2016
9	2219.	Hồi sức phẫu thuật điều trị vỡ tim do chấn thương	x	x											QĐ 630/2016
9	2220.	Hồi sức phẫu thuật đính chỗ bám cơ vào dây chằng mi điều trị lác liệt	x	x											QĐ 630/2016
9	2221.	Hồi sức phẫu thuật dính khớp quay trụ bẩm sinh	x	x											QĐ 630/2016
9	2222.	Hồi sức phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo bẩm sinh	x	x											QĐ 630/2016
9	2223.	Hồi sức phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo-trực tràng bẩm sinh	x	x											QĐ 630/2016
9	2224.	Hồi sức phẫu thuật dò niệu đạo - trực tràng bẩm sinh	x	x											QĐ 630/2016
9	2225.	Hồi sức phẫu thuật Doenig	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2226.	Hồi sức phẫu thuật độn củng mạc bằng collagen điều trị cận thị	x	x											QĐ 630/2016
9	2227.	Hồi sức phẫu thuật độn khuyết xương sọ bằng sụn tự thân	x	x											QĐ 630/2016
9	2228.	Hồi sức phẫu thuật động / tĩnh mạch ngoại biên các loại : tắc mạch , phình mạch, dãn tĩnh mạch chân	x	x											QĐ 630/2016
9	2229.	Hồi sức phẫu thuật đóng các lỗ rò niệu đạo	x	x											QĐ 12/2014
9	2230.	Hồi sức phẫu thuật đóng cứng khớp cổ chân (chưa bao gồm phương tiện cố định)	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2231.	Hồi sức phẫu thuật đóng cứng khớp khác	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2232.	Hồi sức phẫu thuật đóng dẫn lưu niệu quản 2 bên	x	x											QĐ 12/2014
9	2233.	Hồi sức phẫu thuật đóng dị tật nứt đốt sống (spina bifida) kèm theo thoát vị màng tuỷ, bằng đường vào phía sau	x	x											QĐ 630/2016
9	2234.	Hồi sức phẫu thuật đóng đinh nội tủy kín có chốt xương chày dưới màng hình tăng sang	x	x											QĐ 12/2014
9	2235.	Hồi sức phẫu thuật đóng dò bàng quang - âm đạo	x	x											QĐ 630/2016
9	2237.	Hồi sức phẫu thuật đóng dò trực tràng âm đạo	x	x											QĐ 630/2016
9	2238.	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tuỷ hoặc một thoát vị màng tuỷ sau phẫu thuật tuỷ sống	x	x											QĐ 630/2016
9	2239.	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tuỷ hoặc thoát vị màng não tầng trước nền sọ bằng đường qua xoang bướm	x	x											QĐ 630/2016
9	2240.	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tuỷ hoặc thoát vị màng não ở tầng trước nền sọ qua đường mở nắp sọ	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2241.	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tuỷ hoặc thoát vị màng não tầng trước nền sọ bằng đường qua xoang sàng	x	x											QĐ 630/2016
9	2242.	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tuỷ qua xoang trán	x	x											QĐ 630/2016
9	2243.	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tuỷ sau phẫu thuật các thương tổn nền sọ	x	x											QĐ 630/2016
9	2244.	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tuỷ tầng giữa nền sọ bằng đường vào trên xương đá	x	x											QĐ 630/2016
9	2245.	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tuỷ tầng giữa nền sọ qua mở nắp sọ	x	x											QĐ 630/2016
9	2246.	Hồi sức phẫu thuật đóng hậu môn nhân tạo	x	x											QĐ 12/2014
9	2247.	Hồi sức phẫu thuật đóng lỗ dò đường lệ	x	x											QĐ 630/2016
9	2248.	Hồi sức phẫu thuật đóng lỗ mở bàng quang ra da	x	x											QĐ 630/2016
9	2249.	Hồi sức phẫu thuật động mạch chủ bụng	x	x											QĐ 630/2016
9	2251.	Hồi sức phẫu thuật động mạch chủ ngực đoạn lên	x	x											QĐ 630/2016
9	2252.	Hồi sức phẫu thuật đóng thông liên nhĩ	x	x											QĐ 630/2016
9	2253.	Hồi sức phẫu thuật đục chồi xương	x	x											QĐ 12/2014
9	2254.	Hồi sức phẫu thuật đục xương sửa trục	x	x											QĐ 630/2016
9	2255.	Hồi sức phẫu thuật duỗi cứng khớp gối, hoặc có gối ưỡn, hoặc có sai khớp xương bánh chè	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2256.	Hồi sức phẫu thuật duỗi khớp gối đơn thuần	x	x											QĐ 12/2014
9	2257.	Hồi sức phẫu thuật duỗi khớp gối quá mức bẩm sinh, sai khớp hoặc bán sai khớp	x	x											QĐ 12/2014
9	2258.	Hồi sức phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu	x	x											QĐ 12/2014
9	2259.	Hồi sức phẫu thuật Epicanthus	x	x											QĐ 630/2016
9	2260.	Hồi sức phẫu thuật Frey – Beger điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn	x	x											QĐ 630/2016
9	2261.	Hồi sức phẫu thuật Frey điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn	x	x											QĐ 630/2016
9	2262.	Hồi sức phẫu thuật gan- mật	x	x											QĐ 630/2016
9	2263.	Hồi sức phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	x	x											QĐ 630/2016
9	2264.	Hồi sức phẫu thuật gấp và khép khớp háng do bại não	x	x											QĐ 630/2016
9	2265.	Hồi sức phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2266.	Hồi sức phẫu thuật gãy xương thuyền bằng Vis Herbert	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2267.	Hồi sức phẫu thuật ghép củng mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	2268.	Hồi sức phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf krause ≥ 3% diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu	x	x											QĐ 12/2014
9	2269.	Hồi sức phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf krause dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu	x	x	x										QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2270.	Hồi sức phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rắn cắn, vết thương phức tạp sau chấn thương có diện tích > 10%	x	x											QĐ 630/2016
9	2271.	Hồi sức phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rắn cắn, vết thương phức tạp sau chấn thương có diện tích < 5%	x	x											QĐ 630/2016
9	2272.	Hồi sức phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rắn cắn, vết thương có diện tích 5-10%	x	x											QĐ 630/2016
9	2273.	Hồi sức phẫu thuật ghép da hay vạt da điều trị hở mi do sẹo	x	x											QĐ 630/2016
9	2274.	Hồi sức phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2275.	Hồi sức phẫu thuật ghép da tự thân trên 10% diện tích bỏng cơ thể	x	x											QĐ 630/2016
9	2276.	Hồi sức phẫu thuật ghép da tự thân từ 5 - 10% diện tích bỏng cơ thể	x	x											QĐ 630/2016
9	2277.	Hồi sức phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vi phẫu thuật	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2278.	Hồi sức phẫu thuật ghép giác mạc có vành củng mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	2279.	Hồi sức phẫu thuật ghép giác mạc lần hai trở lên	x	x											QĐ 630/2016
9	2280.	Hồi sức phẫu thuật ghép giác mạc lớp	x	x											QĐ 630/2016
9	2281.	Hồi sức phẫu thuật ghép giác mạc nhân tạo	x	x											QĐ 630/2016
9	2282.	Hồi sức phẫu thuật ghép giác mạc tự thân	x	x											QĐ 630/2016
9	2283.	Hồi sức phẫu thuật ghép giác mạc xuyên	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2284.	Hồi sức phẫu thuật ghép lại mảnh da mặt đứt rời không bằng vi phẫu	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2285.	Hồi sức phẫu thuật ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc	x	x											QĐ 12/2014
9	2286.	Hồi sức phẫu thuật ghép màng sinh học bề mặt nhãn cầu	x	x											QĐ 12/2014
9	2287.	Hồi sức phẫu thuật ghép mỡ điều trị lõm mắt	x	x											QĐ 630/2016
9	2288.	Hồi sức phẫu thuật ghép mỡ tự thân coleman điều trị lõm mắt	x	x											QĐ 630/2016
9	2289.	Hồi sức phẫu thuật ghép nội mô giác mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	2290.	Hồi sức phẫu thuật ghép toàn bộ mũi và bộ phận xung quanh đứt rời có sử dụng vi phẫu	x	x											QĐ 630/2016
9	2291.	Hồi sức phẫu thuật ghép van tim đồng loài	x	x											QĐ 630/2016
9	2292.	Hồi sức phẫu thuật ghép vòng căng / hoặc thấu kính trong nhu mô giác mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	2293.	Hồi sức phẫu thuật ghép xương bằng vật liệu thay thế tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên	x	x											QĐ 630/2016
9	2294.	Hồi sức phẫu thuật ghép xương nhân tạo (chưa bao gồm xương nhân tạo và phương tiện kết hợp)	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2295.	Hồi sức phẫu thuật ghép xương trong chấn thương cột sống cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	2296.	Hồi sức phẫu thuật ghép xương tự thân (chưa bao gồm các phương tiện cố định)	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2297.	Hồi sức phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2298.	Hồi sức phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới	x	x											QĐ 630/2016
9	2299.	Hồi sức phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới bằng kỹ thuật vi phẫu	x	x											QĐ 630/2016
9	2300.	Hồi sức phẫu thuật giải ép vi mạch cho dây thần kinh số V	x	x											QĐ 630/2016
9	2301.	Hồi sức phẫu thuật giảm áp hốc mắt (phá thành hốc mắt, mở rộng lỗ thị giác...)	x	x											QĐ 630/2016
9	2302.	Hồi sức phẫu thuật glôcôm ác tính trên mắt độc nhất, gần mù	x	x											QĐ 630/2016
9	2303.	Hồi sức phẫu thuật glôcôm lần hai trở lên	x	x											QĐ 630/2016
9	2304.	Hồi sức phẫu thuật gọt giác mạc đơn thuần	x	x											QĐ 630/2016
9	2305.	Hồi sức phẫu thuật hạ lại tinh hoàn	x	x											QĐ 630/2016
9	2306.	Hồi sức phẫu thuật hạ mi trên (chỉnh chỉ, lùi cơ nâng mi …)	x	x											QĐ 12/2014
9	2307.	Hồi sức phẫu thuật hạ tinh hoàn 1 bên	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2308.	Hồi sức phẫu thuật hạ tinh hoàn 2 bên	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2309.	Hồi sức phẫu thuật hạ tinh hoàn lạc chỗ 1 bên	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2310.	Hồi sức phẫu thuật hạch ngoại biên	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2311.	Hồi sức phẫu thuật hẹp eo động mạch chủ	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2312.	Hồi sức phẫu thuật hẹp khe mi	x	x											QĐ 630/2016
9	2313.	Hồi sức phẫu thuật hội chứng ống cổ tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2314.	Hồi sức phẫu thuật hội chứng volkmann co cơ ấp có kết hợp xương	x	x											QĐ 630/2016
9	2315.	Hồi sức phẫu thuật hội chứng volkmann co cơ gấp không kết hợp xương	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2316.	Hồi sức phẫu thuật kéo dài cân cơ nâng mi	x	x											QĐ 630/2016
9	2317.	Hồi sức phẫu thuật khâu da thì II	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2318.	Hồi sức phẫu thuật khâu phục hồi cơ hoành	x	x											QĐ 12/2014
9	2319.	Hồi sức phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi	x	x											QĐ 12/2014
9	2320.	Hồi sức phẫu thuật khe thoát vị rốn, hở thành bụng	x	x											QĐ 630/2016
9	2321.	Hồi sức phẫu thuật khoan sọ dẫn lưu ổ tụ mủ dưới màng cứng	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2322.	Hồi sức phẫu thuật khớp giả xương chày bẩm sinh có ghép xương	x	x											QĐ 630/2016
9	2323.	Hồi sức phẫu thuật KHX chấn thương Lisfranc và bàn chân giữa	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2324.	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng ghép xương, sụn tự thân	x	x											QĐ 12/2014
9	2325.	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2326.	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	x	x											QĐ 12/2014
9	2327.	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng vật liệu thay thế	x	x											QĐ 630/2016
9	2328.	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng các vật liệu thay thế	x	x											QĐ 630/2016
9	2329.	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng chỉ thép	x	x											QĐ 630/2016
9	2330.	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít hợp kim	x	x											QĐ 630/2016
9	2331.	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít tự tiêu	x	x											QĐ 630/2016
9	2332.	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chỉ thép	x	x											QĐ 12/2014
9	2333.	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	x	x											QĐ 630/2016
9	2334.	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	x	x											QĐ 12/2014
9	2335.	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng chỉ thép	x	x											QĐ 12/2014
9	2336.	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít hợp kim	x	x											QĐ 12/2014
9	2337.	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít tự tiêu	x	x											QĐ 12/2014
9	2338.	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng chỉ thép	x	x											QĐ 12/2014
9	2339.	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2340.	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	x	x											QĐ 630/2016
9	2341.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy 2 xương cẳng tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2342.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2343.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương chày	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2344.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp vùng khớp gối	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2345.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy bong sụn vùng cổ xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2346.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy chỏm đốt bàn và ngón tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2347.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy cổ chân	x												QĐ 12/2014
9	2348.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2349.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy cổ xương bả vai	x	x											QĐ 12/2014
9	2350.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy cổ xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2351.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy đài quay (Gãy cổ xương quay)	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2352.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy đài quay phức tạp	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2353.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy đài quay	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2354.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương chày (Pilon)	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2355.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2356.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hở độ II thân xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2357.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hở độ II trên và liên lồi cầu xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2358.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hở độ III hai xương cẳng chân	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2359.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hở độ III thân xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2360.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hở độ III trên và liên lồi cầu xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2361.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hở I thân hai xương cẳng tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2362.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hở II thân hai xương cẳng tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2363.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hở III thân hai xương cẳng tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2364.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hở liên lồi cầu xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2365.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy Hoffa đàu dưới xương đùi	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2366.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy khung chậu – trật khớp mu	x	x											QĐ 12/2014
9	2367.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy liên lồi cầu xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2368.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy liên mấu chuyển xương đùi	x	x											QĐ 12/2014
9	2369.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2370.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2371.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy lồi cầu trong xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2372.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương bàn và ngón tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2373.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương khớp ngón tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2374.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy mâm chày + thân xương chày	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2375.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy mâm chày ngoài	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2376.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy mâm chày trong	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2377.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2378.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy mắt cá ngoài	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2379.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy mắt cá trong	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2380.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu phức tạp	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2381.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2382.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy Monteggia	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2383.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy nèn đốt bàn ngón 5 (bàn chân)	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2384.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy nội khớp đầu dưới xương quay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2385.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy nội khớp xương khớp ngón tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2386.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy ổ cối đơn thuần	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2387.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy ổ cối phức tạp	x	x											QĐ 630/2016
9	2388.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy phức tạp chỏm xương đùi – trật hang	x	x											QĐ 630/2016
9	2389.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy phức tạp vùng khuỷu	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2390.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy Pilon	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2391.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy ròng rọc xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2392.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy sụn tăng trưởng ở đầu xương	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2393.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng chân	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2394.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2395.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy thân đốt bàn và ngón tay	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2396.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy thân xương cẳng chân	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2397.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2398.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay cánh tay có liệt TK quay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2399.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay phức tạp	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2400.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy thân xương chày	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2401.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi phức tạp	x	x											QĐ 12/2014
9	2402.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2403.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2404.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2405.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy trật đốt bàn ngón chân	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2406.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy trật khớp cổ chân ở trẻ em	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2407.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy trật khớp cổ tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2408.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy trật xương gót	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2409.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy trật xương sên	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2410.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương cánh tay có tổn thương mạch và thần kinh	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2411.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2412.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2413.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy trên và liên lồi cầu xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2414.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương bả vai	x	x											QĐ 12/2014
9	2415.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương bánh chè phức tạp	x	x	x	x									QĐ 12/2014
9	2416.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương bệnh lý	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2417.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương đòn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2418.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn ngón tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2419.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2420.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương gót	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2421.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương mác đơn thuần	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2422.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2423.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương sên và trật khớp	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2424.	Hồi sức phẫu thuật KHX khớp giả xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2425.	Hồi sức phẫu thuật KHX khớp giả xương đòn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2426.	Hồi sức phẫu thuật KHX tạo hình điều trị cứng sau chấn thương	x	x											QĐ 630/2016
9	2427.	Hồi sức phẫu thuật KHX tạo hình điều trị cứng sau chấn thương	x	x											QĐ 12/2014
9	2428.	Hồi sức phẫu thuật KHX toác khớp mu (trật khớp)	x	x											QĐ 12/2014
9	2429.	Hồi sức phẫu thuật KHX trật khớp cổ chân	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2430.	Hồi sức phẫu thuật KHX trật khớp cùng chậu	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2431.	Hồi sức phẫu thuật KHX trật khớp cùng đòn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2432.	Hồi sức phẫu thuật KHX trật khớp dưới sên	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2433.	Hồi sức phẫu thuật KHX trật khớp Lisfranc	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2434.	Hồi sức phẫu thuật KHX trật khớp ức đòn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2435.	Hồi sức phẫu thuật KHX trên màn hình tăng sáng (chưa bao gồm đinh	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
		xương, nẹp vít, ốc, khóa)													
9	2436.	Hồi sức phẫu thuật lác có chỉnh chỉ	x	x											QĐ 630/2016
9	2437.	Hồi sức phẫu thuật lác người lớn	x	x											QĐ 630/2016
9	2438.	Hồi sức phẫu thuật lác phức tạp (di thực cơ, phẫu thuật cơ chéo, faden…)	x	x											QĐ 630/2016
9	2439.	Hồi sức phẫu thuật lác thông thường	x	x											QĐ 630/2016
9	2440.	Hồi sức phẫu thuật lách hoặc tụy	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2441.	Hồi sức phẫu thuật lại các dị tật hậu môn trực tràng đơn thuần, không làm lại niệu đạo	x	x											QĐ 630/2016
9	2442.	Hồi sức phẫu thuật lại phình đại tràng bẩm sinh	x	x											QĐ 630/2016
9	2443.	Hồi sức phẫu thuật lại tắc ruột sau phẫu thuật	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2444.	Hồi sức phẫu thuật lại ung thư, gỡ dính.	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2445.	Hồi sức phẫu thuật làm hậu môn nhân tạo cấp cứu ở trẻ em	x	x											QĐ 630/2016
9	2446.	Hồi sức phẫu thuật làm hậu môn nhân tạo	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2447.	Hồi sức phẫu thuật làm hẹp khe mi, rút ngắn dây chằng mi ngoài, mi trong điều trị hở mi do liệt dây VII	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2448.	Hồi sức phẫu thuật làm sâu ngách tiền đình	x	x											QĐ 630/2016
9	2449.	Hồi sức phẫu thuật làm thẳng dương vật	x	x											QĐ 630/2016
9	2450.	Hồi sức phẫu thuật lạnh đông điều trị K võng mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	2451.	Hồi sức phẫu thuật lạnh đông đơn thuần phòng bong võng mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	2452.	Hồi sức phẫu thuật lao cột sống (cổ hoặc ngực hoặc thắt lưng)	x	x											QĐ 630/2016
9	2453.	Hồi sức phẫu thuật laser điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt	x	x											QĐ 630/2016
9	2454.	Hồi sức phẫu thuật laser điều trị u nguyên bào võng mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	2455.	Hồi sức phẫu thuật laser excimer điều trị tật khúc xạ	x	x											QĐ 630/2016
9	2456.	Hồi sức phẫu thuật laser femtosecond điều trị lão thị (PT: INTRACOR)	x	x											QĐ 630/2016
9	2457.	Hồi sức phẫu thuật laser femtosecond điều trị tật khúc xạ	x	x											QĐ 630/2016
9	2458.	Hồi sức phẫu thuật laser mở bao sau đục	x	x											QĐ 630/2016
9	2459.	Hồi sức phẫu thuật lấy bỏ chỏm quay	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2460.	Hồi sức phẫu thuật lấy bỏ điện cực trong não bằng đường qua da	x	x											QĐ 630/2016
9	2461.	Hồi sức phẫu thuật lấy bỏ lồi cầu xương hàm dưới gãy	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2462.	Hồi sức phẫu thuật lấy bỏ thân đốt sống ngực và đặt lồng titanium	x	x											QĐ 630/2016
9	2463.	Hồi sức phẫu thuật lấy bỏ thân đốt sống ngực và ghép xương	x	x											QĐ 630/2016
9	2464.	Hồi sức phẫu thuật lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi	x	x											QĐ 630/2016
9	2465.	Hồi sức phẫu thuật lấy đa tạng từ người chết não	x	x											QĐ 630/2016
9	2466.	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật giác mạc sâu	x	x											QĐ 630/2016
9	2467.	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật hốc mắt	x	x											QĐ 630/2016
9	2468.	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật nội nhãn bằng nam châm	x	x											QĐ 630/2016
9	2469.	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật phổi – màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	2470.	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường bụng	x	x											QĐ 630/2016
9	2471.	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	2472.	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường ngực	x	x											QĐ 630/2016
9	2473.	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật tiền phòng	x	x											QĐ 630/2016
9	2474.	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật trong củng mạc	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2475.	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật trực tràng	x	x											QĐ 12/2014
9	2476.	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	x	x											QĐ 12/2014
9	2477.	Hồi sức phẫu thuật lấy đĩa đệm đốt sống, cố định CS và ghép xương liên thân đốt đường trước (xương tự thân có hoặc không có lồng titanium) (ALIF)	x	x											QĐ 630/2016
9	2478.	Hồi sức phẫu thuật lấy đĩa đệm đường sau qua đường cắt xương sườn	x	x											QĐ 630/2016
9	2479.	Hồi sức phẫu thuật lấy giun, dị vật ở ruột non	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2480.	Hồi sức phẫu thuật lấy hạch cổ chọn lọc hoặc vét hạch cổ bảo tồn 1 bên	x	x											QĐ 630/2016
9	2481.	Hồi sức phẫu thuật lấy hạch cuống gan	x	x											QĐ 630/2016
9	2482.	Hồi sức phẫu thuật lấy huyết khối tĩnh mạch cửa	x	x											QĐ 630/2016
9	2483.	Hồi sức phẫu thuật lấy mạc nối lớn và mạc nối nhỏ	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2484.	Hồi sức phẫu thuật lấy máu tụ bao gan	x	x											QĐ 12/2014
9	2485.	Hồi sức phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính	x	x											QĐ 12/2014
9	2486.	Hồi sức phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính hai bên	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2487.	Hồi sức phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng nhiều vị trí trên lều	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
		và/hoặc dưới lều tiểu não													
9	2488.	Hồi sức phẫu thuật lấy máu tụ quanh ổ mắt sau CTSN	x	x											QĐ 630/2016
9	2489.	Hồi sức phẫu thuật lấy máu tụ trong não thất	x	x											QĐ 630/2016
9	2490.	Hồi sức phẫu thuật lấy mỡ mi mắt trên, dưới và tạo hình 2 mi	x	x											QĐ 630/2016
9	2491.	Hồi sức phẫu thuật lấy nhân ở tụy (di căn tụy, u tụy)	x	x											QĐ 630/2016
9	2492.	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang	x	x											QĐ 12/2014
9	2493.	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi bàng quang	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2494.	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi bể thận ngoài xoang	x	x											QĐ 12/2014
9	2495.	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi mật, giun trong đường mật qua nội soi tá tràng	x	x											QĐ 12/2014
9	2496.	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi mở bể thận trong xoang	x	x											QĐ 12/2014
9	2497.	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	x	x											QĐ 12/2014
9	2498.	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi nhu mô thận	x	x											QĐ 12/2014
9	2499.	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi niệu đạo	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2500.	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2501.	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đơn thuần	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2502.	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	x	x											QĐ 12/2014
9	2503.	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2504.	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ, cắt túi mật	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2505.	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi ống tuyến Stenon đường miệng	x	x											QĐ 630/2016
9	2506.	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi ống wharton tuyến dưới hàm	x	x											QĐ 630/2016
9	2507.	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt	x	x											QĐ 630/2016
9	2508.	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi san hô thận	x	x											QĐ 12/2014
9	2509.	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận đa nang	x	x											QĐ 630/2016
9	2510.	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi thận	x	x											QĐ 12/2014
9	2511.	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi túi mật, nối túi mật tá tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2512.	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi, nối tụy hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2513.	Hồi sức phẫu thuật lấy thai ở sản phụ không có các bệnh kèm theo	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2514.	Hồi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, Phaco) có hoặc	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
		không đặt IOL trên mắt độc nhất													
9	2515.	Hồi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL	x	x											QĐ 12/2014
9	2516.	Hồi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh sa, lệch bằng phương pháp phaco, phối hợp cắt dịch kính có hoặc không đặt IOL	x	x											QĐ 12/2014
9	2517.	Hồi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt IOL trên mắt độc nhất	x	x											QĐ 12/2014
9	2518.	Hồi sức phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt thể thủy tinh nhân tạo trên mắt độc nhất	x	x											QĐ 12/2014
9	2519.	Hồi sức phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng đa tầng	x	x											QĐ 630/2016
9	2520.	Hồi sức phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng sử dụng nẹp cố định liên gai sau (DIAM, Silicon, Coflex, Gelfix ...)	x	x											QĐ 630/2016
9	2521.	Hồi sức phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng vi phẫu	x	x											QĐ 630/2016
9	2522.	Hồi sức phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng	x	x											QĐ 630/2016
9	2523.	Hồi sức phẫu thuật lấy tổ chức tụy hoại tử, dẫn lưu	x	x											QĐ 630/2016
9	2524.	Hồi sức phẫu thuật lấy tổ chức ung thư tái phát khu trú tại tụy	x	x											QĐ 630/2016
9	2525.	Hồi sức phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2526.	Hồi sức phẫu thuật lấy toàn bộ xương bánh chè	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2527.	Hồi sức phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2528.	Hồi sức phẫu thuật lấy u cơ, xơ…thực quản đường cổ hoặc đường bụng	x	x											QĐ 630/2016
9	2529.	Hồi sức phẫu thuật lấy u cơ, xơ…thực quản đường ngực	x	x											QĐ 630/2016
9	2530.	Hồi sức phẫu thuật lấy u xương (ghép xi măng)	x	x											QĐ 630/2016
9	2531.	Hồi sức phẫu thuật lấy xương chết, nạo rò điều trị viêm xương hàm	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2532.	Hồi sức phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2533.	Hồi sức phẫu thuật lỗ tiểu đóng cao	x	x											QĐ 12/2014
9	2534.	Hồi sức phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, kỹ thuật Mathgieu, Magpi	x	x											QĐ 630/2016
9	2535.	Hồi sức phẫu thuật loai 3	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2536.	Hồi sức phẫu thuật loạn sản tổ chức tiên thiên khổng lồ (u quái khổng lồ)	x	x											QĐ 630/2016
9	2537.	Hồi sức phẫu thuật lớn trên dạ dày hoặc ruột	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2538.	Hồi sức phẫu thuật lùi cơ nâng mi	x	x											QĐ 630/2016
9	2539.	Hồi sức phẫu thuật màng da cổ (Pterygium Coilli)	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2540.	Hồi sức phẫu thuật mắt ở trẻ em	x	x											QĐ 630/2016
9	2541.	Hồi sức phẫu thuật miless	x	x											QĐ 630/2016
9	2542.	Hồi sức phẫu thuật mở bao sau	x	x											QĐ 630/2016
9	2543.	Hồi sức phẫu thuật mở bao sau đục bằng laser	x	x											QĐ 630/2016
9	2544.	Hồi sức phẫu thuật mở bè có hoặc không cắt bè	x	x											QĐ 630/2016
9	2545.	Hồi sức phẫu thuật mở bụng bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi bảo tồn tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	2546.	Hồi sức phẫu thuật mở bụng thăm dò	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2547.	Hồi sức phẫu thuật mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2548.	Hồi sức phẫu thuật mở bụng thăm dò, sinh thiết	x	x											QĐ 630/2016
9	2549.	Hồi sức phẫu thuật mở cơ môn vị	x	x											QĐ 630/2016
9	2550.	Hồi sức phẫu thuật mở cơ trực tràng hoặc cắt cơ trực tràng và cơ tròn trong để điều trị co thắt cơ tròn trong	x	x											QĐ 630/2016
9	2551.	Hồi sức phẫu thuật mở cung sau và cắt bỏ mỏm khớp dưới	x	x											QĐ 630/2016
9	2552.	Hồi sức phẫu thuật mở dạ dày xử lý tổn thương	x	x	x										QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2553.	Hồi sức phẫu thuật mở đường mật ngoài gan lấy sỏi trừ mở ống mật chủ	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2554.	Hồi sức phẫu thuật mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2555.	Hồi sức phẫu thuật mở góc tiền phòng	x	x											QĐ 630/2016
9	2556.	Hồi sức phẫu thuật mở hỗng tràng ra da nuôi ăn / mổ nội soi mở bụng thám sát chẩn đoán	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2557.	Hồi sức phẫu thuật mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết	x	x											QĐ 630/2016
9	2558.	Hồi sức phẫu thuật mở màng phổi tối đa	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2559.	Hồi sức phẫu thuật mở miệng nối mật ruột lấy sỏi dẫn lưu Kehr hoặc làm lại miệng nối mật ruột	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2560.	Hồi sức phẫu thuật mở ngực giám sát tổn thương	x	x											QĐ 12/2014
9	2561.	Hồi sức phẫu thuật mở ngực thăm dò	x	x											QĐ 12/2014
9	2562.	Hồi sức phẫu thuật mở nhu mô gan lấy sỏi	x	x											QĐ 630/2016
9	2563.	Hồi sức phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi có can thiệp đường mật	x	x											QĐ 12/2014
9	2564.	Hồi sức phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, dẫn lưu đường mật	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2565.	Hồi sức phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, không dẫn lưu	x	x	x										QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
		đường mật													
9	2566.	Hồi sức phẫu thuật mở rộng điểm lệ	x	x											QĐ 630/2016
9	2567.	Hồi sức phẫu thuật mở rộng khe mi	x	x											QĐ 630/2016
9	2568.	Hồi sức phẫu thuật mở rộng lỗ liên hợp để giải phóng chèn ép rễ	x	x											QĐ 630/2016
9	2569.	Hồi sức phẫu thuật mở rộng lỗ sáo	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2570.	Hồi sức phẫu thuật mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại…)	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2571.	Hồi sức phẫu thuật mở thông dạ dày	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2572.	Hồi sức phẫu thuật mở thông dạ dày, khâu lỗ thủng dạ dày, ruột non đơn thuần	x	x											QĐ 12/2014
9	2573.	Hồi sức phẫu thuật mở thông hỗng tràng hoặc Hồi sức phẫu thuật mở thông hồi tràng	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2574.	Hồi sức phẫu thuật mở thông túi mật	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2575.	Hồi sức phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm	x	x											QĐ 630/2016
9	2576.	Hồi sức phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hoá	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2577.	Hồi sức phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học	x	x											QĐ 630/2016
9	2578.	Hồi sức phẫu thuật mộng đơn thuần	x	x											QĐ 12/2014
9	2579.	Hồi sức phẫu thuật múc nội nhãn	x	x											QĐ 630/2016
9	2580.	Hồi sức phẫu thuật nâng sàn hốc mắt	x	x											QĐ 630/2016
9	2581.	Hồi sức phẫu thuật nạo vét hạch cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	2582.	Hồi sức phẫu thuật nạo vét hạch D1	x	x											QĐ 630/2016
9	2583.	Hồi sức phẫu thuật nạo vét hạch D2	x	x											QĐ 630/2016
9	2584.	Hồi sức phẫu thuật nạo vét hạch D3	x	x											QĐ 630/2016
9	2585.	Hồi sức phẫu thuật nạo vét hạch D4	x	x											QĐ 630/2016
9	2586.	Hồi sức phẫu thuật nạo vét hạch trung thất	x	x											QĐ 630/2016
9	2587.	Hồi sức phẫu thuật nạo vét tổ chức hốc mắt	x	x											QĐ 630/2016
9	2588.	Hồi sức phẫu thuật nhuộm giác mạc thẩm mỹ	x	x											QĐ 630/2016
9	2589.	Hồi sức phẫu thuật nối diện cắt đầu tụy và thân tụy với ruột non trên quai Y	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2590.	Hồi sức phẫu thuật nối diện cắt thân tụy với dạ dày	x	x											QĐ 630/2016
9	2592.	Hồi sức phẫu thuật nối mật ruột bên - bên	x	x											QĐ 12/2014
9	2593.	Hồi sức phẫu thuật nối nang tụy với dạ dày	x	x											QĐ 630/2016
9	2594.	Hồi sức phẫu thuật nối nang tụy với hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2595.	Hồi sức phẫu thuật nối nang tụy với tá tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2596.	Hồi sức phẫu thuật nối ngã ba đường mật hoặc ống gan phải hoặc ống gan trái với hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2597.	Hồi sức phẫu thuật nối niệu quản - đài thận	x	x											QĐ 630/2016
9	2598.	Hồi sức phẫu thuật nối ống dẫn tinh sau phẫu thuật đình sản	x	x											QĐ 630/2016
9	2599.	Hồi sức phẫu thuật nội soi bắc cầu nối động mạch chủ xuống-động mạch đùi	x	x											QĐ 630/2016
9	2600.	Hồi sức phẫu thuật nội soi bịt lỗ dò dịch não tuỷ	x	x											QĐ 630/2016
9	2601.	Hồi sức phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung	x	x											QĐ 12/2014
9	2602.	Hồi sức phẫu thuật nội soi bóc vỏ màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	2603.	Hồi sức phẫu thuật nội soi buồng tử cung + mở thông 2 vòi tử cung	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2604.	Hồi sức phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt dính buồng tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	2605.	Hồi sức phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polype	x	x											QĐ 630/2016
9	2606.	Hồi sức phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn	x	x											QĐ 630/2016
9	2607.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắm lại niệu quản	x	x											QĐ 630/2016
9	2608.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắm lại niệu quản vào bàng quang	x	x											QĐ 12/2014
9	2609.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật	x	x											QĐ 12/2014
9	2610.	Hồi sức phẫu thuật nội soi căng da trán, căng da mặt, căng da cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	2611.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt 1 phần thùy phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	2612.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt 1 thuỳ phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	2613.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp + eo giáp	x	x											QĐ 630/2016
9	2614.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x	x											QĐ 630/2016
9	2615.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc	x	x											QĐ 630/2016
9	2616.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp	x	x											QĐ 630/2016
9	2617.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt 2/3 dạ dày	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2618.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt 3/4 dạ dày	x	x											QĐ 630/2016
9	2619.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bạch mạch thận	x	x											QĐ 630/2016
9	2620.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần 1 thùy tuyến giáp	x	x											QĐ 630/2016
9	2621.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x											QĐ 630/2016
9	2622.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	x	x											QĐ 630/2016
9	2623.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp	x	x											QĐ 630/2016
9	2624.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1	x	x											QĐ 630/2016
9	2625.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1α	x	x											QĐ 630/2016
9	2626.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1β	x	x											QĐ 630/2016
9	2627.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D2	x	x											QĐ 630/2016
9	2628.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D3	x	x											QĐ 630/2016
9	2629.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần lách trong chấn thương	x	x											QĐ 630/2016
9	2630.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bản sống giải ép trong hẹp ống sống lưng	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2631.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên	x	x											QĐ 630/2016
9	2632.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bỏ tuyến thượng thận 2 bên	x	x											QĐ 630/2016
9	2633.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bỏ u mạch máu vùng đầu cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	2634.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bóng khí phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	2635.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang gan	x	x											QĐ 630/2016
9	2636.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận sau phúc mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	2637.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Lortat-Jacob	x	x											QĐ 630/2016
9	2638.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Dor	x	x											QĐ 630/2016
9	2639.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Toupet	x	x											QĐ 630/2016
9	2640.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Nissen	x	x											QĐ 630/2016
9	2641.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản + tạo hình tâm vị	x	x											QĐ 630/2016
9	2642.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt cơ thực quản	x	x											QĐ 630/2016
9	2643.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt dạ dày không điển hình	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2645.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đại tràng chậu hông	x	x											QĐ 630/2016
9	2646.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đại tràng ngang	x	x											QĐ 630/2016
9	2647.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải mở rộng	x	x											QĐ 630/2016
9	2648.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải	x	x											QĐ 630/2016
9	2649.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đại tràng trái	x	x											QĐ 630/2016
9	2650.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đầu dài gân nhị đầu	x	x											QĐ 630/2016
9	2651.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt dây dính hay dây chằng	x	x											QĐ 630/2016
9	2653.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2654.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại trực tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2655.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đoạn ruột non	x	x											QĐ 630/2016
9	2656.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đoạn tá tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2657.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đốt hạch giao cảm cổ (điều trị viêm tắc động mạch chi trên)	x	x											QĐ 630/2016
9	2658.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đốt hạch giao cảm ngực (điều trị viêm tắc động mạch chi trên)	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2659.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt đốt hạch giao cảm thắt lưng (điều trị viêm tắc động mạch chi dưới)	x	x											QĐ 630/2016
9	2660.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt eo thận móng ngựa	x	x											QĐ 630/2016
9	2661.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy I	x	x											QĐ 630/2016
9	2662.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy II	x	x											QĐ 630/2016
9	2663.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy III	x	x											QĐ 630/2016
9	2664.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IV	x	x											QĐ 630/2016
9	2665.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IVA	x	x											QĐ 630/2016
9	2666.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IVB	x	x											QĐ 630/2016
9	2667.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IV-V	x	x											QĐ 630/2016
9	2668.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy V	x	x											QĐ 630/2016
9	2669.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VI	x	x											QĐ 630/2016
9	2670.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VII	x	x											QĐ 630/2016
9	2671.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VIII	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2672.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VII-VIII	x	x											QĐ 630/2016
9	2673.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VI-VII-VIII	x	x											QĐ 630/2016
9	2674.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy V-VI	x	x											QĐ 630/2016
9	2675.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan không điển hình	x	x											QĐ 630/2016
9	2676.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan phải	x	x											QĐ 630/2016
9	2677.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan phân thùy sau	x	x											QĐ 630/2016
9	2678.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan phân thùy trước	x	x											QĐ 630/2016
9	2679.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan thùy phải	x	x											QĐ 630/2016
9	2680.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan thùy trái	x	x											QĐ 630/2016
9	2681.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow.	x	x											QĐ 630/2016
9	2682.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan trái	x	x											QĐ 630/2016
9	2683.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan trung tâm	x	x											QĐ 630/2016
9	2684.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gan và đường mật	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2685.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung ở bệnh nhân GEU	x	x											QĐ 630/2016
9	2686.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt hạch giao cảm	x	x											QĐ 630/2016
9	2687.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt họat mạc viêm khớp gối (Arthroscopic Synovectomy of the knee)	x	x											QĐ 630/2016
9	2688.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt họat mạc viêm khớp háng (Arthroscopic Synovectomy of the hip)	x	x											QĐ 630/2016
9	2689.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt họat mạc viêm khớp khủyu (Arthroscopic Synovectomy of the Elbow)	x	x											QĐ 630/2016
9	2690.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt kén, nang phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	2691.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt khối tá tụy	x	x											QĐ 630/2016
9	2692.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt lách bán phần	x	x											QĐ 630/2016
9	2693.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt lách một lỗ	x	x											QĐ 630/2016
9	2694.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt lách	x	x											QĐ 630/2016
9	2695.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt lọc khớp bàn ngón chân cái (Arthroscopy of the First Metatarsophalangeal Joint)	x	x											QĐ 630/2016
9	2696.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt lọc sụn khớp gối (Debridement of Articular Cartilage in the Knee)	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2697.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt lọc tụy hoại tử	x	x											QĐ 630/2016
9	2698.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt màng ngoài tim (điều trị tràn dịch màng ngoài tim)	x	x											QĐ 630/2016
9	2699.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt manh tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2700.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt mấu răng C2 (mỏm nha) qua miệng	x	x											QĐ 630/2016
9	2701.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt mỏm ruột thừa	x	x											QĐ 630/2016
9	2702.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang đường mật	x	x											QĐ 630/2016
9	2703.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang lách	x	x											QĐ 630/2016
9	2704.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang mạc treo ruột	x	x											QĐ 630/2016
9	2705.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang ống mật chủ, nối ống gan chung-hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2706.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang thận x x													QĐ 630/2016
9	2707.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang trung thất	x	x											QĐ 630/2016
9	2708.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang tụy	x	x											QĐ 630/2016
9	2709.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nang tuyến thượng thận	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2710.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nhân độc tuyến giáp	x	x											QĐ 630/2016
9	2711.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nhân tuyến giáp	x	x											QĐ 630/2016
9	2712.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nối phình động mạch chủ bụng	x	x											QĐ 630/2016
9	2713.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt phổi không điển hình (cắt kiểu hình chêm)	x	x											QĐ 630/2016
9	2714.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt polyp cổ bọng đái	x	x											QĐ 630/2016
9	2715.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt polyp đại tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2716.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2717.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	x	x	x										QĐ 12/2014
9	2718.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt sụn chêm (Arthroscopic Meniscectomy)	x	x											QĐ 630/2016
9	2719.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thận bán phần	x	x											QĐ 630/2016
9	2720.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thận đơn giản	x	x											QĐ 630/2016
9	2722.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thần kinh X chọn lọc	x	x											QĐ 630/2016
9	2723.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thần kinh X	x	x											QĐ 630/2016
9	2724.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thận tận gốc	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2725.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thận và đuôi tụy + cắt lách	x	x											QĐ 630/2016
9	2726.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thận và đuôi tụy	x	x											QĐ 630/2016
9	2727.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thận và niệu quản	x	x											QĐ 630/2016
9	2728.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thực quản đôi dạng nang ngực phải	x	x											QĐ 630/2016
9	2729.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thực quản đôi dạng nang ngực trái	x	x											QĐ 630/2016
9	2730.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt thực quản ngực phải	x	x											QĐ 630/2016
9	2734.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt tiền liệt tuyến	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2735.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn	x	x											QĐ 630/2016
9	2736.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày	x	x											QĐ 630/2016
9	2737.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + cắt lách + nạo hạch D2	x	x											QĐ 630/2016
9	2738.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + cắt lách	x	x											QĐ 630/2016
9	2739.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + nạo hạch D2	x	x											QĐ 630/2016
9	2740.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ đại tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2741.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tử cung	X	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2742.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tụy + cắt lách	x	x											QĐ 630/2016
9	2744.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp + nạo hạch cổ 2 bên	x	x											QĐ 630/2016
9	2745.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x											QĐ 630/2016
9	2746.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	x	x											QĐ 630/2016
9	2747.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp.	x	x											QĐ 630/2016
9	2748.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp	x	x											QĐ 630/2016
9	2749.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt trực tràng thấp	x	x											QĐ 630/2016
9	2750.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, đóng mỏm cụt trực tràng, mở hậu môn nhân tạo	x	x											QĐ 630/2016
9	2751.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, nối đại tràng-ống hậu môn	x	x											QĐ 630/2016
9	2752.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, ống hậu môn ngả bụng và tầng sinh môn	x	x											QĐ 630/2016
9	2753.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt tử cung vét hạch tiểu khung	x	x											QĐ 630/2016
9	2754.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt túi mật	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2755.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt túi mât, mở OMC lấy sỏi, dẫn lưu Kerh	x	x											QĐ 630/2016
9	2756.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt túi thừa bàng quang	x	x											QĐ 630/2016
9	2757.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt túi thừa đại tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2758.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel	x	x											QĐ 630/2016
9	2759.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt túi thừa tá tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2760.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt túi thừa thực quản	x	x											QĐ 630/2016
9	2761.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt tuyến cận giáp	x	x											QĐ 630/2016
9	2762.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt tuyến thượng thận	x	x											QĐ 630/2016
9	2763.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt tuyến ức	x	x											QĐ 630/2016
9	2764.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng	x	x											QĐ 630/2016
9	2765.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng, tử cung, thông vòi trứng	x	x											QĐ 630/2016
9	2766.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng+ tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	2767.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u đường mật ngoài gan thay thế OMC bằng quai ruột rời	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2768.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u hoạt dịch cổ tay (arthroscopic ganglion resection)	x	x											QĐ 630/2016
9	2769.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u lành thực quản ngực phải	x	x											QĐ 630/2016
9	2770.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột + cắt đoạn ruột non	x	x											QĐ 630/2016
9	2771.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột, không cắt ruột	x	x											QĐ 630/2016
9	2772.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u màng tim	x	x											QĐ 630/2016
9	2773.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u nang màng ngoài tim	x	x											QĐ 630/2016
9	2774.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u nhú tai mũi họng	x	x											QĐ 630/2016
9	2775.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u OMC	x	x											QĐ 630/2016
9	2776.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u sau phúc mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	2777.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u thận ác tính	x	x											QĐ 630/2016
9	2778.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u thận lành tính	x	x											QĐ 630/2016
9	2779.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u thực quản	x	x											QĐ 630/2016
9	2780.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u trung thất	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2781.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u tụy tiết insulin	x	x											QĐ 630/2016
9	2782.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u tụy	x	x											QĐ 630/2016
9	2783.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u tuyến thượng thận 1 bên	x	x											QĐ 630/2016
9	2784.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u tuyến thượng thận 2 bên	x	x											QĐ 630/2016
9	2786.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u xơ vòm mũi	x	x											QĐ 630/2016
9	2787.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt van niệu đạo sau của trẻ em	x	x											QĐ 630/2016
9	2788.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt xương sườn số 1 (điều trị hội chứng đường thóat lồng ngực)	x	x											QĐ 630/2016
9	2789.	Hồi sức phẫu thuật nội soi chỉnh vẹo cột sống ngực	x	x											QĐ 630/2016
9	2790.	Hồi sức phẫu thuật nội soi chửa ngoài tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	2791.	Hồi sức phẫu thuật nội soi chuyển vị trí tĩnh mạch để tạo dò động mạch-tĩnh mạch cho chạy thận nhân tạo	x	x											QĐ 630/2016
9	2792.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cố định các tạng (lồng, sa, thoát vị …)	x	x											QĐ 630/2016
9	2794.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cố định trực tràng + cắt đoạn đại tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2795.	Hồi sức phẫu thuật nội soi cố định trực tràng	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2796.	Hồi sức phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe gan	x	x											QĐ 630/2016
9	2797.	Hồi sức phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe tồn lưu	x	x											QĐ 630/2016
9	2798.	Hồi sức phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe tụy	x	x											QĐ 630/2016
9	2799.	Hồi sức phẫu thuật nội soi dẫn lưu đường mật qua da dưới siêu âm	x	x											QĐ 630/2016
9	2800.	Hồi sức phẫu thuật nội soi dẫn lưu màng ngoài tim	x	x											QĐ 630/2016
9	2801.	Hồi sức phẫu thuật nội soi dẫn lưu nang tụy	x	x											QĐ 630/2016
9	2802.	Hồi sức phẫu thuật nội soi đặt điện cực tạo nhịp thượng tâm mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	2803.	Hồi sức phẫu thuật nội soi đặt lưới ngả tiền phúc mạc (TEP)	x	x											QĐ 630/2016
9	2804.	Hồi sức phẫu thuật nội soi đặt lưới tiền phúc mạc qua ổ bụng (TAPP)	x	x											QĐ 630/2016
9	2805.	Hồi sức phẫu thuật nội soi đặt lưới trong phúc mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	2806.	Hồi sức phẫu thuật nội soi đặt vòng thắt dạ dày	x	x											QĐ 630/2016
9	2807.	Hồi sức phẫu thuật nội soi dị dạng mạch máu thần kinh số V	x	x											QĐ 630/2016
9	2808.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị áp-xe ruột thừa	x	x											QĐ 12/2014
9	2809.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị chảy máu đường mật, cắt gan	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2810.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp cổ chân	x	x											QĐ 630/2016
9	2811.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp khủyu (Arthroscopic Management of Elbow Stiffness)	x	x											QĐ 630/2016
9	2812.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị đám quánh ruột thừa	x	x											QĐ 12/2014
9	2813.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị gãy xương vùng khủyu (Arthroscopic Fracture Management in the Elbow)	x	x											QĐ 630/2016
9	2814.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị hẹp môn vị phì đại	x	x											QĐ 630/2016
9	2815.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị hoại tử chỏm xương đùi bằng ghép sụn xương	x	x											QĐ 630/2016
9	2816.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị hội chứng chèn ép trước cổ chân	x	x											QĐ 630/2016
9	2817.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị mất vững bánh	x	x											QĐ 630/2016
9	2818.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai theo phương pháp Latarjet	x	x											QĐ 630/2016
9	2819.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai	x	x											QĐ 630/2016
9	2820.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị máu đông màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	2821.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị Megacolon (phẫu thuật Soave đường hậu môn một thì)	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2822.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị ổ cặn màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	2823.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị phồng, hẹp, tắc động mạch chủ bụng dưới thận	x	x											QĐ 630/2016
9	2824.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viền ổ cối	x	x											QĐ 630/2016
9	2825.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viền trên từ trước ra sau	x	x											QĐ 630/2016
9	2826.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị rò dịch não tuỷ nền sọ	x	x											QĐ 630/2016
9	2827.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị rò hậu môn	x	x											QĐ 630/2016
9	2828.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị rung nhĩ	x	x											QĐ 630/2016
9	2829.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị sa sinh dục	x	x											QĐ 630/2016
9	2830.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị thoái khớp cùng đòn x	x	x											QĐ 630/2016
9	2831.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị thoát vị nền sọ	x	x											QĐ 630/2016
9	2832.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị tổn thương dây chằng tròn	x	x											QĐ 630/2016
9	2833.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị tổn thương phức hợp sụn sợi tam giác	x	x											QĐ 630/2016
9	2834.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị trào ngược thực quản	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2835.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị viêm co rút khớp vai	x	x											QĐ 630/2016
9	2836.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị viêm khớp vai	x	x											QĐ 630/2016
9	2837.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị viêm mỏm trên lồi cầu ngoài	x	x											QĐ 630/2016
9	2838.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh	x	x											QĐ 630/2016
9	2839.	Hồi sức phẫu thuật nội soi điều trị xoắn dạ dày có kèm cắt dạ dày	x	x											QĐ 630/2016
9	2840.	Hồi sức phẫu thuật nội soi đính lại nơi bám gân nhị đầu	x	x											QĐ 630/2016
9	2841.	Hồi sức phẫu thuật nội soi đóng hậu môn nhân tạo	x	x											QĐ 630/2016
9	2842.	Hồi sức phẫu thuật nội soi đóng lỗ thông liên nhĩ	x	x											QĐ 630/2016
9	2843.	Hồi sức phẫu thuật nội soi đốt hạch giao cảm lồng ngực bằng dụng cụ siêu nhỏ.	x	x											QĐ 630/2016
9	2844.	Hồi sức phẫu thuật nội soi Frey điều trị viêm tụy mạn	x	x											QĐ 630/2016
9	2845.	Hồi sức phẫu thuật nội soi gây dính màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	2846.	Hồi sức phẫu thuật nội soi GEU thể huyết tụ thành nang	x	x											QĐ 12/2014
9	2847.	Hồi sức phẫu thuật nội soi ghép sụn chêm	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2848.	Hồi sức phẫu thuật nội soi ghép sụn xương tự thân	x	x											QĐ 630/2016
9	2849.	Hồi sức phẫu thuật nội soi ghép thần kinh điều trị liệt mặt	x	x											QĐ 630/2016
9	2850.	Hồi sức phẫu thuật nội soi giải phóng lỗ liên hợp cột sống cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	2851.	Hồi sức phẫu thuật nội soi giải phóng ống cổ tay	x	x											QĐ 630/2016
9	2852.	Hồi sức phẫu thuật nội soi giảm áp dây thần kinh II	x	x											QĐ 630/2016
9	2853.	Hồi sức phẫu thuật nội soi giảm áp ổ mắt	x	x											QĐ 630/2016
9	2854.	Hồi sức phẫu thuật nội soi gỡ dính màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	2855.	Hồi sức phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột	x	x											QĐ 12/2014
9	2856.	Hồi sức phẫu thuật nội soi gỡ dính, hút rửa trong bệnh lý mủ màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	2857.	Hồi sức phẫu thuật nội soi hạ bóng trực tràng + tạo hình hậu môn một thì	x	x											QĐ 630/2016
9	2858.	Hồi sức phẫu thuật nội soi hàn khớp cổ chân	x	x											QĐ 630/2016
9	2859.	Hồi sức phẫu thuật nội soi hàn khớp dưới sên (Arthroscopic Subtalar Arthrodesis)	x	x											QĐ 630/2016
9	2860.	Hồi sức phẫu thuật nội soi hẹp bể thận, niệu quản	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2861.	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ (VATS) điều trị bệnh lý phổi, trung thất	x	x											QĐ 630/2016
9	2862.	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ (VATS) điều trị bệnh lý tim	x	x											QĐ 630/2016
9	2863.	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ cắt polyp to đại tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2865.	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ điều trị hoại tử chỏm xương đùi bằng khoan giải áp	x	x											QĐ 630/2016
9	2866.	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ giải áp vi mạch	x	x											QĐ 630/2016
9	2867.	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ kẹp túi phình	x	x											QĐ 630/2016
9	2868.	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ làm cứng cột sống lưng	x	x											QĐ 630/2016
9	2869.	Hồi sức phẫu thuật nội soi hỗ trợ lấy u não	x	x											QĐ 630/2016
9	2870.	Hồi sức phẩu thuật nội soi kẹp ống động mạch	x	x											QĐ 630/2016
9	2871.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu cầm máu lách	x	x											QĐ 630/2016
9	2872.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu cầm máu vỡ gan	x	x											QĐ 630/2016
9	2873.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu chóp xoay	x	x											QĐ 630/2016
9	2874.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu cơ hoành	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2875.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu gấp nếp cơ hoành (điều trị liệt thần kinh hoành)	x	x											QĐ 630/2016
9	2876.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Lortat-Jacob	x	x											QĐ 630/2016
9	2877.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Dor	x	x											QĐ 630/2016
9	2878.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Toupet	x	x											QĐ 630/2016
9	2879.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Nissen	x	x											QĐ 630/2016
9	2880.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu khoảng gian chóp xoay (Arthroscopic Rotator Interval Closure)	x	x											QĐ 630/2016
9	2881.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu mạc treo	x	x											QĐ 630/2016
9	2882.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu miệng nối đại-trực tràng, rửa bụng, dẫn lưu (xì miệng nối đại-trực tràng)	x	x											QĐ 630/2016
9	2883.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu rò ống ngực	x	x											QĐ 630/2016
9	2884.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu sụn chêm (Arthroscopic Meniscus Repair)	x	x											QĐ 630/2016
9	2885.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng cơ hoành	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2886.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2887.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày	x	x											QĐ 12/2014
9	2888.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng	x	x											QĐ 630/2016
9	2889.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2890.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng	x	x											QĐ 630/2016
9	2891.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non	x	x											QĐ 630/2016
9	2892.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2893.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2894.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng	x	x											QĐ 630/2016
9	2895.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2896.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2897.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2898.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2899.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng	x	x											QĐ 630/2016
9	2900.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non	x	x											QĐ 630/2016
9	2901.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2902.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2903.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng	x	x											QĐ 630/2016
9	2904.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2905.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khoan kích thích tủy	x	x											QĐ 630/2016
9	2906.	Hồi sức phẫu thuật nội soi khớp bả vai lồng ngực	x	x											QĐ 630/2016
9	2907.	Hồi sức phẫu thuật nội soi kỹ thuật Heller điều trị co thắt tâm vị	x	x											QĐ 630/2016
9	2908.	Hồi sức phẫu thuật nội soi làm hậu môn nhân tạo	x	x											QĐ 630/2016
9	2909.	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy dị vật phổi – màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	2910.	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy dị vật trong đường mật		x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2911.	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy đĩa đệm cột sống ngực đường trư¬ớc trong vẹo cột sống	x	x											QĐ 630/2016
9	2912.	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy hạch trung thất	x	x											QĐ 630/2016
9	2913.	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy máu phế mạc đông	x	x											QĐ 630/2016
9	2914.	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy máu tụ	x	x											QĐ 630/2016
9	2915.	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy nhân đệm cốt sống lưng qua lỗ liên hợp	x	x											QĐ 630/2016
9	2916.	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy nhân đệm cột sống sống lưng qua đường liên bản sống	x	x											QĐ 630/2016
9	2917.	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy sỏi đường mật trong và ngoài gan có dẫn lưu Kehr	x	x											QĐ 630/2016
9	2918.	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản	x	x											QĐ 630/2016
9	2919.	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy sỏi OMC có dẫn lưu Kehr	x	x											QĐ 630/2016
9	2920.	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy thoát vị đĩa đệm cột sống cổ đường sau	x	x											QĐ 630/2016
9	2921.	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy u não dưới lều	x	x											QĐ 630/2016
9	2922.	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy u não thất	x	x											QĐ 630/2016
9	2923.	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy u não vòm sọ	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2924.	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy u nền sọ	x	x											QĐ 630/2016
9	2925.	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy u thành ngực	x	x											QĐ 630/2016
9	2926.	Hồi sức phẫu thuật nội soi lấy u vùng bản lề chẩm cổ qua miệng	x	x											QĐ 630/2016
9	2927.	Hồi sức phẫu thuật nội soi lồng ngực cầm máu	x	x											QĐ 630/2016
9	2928.	Hồi sức phẫu thuật nội soi lồng ngực cắt 1 phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	2929.	Hồi sức phẫu thuật nội soi lồng ngực lấy máu tụ, cầm máu	x	x											QĐ 630/2016
9	2930.	Hồi sức phẫu thuật nội soi lồng ngực sinh thiết chẩn đoán	x	x											QĐ 630/2016
9	2931.	Hồi sức phẫu thuật nội soi lồng ngực xử trí tràn máu, tràn khí màng phổi	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2932.	Hồi sức phẫu thuật nội soi mở cửa sổ màng tim–màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	2933.	Hồi sức phẫu thuật nội soi mở hồi tràng/hỗng tràng ra da	x	x											QĐ 630/2016
9	2934.	Hồi sức phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt gan thùy trái	x	x											QĐ 630/2016
9	2935.	Hồi sức phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt túi mật	x	x											QĐ 630/2016
9	2936.	Hồi sức phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + nối ống mật chủ-hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2937.	Hồi sức phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi	x	x											QĐ 630/2016
9	2938.	Hồi sức phẫu thuật nội soi mở ruột lấy dị vật	x	x											QĐ 630/2016
9	2939.	Hồi sức phẫu thuật nội soi mở ruột non ra da	x	x											QĐ 630/2016
9	2940.	Hồi sức phẫu thuật nội soi mở sàng hàm	x	x											QĐ 630/2016
9	2941.	Hồi sức phẫu thuật nội soi mở túi mật ra da	x	x	x										QĐ 630/2016
9	2942.	Hồi sức phẫu thuật nội soi mũi xoang điều trị gãy xương hàm mặt	x	x											QĐ 630/2016
9	2943.	Hồi sức phẫu thuật nội soi nang thận qua phúc mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	2944.	Hồi sức phẫu thuật nội soi nang thận sau phúc mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	2945.	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối dạ dày-hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2946.	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối dạ dày-hỗng tràng, nối túi mật-hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2947.	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối nang tụy- dạ dày điều trị nang giả tụy	x	x											QĐ 630/2016
9	2948.	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối nang tụy-hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2949.	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối OMC-tá tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2950.	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối ống gan chung-hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2951.	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối ống mật chủ-hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2952.	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối tắt đại tràng-đại tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2953.	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối tắt hồi tràng-đại tràng ngang	x	x											QĐ 630/2016
9	2954.	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối tắt ruột non-ruột non	x	x											QĐ 630/2016
9	2955.	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối tắt thực quản-dạ dày bằng đại tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2956.	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối thông lệ mũi	x	x											QĐ 630/2016
9	2957.	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối túi mật-hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	2958.	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối vòi tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	2959.	Hồi sức phẫu thuật nội soi ổ bụng chuẩn đoán	x	x											QĐ 630/2016
9	2960.	Hồi sức phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy dụng cụ tránh thai	x	x											QĐ 630/2016
9	2961.	Hồi sức phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy sỏi bể thận	x	x											QĐ 630/2016
9	2962.	Hồi sức phẫu thuật nội soi phá nang màng nhện dịch não tủy	x	x											QĐ 630/2016
9	2964.	Hồi sức phẫu thuật nội soi phá thông sàn não thất và sinh thiết u não thất	x	x											QĐ 630/2016
9	2965.	Hồi sức phẫu thuật nội soi phình đại tràng bẩm sinh	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2966.	Hồi sức phẫu thuật nội soi phình động mạch chủ bụng	x	x											QĐ 630/2016
9	2967.	Hồi sức phẫu thuật nội soi phục hồi thành bụng	x	x											QĐ 630/2016
9	2968.	Hồi sức phẫu thuật nội soi qua dạ dày cắt polyp dạ dày	x	x											QĐ 630/2016
9	2969.	Hồi sức phẫu thuật nội soi Robotigae	x	x											QĐ 630/2016
9	2970.	Hồi sức phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu	x	x											QĐ 630/2016
9	2971.	Hồi sức phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi bể thận	x	x											QĐ 630/2016
9	2972.	Hồi sức phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản	x	x											QĐ 630/2016
9	2973.	Hồi sức phẫu thuật nội soi sinh thiết hạch ổ bụng	x	x											QĐ 630/2016
9	2974.	Hồi sức phẫu thuật nội soi sinh thiết u não thất	x	x											QĐ 630/2016
9	2976.	Hồi sức phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo sau	x	x											QĐ 630/2016
9	2977.	Hồi sức phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân bánh chè tự thân)	x	x											QĐ 630/2016
9	2978.	Hồi sức phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân chân ngỗng	x	x											QĐ 630/2016
9	2979.	Hồi sức phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân tứ đầu	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2980.	Hồi sức phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng kỹ thuật hai bó)	x	x											QĐ 630/2016
9	2981.	Hồi sức phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng quạ đòn	x	x											QĐ 630/2016
9	2982.	Hồi sức phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo sau	x	x											QĐ 630/2016
9	2983.	Hồi sức phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo trước	x	x											QĐ 630/2016
9	2984.	Hồi sức phẫu thuật nội soi tán sỏi trong phẫu thuật nội soi đường mật và tán sỏi qua đường hầm Kehr	x	x											QĐ 630/2016
9	2985.	Hồi sức phẫu thuật nội soi tán sỏi, dẫn lưu đường mật qua da dưới ECHO	x	x											QĐ 630/2016
9	2987.	Hồi sức phẫu thuật nội soi tạo hình khúc nối niệu quản - bể thận	x	x											QĐ 630/2016
9	2988.	Hồi sức phẫu thuật nội soi tạo hình mỏm cùng vai (Arthroscopic Subacromial Decompression)	x	x											QĐ 630/2016
9	2989.	Hồi sức phẫu thuật nội soi tạo hình niệu quản	x	x											QĐ 630/2016
9	2990.	Hồi sức phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Dor	x	x											QĐ 630/2016
9	2991.	Hồi sức phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Lortat-Jacob	x	x											QĐ 630/2016
9	2992.	Hồi sức phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Nissen	x	x											QĐ 630/2016
9	2993.	Hồi sức phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Toupet	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	2994.	Hồi sức phẫu thuật nội soi tạo hình thực quản	x	x											QĐ 630/2016
9	2995.	Hồi sức phẫu thuật nội soi thắt động mạch gan điều trị ung thư gan/vết thương gan	x	x											QĐ 630/2016
9	2996.	Hồi sức phẫu thuật nội soi thắt động mạch hàm trong	x	x											QĐ 630/2016
9	2997.	Hồi sức phẫu thuật nội soi thắt ống ngực (điều trỡ dò bạch huyết)	x	x											QĐ 630/2016
9	2998.	Hồi sức phẫu thuật nội soi thắt tuần hoàn bàng hệ	x	x											QĐ 630/2016
9	3000.	Hồi sức phẫu thuật nội soi treo thận để điều trị sa thận	x	x											QĐ 630/2016
9	3001.	Hồi sức phẫu thuật nội soi tuỷ sống	x	x											QĐ 630/2016
9	3002.	Hồi sức phẫu thuật nội soi tuyến yên qua đường xương bướm	x	x											QĐ 630/2016
9	3003.	Hồi sức phẫu thuật nội soi u buồng trứng trên bệnh nhân có thai	x	x											QĐ 630/2016
9	3004.	Hồi sức phẫu thuật nội soi u mạc treo	x	x											QĐ 630/2016
9	3005.	Hồi sức phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng	x	x											QĐ 12/2014
9	3006.	Hồi sức phẫu thuật nội soi vét hạch tiểu khung	x	x											QĐ 630/2016
9	3007.	Hồi sức phẫu thuật nội soi viêm phần phụ	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3008.	Hồi sức phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa	x	x											QĐ 12/2014
9	3009.	Hồi sức phẫu thuật nội soi vỡ đại tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	3010.	Hồi sức phẫu thuật nội soi vùng nền sọ	x	x											QĐ 630/2016
9	3011.	Hồi sức phẫu thuật nội soi xẻ sa lồi lỗ niệu quản	x	x											QĐ 630/2016
9	3013.	Hồi sức phẫu thuật nội soi xử lý viêm phúc mạc tiểu khung	x	x											QĐ 630/2016
9	3014.	Hồi sức phẫu thuật nối tắt ruột non – đại tràng hoặc trực tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	3015.	Hồi sức phẫu thuật nối tắt ruột non – ruột non	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3016.	Hồi sức phẫu thuật nối thông lệ mũi có hoặc không đặt ống Silicon có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	x	x											QĐ 630/2016
9	3017.	Hồi sức phẫu thuật nối tụy ruột	x	x											QĐ 630/2016
9	3018.	Hồi sức phẫu thuật nối vị tràng	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3019.	Hồi sức phẫu thuật nối vòi tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	3020.	Hồi sức phẫu thuật nối Wirsung ruột non + nối ống mật chủ - ruột non + nối dạ dày – ruột non trên ba quai ruột biệt lập	x	x											QĐ 630/2016
9	3021.	Hồi sức phẫu thuật nong niệu đạo	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3022.	Hồi sức phẫu thuật Nuss kết hợp nội soi lồng điều trị lõm ngực bẩm sinh (VATS)	x	x											QĐ 630/2016
9	3023.	Hồi sức phẫu thuật ổ bụng trung phẫu ở trẻ em	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3024.	Hồi sức phẫu thuật quặm bẩm sinh	x	x											QĐ 630/2016
9	3025.	Hồi sức phẫu thuật sa bàng quang qua ngõ âm đạo (tạo hình thành trước âm đạo)	x	x											QĐ 630/2016
9	3026.	Hồi sức phẫu thuật sa sinh dục	x	x											QĐ 12/2014
9	3027.	Hồi sức phẫu thuật tạo hình âm đạo + tầng sinh môn	x	x											QĐ 630/2016
9	3028.	Hồi sức phẫu thuật tháo lồng ruột	x	x											QĐ 12/2014
9	3029.	Hồi sức phẫu thuật ứ máu kinh	x	x											QĐ 630/2016
9	3030.	Hồi sức phẫu thuật vá da tạo hình mi	x	x											QĐ 630/2016
9	3031.	Hồi sức phẫu thuật vá da, niêm mạc tạo cùng đồ có hoặc không tách dính mi cầu	x	x											QĐ 630/2016
9	3032.	Hồi sức phẫu thuật vá vỡ xương hốc mắt (thành dưới, thành trong có hoặc không dùng sụn sườn)	x	x											QĐ 630/2016
9	3033.	Hồi sức phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa ở trẻ dưới 6 tuổi	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3034.	Hồi sức phẫu thuật viêm sụn vành tai, dị tật vành tai	x	x											QĐ 12/2014
9	3035.	Hồi sức rút sonde JJ do nơi khác đặt hoặc thay sonde JJ tại khoa	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3036.	Hồi sức tán sỏi qua da bằng laser	x	x											QĐ 630/2016
9	3037.	Hồi sức tán sỏi qua da bằng siêu âm	x	x											QĐ 630/2016
9	3038.	Hồi sức tán sỏi qua da bằng xung hơi	x	x											QĐ 630/2016
9	3039.	Hồi sức tán sỏi thận qua da	x	x											QĐ 12/2014
9	3040.	Hồi sức thông tim chẩn đoán và điều trị các bệnh lí tim và mạch ở trẻ em	x	x											QĐ 630/2016
9	3041.	Hồi sức trung phẫu ngực ở trẻ em	x	x											QĐ 630/2016
9	3042.	Gây tê áp lạnh điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt trẻ em	x	x											QĐ 630/2016
9	3043.	Gây tê áp tia bêta điều trị các bệnh lý kết mạc trẻ em	x	x											QĐ 630/2016
9	3045.	Gây tê các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3046.	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân OAP- dọa OAP	x	x											QĐ 630/2016
9	3047.	Gây tê nội soi buồng tử cung can thiệp	x	x											QĐ 630/2016
9	3048.	Gây tê nội soi buồng tử cung chẩn đoán	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3049.	Gây tê nội soi buồng tử cung, nạo buồng tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	3050.	Gây tê nội soi buồng tử cung, sinh thiết buồng tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	3051.	Gây tê nội soi buồng tử cung, vòi trứng thông vòi trứng	x	x											QĐ 630/2016
9	3052.	Gây tê nội soi mở rộng niệu quản, nong rộng niệu quản	x	x											QĐ 12/2014
9	3053.	Gây tê nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gắp sỏi niệu quản	x	x											QĐ 630/2016
9	3054.	Gây tê nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser	x	x											QĐ 630/2016
9	3055.	Gây tê nội soi niệu quản tán sỏi bằng laser	x	x											QĐ 630/2016
9	3056.	Gây tê nội soi nối vòi tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	3057.	Gây tê nội soi nong hẹp thực quản	x	x											QĐ 630/2016
9	3058.	Gây tê nội soi nong niệu quản hẹp	x	x											QĐ 12/2014
9	3059.	Gây tê nội soi ổ bụng chẩn đoán	x	x											QĐ 12/2014
9	3060.	Gây tê nội soi ổ bụng hỗ trợ đốt u gan bằng sóng cao tần (RFA)	x	x											QĐ 630/2016
9	3061.	Gây tê nội soi phế quản sinh thiết chẩn đoán	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3062.	Gây tê nội soi tán sỏi niệu quản	x	x											QĐ 12/2014
9	3063.	Gây tê nội soi tán sỏi niệu quản ngược dòng	x	x											QĐ 12/2014
9	3064.	Gây tê nội soi tạo hình niệu quản quặt sau tĩnh mạch chủ	x	x											QĐ 630/2016
9	3065.	Gây tê nội soi thận ống mềm gắp sỏi thận	x	x											QĐ 12/2014
9	3066.	Gây tê nội soi thận ống mềm tán sỏi thận	x	x											QĐ 12/2014
9	3067.	Gây tê nội soi xẻ hẹp bể thận - niệu quản, mở rộng niệu quản	x	x											QĐ 630/2016
9	3068.	Gây tê nội soi xẻ lỗ niệu quản lấy sỏi	x	x											QĐ 12/2014
9	3069.	Gây tê phẫu thuật áp xe dưới màng tủy	x	x											QĐ 630/2016
9	3070.	Gây tê phẫu thuật áp xe gan	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3071.	Gây tê phẫu thuật áp xe não bằng đường qua mê nhĩ	x	x											QĐ 630/2016
9	3072.	Gây tê phẫu thuật áp xe não	x	x											QĐ 630/2016
9	3073.	Gây tê phẫu thuật áp xe tồn dư ổ bụng	x	x											QĐ 12/2014
9	3081.	Gây tê phẫu thuật bàn chân bẹt, bàn chân lồi	x	x											QĐ 630/2016
9	3082.	Gây tê phẫu thuật bàn chân gót và xoay ngoài	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3083.	Gây tê phẫu thuật bàn chân khoèo bẩm sinh	x	x											QĐ 630/2016
9	3084.	Gây tê phẫu thuật bàn chân thuổng	x	x											QĐ 630/2016
9	3085.	Gây tê phẫu thuật bàng quang lộ ngoài bằng nối bàng quang với trực tràng theo Duhamel	x	x											QĐ 630/2016
9	3086.	Gây tê phẫu thuật bảo tồn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3087.	Gây tê phẫu thuật bất động ngoài xương chày, xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3089.	Gây tê phẫu thuật bệnh nhân chửa ngoài dạ con vỡ	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3091.	Gây tê phẫu thuật bệnh nhân viêm phúc mạc ruột thừa	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3095.	Gây tê phẫu thuật bóc biểu mô GM (xâm nhập dưới vạt) sau phẫu thuật Lasik	x	x											QĐ 630/2016
9	3096.	Gây tê phẫu thuật bóc kén màng phổi (nhu mô phổi)	x	x											QĐ 630/2016
9	3097.	Gây tê phẫu thuật bóc nhân xơ tử cung	x	x											QĐ 12/2014
9	3098.	Gây tê phẫu thuật bóc nhân xơ vú	x	x											QĐ 630/2016
9	3099.	Gây tê phẫu thuật bóc u xơ tiền liệt tuyến	x	x											QĐ 12/2014
9	3100.	Gây tê phẫu thuật bơm dầu Silicon, khí bổ sung sau PT cắt DK điều trị BVM	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3101.	Gây tê phẫu thuật bong hay đứt dây chằng bên khớp gối	x	x											QĐ 12/2014
9	3102.	Gây tê phẫu thuật bong võng mạc tái phát	x	x											QĐ 630/2016
9	3103.	Gây tê phẫu thuật bong võng mạc theo phương pháp kinh điển	x	x											QĐ 630/2016
9	3104.	Gây tê phẫu thuật bong võng mạc trên mắt độc nhất, gần mù	x	x											QĐ 630/2016
9	3105.	Gây tê phẫu thuật bong võng mạc, cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn, có hoặc không dùng dầu/khí nội nhãn	x	x											QĐ 630/2016
9	3106.	Gây tê phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3107.	Gây tê phẫu thuật bụng cấp cứu do chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3108.	Gây tê phẫu thuật bụng lớn ở trẻ em	x	x											QĐ 630/2016
9	3109.	Gây tê phẫu thuật bướu cổ	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3110.	Gây tê phẫu thuật bướu tinh hoàn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3111.	Gây tê phẫu thuật các trường hợp chấn thương vùng đầu mặt cổ: chấn thương chính mũi, chấn thương các xoang hàm, sàng, chấn gẫy xương hàm trên dưới	x	x											QĐ 630/2016
9	3112.	Gây tê phẫu thuật cầm máu lại tuyến giáp	x	x	x										QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3113.	Gây tê phẫu thuật cắm niệu quản vào bàng quang	x	x											QĐ 12/2014
9	3114.	Gây tê phẫu thuật cắt 1 phổi hoặc thuỳ phổi hoặc phân thùy phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	3115.	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp	x	x											QĐ 630/2016
9	3116.	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng trong bướu giáp thòng	x	x											QĐ 630/2016
9	3117.	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ	x	x											QĐ 630/2016
9	3118.	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp thòng	x	x											QĐ 630/2016
9	3119.	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp lấy bướu thòng và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ	x	x											QĐ 630/2016
9	3120.	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ	x	x											QĐ 630/2016
9	3121.	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc	x	x											QĐ 630/2016
9	3122.	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x	x											QĐ 630/2016
9	3123.	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp	x	x											QĐ 630/2016
9	3124.	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
		Basedow													
9	3125.	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp khổng lồ	x	x											QĐ 630/2016
9	3126.	Gây tê phẫu thuật cắt 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân	x	x											QĐ 630/2016
9	3127.	Gây tê phẫu thuật cắt 2 tạng trong ổ bụng (tiểu khung) trở lên	x	x											QĐ 630/2016
9	3129.	Gây tê phẫu thuật cắt âm hộ đơn thuần	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3131.	Gây tê phẫu thuật cắt amidan ở người lớn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3132.	Gây tê phẫu thuật cắt amidan ở trẻ em	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3133.	Gây tê phẫu thuật cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x	x											QĐ 630/2016
9	3134.	Gây tê phẫu thuật cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân	x	x											QĐ 630/2016
9	3135.	Gây tê phẫu thuật cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x											QĐ 630/2016
9	3136.	Gây tê phẫu thuật cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân	x	x											QĐ 630/2016
9	3137.	Gây tê phẫu thuật cắt bán phần hay toàn phần do nang tuyến giáp, ung thư tuyến giáp có hoặc không kèm theo nạo vét hoạch vùng đầu mặt cổ	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3138.	Gây tê phẫu thuật cắt bàng quan toàn bộ, nạo vét hạch và chuyển lưu dòng nước tiểu bằng ruột	x	x											QĐ 630/2016
9	3139.	Gây tê phẫu thuật cắt bàng quang	x	x											QĐ 630/2016
9	3140.	Gây tê phẫu thuật cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da	x	x											QĐ 630/2016
9	3141.	Gây tê phẫu thuật cắt bàng quang, tạo hình bàng quang	x	x											QĐ 630/2016
9	3142.	Gây tê phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3143.	Gây tê phẫu thuật cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)	x	x											QĐ 630/2016
9	3144.	Gây tê phẫu thuật cắt bè sử dụng thuốc chống chuyển hoá hoặc chất antiVEGF	x	x											QĐ 630/2016
9	3145.	Gây tê phẫu thuật cắt bóng Vater và tạo hình ống mật chủ, ống Wirsung qua đường mở D2 tá tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	3146.	Gây tê phẫu thuật cắt buồng trứng 2 bên	x	x											QĐ 630/2016
9	3147.	Gây tê phẫu thuật cắt bướu thòng hỗ trợ qua nội soi	x	x											QĐ 630/2016
9	3148.	Gây tê phẫu thuật cắt các khối u ở phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	3149.	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3150.	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3151.	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10 cm	x	x											QĐ 12/2014
9	3152.	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm	x	x											QĐ 12/2014
9	3153.	Gây tê phẫu thuật cắt chắp có bọc	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3154.	Gây tê phẫu thuật cắt chậu sàn miệng, tạo hình	x	x											QĐ 630/2016
9	3155.	Gây tê phẫu thuật cắt chậu sàn miệng, tạo hình, vét hạch cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	3157.	Gây tê phẫu thuật cắt chỏm nang gan	x	x											QĐ 630/2016
9	3158.	Gây tê phẫu thuật cắt cổ bàng quang	x	x											QĐ 630/2016
9	3159.	Gây tê phẫu thuật cắt cơ Muller có hoặc không cắt cân cơ nâng mi điều trị hở mi	x	x											QĐ 630/2016
9	3160.	Gây tê phẫu thuật cắt cơ Muller	x	x											QĐ 630/2016
9	3161.	Gây tê phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường âm đạo	x	x											QĐ 630/2016
9	3162.	Gây tê phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung bán phần đường bụng, đường âm đạo	x	x											QĐ 630/2016
9	3163.	Gây tê phẫu thuật cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã phẫu thuật cắt tử cung	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
		bán phần đường bụng													
9	3164.	Gây tê phẫu thuật cắt cột tuỷ sống điều trị chứng đau thần kinh	x	x											QĐ 630/2016
9	3165.	Gây tê phẫu thuật cắt củng mạc sâu có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	x	x											QĐ 630/2016
9	3166.	Gây tê phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3167.	Gây tê phẫu thuật cắt cụt chi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3168.	Gây tê phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3169.	Gây tê phẫu thuật cắt dây thần kinh giao cảm ngực	x	x											QĐ 630/2016
9	3170.	Gây tê phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh dưới hàm	x	x											QĐ 630/2016
9	3171.	Gây tê phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh ổ mắt	x	x											QĐ 630/2016
9	3172.	Gây tê phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh thái dương	x	x											QĐ 630/2016
9	3173.	Gây tê phẫu thuật cắt dị tật hậu môn-trực tràng, làm lại niệu đạo	x	x											QĐ 630/2016
9	3174.	Gây tê phẫu thuật cắt đoạn chi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3175.	Gây tê phẫu thuật cắt đường dò dưới da-dưới màng tuỷ	x	x	x										QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3176.	Gây tê phẫu thuật cắt đường rò luân nhĩ	x	x											QĐ 12/2014
9	3177.	Gây tê phẫu thuật cắt đường rò môi dưới	x	x											QĐ 1746/2017
9	3189.	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3190.	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính mi mắt	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3191.	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3192.	Gây tê phẫu thuật cắt khối u khẩu cái	x	x											QĐ 630/2016
9	3193.	Gây tê phẫu thuật cắt lách bán phần	x	x											QĐ 630/2016
9	3194.	Gây tê phẫu thuật cắt lách bệnh lý	x	x											QĐ 630/2016
9	3195.	Gây tê phẫu thuật cắt lách do chấn thương	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3197.	Gây tê phẫu thuật cắt lại dạ dày	x	x											QĐ 630/2016
9	3198.	Gây tê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân từ 1 - 3% diện tích cơ thể	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3199.	Gây tê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3200.	Gây tê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3201.	Gây tê phẫu thuật cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3202.	Gây tê phẫu thuật cắt lọc nhu mô gan	x	x											QĐ 630/2016
9	3203.	Gây tê phẫu thuật cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắm chỉnh và cố định tạm thời	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3204.	Gây tê phẫu thuật cắt lồi xương	x	x											QĐ 12/2014
9	3205.	Gây tê phẫu thuật cắt mạc nối lớn	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3206.	Gây tê phẫu thuật cắt mạc nối lớn, phúc mạc	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3207.	Gây tê phẫu thuật cắt màng ngăn tá tràng	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3209.	Gây tê phẫu thuật cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử	x	x											QĐ 630/2016
9	3210.	Gây tê phẫu thuật cắt manh tràng và đoạn cuối hồi tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	3211.	Gây tê phẫu thuật cắt mào tinh	x	x											QĐ 12/2014
9	3212.	Gây tê phẫu thuật cắt mỏm thừa trực tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	3213.	Gây tê phẫu thuật cắt mống mắt quang học có hoặc không tách dính phức tạp	x	x											QĐ 630/2016
9	3215.	Gây tê phẫu thuật cắt một nửa bàng quang và túi thừa bàng quang	x	x											QĐ 630/2016
9	3216.	Gây tê phẫu thuật cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3217.	Gây tê phẫu thuật cắt một phần bản sống trong hẹp ống sống cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	3218.	Gây tê phẫu thuật cắt một phần tuỵ	x	x											QĐ 630/2016
9	3219.	Gây tê phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm dưới	x	x											QĐ 630/2016
9	3220.	Gây tê phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên có can thiệp xoang	x	x											QĐ 630/2016
9	3221.	Gây tê phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên	x	x											QĐ 630/2016
9	3222.	Gây tê phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm dưới	x	x											QĐ 630/2016
9	3223.	Gây tê phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm trên	x	x											QĐ 630/2016
9	3224.	Gây tê phẫu thuật cắt nang ống mật chủ	x	x											QĐ 630/2016
9	3225.	Gây tê phẫu thuật cắt nang ống mật chủ, nối gan hỗng tràng	X	x											QĐ 630/2016
9	3226.	Gây tê phẫu thuật cắt nang tụy	X	x											QĐ 630/2016
9	3227.	Gây tê phẫu thuật cắt ngã ba đường mật hoặc ống gan phải ống gan trái	X	x											QĐ 630/2016
9	3228.	Gây tê phẫu thuật cắt nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài	X	x											QĐ 630/2016
9	3229.	Gây tê phẫu thuật cắt nhiều đoạn ruột non	X	x											QĐ 630/2016
9	3230.	Gây tê phẫu thuật cắt nhiều hạ phân thuỳ	X	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3231.	Gây tê phẫu thuật cắt nối niệu đạo sau	X	x											QĐ 630/2016
9	3232.	Gây tê phẫu thuật cắt nối niệu đạo trước	X	x											QĐ 630/2016
9	3233.	Gây tê phẫu thuật cắt nối niệu quản	X	x											QĐ 630/2016
9	3234.	Gây tê phẫu thuật cắt nối thực quản	X	x											QĐ 630/2016
9	3235.	Gây tê phẫu thuật cắt nơvi sắc tố vùng hàm mặt	X	x											QĐ 630/2016
9	3236.	Gây tê phẫu thuật cắt nửa bàng quang có tạo hình bằng đoạn ruột	X	x											QĐ 630/2016
9	3238.	Gây tê phẫu thuật cắt nửa xương hảm trên hoặc dưới	X	x											QĐ 630/2016
9	3240.	Gây tê phẫu thuật cắt phân thùy gan	X	x											QĐ 630/2016
9	3241.	Gây tê phẫu thuật cắt phân thuỳ gan, thuỳ gan	X	x											QĐ 630/2016
9	3242.	Gây tê phẫu thuật cắt phổi theo tổn thương	x	x											QĐ 630/2016
9	3243.	Gây tê phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	3244.	Gây tê phẫu thuật cắt polyp kèm cắt toàn bộ đại tràng, để lại trực tràng chờ mổ hạ đại tràng thì sau	x	x											QĐ 630/2016
9	3245.	Gây tê phẫu thuật cắt polyp một đoạn đại tràng phải, cắt đoạn đại tràng phía trên làm hậu môn nhân tạo	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3246.	Gây tê phẫu thuật cắt polyp mũi	x	x											QĐ 12/2014
9	3247.	Gây tê phẫu thuật cắt rộng tổ chức áp xe vú	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3248.	Gây tê phẫu thuật cắt rộng u niệu đạo	x	x											QĐ 630/2016
9	3249.	Gây tê phẫu thuật cắt ruột non hình chêm	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3250.	Gây tê phẫu thuật cắt ruột thừa đơn thuần	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3251.	Gây tê phẫu thuật cắt ruột thừa viêm cấp ở trẻ dưới 6 tuổi	x	x											QĐ 12/2014
9	3252.	Gây tê phẫu thuật cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3253.	Gây tê phẫu thuật cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3254.	Gây tê phẫu thuật cắt ruột trong lồng ruột có cắt đại tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	3255.	Gây tê phẫu thuật cắt tá tràng bảo tồn đầu tụy	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3256.	Gây tê phẫu thuật cắt thận	x	x											QĐ 630/2016
9	3257.	Gây tê phẫu thuật cắt thận bán phần	x	x											QĐ 630/2016
9	3258.	Gây tê phẫu thuật cắt thận đơn thuần	x	x											QĐ 630/2016
9	3259.	Gây tê phẫu thuật cắt thân đuôi tụy kèm cắt lách	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3263.	Gây tê phẫu thuật cắt thận phụ và xử lý phần cuối niệu quản trong niệu quản đôi	x	x											QĐ 630/2016
9	3264.	Gây tê phẫu thuật cắt thận thận phụ (thận dư số) với niệu quản lạc chỗ	x	x											QĐ 630/2016
9	3265.	Gây tê phẫu thuật cắt thân và đuôi tuỵ	x	x											QĐ 630/2016
9	3266.	Gây tê phẫu thuật cắt thanh quản bán phần, toàn phần có hoặc không nạo vét hạch đầu mặt cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	3267.	Gây tê phẫu thuật cắt thể Morgani xoắn	x	x											QĐ 630/2016
9	3268.	Gây tê phẫu thuật cắt thể thủy tinh, dịch kính có hoặc không cố định IOL	x	x											QĐ 630/2016
9	3269.	Gây tê phẫu thuật cắt thị thần kinh	x	x											QĐ 630/2016
9	3270.	Gây tê phẫu thuật cắt thừa ngón đơn thuần	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3271.	Gây tê phẫu thuật cắt thực quản có hay không kèm các tạng khác, tạo hình thực quản	x	x											QĐ 630/2016
9	3272.	Gây tê phẫu thuật cắt thực quản, cắt toàn bộ dạ dày, tạo hình thực quản bằng đoạn đại tràng hoặc ruột non	x	x											QĐ 630/2016
9	3281.	Gây tê phẫu thuật cắt thuỳ gan trái	x	X											QĐ 630/2016
9	3284.	Gây tê phẫu thuật cắt thuỳ phổi, phần phổi còn lại	x	X											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3285.	Gây tê phẫu thuật cắt thùy tuyến giáp	x	X											QĐ 630/2016
9	3286.	Gây tê phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ	x	X	x										QĐ 630/2016
9	3287.	Gây tê phẫu thuật cắt tinh hoàn	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3288.	Gây tê phẫu thuật cắt tinh mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	3289.	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo hình bàng quang kiểu Studder, Camey	x	x											QĐ 630/2016
9	3290.	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang và tạo hình.	x	x											QĐ 630/2016
9	3291.	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang, cắm niệu quản vào ruột	x	x											QĐ 630/2016
9	3292.	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ dạ dày	x	x											QĐ 630/2016
9	3293.	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng, nối ngay ruột non – trực tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	3294.	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng, trực tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	3295.	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ đại trực tràng, đưa hồi tràng ra làm hậu môn nhân tạo	x	x											QĐ 630/2016
9	3296.	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ đại trực tràng, nối ngay ruột non - ống hậu môn	x	x											QĐ 630/2016
9	3298.	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ mạc treo trực tràng	x	x	x										QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3299.	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ ruột non	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3300.	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ thận và niệu quản	x	x											QĐ 630/2016
9	3301.	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tụy	x	x											QĐ 630/2016
9	3302.	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp	x	x											QĐ 630/2016
9	3303.	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp	x	x											QĐ 630/2016
9	3304.	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong Basedow	x	x											QĐ 630/2016
9	3305.	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x											QĐ 630/2016
9	3306.	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	x	x											QĐ 630/2016
9	3307.	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ	x	x											QĐ 630/2016
9	3308.	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ	x	x											QĐ 630/2016
9	3309.	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thòng	x	x											QĐ 630/2016
9	3310.	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp	x	x											QĐ 630/2016
9	3311.	Gây tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3312.	Gây tê phẫu thuật cắt từ 3 tạng trở lên trong điều trị ung thư	x	x											QĐ 630/2016
9	3313.	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + 2 phần phụ + vét hạch chậu 2 bên	x	x											QĐ 630/2016
9	3314.	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + phần phụ + mạc nối lớn	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3315.	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng kèm tạo hình niệu quản	x	x											QĐ 630/2016
9	3316.	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng, u buồng trứng, phần phụ	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3319.	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì Chorio + chửa trứng	x	x											QĐ 630/2016
9	3321.	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì u xơ tử cung	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3323.	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3324.	Gây tê phẫu thuật cắt túi lệ	x	x											QĐ 630/2016
9	3325.	Gây tê phẫu thuật cắt túi mật	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3326.	Gây tê phẫu thuật cắt túi sa niệu quản	x	x											QĐ 630/2016
9	3327.	Gây tê phẫu thuật cắt túi thừa đại tràng	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3328.	Gây tê phẫu thuật cắt túi thừa Meckel	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3329.	Gây tê phẫu thuật cắt túi thừa niệu đạo	x	x											QĐ 630/2016
9	3330.	Gây tê phẫu thuật cắt túi thừa tá tràng	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3333.	Gây tê phẫu thuật cắt tụy trung tâm	x	x											QĐ 630/2016
9	3334.	Gây tê phẫu thuật cắt tuyến cận giáp trong cường tuyến cận giáp nguyên phát do quá sản tuyến hoặc u tuyến hoặc ung thư tuyến cận giáp	x	x											QĐ 630/2016
9	3335.	Gây tê phẫu thuật cắt tuyến cận giáp trong quá sản thứ phát sau suy thận mãn tính	x	x											QĐ 630/2016
9	3336.	Gây tê phẫu thuật cắt tuyến nước bọt mang tai bảo tồn thần kinh VII	x	x											QĐ 630/2016
9	3342.	Gây tê phẫu thuật cắt u bàng quang đường trên	x	x											QĐ 630/2016
9	3343.	Gây tê phẫu thuật cắt u biểu bì	x	x											QĐ 630/2016
9	3344.	Gây tê phẫu thuật cắt u buồng trứng hoặc bóc u buồng trứng	x	x											QĐ 12/2014
9	3345.	Gây tê phẫu thuật cắt u buồng trứng, gỡ dính	x	x											QĐ 12/2014
9	3346.	Gây tê phẫu thuật cắt u da đầu	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3347.	Gây tê phẫu thuật cắt u da lành tính vành tai	x	x											QĐ 12/2014
9	3348.	Gây tê phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3349.	Gây tê phẫu thuật cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da	x	x											QĐ 630/2016
9	3350.	Gây tê phẫu thuật cắt u da mi không ghép	x	x											QĐ 630/2016
9	3351.	Gây tê phẫu thuật cắt u đáy lưỡi và mở khí quản	x	x											QĐ 630/2016
9	3352.	Gây tê phẫu thuật cắt u đáy lưỡi	x	x											QĐ 630/2016
9	3361.	Gây tê phẫu thuật cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép	x	x											QĐ 630/2016
9	3363.	Gây tê phẫu thuật cắt u kết mạc, giác mạc không vỏ	x	x											QĐ 630/2016
9	3364.	Gây tê phẫu thuật cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3365.	Gây tê phẫu thuật cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp…)	x	x											QĐ 630/2016
9	3366.	Gây tê phẫu thuật cắt u lành tính vùng mũi dưới 2cm	x	x											QĐ 630/2016
9	3367.	Gây tê phẫu thuật cắt u lợi hàm	x	x											QĐ 630/2016
9	3368.	Gây tê phẫu thuật cắt u lưỡi	x	x											QĐ 630/2016
9	3369.	Gây tê phẫu thuật cắt u mạc nối lớn	x	x											QĐ 630/2016
9	3370.	Gây tê phẫu thuật cắt u mạc treo ruột	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3373.	Gây tê phẫu thuật cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính dưới 5	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
		cm													
9	3375.	Gây tê phẫu thuật cắt u men xương hàm dưới giữ lại bờ nền	x	x											QĐ 630/2016
9	3376.	Gây tê phẫu thuật cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da	x	x											QĐ 12/2014
9	3377.	Gây tê phẫu thuật cắt u mi cả bề dày không ghép	x	x											QĐ 12/2014
9	3378.	Gây tê phẫu thuật cắt u mi cả bề dày không vá	x	x											QĐ 12/2014
9	3379.	Gây tê phẫu thuật cắt u mi ghép niêm mạc cứng của vòm miệng và chuyển vạt da	x	x											QĐ 630/2016
9	3380.	Gây tê phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3381.	Gây tê phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3382.	Gây tê phẫu thuật cắt u nang bao hoạt dịch	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3383.	Gây tê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng xoắn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3384.	Gây tê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3385.	Gây tê phẫu thuật cắt u nang giáp lưỡi	x	x											QĐ 630/2016
9	3386.	Gây tê phẫu thuật cắt u nang giáp trạng	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3387.	Gây tê phẫu thuật cắt u nang phổi hoặc nang phế quản	x	x											QĐ 630/2016
9	3388.	Gây tê phẫu thuật cắt u nang tụy không cắt tụy có dẫn lưu	x	x											QĐ 630/2016
9	3389.	Gây tê phẫu thuật cắt u nhú thanh quản bằng laser	x	x											QĐ 630/2016
9	3390.	Gây tê phẫu thuật cắt u niêm mạc má	x	x											QĐ 630/2016
9	3391.	Gây tê phẫu thuật cắt u ống mật chủ có đặt xen 1 quai hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	3392.	Gây tê phẫu thuật cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang	x	x											QĐ 630/2016
9	3393.	Gây tê phẫu thuật cắt u phổi, u màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	3394.	Gây tê phẫu thuật cắt u sắc tố vùng hàm mặt	x	x											QĐ 630/2016
9	3395.	Gây tê phẫu thuật cắt u sàn miệng, vét hạch	x	x											QĐ 630/2016
9	3396.	Gây tê phẫu thuật cắt u sau phúc mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	3397.	Gây tê phẫu thuật cắt u sùi đầu miệng sáo	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3398.	Gây tê phẫu thuật cắt u tá tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	3399.	Gây tê phẫu thuật cắt u tế bào khổng lồ có hoặc không ghép xương	x	x											QĐ 630/2016
9	3400.	Gây tê phẫu thuật cắt u thần kinh vùng hàm mặt	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3401.	Gây tê phẫu thuật cắt u thần kinh	x	x											QĐ 630/2016
9	3402.	Gây tê phẫu thuật cắt u thành âm đạo	x	x											QĐ 630/2016
9	3403.	Gây tê phẫu thuật cắt u thành ngực	x	x											QĐ 630/2016
9	3404.	Gây tê phẫu thuật cắt u thực quản	x	x											QĐ 630/2016
9	3405.	Gây tê phẫu thuật cắt u tiền phòng	x	x											QĐ 630/2016
9	3406.	Gây tê phẫu thuật cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung	x	x											QĐ 630/2016
9	3407.	Gây tê phẫu thuật cắt u trực tràng làm hậu môn nhân tạo	x	x											QĐ 630/2016
9	3408.	Gây tê phẫu thuật cắt u trực tràng ống hậu môn	x	x											QĐ 630/2016
9	3409.	Gây tê phẫu thuật cắt u trung thất to xâm lấn mạch máu	x	x											QĐ 630/2016
9	3410.	Gây tê phẫu thuật cắt u trung thất vừa và nhỏ lệch bên lồng ngực	x	x											QĐ 630/2016
9	3413.	Gây tê phẫu thuật cắt u tuyến nước bọt dưới hàm	x	x											QĐ 630/2016
9	3414.	Gây tê phẫu thuật cắt u tuyến nước bọt mang tai	x	x											QĐ 630/2016
9	3419.	Gây tê phẫu thuật cắt u vú lành tính	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3420.	Gây tê phẫu thuật cắt u vú, vú to nam giới	x	x											QĐ 630/2016
9	3421.	Gây tê phẫu thuật cắt u vùng họng miệng	x	x											QĐ 630/2016
9	3422.	Gây tê phẫu thuật cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm	x	x											QĐ 630/2016
9	3423.	Gây tê phẫu thuật cắt u xương lành	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3451.	Gây tê phẫu thuật cắt xương hàm tạo hình	x	x											QĐ 630/2016
9	3453.	Gây tê phẫu thuật chấn thương không sốc hoặc sốc nhẹ	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3455.	Gây tê phẫu thuật chấn thương sọ não	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3458.	Gây tê phẫu thuật chích áp xe gan	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3459.	Gây tê phẫu thuật chỉnh , xoay, lấy IOL có hoặc không cắt DK	x	x											QĐ 630/2016
9	3461.	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình cong dương vật	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3462.	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình vùi dương vật	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3463.	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình vùng đầu mặt cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	3464.	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình xương 2 hàm	x	x											QĐ 630/2016
9	3465.	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình xương hàm dưới hai bên	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3466.	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình xương hàm dưới một bên	x	x											QĐ 630/2016
9	3467.	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên hai bên	x	x											QĐ 630/2016
9	3468.	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên một bên	x	x											QĐ 630/2016
9	3469.	Gây tê phẫu thuật chỉnh sửa sẹo xấu dương vật	x	x											QĐ 630/2016
9	3470.	Gây tê phẫu thuật chỉnh, xoay, lấy IOL có hoặc không cắt dịch kính	x	x											QĐ 12/2014
9	3471.	Gây tê phẫu thuật chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt	x	x											QĐ 630/2016
9	3472.	Gây tê phẫu thuật chồng khớp sọ, hẹp hộp sọ	x	x											QĐ 630/2016
9	3473.	Gây tê phẫu thuật chửa ngoài dạ con vỡ	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3474.	Gây tê phẫu thuật chữa túi thừa bàng quang	x	x											QĐ 12/2014
9	3475.	Gây tê phẫu thuật chuyển gân điều trị mắt hở mi (2 mắt)	x	x											QĐ 630/2016
9	3476.	Gây tê phẫu thuật chuyển vạt da cân có cuống mạch nuôi	x	x											QĐ 12/2014
9	3477.	Gây tê phẫu thuật cố định bao Tenon tạo cùng đồ dưới	x	x											QĐ 630/2016
9	3478.	Gây tê phẫu thuật cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng các nút Ivy	x	x											QĐ 630/2016
9	3479.	Gây tê phẫu thuật cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít neo chặn	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3480.	Gây tê phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính	x	x											QĐ 12/2014
9	3481.	Gây tê phẫu thuật cố định kết hợp xương nẹp vit gãy thân xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3482.	Gây tê phẫu thuật cố định mảng sườn di động	x	x											QĐ 12/2014
9	3483.	Gây tê phẫu thuật cố định màng xương tạo cùng đồ	x	x											QĐ 630/2016
9	3484.	Gây tê phẫu thuật cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3485.	Gây tê phẫu thuật cơ hoành rách do chấn thương qua đường bụng	x	x											QĐ 630/2016
9	3486.	Gây tê phẫu thuật cơ hoành rách do chấn thương qua đường ngực	x	x											QĐ 630/2016
9	3487.	Gây tê phẫu thuật có sốc	x	x											QĐ 630/2016
9	3488.	Gây tê phẫu thuật cứng khớp vai do xơ hóa cơ Delta	x	x											QĐ 630/2016
9	3489.	Gây tê phẫu thuật đa chấn thương	x	x											QĐ 12/2014
9	3491.	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu 2 niệu quản ra thành bụng	x	x											QĐ 630/2016
9	3492.	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu 2 thận	x	x											QĐ 630/2016
9	3493.	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đáy chậu	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3494.	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan	x	x	x										QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3495.	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt	x	x											QĐ 630/2016
9	3496.	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu niệu quản ra thành bụng 1 bên	x	x											QĐ 630/2016
9	3497.	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu thận	x	x											QĐ 630/2016
9	3498.	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu túi mật	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3499.	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu viêm mủ khớp, không sai khớp	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3500.	Gây tê phẫu thuật đặt bản silicon điều trị lõm mắt	x	x											QĐ 630/2016
9	3501.	Gây tê phẫu thuật đặt IOL trên mắt cận thị (Phakic)	x	x											QĐ 630/2016
9	3502.	Gây tê phẫu thuật đặt khung định vị u não	x	x											QĐ 630/2016
9	3503.	Gây tê phẫu thuật đặt ống silicon lệ quản – ống lệ mũi	x	x											QĐ 630/2016
9	3504.	Gây tê phẫu thuật đặt ống silicon tiền phòng điều trị glôcôm	x	x											QĐ 630/2016
9	3505.	Gây tê phẫu thuật đặt ống tiền phòng điều trị glôcôm (đặt shunt mini express)	x	x											QĐ 630/2016
9	3511.	Gây tê phẫu thuật đặt sụn sườn vào dưới màng xương điều trị lõm mắt	x	x											QĐ 630/2016
9	3512.	Gây tê phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3513.	Gây tê phẫu thuật đặt van dẫn lưu tiền phòng điều trị glôcôm	x	x											QĐ 630/2016
9	3514.	Gây tê phẫu thuật dị dạng đường sinh dục	x	x											QĐ 630/2016
9	3515.	Gây tê phẫu thuật dị dạng tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	3516.	Gây tê phẫu thuật di thực hàng lông mi	x	x											QĐ 630/2016
9	3518.	Gây tê phẫu thuật điều trị bảo tồn gẫy lồi cầu xương hàm dưới	x	x											QĐ 630/2016
9	3521.	Gây tê phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò sung	x	x											QĐ 630/2016
9	3522.	Gây tê phẫu thuật điều trị bệnh lý mủ màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	3524.	Gây tê phẫu thuật điều trị bệnh Rectocelle	x	x											QĐ 630/2016
9	3525.	Gây tê phẫu thuật điều trị bệnh suy – giãn tĩnh mạch chi dưới	x	x											QĐ 630/2016
9	3526.	Gây tê phẫu thuật điều trị bệnh Verneuil	x	x											QĐ 630/2016
9	3527.	Gây tê phẫu thuật điều trị bệnh xuất tinh sớm	x	x											QĐ 630/2016
9	3528.	Gây tê phẫu thuật điều trị bong hắc mạc: chọc hút dịch bong dưới hắc mạc, bơm hơi tiền phòng	x	x											QĐ 630/2016
9	3529.	Gây tê phẫu thuật điều trị can sai xương gò má	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3530.	Gây tê phẫu thuật điều trị can sai xương hàm dưới	x	x											QĐ 630/2016
9	3531.	Gây tê phẫu thuật điều trị can sai xương hàm trên	x	x											QĐ 630/2016
9	3533.	Gây tê phẫu thuật điều trị chảy máu do tăng áp tịnh mạch cửa không có nối mạch máu	x	x											QĐ 630/2016
9	3534.	Gây tê phẫu thuật điều trị chảy máu đường mật, cắt gan	x	x											QĐ 630/2016
9	3535.	Gây tê phẫu thuật điều trị co giật mi, co quắp mi, cau mày, nếp nhăn da mi bằng thuốc (botox, dysport...), laser	x	x											QĐ 630/2016
9	3540.	Gây tê phẫu thuật điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bè (Trabeculoplasty)	x	x											QĐ 630/2016
9	3542.	Gây tê phẫu thuật điều trị hẹp môn vị phì đại	x	x											QĐ 630/2016
9	3543.	Gây tê phẫu thuật điều trị hở mi													QĐ 630/2016
9	3546.	Gây tê phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3547.	Gây tê phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3548.	Gây tê phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3549.	Gây tê phẫu thuật điều trị khe hở chéo mặt hai bên	x	x											QĐ 630/2016
9	3550.	Gây tê phẫu thuật điều trị khe hở chéo mặt một bên	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3551.	Gây tê phẫu thuật điều trị khe hở môi hai bên	x	x											QĐ 630/2016
9	3552.	Gây tê phẫu thuật điều trị khe hở môi một bên	x	x											QĐ 630/2016
9	3553.	Gây tê phẫu thuật điều trị khe hở ngang mặt	x	x											QĐ 630/2016
9	3554.	Gây tê phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng không toàn bộ	x	x											QĐ 630/2016
9	3555.	Gây tê phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng toàn bộ	x	x											QĐ 630/2016
9	3556.	Gây tê phẫu thuật điều trị khuyết hổng phần mềm vùng hàm mặt bằng kỹ thuật vi phẫu	x	x											QĐ 630/2016
9	3557.	Gây tê phẫu thuật điều trị lác bằng thuốc (botox, dysport...)	x	x											QĐ 630/2016
9	3558.	Gây tê phẫu thuật điều trị laser hồng ngoại	x	x											QĐ 630/2016
9	3559.	Gây tê phẫu thuật điều trị lật mi dưới có hoặc không ghép	x	x											QĐ 630/2016
9	3560.	Gây tê phẫu thuật điều trị một số bệnh võng mạc bằng laser (bệnh võng mạc tiểu đường, cao huyết áp, trẻ đẻ non…)	x	x											QĐ 630/2016
9	3564.	Gây tê phẫu thuật điều trị sa trực tràng đường bụng	x	x											QĐ 630/2016
9	3565.	Gây tê phẫu thuật điều trị sa trực tràng qua đường hậu môn	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3568.	Gây tê phẫu thuật điều trị són tiểu	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3569.	Gây tê phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi bán cấp tính	x	x											QĐ 630/2016
9	3570.	Gây tê phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi cấp tính do huyết khối, mảnh sùi, dị vật	x	x											QĐ 630/2016
9	3571.	Gây tê phẫu thuật điều trị tắc tá tràng các loại	x	x											QĐ 630/2016
9	3572.	Gây tê phẫu thuật điều trị táo bón do rối loạn co thắt cơ mu – trực tràng (Anismus)	x	x											QĐ 630/2016
9	3573.	Gây tê phẫu thuật điều trị tật thiếu xương quay bẩm sinh	x	x											QĐ 630/2016
9	3577.	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3578.	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3579.	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3580.	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3581.	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3582.	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3583.	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị cơ hoành	x	x											QĐ 12/2014
9	3584.	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị đùi	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3585.	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị hoành bẩm sinh (Bochdalek)	x	x											QĐ 630/2016
9	3586.	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị khe hoành	x	x											QĐ 630/2016
9	3587.	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị qua khe thực quản	x	x											QĐ 630/2016
9	3588.	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3589.	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị vết phẫu thuật thành bụng	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3590.	Gây tê phẫu thuật điều trị thông động – tĩnh mạch cảnh	x	x											QĐ 630/2016
9	3591.	Gây tê phẫu thuật điều trị thông động – tĩnh mạch chi	x	x											QĐ 630/2016
9	3593.	Gây tê phẫu thuật điều trị thủng đường tiêu hóa có làm hậu môn nhân tạo	x	x											QĐ 630/2016
9	3594.	Gây tê phẫu thuật điều trị tồn tại ống rốn bàng quang	x	x											QĐ 630/2016
9	3595.	Gây tê phẫu thuật điều trị tồn tại ống rốn ruột	x	x											QĐ 630/2016
9	3596.	Gây tê phẫu thuật điều trị tổn thương đám rối thần kinh cánh tay	x	x											QĐ 630/2016
9	3597.	Gây tê phẫu thuật điều trị tổn thương gân cơ chóp xoay	x	x											QĐ 12/2014
9	3598.	Gây tê phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3599.	Gây tê phẫu thuật điều trị u lợi bằng laser	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3600.	Gây tê phẫu thuật điều trị u máu bằng hoá chất	x	x											QĐ 630/2016
9	3601.	Gây tê phẫu thuật điều trị vẹo cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	3602.	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng ghép da tự thân	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3603.	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng vạt có sử dụng vi phẫu thuật	x	x											QĐ 630/2016
9	3604.	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương mạch đốt sống	x	x											QĐ 630/2016
9	3605.	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vạt da lân cận	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3606.	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vạt da tại chỗ	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3607.	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương ngực – bụng qua đường bụng	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3608.	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3609.	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở nặng có chỉ định mở ngực cấp cứu	x	x											QĐ 630/2016
9	3610.	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hổng tổ chức	x	x											QĐ 630/2016
9	3611.	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức	x	x	x										QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3612.	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương tim	x	x											QĐ 630/2016
9	3613.	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương vùng hàm mặt do hoả khí	x	x											QĐ 630/2016
9	3614.	Gây tê phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3615.	Gây tê phẫu thuật điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp	x	x											QĐ 630/2016
9	3617.	Gây tê phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3618.	Gây tê phẫu thuật điều trị viêm tuyến mang tai bằng bơm rửa thuốc qua lỗ ống tuyến	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3619.	Gây tê phẫu thuật điều trị viêm xoang hàm do răng	x	x											QĐ 630/2016
9	3620.	Gây tê phẫu thuật điều trị vỡ phế quản do chấn thương ngực	x	x											QĐ 630/2016
9	3621.	Gây tê phẫu thuật điều trị vỡ tim do chấn thương	x	x											QĐ 630/2016
9	3622.	Gây tê phẫu thuật đính chỗ bám cơ vào dây chằng mi điều trị lác liệt	x	x											QĐ 630/2016
9	3623.	Gây tê phẫu thuật dính khớp quay trụ bẩm sinh	x	x											QĐ 630/2016
9	3624.	Gây tê phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo bẩm sinh	x	x											QĐ 630/2016
9	3625.	Gây tê phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo-trực tràng bẩm sinh	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3626.	Gây tê phẫu thuật dò niệu đạo - trực tràng bẩm sinh	x	x											QĐ 630/2016
9	3627.	Gây tê phẫu thuật Doenig	x	x											QĐ 630/2016
9	3628.	Gây tê phẫu thuật độn củng mạc bằng collagen điều trị cận thị	x	x											QĐ 630/2016
9	3629.	Gây tê phẫu thuật độn khuyết xương sọ bằng sụn tự thân	x	x											QĐ 630/2016
9	3630.	Gây tê phẫu thuật động / tĩnh mạch ngoại biên các loại : tắc mạch , phình mạch, dãn tĩnh mạch chân	x	x											QĐ 630/2016
9	3631.	Gây tê phẫu thuật đóng các lỗ rò niệu đạo	x	x											QĐ 12/2014
9	3632.	Gây tê phẫu thuật đóng cứng khớp cổ chân (chưa bao gồm phương tiện cố định)	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3633.	Gây tê phẫu thuật đóng cứng khớp khác	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3634.	Gây tê phẫu thuật đóng dẫn lưu niệu quản 2 bên	x	x											QĐ 630/2016
9	3635.	Gây tê phẫu thuật đóng dị tật nứt đốt sống (spina bifida) kèm theo thoát vị màng tuỷ, bằng đường vào phía sau	x	x											QĐ 630/2016
9	3636.	Gây tê phẫu thuật đóng đinh nội tủy kín có chốt xương chày dưới màng hình tăng sáng	x	x											QĐ 12/2014
9	3637.	Gây tê phẫu thuật đóng dò bàng quang - âm đạo	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3639.	Gây tê phẫu thuật đóng dò trực tràng âm đạo	x	x											QĐ 630/2016
9	3648.	Gây tê phẫu thuật đóng hậu môn nhân tạo	x	x											QĐ 12/2014
9	3649.	Gây tê phẫu thuật đóng lỗ dò đường lệ	x	x											QĐ 630/2016
9	3650.	Gây tê phẫu thuật đóng lỗ mở bàng quang ra da	x	x											QĐ 12/2014
9	3655.	Gây tê phẫu thuật đục chồi xương	x	x											QĐ 12/2014
9	3656.	Gây tê phẫu thuật đục xương sửa trục	x	x											QĐ 1746/2017
9	3657.	Gây tê phẫu thuật duỗi cứng khớp gối, hoặc có gối ưỡn, hoặc có sai khớp xương bánh chè	x	x											QĐ 12/2014
9	3658.	Gây tê phẫu thuật duỗi khớp gối đơn thuần	x	x											QĐ 630/2016
9	3659.	Gây tê phẫu thuật duỗi khớp gối quá mức bẩm sinh, sai khớp hoặc bán sai khớp	x	x											QĐ 630/2016
9	3660.	Gây tê phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu	x	x											QĐ 12/2014
9	3664.	Gây tê phẫu thuật gan- mật	x	x											QĐ 630/2016
9	3665.	Gây tê phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	x	x											QĐ 630/2016
9	3666.	Gây tê phẫu thuật gấp và khép khớp háng do bại não	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3667.	Gây tê phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3668.	Gây tê phẫu thuật gãy xương thuyền bằng Vis Herbert	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3669.	Gây tê phẫu thuật ghép củng mạc	x	x											QĐ 12/2014
9	3670.	Gây tê phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf krause ≥ 3% diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu	x	x											QĐ 630/2016
9	3671.	Gây tê phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf krause dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3672.	Gây tê phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rắn cắn, vết thương phức tạp sau chấn thương có diện tích > 10%	x	x											QĐ 630/2016
9	3673.	Gây tê phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rắn cắn, vết thương phức tạp sau chấn thương có diện tích < 5%	x	x											QĐ 630/2016
9	3674.	Gây tê phẫu thuật ghép da điều trị các trường hợp do rắn cắn, vết thương có diện tích 5-10%	x	x											QĐ 630/2016
9	3675.	Gây tê phẫu thuật ghép da hay vạt da điều trị hở mi do sẹo	x	x											QĐ 630/2016
9	3676.	Gây tê phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cánh tay	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3677.	Gây tê phẫu thuật ghép da tự thân trên 10% diện tích bỏng cơ thể	x	x											QĐ 630/2016
9	3678.	Gây tê phẫu thuật ghép da tự thân từ 5 - 10% diện tích bỏng cơ thể	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3679.	Gây tê phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vi phẫu thuật	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3680.	Gây tê phẫu thuật ghép giác mạc có vành củng mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	3681.	Gây tê phẫu thuật ghép giác mạc lần hai trở lên	x	x											QĐ 630/2016
9	3682.	Gây tê phẫu thuật ghép giác mạc lớp	x	x											QĐ 630/2016
9	3683.	Gây tê phẫu thuật ghép giác mạc nhân tạo	x	x											QĐ 630/2016
9	3684.	Gây tê phẫu thuật ghép giác mạc tự thân	x	x											QĐ 630/2016
9	3685.	Gây tê phẫu thuật ghép giác mạc xuyên	x	x											QĐ 630/2016
9	3686.	Gây tê phẫu thuật ghép lại mảnh da mặt đứt rời không bằng vi phẫu	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3687.	Gây tê phẫu thuật ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	3688.	Gây tê phẫu thuật ghép màng sinh học bề mặt nhãn cầu	x	x											QĐ 630/2016
9	3689.	Gây tê phẫu thuật ghép mỡ điều trị lõm mắt	x	x											QĐ 630/2016
9	3690.	Gây tê phẫu thuật ghép mỡ tự thân coleman điều trị lõm mắt	x	x											QĐ 630/2016
9	3691.	Gây tê phẫu thuật ghép nội mô giác mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	3692.	Gây tê phẫu thuật ghép toàn bộ mũi và bộ phận xung quanh đứt rời có sử	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
		dụng vi phẫu													
9	3693.	Gây tê phẫu thuật ghép van tim đồng loài	x	x											QĐ 630/2016
9	3694.	Gây tê phẫu thuật ghép vòng căng / hoặc thấu kính trong nhu mô giác mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	3695.	Gây tê phẫu thuật ghép xương bằng vật liệu thay thế tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên	x	x											QĐ 630/2016
9	3696.	Gây tê phẫu thuật ghép xương nhân tạo (chưa bao gồm xương nhân tạo và phương tiện kết hợp)	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3697.	Gây tê phẫu thuật ghép xương trong chấn thương cột sống cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	3698.	Gây tê phẫu thuật ghép xương tự thân (chưa bao gồm các phương tiện cố định)	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3699.	Gây tê phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên	x	x											QĐ 630/2016
9	3700.	Gây tê phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới	x	x											QĐ 630/2016
9	3701.	Gây tê phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới bằng kỹ thuật vi phẫu	x	x											QĐ 630/2016
9	3702.	Gây tê phẫu thuật giải ép vi mạch cho dây thần kinh số V	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3703.	Gây tê phẫu thuật giảm áp hốc mắt (phá thành hốc mắt, mở rộng lỗ thị giác...)	x	x											QĐ 630/2016
9	3704.	Gây tê phẫu thuật glôcôm ác tính trên mắt độc nhất, gần mù	x	x											QĐ 630/2016
9	3705.	Gây tê phẫu thuật glôcôm lần hai trở lên	x	x											QĐ 630/2016
9	3706.	Gây tê phẫu thuật gọt giác mạc đơn thuần	x	x											QĐ 630/2016
9	3707.	Gây tê phẫu thuật hạ lại tinh hoàn	x	x											QĐ 12/2014
9	3708.	Gây tê phẫu thuật hạ mi trên (chỉnh chỉ, lùi cơ nâng mi …)	x	x											QĐ 630/2016
9	3709.	Gây tê phẫu thuật hạ tinh hoàn 1 bên	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3710.	Gây tê phẫu thuật hạ tinh hoàn 2 bên	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3711.	Gây tê phẫu thuật hạ tinh hoàn lạc chỗ 1 bên	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3712.	Gây tê phẫu thuật hạch ngoại biên	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3714.	Gây tê phẫu thuật hẹp khe mi	x	x											QĐ 630/2016
9	3715.	Gây tê phẫu thuật hội chứng ống cổ tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3716.	Gây tê phẫu thuật hội chứng volkmann co cơ áp có kết hợp xương	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3717.	Gây tê phẫu thuật hội chứng volkmann co cơ gấp không kết hợp xương	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3718.	Gây tê phẫu thuật kéo dài cân cơ nâng mi	x	x											QĐ 630/2016
9	3719.	Gây tê phẫu thuật khâu da thì II	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3720.	Gây tê phẫu thuật khâu phục hồi cơ hoành	x	x											QĐ 630/2016
9	3721.	Gây tê phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	3722.	Gây tê phẫu thuật khe thoát vị rốn, hở thành bụng	x	x											QĐ 630/2016
9	3723.	Gây tê phẫu thuật khoan sọ dẫn lưu ổ tụ mủ dưới màng cứng	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3724.	Gây tê phẫu thuật khớp giả xương chày bẩm sinh có ghép xương	x	x											QĐ 630/2016
9	3725.	Gây tê phẫu thuật KHX chấn thương Lisfranc và bàn chân giữa	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3726.	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng ghép xương, sụn tự thân	x	x											QĐ 630/2016
9	3727.	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	x	x											QĐ 630/2016
9	3728.	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	x	x											QĐ 630/2016
9	3729.	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng vật liệu	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
		thay thế													
9	3730.	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng các vật liệu thay thế	x	x											QĐ 630/2016
9	3731.	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng chỉ thép	x	x											QĐ 630/2016
9	3732.	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít hợp kim	x	x											QĐ 630/2016
9	3733.	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít tự tiêu	x	x											QĐ 630/2016
9	3734.	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chỉ thép	x	x											QĐ 630/2016
9	3735.	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	x	x											QĐ 630/2016
9	3736.	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	x	x											QĐ 630/2016
9	3737.	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng chỉ thép	x	x											QĐ 630/2016
9	3738.	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít hợp kim	x	x											QĐ 630/2016
9	3739.	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít tự tiêu	x	x											QĐ 630/2016
9	3740.	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng chỉ thép	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3741.	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	x	x											QĐ 630/2016
9	3742.	Gây tê phẫu thuật KHX điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	x	x											QĐ 630/2016
9	3743.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy 2 xương cẳng tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3744.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3745.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương chày	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3746.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp vùng khớp gối	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3747.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy bong sụn vùng cổ xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3748.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy chỏm đốt bàn và ngón tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3749.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy cổ chân	x												QĐ 12/2014
9	3750.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3751.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy cổ xương bả vai	x	x											QĐ 630/2016
9	3752.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy cổ xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3753.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy đài quay (Gãy cổ xương quay)	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3754.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy đài quay phức tạp	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3755.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy đài quay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3756.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương chày (Pilon)	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3757.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3758.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy hở độ II thân xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3759.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy hở độ II trên và liên lồi cầu xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3760.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy hở độ III hai xương cẳng chân	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3761.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy hở độ III thân xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3762.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy hở độ III trên và liên lồi cầu xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3763.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy hở I thân hai xương cẳng tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3764.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy hở II thân hai xương cẳng tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3765.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy hở III thân hai xương cẳng tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3766.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy hở liên lồi cầu xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3767.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy Hoffa đàu dưới xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3768.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy khung chậu – trật khớp mu	x	x											QĐ 12/2014
9	3769.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy liên lồi cầu xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3770.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy liên mấu chuyển xương đùi	x	x											QĐ 12/2014
9	3771.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3772.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3773.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy lồi cầu trong xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3774.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương bàn và ngón tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3775.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương khớp ngón tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3776.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy mâm chày + thân xương chày	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3777.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy mâm chày ngoài	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3778.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy mâm chày trong	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3779.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3780.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy mắt cá ngoài	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3781.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy mắt cá trong	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3782.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu phức tạp	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3783.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3784.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy Monteggia	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3785.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy nèn đốt bàn ngón 5 (bàn chân)	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3786.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy nội khớp đầu dưới xương quay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3787.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy nội khớp xương khớp ngón tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3788.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy ổ cối đơn thuần	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3789.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy ổ cối phức tạp	x	x											QĐ 12/2014
9	3790.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy phức tạp chỏm xương đùi – trật hang	x	x											QĐ 12/2014
9	3791.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy phức tạp vùng khuỷu	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3792.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy Pilon	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3793.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy ròng rọc xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3794.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy sụn tăng trưởng ở đầu xương	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3795.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng chân	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3796.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3797.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân đốt bàn và ngón tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3798.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân xương cẳng chân	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3799.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3800.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay cánh tay có liệt TK quay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3801.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay phức tạp	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3802.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân xương chày	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3803.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi phức tạp	x	x											QĐ 12/2014
9	3804.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3805.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3806.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3807.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy trật đốt bàn ngón chân	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3808.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy trật khớp cổ chân ở trẻ em	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3809.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy trật khớp cổ tay	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3810.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy trật xương gót	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3811.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy trật xương sên	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3812.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương cánh tay có tổn thương mạch và thần kinh	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3813.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3814.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3815.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy trên và liên lồi cầu xương đùi	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3816.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy xương bả vai	x	x											QĐ 12/2014
9	3817.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy xương bánh chè phức tạp	x	x	x	x									QĐ 12/2014
9	3818.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy xương bệnh lý	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3819.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy xương đòn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3820.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn ngón tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3821.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3822.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy xương gót	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3823.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy xương mác đơn thuần	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3824.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3825.	Gây tê phẫu thuật KHX gãy xương sên và trật khớp	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3826.	Gây tê phẫu thuật KHX khớp giả xương cánh tay	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3827.	Gây tê phẫu thuật KHX khớp giả xương đòn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3828.	Gây tê phẫu thuật KHX tạo hình điều trị cứng sau chấn thương	x	x											QĐ 12/2014
9	3829.	Gây tê phẫu thuật KHX tạo hình điều trị cứng sau chấn thương	x	x											QĐ 12/2014
9	3830.	Gây tê phẫu thuật KHX toác khớp mu (trật khớp)	x	x											QĐ 12/2014
9	3831.	Gây tê phẫu thuật KHX trật khớp cổ chân	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3832.	Gây tê phẫu thuật KHX trật khớp cùng chậu	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3833.	Gây tê phẫu thuật KHX trật khớp cùng đòn	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3834.	Gây tê phẫu thuật KHX trật khớp dưới sên	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3835.	Gây tê phẫu thuật KHX trật khớp Lisfranc	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3836.	Gây tê phẫu thuật KHX trật khớp ức đòn	x	x	x										QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3837.	Gây tê phẫu thuật KHX trên màn hình tăng sáng (chưa bao gồm đinh xương, nẹp vít, ốc, khóa)	x	x											QĐ 630/2016
9	3838.	Gây tê phẫu thuật lác có chỉnh chỉ	x	x											QĐ 630/2016
9	3839.	Gây tê phẫu thuật lác người lớn	x	x											QĐ 630/2016
9	3840.	Gây tê phẫu thuật lác phức tạp (di thực cơ, phẫu thuật cơ chéo, faden…)	x	x											QĐ 630/2016
9	3841.	Gây tê phẫu thuật lác thông thường	x	x											QĐ 630/2016
9	3842.	Gây tê phẫu thuật lách hoặc tụy	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3843.	Gây tê phẫu thuật lại các dị tật hậu môn trực tràng đơn thuần, không làm lại niệu đạo	x	x											QĐ 630/2016
9	3844.	Gây tê phẫu thuật lại phình đại tràng bẩm sinh	x	x											QĐ 630/2016
9	3845.	Gây tê phẫu thuật lại tắc ruột sau phẫu thuật	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3847.	Gây tê phẫu thuật làm hậu môn nhân tạo cấp cứu ở trẻ em	x	x											QĐ 630/2016
9	3848.	Gây tê phẫu thuật làm hậu môn nhân tạo	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3849.	Gây tê phẫu thuật làm hẹp khe mi, rút ngắn dây chằng mi ngoài, mi trong điều trị hở mi do liệt dây VII	x	x											QĐ 630/2016
9	3850.	Gây tê phẫu thuật làm sâu ngách tiền đình	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3851.	Gây tê phẫu thuật làm thẳng dương vật	x	x											QĐ 12/2014
9	3853.	Gây tê phẫu thuật lạnh đông đơn thuần phòng bong võng mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	3854.	Gây tê phẫu thuật lao cột sống (cổ hoặc ngực hoặc thắt lưng)	x	x											QĐ 630/2016
9	3855.	Gây tê phẫu thuật laser điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt	x	x											QĐ 630/2016
9	3856.	Gây tê phẫu thuật laser điều trị u nguyên bào võng mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	3857.	Gây tê phẫu thuật laser excimer điều trị tật khúc xạ	x	x											QĐ 630/2016
9	3858.	Gây tê phẫu thuật laser femtosecond điều trị lão thị (PT: INTRACOR)	x	x											QĐ 630/2016
9	3859.	Gây tê phẫu thuật laser femtosecond điều trị tật khúc xạ	x	x											QĐ 630/2016
9	3860.	Gây tê phẫu thuật laser mở bao sau đục	x	x											QĐ 630/2016
9	3861.	Gây tê phẫu thuật lấy bỏ chỏm quay	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3862.	Gây tê phẫu thuật lấy bỏ điện cực trong não bằng đường qua da	x	x											QĐ 630/2016
9	3863.	Gây tê phẫu thuật lấy bỏ lồi cầu xương hàm dưới gãy	x	x											QĐ 630/2016
9	3864.	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân Basedow	x	x											QĐ 630/2016
9	3865.	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh tim	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3866.	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đa chấn thương	x	x											QĐ 630/2016
9	3867.	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đái tháo đường	x	x											QĐ 12/2014
9	3868.	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân động kinh + tiền sử động kinh	x	x											QĐ 630/2016
9	3869.	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân giảm tiểu cầu	x	x											QĐ 12/2014
9	3870.	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân hen phế quản	x	x											QĐ 12/2014
9	3871.	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân hội chứng HELP	x	x											QĐ 12/2014
9	3872.	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân lao + tiền sử lao phổi	x	x											QĐ 12/2014
9	3873.	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân Lupus	x	x											QĐ 12/2014
9	3874.	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau bong non	x	x											QĐ 12/2014
9	3875.	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau cài răng lược	x	x											QĐ 12/2014
9	3876.	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân thai chết lưu	x	x											QĐ 12/2014
9	3877.	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh về máu	X	x											QĐ 630/2016
9	3878.	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau tiền đạo ra máu	x	x											QĐ 12/2014
9	3879.	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân tiền sản giật nặng	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3882.	Gây tê phẫu thuật lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi	x	x											QĐ 630/2016
9	3883.	Gây tê phẫu thuật lấy thai bình thường ở sản phụ không có các bệnh kèm theo	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3885.	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật giác mạc sâu	x	x											QĐ 12/2014
9	3886.	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật hốc mắt	x	x											QĐ 12/2014
9	3887.	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật nội nhãn bằng nam châm	x	x											QĐ 630/2016
9	3888.	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật phổi – màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	3889.	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường bụng	x	x											QĐ 630/2016
9	3890.	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	3891.	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường ngực	x	x											QĐ 630/2016
9	3892.	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật tiền phòng	x	x											QĐ 12/2014
9	3893.	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật trong củng mạc	x	x											QĐ 12/2014
9	3894.	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật trực tràng	x	x											QĐ 12/2014
9	3895.	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3898.	Gây tê phẫu thuật lấy giun, dị vật ở ruột non	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3902.	Gây tê phẫu thuật lấy mạc nối lớn và mạc nối nhỏ	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3903.	Gây tê phẫu thuật lấy máu tụ bao gan	x	x											QĐ 630/2016
9	3904.	Gây tê phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính	x	x											QĐ 630/2016
9	3905.	Gây tê phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính hai bên	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3907.	Gây tê phẫu thuật lấy máu tụ quanh ổ mắt sau CTSN	x	x											QĐ 630/2016
9	3908.	Gây tê phẫu thuật lấy máu tụ trong não thất	x	x											QĐ 630/2016
9	3909.	Gây tê phẫu thuật lấy mỡ mi mắt trên, dưới và tạo hình 2 mi	x	x											QĐ 12/2014
9	3910.	Gây tê phẫu thuật lấy nhân ở tụy (di căn tụy, u tụy)	x	x											QĐ 630/2016
9	3911.	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang	x	x											QĐ 12/2014
9	3912.	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi bàng quang	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3913.	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi bể thận ngoài xoang	x	x											QĐ 630/2016
9	3914.	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi mật, giun trong đường mật qua nội soi tá tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	3915.	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi mở bể thận trong xoang	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3916.	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	x	x											QĐ 630/2016
9	3917.	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi nhu mô thận	x	x											QĐ 630/2016
9	3918.	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi niệu đạo	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3919.	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3920.	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đơn thuần	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3921.	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	x	x											QĐ 630/2016
9	3922.	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3923.	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ, cắt túi mật	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3924.	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi ống tuyến Stenon đường miệng	x	x											QĐ 630/2016
9	3925.	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi ống wharton tuyến dưới hàm	x	x											QĐ 630/2016
9	3926.	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt	x	x											QĐ 630/2016
9	3927.	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi san hô thận	x	x											QĐ 630/2016
9	3928.	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận đa nang	x	x											QĐ 630/2016
9	3929.	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi thận	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3930.	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi túi mật, nối túi mật tá tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	3931.	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi, nối tụy hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	3932.	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, Phaco) có hoặc không đặt IOL trên mắt độc nhất	x	x											QĐ 630/2016
9	3933.	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL	x	x											QĐ 630/2016
9	3934.	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh sa, lệch bằng phương pháp phaco, phối hợp cắt dịch kính có hoặc không đặt IOL	x	x											QĐ 630/2016
9	3935.	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt IOL trên mắt độc nhất	x	x											QĐ 630/2016
9	3936.	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt thể thủy tinh nhân tạo trên mắt độc nhất	x	x											QĐ 630/2016
9	3941.	Gây tê phẫu thuật lấy tổ chức tụy hoại tử, dẫn lưu	x	x											QĐ 630/2016
9	3943.	Gây tê phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng	x	x											QĐ 12/2014
9	3944.	Gây tê phẫu thuật lấy toàn bộ xương bánh chè	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3945.	Gây tê phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3946.	Gây tê phẫu thuật lấy u cơ, xơ…thực quản đường cổ hoặc đường bụng	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3947.	Gây tê phẫu thuật lấy u cơ, xơ…thực quản đường ngực	x	x											QĐ 630/2016
9	3948.	Gây tê phẫu thuật lấy u xương (ghép xi măng)	x	x											QĐ 630/2016
9	3949.	Gây tê phẫu thuật lấy xương chết, nạo rò điều trị viêm xương hàm	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3950.	Gây tê phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3951.	Gây tê phẫu thuật lỗ tiểu đóng cao	x	x											QĐ 12/2014
9	3952.	Gây tê phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, kỹ thuật Mathgieu, Magpi	x	x											QĐ 12/2014
9	3953.	Gây tê phẫu thuật loai 3	x	x	x										QĐ 12/2014
9	3954.	Gây tê phẫu thuật loạn sản tổ chức tiên thiên khổng lồ (u quái khổng lồ)	x	x											QĐ 630/2016
9	3955.	Gây tê phẫu thuật lớn trên dạ dày hoặc ruột	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3956.	Gây tê phẫu thuật lùi cơ nâng mi	x	x											QĐ 630/2016
9	3957.	Gây tê phẫu thuật màng da cổ (Pterygium Coilli)	x	x											QĐ 630/2016
9	3958.	Gây tê phẫu thuật mắt ở trẻ em	x	x											QĐ 630/2016
9	3959.	Gây tê phẫu thuật miless	x	x											QĐ 630/2016
9	3960.	Gây tê phẫu thuật mở bao sau	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3961.	Gây tê phẫu thuật mở bao sau đục bằng laser	x	x											QĐ 630/2016
9	3962.	Gây tê phẫu thuật mở bè có hoặc không cắt bè	x	x											QĐ 630/2016
9	3964.	Gây tê phẫu thuật mở bụng thăm dò	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3965.	Gây tê phẫu thuật mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3966.	Gây tê phẫu thuật mở bụng thăm dò, sinh thiết	x	x											QĐ 630/2016
9	3967.	Gây tê phẫu thuật mở cơ môn vị	x	x											QĐ 630/2016
9	3968.	Gây tê phẫu thuật mở cơ trực tràng hoặc cắt cơ trực tràng và cơ tròn trong để điều trị co thắt cơ tròn trong	x	x											QĐ 630/2016
9	3969.	Gây tê phẫu thuật mở cung sau và cắt bỏ mỏm khớp dưới	x	x											QĐ 630/2016
9	3970.	Gây tê phẫu thuật mở dạ dày xử lý tổn thương	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3971.	Gây tê phẫu thuật mở đường mật ngoài gan lấy sỏi trừ mở ống mật chủ	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3972.	Gây tê phẫu thuật mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3973.	Gây tê phẫu thuật mở góc tiền phòng	x	x											QĐ 12/2014
9	3974.	Gây tê phẫu thuật mở hỗng tràng ra da nuôi ăn / mổ nội soi mở bụng thám sát chẩn đoán	x	x	x										QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3975.	Gây tê phẫu thuật mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết	x	x											QĐ 630/2016
9	3976.	Gây tê phẫu thuật mở màng phổi tối đa	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3977.	Gây tê phẫu thuật mở miệng nối mật ruột lấy sỏi dẫn lưu Kehr hoặc làm lại miệng nối mật ruột	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3978.	Gây tê phẫu thuật mở ngực giám sát tổn thương	x	x											QĐ 630/2016
9	3979.	Gây tê phẫu thuật mở ngực thăm dò	x	x											QĐ 630/2016
9	3980.	Gây tê phẫu thuật mở nhu mô gan lấy sỏi	x	x											QĐ 630/2016
9	3981.	Gây tê phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi có can thiệp đường mật	x	x											QĐ 630/2016
9	3982.	Gây tê phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, dẫn lưu đường mật	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3983.	Gây tê phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, không dẫn lưu đường mật	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3984.	Gây tê phẫu thuật mở rộng điểm lệ	x	x											QĐ 630/2016
9	3985.	Gây tê phẫu thuật mở rộng khe mi	x	x											QĐ 630/2016
9	3986.	Gây tê phẫu thuật mở rộng lỗ liên hợp để giải phóng chèn ép rễ	x	x											QĐ 630/2016
9	3987.	Gây tê phẫu thuật mở rộng lỗ sáo	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	3988.	Gây tê phẫu thuật mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại…)	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3989.	Gây tê phẫu thuật mở thông dạ dày	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3990.	Gây tê phẫu thuật mở thông dạ dày, khâu lỗ thủng dạ dày, ruột non đơn thuần	x	x											QĐ 630/2016
9	3991.	Gây tê phẫu thuật mở thông hỗng tràng hoặc Gây tê phẫu thuật mở thông hồi tràng	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3992.	Gây tê phẫu thuật mở thông túi mật	x	x	x										QĐ 630/2016
9	3993.	Gây tê phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm	x	x											QĐ 630/2016
9	3994.	Gây tê phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hoá	x	x											QĐ 630/2016
9	3995.	Gây tê phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học	x	x											QĐ 630/2016
9	3996.	Gây tê phẫu thuật mộng đơn thuần	x	x											QĐ 12/2014
9	3997.	Gây tê phẫu thuật múc nội nhãn	x	x											QĐ 12/2014
9	3998.	Gây tê phẫu thuật nâng sàn hốc mắt	x	x											QĐ 630/2016
9	3999.	Gây tê phẫu thuật nạo vét hạch cổ	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4005.	Gây tê phẫu thuật nạo vét tổ chức hốc mắt	x	x											QĐ 630/2016
9	4006.	Gây tê phẫu thuật nhuộm giác mạc thẩm mỹ	x	x											QĐ 630/2016
9	4007.	Gây tê phẫu thuật nối diện cắt đầu tụy và thân tụy với ruột non trên quai Y	x	x											QĐ 630/2016
9	4008.	Gây tê phẫu thuật nối diện cắt thân tụy với dạ dày	x	x											QĐ 630/2016
9	4010.	Gây tê phẫu thuật nối mật ruột bên - bên	x	x											QĐ 630/2016
9	4011.	Gây tê phẫu thuật nối nang tụy với dạ dày	x	x											QĐ 630/2016
9	4012.	Gây tê phẫu thuật nối nang tụy với hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	4013.	Gây tê phẫu thuật nối nang tụy với tá tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	4014.	Gây tê phẫu thuật nối ngã ba đường mật hoặc ống gan phải hoặc ống gan trái với hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	4015.	Gây tê phẫu thuật nối niệu quản - đài thận	x	x											QĐ 630/2016
9	4016.	Gây tê phẫu thuật nối ống dẫn tinh sau phẫu thuật đình sản	x	x											QĐ 630/2016
9	4022.	Gây tê phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt dính buồng tử cung	x	x											QĐ 1746/2017
9	4027.	Gây tê phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật	x	x											QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4103.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung ở bệnh nhân GEU	x	x											QĐ 630/2016
9	4108.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt kén, nang phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	4115.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt lọc tụy hoại tử	x	x											QĐ 630/2016
9	4119.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt mỏm ruột thừa	x	x											QĐ 630/2016
9	4120.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt nang đường mật	x	x											QĐ 630/2016
9	4121.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt nang lách	x	x											QĐ 630/2016
9	4122.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt nang mạc treo ruột	x	x											QĐ 630/2016
9	4124.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt nang thận x x													QĐ 630/2016
9	4126.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt nang tụy	x	x											QĐ 630/2016
9	4128.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt nhân độc tuyến giáp	x	x											QĐ 630/2016
9	4129.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt nhân tuyến giáp	x	x											QĐ 630/2016
9	4131.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt phổi không điển hình (cắt kiểu hình chêm)	x	x											QĐ 630/2016
9	4132.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt polyp cổ bọng đái	x	x											QĐ 630/2016
9	4133.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt polyp đại tràng	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4134.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng	x	x	x										QĐ 630/2016
9	4135.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	x	x	x										QĐ 630/2016
9	4136.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt sụn chêm (Arthroscopic Meniscectomy)	x	x											QĐ 630/2016
9	4137.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thận bán phần	x	x											QĐ 630/2016
9	4138.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thận đơn giản	x	x											QĐ 630/2016
9	4140.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thần kinh X chọn lọc	x	x											QĐ 630/2016
9	4141.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thần kinh X	x	x											QĐ 630/2016
9	4142.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thận tận gốc	x	x											QĐ 630/2016
9	4143.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thận và đuôi tụy + cắt lách	x	x											QĐ 630/2016
9	4144.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thận và đuôi tụy	x	x											QĐ 630/2016
9	4145.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt thận và niệu quản	x	x											QĐ 630/2016
9	4152.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt tiền liệt tuyến		x	x										QĐ 12/2014
9	4172.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt túi mật	x	x	x										QĐ 630/2016
9	4173.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt túi mât, mở OMC lấy sỏi, dẫn lưu Kerh	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4174.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa bàng quang	x	x											QĐ 630/2016
9	4176.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel	x	x											QĐ 630/2016
9	4177.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt túi thừa tá tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	4182.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng	x	x											QĐ 630/2016
9	4183.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng, tử cung, thông vòi trứng	x	x											QĐ 630/2016
9	4184.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng+ tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	4186.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u hoạt dịch cổ tay (arthroscopic ganglion resection)	x	x											QĐ 630/2016
9	4188.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột + cắt đoạn ruột non	x	x											QĐ 630/2016
9	4189.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột, không cắt ruột	x	x											QĐ 630/2016
9	4192.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u nhú tai mũi họng	x	x											QĐ 630/2016
9	4194.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u sau phúc mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	4204.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u xơ vòm mũi	x	x											QĐ 630/2016
9	4205.	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt van niệu đạo sau của trẻ em	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4208.	Gây tê phẫu thuật nội soi chửa ngoài tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	4210.	Gây tê phẫu thuật nội soi cố định các tạng (lồng, sa, thoát vị …)	x	x											QĐ 630/2016
9	4213.	Gây tê phẫu thuật nội soi cố định trực tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	4214.	Gây tê phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe gan	x	x											QĐ 630/2016
9	4215.	Gây tê phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe tồn lưu	x	x											QĐ 630/2016
9	4216.	Gây tê phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe tụy	x	x											QĐ 630/2016
9	4217.	Gây tê phẫu thuật nội soi dẫn lưu đường mật qua da dưới siêu âm	x	x											QĐ 630/2016
9	4219.	Gây tê phẫu thuật nội soi dẫn lưu nang tụy	x	x											QĐ 630/2016
9	4220.	Gây tê phẫu thuật nội soi đặt điện cực tạo nhịp thượng tâm mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	4221.	Gây tê phẫu thuật nội soi đặt lưới ngả tiền phúc mạc (TEP)	x	x											QĐ 630/2016
9	4222.	Gây tê phẫu thuật nội soi đặt lưới tiền phúc mạc qua ổ bụng (TAPP)	x	x											QĐ 630/2016
9	4223.	Gây tê phẫu thuật nội soi đặt lưới trong phúc mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	4224.	Gây tê phẫu thuật nội soi đặt vòng thắt dạ dày	x	x											QĐ 630/2016
9	4225.	Gây tê phẫu thuật nội soi dị dạng mạch máu thần kinh số V	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4226.	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị áp-xe ruột thừa	x	x											QĐ 630/2016
9	4227.	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị chảy máu đường mật, cắt gan	x	x											QĐ 630/2016
9	4230.	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị đám quánh ruột thừa	x	x											QĐ 630/2016
9	4232.	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị hẹp môn vị phì đại	x	x											QĐ 630/2016
9	4238.	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị máu đông màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	4240.	Gây tê phẫu thuật nội soi điều trị ổ cặn màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	4264.	Gây tê phẫu thuật nội soi GEU thể huyết tụ thành nang	x	x											QĐ 630/2016
9	4272.	Gây tê phẫu thuật nội soi gỡ dính màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	4273.	Gây tê phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột	x	x											QĐ 630/2016
9	4274.	Gây tê phẫu thuật nội soi gỡ dính, hút rửa trong bệnh lý mủ màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	4278.	Gây tê phẫu thuật nội soi hẹp bể thận, niệu quản	x	x											QĐ 630/2016
9	4281.	Gây tê phẫu thuật nội soi hỗ trợ cắt polyp to đại tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	4299.	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu mạc treo	x	x											QĐ 630/2016
9	4300.	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu miệng nối đại-trực tràng, rửa bụng, dẫn lưu	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
		(xì miệng nối đại-trực tràng)													
9	4303.	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu thủng cơ hoành	x	x											QĐ 630/2016
9	4305.	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày	x	x											QĐ 630/2016
9	4308.	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng	x	x											QĐ 630/2016
9	4309.	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non	x	x											QĐ 630/2016
9	4315.	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày	x	x											QĐ 630/2016
9	4317.	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng	x	x											QĐ 630/2016
9	4318.	Gây tê phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non	x	x											QĐ 630/2016
9	4327.	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy dị vật phổi – màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	4328.	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy dị vật trong đường mật		x											QĐ 630/2016
9	4331.	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy máu phế mạc đông	x	x											QĐ 630/2016
9	4332.	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy máu tụ	x	x											QĐ 630/2016
9	4335.	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy sỏi đường mật trong và ngoài gan có dẫn lưu Kehr	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4336.	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản	x	x											QĐ 630/2016
9	4337.	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy sỏi OMC có dẫn lưu Kehr	x	x											QĐ 630/2016
9	4343.	Gây tê phẫu thuật nội soi lấy u thành ngực	x	x											QĐ 630/2016
9	4345.	Gây tê phẫu thuật nội soi lồng ngực cầm máu	x	x											QĐ 630/2016
9	4347.	Gây tê phẫu thuật nội soi lồng ngực lấy máu tụ, cầm máu	x	x											QĐ 630/2016
9	4348.	Gây tê phẫu thuật nội soi lồng ngực sinh thiết chẩn đoán	x	x											QĐ 630/2016
9	4349.	Gây tê phẫu thuật nội soi lồng ngực xử trí tràn máu, tràn khí màng phổi	x	x	x										QĐ 630/2016
9	4355.	Gây tê phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi	x	x											QĐ 630/2016
9	4356.	Gây tê phẫu thuật nội soi mở ruột lấy dị vật	x	x											QĐ 630/2016
9	4357.	Gây tê phẫu thuật nội soi mở ruột non ra da	x	x											QĐ 630/2016
9	4358.	Gây tê phẫu thuật nội soi mở sàng hàm	x	x											QĐ 630/2016
9	4359.	Gây tê phẫu thuật nội soi mở túi mật ra da	x	x	x										QĐ 630/2016
9	4360.	Gây tê phẫu thuật nội soi mũi xoang điều trị gãy xương hàm mặt	x	x											QĐ 630/2016
9	4361.	Gây tê phẫu thuật nội soi nang thận qua phúc mạc	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4362.	Gây tê phẫu thuật nội soi nang thận sau phúc mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	4374.	Gây tê phẫu thuật nội soi nối thông lệ mũi	x	x											QĐ 630/2016
9	4376.	Gây tê phẫu thuật nội soi nối vòi tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	4377.	Gây tê phẫu thuật nội soi ổ bụng chuẩn đoán	x	x											QĐ 630/2016
9	4378.	Gây tê phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy dụng cụ tránh thai	x	x											QĐ 630/2016
9	4379.	Gây tê phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy sỏi bể thận	x	x											QĐ 630/2016
9	4385.	Gây tê phẫu thuật nội soi phục hồi thành bụng	x	x											QĐ 630/2016
9	4386.	Gây tê phẫu thuật nội soi qua dạ dày cắt polyp dạ dày	x	x											QĐ 630/2016
9	4388.	Gây tê phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu	x	x											QĐ 630/2016
9	4389.	Gây tê phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi bể thận	x	x											QĐ 630/2016
9	4390.	Gây tê phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản	x	x											QĐ 630/2016
9	4391.	Gây tê phẫu thuật nội soi sinh thiết hạch ổ bụng	x	x											QĐ 630/2016
9	4407.	Gây tê phẫu thuật nội soi tạo hình niệu quản	x	x											QĐ 630/2016
9	4416.	Gây tê phẫu thuật nội soi thắt tuần hoàn bàng hệ	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4418.	Gây tê phẫu thuật nội soi treo thận để điều trị sa thận	x	x											QĐ 630/2016
9	4421.	Gây tê phẫu thuật nội soi u buồng trứng trên bệnh nhân có thai	x	x											QĐ 630/2016
9	4422.	Gây tê phẫu thuật nội soi u mạc treo	x	x											QĐ 630/2016
9	4423.	Gây tê phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng	x	x											QĐ 630/2016
9	4424.	Gây tê phẫu thuật nội soi vét hạch tiểu khung	x	x											QĐ 630/2016
9	4425.	Gây tê phẫu thuật nội soi viêm phần phụ	x	x											QĐ 630/2016
9	4426.	Gây tê phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa	x	x											QĐ 630/2016
9	4429.	Gây tê phẫu thuật nội soi xẻ sa lồi lỗ niệu quản	x	x											QĐ 630/2016
9	4431.	Gây tê phẫu thuật nội soi xử lý viêm phúc mạc tiểu khung	x	x											QĐ 630/2016
9	4433.	Gây tê phẫu thuật nối tắt ruột non – ruột non	x	x	x										QĐ 630/2016
9	4435.	Gây tê phẫu thuật nối tụy ruột	x	x											QĐ 630/2016
9	4436.	Gây tê phẫu thuật nối vị tràng	x	x	x										QĐ 630/2016
9	4437.	Gây tê phẫu thuật nối vòi tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	4438.	Gây tê phẫu thuật nối Wirsung ruột non + nối ống mật chủ - ruột non +	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
		nối dạ dày – ruột non trên ba quai ruột biệt lập													
9	4439.	Gây tê phẫu thuật nong niệu đạo	x	x											QĐ 630/2016
9	4440.	Gây tê phẫu thuật Nuss kết hợp nội soi lồng điều trị lõm ngực bẩm sinh (VATS)	x	x											QĐ 630/2016
9	4441.	Gây tê phẫu thuật ổ bụng trung phẫu ở trẻ em	x	x	x										QĐ 630/2016
9	4442.	Gây tê phẫu thuật quặm bẩm sinh	x	x											QĐ 630/2016
9	4443.	Gây tê phẫu thuật sa bàng quang qua ngõ âm đạo (tạo hình thành trước âm đạo)	x	x											QĐ 630/2016
9	4444.	Gây tê phẫu thuật sa sinh dục	x	x											QĐ 630/2016
9	4445.	Gây tê phẫu thuật tạo hình âm đạo + tầng sinh môn	x	x											QĐ 630/2016
9	4446.	Gây tê phẫu thuật tháo lồng ruột	x	x											QĐ 630/2016
9	4447.	Gây tê phẫu thuật ứ máu kinh	x	x											QĐ 630/2016
9	4448.	Gây tê phẫu thuật vá da tạo hình mi	x	x											QĐ 630/2016
9	4449.	Gây tê phẫu thuật vá da, niêm mạc tạo cùng đồ có hoặc không tách dính mi cầu	x	x											QĐ 630/2016
9	4450.	Gây tê phẫu thuật vá vỡ xương hốc mắt (thành dưới, thành trong có hoặc	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
		không dùng sụn sườn)													
9	4451.	Gây tê phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa ở trẻ dưới 6 tuổi	x	x											QĐ 630/2016
9	4452.	Gây tê phẫu thuật viêm sụn vành tai, dị tật vành tai	x	x											QĐ 12/2014
9	4453.	Gây tê rút sonde JJ do nơi khác đặt hoặc thay sonde JJ tại khoa	x	x	x										QĐ 630/2016
9	4454.	Gây tê tán sỏi qua da bằng laser	x	x											QĐ 630/2016
9	4455.	Gây tê tán sỏi qua da bằng siêu âm	x	x											QĐ 630/2016
9	4456.	Gây tê tán sỏi qua da bằng xung hơi	x	x											QĐ 630/2016
9	4457.	Gây tê tán sỏi thận qua da	x	x											QĐ 630/2016
9	4460.	An thần bệnh nhân khi chụp hình ở khoa chẩn đoán hình ảnh	x	x	x										QĐ 12/2014
9	4461.	An thần bệnh nhân nhổ răng	x	x											QĐ 630/2016
9	4462.	An thần bệnh nhân nội soi đường mật	x	x											QĐ 630/2016
9	4463.	An thần bệnh nhân nội soi đường tiêu hóa	x	x											QĐ 630/2016
9	4464.	An thần bệnh nhân nội soi khí phế quản	x	x	x										QĐ 1746/2017
9	4465.	An thần bệnh nhân phải nắn xương	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4466.	An thần cho bệnh nhân nằm ở hồi sức	x	x	x										QĐ 12/2014
9	4467.	An thần cho bệnh nhân nằm ở hồi tỉnh	x	x	x										QĐ 12/2014
9	4468.	An thần nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân giảm tiểu cầu	x	x											QĐ 630/2016
9	4469.	An thần nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân hen phế quản	x	x											QĐ 630/2016
9	4470.	An thần nội soi buồng tử cung can thiệp	x	x											QĐ 630/2016
9	4471.	An thần nội soi buồng tử cung chẩn đoán	x	x											QĐ 630/2016
9	4472.	An thần nội soi buồng tử cung nạo buồng tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	4473.	An thần nội soi buồng tử cung sinh thiết buồng tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	4474.	An thần nội soi buồng tử cung, vòi trứng thông vòi trứng	x	x											QĐ 630/2016
9	4475.	An thần nội soi gắp dị vật đường thở	x	x											QĐ 630/2016
9	4476.	An thần nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gắp sỏi niệu quản	X	x											QĐ 630/2016
9	4477.	An thần nội soi niệu quản 2 bên 1 thì tán sỏi niệu quản	X	x											QĐ 630/2016
9	4478.	An thần nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser	X	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4479.	An thần nội soi niệu quản tán sỏi bằng laser	X	x											QĐ 630/2016
9	4480.	An thần nội soi nong hẹp thực quản	x	x											QĐ 630/2016
9	4481.	An thần nội soi nong niệu quản hẹp	X	x											QĐ 630/2016
9	4482.	An thần nội soi ổ bụng chẩn đoán	X	x											QĐ 630/2016
9	4483.	An thần nội soi phế quản sinh thiết chẩn đoán	x	x											QĐ 630/2016
9	4484.	An thần nội soi tán sỏi niệu quản	X	x											QĐ 630/2016
9	4485.	An thần nội soi tán sỏi niệu quản ngược dòng	X	x											QĐ 630/2016
9	4486.	An thần nội soi thận ống mềm gắp sỏi thận	X	x											QĐ 630/2016
9	4487.	An thần nội soi thận ống mềm tán sỏi thận	X	x											QĐ 630/2016
9	4488.	An thần nội soi xẻ lỗ niệu quản lấy sỏi	X	x											QĐ 630/2016
9	4489.	An thần phẫu thuật đóng dò bàng quang - âm đạo	x	x											QĐ 630/2016
9	4490.	An thần phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh về máu	x	x											QĐ 630/2016
9	4491.	An thần phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân HIV- AID	x	x											QĐ 630/2016
9	4492.	An thần phẫu thuật mắt ở trẻ em	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4493.	An thần phẫu thuật nội soi kẹp ống động mạch	x	x											QĐ 630/2016
9	4494.	An thần phẫu thuật nội soi bắc cầu nối động mạch chủ xuống-động mạch đùi	x	x											QĐ 630/2016
9	4495.	An thần phẫu thuật nội soi bịt lỗ dò dịch não tuỷ	x	x											QĐ 630/2016
9	4496.	An thần phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	4497.	An thần phẫu thuật nội soi bóc vỏ màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	4498.	An thần phẫu thuật nội soi buồng tử cung + mở thông 2 vòi tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	4499.	An thần phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt dính buồng tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	4500.	An thần phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polype	x	x											QĐ 630/2016
9	4501.	An thần phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt u xơ	x	x											QĐ 630/2016
9	4502.	An thần phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn	x	x											QĐ 630/2016
9	4503.	An thần phẫu thuật nội soi cắm lại niệu quản	x	x											QĐ 630/2016
9	4504.	An thần phẫu thuật nội soi cắm lại niệu quản vào bàng quang	x	x											QĐ 630/2016
9	4505.	An thần phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4506.	An thần phẫu thuật nội soi căng da trán, căng da mặt, căng da cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	4507.	An thần phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp + eo giáp	x	x											QĐ 630/2016
9	4508.	An thần phẫu thuật nội soi cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x	x											QĐ 630/2016
9	4509.	An thần phẫu thuật nội soi cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc	x	x											QĐ 630/2016
9	4510.	An thần phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp	x	x											QĐ 630/2016
9	4511.	An thần phẫu thuật nội soi cắt 2/3 dạ dày	x	x											QĐ 630/2016
9	4512.	An thần phẫu thuật nội soi cắt 3/4 dạ dày	x	x											QĐ 630/2016
9	4513.	An thần phẫu thuật nội soi cắt bạch mạch thận	x	x											QĐ 630/2016
9	4514.	An thần phẫu thuật nội soi cắt bán phần 1 thùy tuyến giáp	x	x											QĐ 630/2016
9	4515.	An thần phẫu thuật nội soi cắt bán phần lách trong chấn thương	x	x											QĐ 630/2016
9	4516.	An thần phẫu thuật nội soi cắt u hoạt dịch cổ tay	x	x											QĐ 630/2016
9	4517.	An thần phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột + cắt đoạn ruột non	x	x											QĐ 630/2016
9	4518.	An thần phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột, không cắt ruột	x	x											QĐ 630/2016
9	4519.	An thần phẫu thuật nội soi cắt u màng tim	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4520.	An thần phẫu thuật nội soi cắt u nang màng ngoài tim	x	x											QĐ 630/2016
9	4521.	An thần phẫu thuật nội soi cắt u OMC	x	x											QĐ 630/2016
9	4522.	An thần phẫu thuật nội soi cắt u sau phúc mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	4523.	An thần phẫu thuật nội soi cắt u thận ác tính	x	x											QĐ 630/2016
9	4524.	An thần phẫu thuật nội soi cắt u thận lành tính	x	x											QĐ 630/2016
9	4525.	An thần phẫu thuật nội soi cắt u thực quản	x	x											QĐ 630/2016
9	4526.	An thần phẫu thuật nội soi cắt u trung thất	x	x											QĐ 630/2016
9	4527.	An thần phẫu thuật nội soi cắt u tụy	x	x											QĐ 630/2016
9	4528.	An thần phẫu thuật nội soi cắt u tuyến thượng thận 1 bên	x	x											QĐ 630/2016
9	4529.	An thần phẫu thuật nội soi cắt u tuyến thượng thận 2 bên	x	x											QĐ 630/2016
9	4530.	An thần phẫu thuật nội soi cắt u tuyến ức	x	x											QĐ 630/2016
9	4531.	An thần phẫu thuật nội soi cắt u xơ vòm mũi	x	x											QĐ 630/2016
9	4532.	An thần phẫu thuật nội soi cắt xương sườn số 1 (điều trị hội chứng đường thóat lồng ngực)	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4533.	An thần phẫu thuật nội soi chửa ngoài tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	4534.	An thần phẫu thuật nội soi chuyển vị trí tĩnh mạch để tạo dò động mạch-tĩnh mạch cho chạy thận nhân tạo	x	x											QĐ 630/2016
9	4535.	An thần phẫu thuật nội soi cố định dạ dày	x	x											QĐ 630/2016
9	4536.	An thần phẫu thuật nội soi cố định trực tràng + cắt đoạn đại tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	4537.	An thần phẫu thuật nội soi cố định trực tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	4538.	An thần phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp xe tồn lưu	x	x											QĐ 630/2016
9	4539.	An thần phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp xe tụy	x	x											QĐ 630/2016
9	4540.	An thần phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp-xe gan	x	x											QĐ 630/2016
9	4541.	An thần phẫu thuật nội soi dẫn lưu đường mật qua da dưới siêu âm	x	x											QĐ 630/2016
9	4543.	An thần phẫu thuật nội soi dẫn lưu nang tụy	x	x											QĐ 630/2016
9	4545.	An thần phẫu thuật nội soi đặt lưới ngả tiền phúc mạc (TEP)	x	x											QĐ 630/2016
9	4546.	An thần phẫu thuật nội soi đặt lưới tiền phúc mạc qua ổ bụng (TAPP)	x	x											QĐ 630/2016
9	4547.	An thần phẫu thuật nội soi đặt lưới trong phúc mạc	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4548.	An thần phẫu thuật nội soi đặt vòng thắt dạ dày	x	x											QĐ 630/2016
9	4549.	An thần phẫu thuật nội soi điều trị chảy máu đường mật, cắt gan	x	x											QĐ 630/2016
9	4550.	An thần phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp cổ chân	x	x											QĐ 630/2016
9	4551.	An thần phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp khủyu (Arthroscopic Management of Elbow Stiffness)	x	x											QĐ 630/2016
9	4552.	An thần phẫu thuật nội soi điều trị đám quánh quột thừa		x											QĐ 630/2016
9	4553.	An thần phẫu thuật nội soi điều trị gãy xương vùng khủyu	x	x											QĐ 630/2016
9	4554.	An thần phẫu thuật nội soi điều trị hoại tử chỏm xương đùi bằng ghép sụn xương	x	x											QĐ 630/2016
9	4555.	An thần phẫu thuật nội soi điều trị hội chứng chèn ép trước cổ chân	x	x											QĐ 630/2016
9	4556.	An thần phẫu thuật nội soi điều trị mất vững bánh chè x		x											QĐ 630/2016
9	4557.	An thần phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai theo phương pháp Latarjet	x	x											QĐ 630/2016
9	4558.	An thần phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai x		x											QĐ 630/2016
9	4559.	An thần phẫu thuật nội soi điều trị máu đông màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	4560.	An thần phẫu thuật nội soi Điều trị Megacolon (phẫu thuật Soave đường	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
		hậu môn một thì)													
9	4561.	An thần phẫu thuật nội soi điều trị ổ cặn màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	4562.	An thần phẫu thuật nội soi điều trị phồng, hẹp, tắc động mạch chủ bụng dưới thận	x	x											QĐ 630/2016
9	4563.	An thần phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viền ổ cối x		x											QĐ 630/2016
9	4564.	An thần phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viền trên từ trước ra sau	x	x											QĐ 630/2016
9	4565.	An thần phẫu thuật nội soi điều trị rò dịch não tuỷ nền sọ	x	x											QĐ 630/2016
9	4566.	An thần phẫu thuật nội soi điều trị rò hậu môn	x	x											QĐ 630/2016
9	4567.	An thần phẫu thuật nội soi điều trị rung nhĩ	x	x											QĐ 630/2016
9	4568.	An thần phẫu thuật nội soi điều trị sa sinh dục	x	x											QĐ 630/2016
9	4569.	An thần phẫu thuật nội soi điều trị thoái khớp cùng đòn	x	x											QĐ 630/2016
9	4570.	An thần phẫu thuật nội soi điều trị thoát vị nền sọ	x	x											QĐ 630/2016
9	4571.	An thần phẫu thuật nội soi điều trị tổn thương dây chằng tròn	x	x											QĐ 630/2016
9	4572.	An thần phẫu thuật nội soi điều trị tổn thương phức hợp sụn sợi tam giác	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4573.	An thần phẫu thuật nội soi điều trị trào ngược thực quản	x	x											QĐ 630/2016
9	4574.	An thần phẫu thuật nội soi điều trị viêm co rút khớp vai x		x											QĐ 630/2016
9	4575.	An thần phẫu thuật nội soi điều trị viêm khớp vai	x	x											QĐ 630/2016
9	4576.	An thần phẫu thuật nội soi điều trị viêm mỏm trên lồi cầu ngoài)	x	x											QĐ 630/2016
9	4577.	An thần phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh	x	x											QĐ 630/2016
9	4578.	An thần phẫu thuật nội soi điều trị xoắn dạ dày có kèm cắt dạ dày		x											QĐ 630/2016
9	4579.	An thần phẫu thuật nội soi đính lại nơi bám gân nhị đầu	x	x											QĐ 630/2016
9	4580.	An thần phẫu thuật nội soi đóng hậu môn nhân tạo	x	x											QĐ 630/2016
9	4581.	An thần phẫu thuật nội soi đóng lỗ thông liên nhĩ	x	x											QĐ 630/2016
9	4582.	An thần phẫu thuật nội soi đốt hạch giao cảm lồng ngực bằng dụng cụ siêu nhỏ.	x	x											QĐ 630/2016
9	4583.	An thần phẫu thuật nội soi Frey điều trị viêm tụy mạn	x	x											QĐ 630/2016
9	4584.	An thần phẫu thuật nội soi gây dính màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	4585.	An thần phẫu thuật nội soi GEU thể huyết tụ thành nang	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4586.	An thần phẫu thuật nội soi ghép sụn chêm	x	x											QĐ 630/2016
9	4587.	An thần phẫu thuật nội soi ghép sụn xương tự thân x		x											QĐ 630/2016
9	4588.	An thần phẫu thuật nội soi ghép thần kinh điều trị liệt mặt	x	x											QĐ 630/2016
9	4589.	An thần phẫu thuật nội soi giải phóng lỗ liên hợp cột sống cổ	x	x											QĐ 630/2016
9	4590.	An thần phẫu thuật nội soi giải phóng ống cổ tay	x	x											QĐ 630/2016
9	4591.	An thần phẫu thuật nội soi giảm áp dây thần kinh II	x	x											QĐ 630/2016
9	4592.	An thần phẫu thuật nội soi giảm áp ổ mắt	x	x											QĐ 630/2016
9	4593.	An thần phẫu thuật nội soi gỡ dính màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	4594.	An thần phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột	x	x											QĐ 630/2016
9	4595.	An thần phẫu thuật nội soi gỡ dính, hút rửa trong bệnh lý mủ màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	4596.	An thần phẫu thuật nội soi hạ bóng trực tràng + tạo hình hậu môn một thì	x	x											QĐ 630/2016
9	4597.	An thần phẫu thuật nội soi hàn khớp cổ chân	x	x											QĐ 630/2016
9	4598.	An thần phẫu thuật nội soi hàn khớp dưới sên	x	x											QĐ 630/2016
9	4599.	An thần phẫu thuật nội soi hẹp bể thận, niệu quản	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4600.	An thần phẫu thuật nội soi hỗ trợ (VATS) điều trị bệnh lý phổi, trung thất	x	x											QĐ 630/2016
9	4601.	An thần phẫu thuật nội soi hỗ trợ (VATS) điều trị bệnh lý tim	x	x											QĐ 630/2016
9	4602.	An thần phẫu thuật nội soi hỗ trợ cắt polyp to đại tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	4603.	An thần phẫu thuật nội soi hổ trợ điều trị gãy xương phạm khớp vùng gối	x	x											QĐ 630/2016
9	4604.	An thần phẫu thuật nội soi hổ trợ điều trị hoại tử chỏm xương đùi bằng khoan giải áp x	x	x											QĐ 630/2016
9	4605.	An thần phẫu thuật nội soi hỗ trợ giải áp vi mạch	x	x											QĐ 630/2016
9	4606.	An thần phẫu thuật nội soi hỗ trợ kẹp túi phình	x	x											QĐ 630/2016
9	4607.	An thần phẫu thuật nội soi hỗ trợ làm cứng cột sống lưng	x	x											QĐ 630/2016
9	4608.	An thần phẫu thuật nội soi hỗ trợ lấy u não	x	x											QĐ 630/2016
9	4609.	An thần phẫu thuật nội soi kẹp túi phình động mạch não	x	x											QĐ 630/2016
9	4610.	An thần phẫu thuật nội soi khâu cầm máu lách	x	x											QĐ 630/2016
9	4611.	An thần phẫu thuật nội soi khâu cầm máu vỡ gan	x	x											QĐ 630/2016
9	4612.	An thần phẫu thuật nội soi khâu chóp xoay	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4613.	An thần phẫu thuật nội soi khâu cơ hoành	x	x											QĐ 630/2016
9	4614.	An thần phẫu thuật nội soi khâu gấp nếp cơ hoành (điều trị liệt thần kinh hoành)	x	x											QĐ 630/2016
9	4615.	An thần phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Lortat-Jacob	x	x											QĐ 630/2016
9	4616.	An thần phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Dor	x	x											QĐ 630/2016
9	4617.	An thần phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Toupet	x	x											QĐ 630/2016
9	4618.	An thần phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Nissen	x	x											QĐ 630/2016
9	4619.	An thần phẫu thuật nội soi khâu khoảng gian chóp xoay	x	x											QĐ 630/2016
9	4620.	An thần phẫu thuật nội soi khâu mạc treo	x	x											QĐ 630/2016
9	4621.	An thần phẫu thuật nội soi khâu miệng nối đại-trực tràng, rửa bụng, dẫn lưu (xì miệng nối đại-trực tràng)	x	x											QĐ 630/2016
9	4622.	An thần phẫu thuật nội soi khâu rò ống ngực	x	x											QĐ 630/2016
9	4623.	An thần phẫu thuật nội soi khâu sụn chêm (Arthroscopic Meniscus Repair)	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4624.	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng cơ hoành	x	x											QĐ 630/2016
9	4625.	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	4626.	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày	x	x											QĐ 630/2016
9	4627.	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng	x	x											QĐ 630/2016
9	4628.	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	4629.	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng	x	x											QĐ 630/2016
9	4630.	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non	x	x											QĐ 630/2016
9	4631.	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	4632.	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	4633.	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng	x	x											QĐ 630/2016
9	4634.	An thần phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	4635.	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày + nối dạ dày-hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4636.	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày	x	x											QĐ 630/2016
9	4637.	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng	x	x											QĐ 630/2016
9	4638.	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	4639.	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng	x	x											QĐ 630/2016
9	4640.	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non	x	x											QĐ 630/2016
9	4641.	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng + nối dạ dày-hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	4642.	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	4643.	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng	x	x											QĐ 630/2016
9	4644.	An thần phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	4645.	An thần phẫu thuật nội soi khoan kích thích tủy (Microfracture technique)	x	x											QĐ 630/2016
9	4646.	An thần phẫu thuật nội soi khớp bả vai lồng ngực (Arthroscopic Management of Scapulothoracic Disorders)	x	x											QĐ 630/2016
9	4647.	An thần phẫu thuật nội soi kỹ thuật Heller điều trị co thắt tâm vị	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4648.	An thần phẫu thuật nội soi làm hậu môn nhân tạo	x	x											QĐ 630/2016
9	4649.	An thần phẫu thuật nội soi lấy dị vật phổi – màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	4650.	An thần phẫu thuật nội soi lấy dị vật trong đường mật	x	x											QĐ 630/2016
9	4651.	An thần phẫu thuật nội soi lấy hạch trung thất	x	x											QĐ 630/2016
9	4652.	An thần phẫu thuật nội soi lấy máu phế mạc đông	x	x											QĐ 630/2016
9	4653.	An thần phẫu thuật nội soi lấy máu tụ	x	x											QĐ 630/2016
9	4654.	An thần phẫu thuật nội soi lấy nhân đệm cốt sống lưng qua lỗ liên hợp	x	x											QĐ 630/2016
9	4655.	An thần phẫu thuật nội soi lấy nhân đệm cột sống sống lưng qua đường liên bản sống	x	x											QĐ 630/2016
9	4656.	An thần phẫu thuật nội soi lấy sỏi đường mật trong và ngoài gan có dẫn lưu Kehr	x	x											QĐ 630/2016
9	4657.	An thần phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản	x	x											QĐ 630/2016
9	4658.	An thần phẫu thuật nội soi lấy sỏi OMC có dẫn lưu Kehr		x											QĐ 630/2016
9	4659.	An thần phẫu thuật nội soi lấy u não dưới lều	x	x											QĐ 630/2016
9	4660.	An thần phẫu thuật nội soi lấy u não thất	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4661.	An thần phẫu thuật nội soi lấy u não vòm sọ	x	x											QĐ 630/2016
9	4662.	An thần phẫu thuật nội soi lấy u nền sọ	x	x											QĐ 630/2016
9	4663.	An thần phẫu thuật nội soi lấy u sọ hầu qua xoang sang	x	x											QĐ 630/2016
9	4664.	An thần phẫu thuật nội soi lấy u thành ngực	x	x											QĐ 630/2016
9	4665.	An thần phẫu thuật nội soi lấy u vùng bản lề chẫm cổ qua miệng	x	x											QĐ 630/2016
9	4666.	An thần phẫu thuật nội soi lấy u	x	x											QĐ 630/2016
9	4667.	An thần phẫu thuật nội soi lồng ngực cầm máu	x	x											QĐ 630/2016
9	4668.	An thần phẫu thuật nội soi lồng ngực cắt 1 phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	4669.	An thần phẫu thuật nội soi lồng ngực lấy máu tụ, cầm máu	x	x											QĐ 630/2016
9	4670.	An thần phẫu thuật nội soi lồng ngực sinh thiết chẩn đoán	x	x											QĐ 630/2016
9	4671.	An thần phẫu thuật nội soi lồng ngực xử trí tràn máu, tràn khí màng phổi	x	x	x										QĐ 630/2016
9	4672.	An thần phẫu thuật nội soi mở cửa sổ màng tim – màng phổi	x	x											QĐ 630/2016
9	4673.	An thần phẫu thuật nội soi mở hồi tràng/hỗng tràng ra da	x	x											QĐ 630/2016
9	4674.	An thần phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt gan thùy trái	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4675.	An thần phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt túi mật	x	x											QĐ 630/2016
9	4676.	An thần phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + nối ống mật chủ-hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	4677.	An thần phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi	x	x											QĐ 630/2016
9	4678.	An thần phẫu thuật nội soi mở ruột lấy dị vật		x											QĐ 630/2016
9	4679.	An thần phẫu thuật nội soi mở ruột non ra da	x	x											QĐ 630/2016
9	4680.	An thần phẫu thuật nội soi mở sàng hàm	x	x											QĐ 630/2016
9	4681.	An thần phẫu thuật nội soi mở thông dạ dày	x	x											QĐ 630/2016
9	4682.	An thần phẫu thuật nội soi mở túi mật ra da	x	x	x										QĐ 630/2016
9	4683.	An thần phẫu thuật nội soi mũi xoang điều trị gãy xương hàm mặt	x	x											QĐ 630/2016
9	4684.	An thần phẫu thuật nội soi nang thận qua phúc mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	4685.	An thần phẫu thuật nội soi nang thận sau phúc mạc	x	x											QĐ 630/2016
9	4686.	An thần phẫu thuật nội soi nối dạ dày-hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	4687.	An thần phẫu thuật nội soi nối dạ dày-hỗng tràng, nối túi mật-hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4688.	An thần phẫu thuật nội soi nối nang tụy- dạ dày điều trị nang giả tụy	x	x											QĐ 630/2016
9	4689.	An thần phẫu thuật nội soi nối nang tụy-hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	4690.	An thần phẫu thuật nội soi nối OMC-tá tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	4691.	An thần phẫu thuật nội soi nối ống gan chung-hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	4692.	An thần phẫu thuật nội soi nối ống mật chủ-hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	4693.	An thần phẫu thuật nội soi nối tắt đại tràng-đại tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	4694.	An thần phẫu thuật nội soi nối tắt hồi tràng-đại tràng ngang	x	x											QĐ 630/2016
9	4695.	An thần phẫu thuật nội soi nối tắt ruột non-ruột non	x	x											QĐ 630/2016
9	4696.	An thần phẫu thuật nội soi nối tắt thực quản-dạ dày bằng đại tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	4697.	An thần phẫu thuật nội soi nối túi mật-hỗng tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	4698.	An thần phẫu thuật nội soi nối vòi tử cung	x	x											QĐ 630/2016
9	4699.	An thần phẫu thuật nội soi ổ bụng chuẩn đoán	x	x											QĐ 630/2016
9	4700.	An thần phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy dụng cụ tránh thai	x	x											QĐ 630/2016
9	4701.	An thần phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy sỏi bể thận	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4702.	An thần phẫu thuật nội soi phá nang màng nhện dịch não tủy	x	x											QĐ 630/2016
9	4703.	An thần phẫu thuật nội soi phá thông sàn não thất III	x	x											QĐ 630/2016
9	4704.	An thần phẫu thuật nội soi phá thông sàn não thất và sinh thiết u não não thất	x	x											QĐ 630/2016
9	4705.	An thần phẫu thuật nội soi phình đại tràng bẩm sinh	x	x											QĐ 630/2016
9	4706.	An thần phẫu thuật nội soi phình động mạch chủ bụng	x	x											QĐ 630/2016
9	4707.	An thần phẫu thuật nội soi phục hồi thành bụng	x	x											QĐ 630/2016
9	4708.	An thần phẫu thuật nội soi qua dạ dày cắt polyp dạ dày	x	x											QĐ 630/2016
9	4709.	An thần phẫu thuật nội soi Robotigae	x	x											QĐ 630/2016
9	4710.	An thần phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu	x	x											QĐ 630/2016
9	4711.	An thần phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi bể thận	x	x											QĐ 630/2016
9	4712.	An thần phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản	x	x											QĐ 630/2016
9	4713.	An thần phẫu thuật nội soi sinh thiết hạch ổ bụng	x	x											QĐ 630/2016
9	4714.	An thần phẫu thuật nội soi sinh thiết u não thất	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4715.	An thần phẫu thuật nội soi sửa van hai lá	x	x											QĐ 630/2016
9	4716.	An thần phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo sau)	x	x											QĐ 630/2016
9	4717.	An thần phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân bánh chè tự thân	x	x											QĐ 630/2016
9	4718.	An thần phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân chân ngỗng x	x	x											QĐ 630/2016
9	4719.	An thần phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân tứ đầu	x	x											QĐ 630/2016
9	4720.	An thần phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng kỹ thuật hai bó	x	x											QĐ 630/2016
9	4721.	An thần phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng quạ đòn	x	x											QĐ 630/2016
9	4722.	An thần phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo sau	x	x											QĐ 630/2016
9	4723.	An thần phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo trước	x	x											QĐ 630/2016
9	4724.	An thần phẫu thuật nội soi tán sỏi trong phẫu thuật nội soi đường mật và tán sỏi qua đường hầm Kehr	x	x											QĐ 630/2016
9	4725.	An thần phẫu thuật nội soi tán sỏi, dẫn lưu đường mật qua da dưới ECHO	x	x											QĐ 630/2016
9	4726.	An thần phẫu thuật nội soi tạo hình cống não	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4727.	An thần phẫu thuật nội soi tạo hình khúc nối niệu quản - bể thận	x	x											QĐ 630/2016
9	4728.	An thần phẫu thuật nội soi tạo hình mỏm cùng vai	x	x											QĐ 630/2016
9	4729.	An thần phẫu thuật nội soi tạo hình niệu quản	x	x											QĐ 630/2016
9	4730.	An thần phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Dor	x	x											QĐ 630/2016
9	4731.	An thần phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Lortat-Jacob	x	x											QĐ 630/2016
9	4732.	An thần phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Nissen	x	x											QĐ 630/2016
9	4733.	An thần phẫu thuật nội soi tạo hình tâm vị kiểu Toupet	x	x											QĐ 630/2016
9	4734.	An thần phẫu thuật nội soi tạo hình thực quản	x	x											QĐ 630/2016
9	4735.	An thần phẫu thuật nội soi thắt động mạch gan điều trị ung thư gan/vết thương gan	x	x											QĐ 630/2016
9	4736.	An thần phẫu thuật nội soi thắt động mạch hàm trong	x	x											QĐ 630/2016
9	4737.	An thần phẫu thuật nội soi thắt ống ngực (điều trỡ dò bạch huyết)	x	x											QĐ 630/2016
9	4738.	An thần phẫu thuật nội soi thắt tuần hoàn bàng hệ	x	x											QĐ 630/2016
9	4739.	An thần phẫu thuật nội soi thay van hai lá	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4740.	An thần phẫu thuật nội soi treo thận để điều trị sa thận	x	x											QĐ 630/2016
9	4741.	An thần phẫu thuật nội soi tuỷ sống	x	x											QĐ 630/2016
9	4742.	An thần phẫu thuật nội soi tuyến yên qua đường xương bướm	x	x											QĐ 630/2016
9	4743.	An thần phẫu thuật nội soi u buồng trứng trên bệnh nhân có thai	x	x											QĐ 630/2016
9	4744.	An thần phẫu thuật nội soi u mạc treo	x	x											QĐ 630/2016
9	4745.	An thần phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng	x	x											QĐ 630/2016
9	4746.	An thần phẫu thuật nội soi viêm phần phụ	x	x											QĐ 630/2016
9	4747.	An thần phẫu thuật nội soi vỡ đại tràng	x	x											QĐ 630/2016
9	4748.	An thần phẫu thuật nội soi vùng nền sọ	x	x											QĐ 630/2016
9	4749.	An thần phẫu thuật nội soi xẻ sa lồi lỗ niệu quản	x	x											QĐ 630/2016
9	4750.	An thần phẫu thuật nội soi xoang bướm - trán	x	x											QĐ 630/2016
9	4751.	An thần phẫu thuật nội soi xử lý viêm phúc mạc tiểu khung	x	x											QĐ 630/2016
9	4752.	An thần rút sonde JJ do nơi khác đặt hoặc thay sonde JJ tại khoa	x	x	x										QĐ 630/2016
9	4760.	An thần sau phẫu thuật chấn thương không sốc hoặc sốc nhẹ	x	x	x										QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4761.	An thần sau phẫu thuật chấn thương sọ não	x	x											QĐ 630/2016
9	4762.	An thần sau phẫu thuật điều trị bệnh còn ống động mạch ở trẻ lớn và người lớn	x	x											QĐ 630/2016
9	4763.	An thần sau phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính	x	x											QĐ 630/2016
9	4764.	An thần sau phẫu thuật lấy máu tụ ngoài mầng cứng dưới lều tiểu não (hố sau)	x	x											QĐ 630/2016
9	4765.	An thần sau phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng nhiều vị trí trên lều và/hoặc dưới lều tiểu não	x	x											QĐ 630/2016
9	4766.	An thần sau phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng trên lều tiểu não	x	x											QĐ 630/2016
9	4767.	An thần sau phẫu thuật lấy máu tụ quanh ổ mắt sau CTSN	x	x											QĐ 630/2016
9	4768.	An thần sau phẫu thuật lấy máu tụ trong não thất	x	x											QĐ 630/2016
9	4769.	An thần sau phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân Basedow	x	x											QĐ 630/2016
9	4770.	An thần sau phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đa chấn thương	x	x	x										QĐ 630/2016
9	4771.	An thần sau phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân động kinh + tiền sử động kinh	x	x											QĐ 630/2016
9	4772.	An thần tán sỏi qua da bằng laser	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
9	4773.	An thần tán sỏi qua da bằng siêu âm	x	x											QĐ 630/2016
9	4774.	An thần tán sỏi qua da bằng xung hơi	x	x											QĐ 630/2016
9	4775.	An thần tán sỏi thận qua da	x	x											QĐ 630/2016
9	4776.	An thần thông tim chẩn đoán và điều trị các bệnh lí tim và mạch ở trẻ em	x	x											QĐ 630/2016
9	4777.	An thần trung phẫu ngực ở trẻ em	x	x											QĐ 630/2016
10	1.	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp	x	x			x								QĐ 12/2014
10	2.	Phẫu thuật vỡ lún xương sọ hở	x	x					x						QĐ 12/2014
10	3.	Phẫu thuật vết thương sọ não (có rách màng não)	x	x					x						QĐ 12/2014
10	4.	Phẫu thuật xử lý lún sọ không có vết thương	x	x					x						QĐ 12/2014
10	5.	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng trên lều tiểu não	x	x				x							QĐ 12/2014
10	6.	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài mầng cứng dưới lều tiểu não (hố sau)	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	7.	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng nhiều vị trí trên lều và/hoặc dưới lều tiểu não	x	x			x								QĐ 12/2014
10	8.	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính	x	x			x								QĐ 12/2014
10	9.	Phẫu thuật lấy màu tụ dưới màng cứng mạn tính một bên	x	x					x						QĐ 12/2014
10	10.	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính hai bên	x	x				x							QĐ 12/2014
10	13.	Phẫu thuật xử lý vết thương xoang hơi trán	x	x					x						QĐ 12/2014
10	14.	Phẫu thuật xử lý vết thương xoang tĩnh mạch sọ	x	x			x								QĐ 12/2014
10	15.	Phẫu thuật mở nắp sọ giải ép trong tăng áp lực nội sọ (do máu tụ, thiếu máu não, phù não)	x	x				x							QĐ 12/2014
10	17.	Phẫu thuật vá khuyết sọ sau chấn thương sọ não	x	x					x						QĐ 139/2014
10	21.	Phẫu thuật vá đường dò dịch não tuỷ ở vòm sọ sau CTSN	x	x				x							QĐ 12/2014
10	25.	Phẫu thuật chọc hút áp xe não, bán cầu đại não	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	26.	Phẫu thuật chọc hút áp xe não, tiểu não	x	x			x								QĐ 630/2016
10	27.	Phẫu thuật lấy bao áp xe não, đại não, bằng đường mở nắp sọ	x	x			x								QĐ 630/2016
10	29.	Phẫu thuật viêm xương sọ	x	x					x						QĐ 139/2014
10	32.	Phẫu thuật nhiễm khuẩn vết mổ	x	x					x						QĐ 12/2014
10	33.	Phẫu thuật tụ mủ dưới màng cứng	x	x				x							QĐ 630/2016
10	34.	Phẫu thuật tụ mủ ngoài màng cứng	x	x					x						QĐ 12/2014
10	38.	Phẫu thuật xử lý nhiễm khuẩn vết mổ	x	x					x						QĐ 12/2014
10	57.	Chọc dịch não tuỷ thắt lưng (thủ thuật)	x	x							x				QĐ 12/2014
10	122.	Phẫu thuật u xương sọ vòm sọ	x	x				x							QĐ 12/2014
10	124.	Phẫu thuật u da đầu thâm nhiễm xương-màng cứng sọ	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	148.	Phẫu thuật u thần kinh ngoại biên	x	x				x							QĐ 630/2016
10	149.	Phẫu thuật giải phóng chèn ép TK ngoại biên	x	x				x							QĐ 12/2014
10	151.	Phẫu thuật u thần kinh trên da	x	x	x			x							QĐ 12/2014
10	152.	Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	153.	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần	x	x	x			x							QĐ 12/2014
10	154.	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở nặng có chỉ định mở ngực cấp cứu	x	x				x							QĐ 12/2014
10	155.	Phẫu thuật điều trị vết thương tim	x	x	x		x								QĐ 12/2014
10	156.	Phẫu thuật điều trị vỡ tim do chấn thương	x	x			x								QĐ 12/2014
10	157.	Phẫu thuật điều trị vết thương – chấn thương khí quản cổ	x	x			x								QĐ 12/2014
10	158.	Phẫu thuật điều trị vỡ phế quản do chấn thương ngực	x	x			x								QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	159.	Phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi	x	x	x			x							QĐ 12/2014
10	160.	Phẫu thuật lấy dị vật trong phổi – màng phổi	x	x	x			x							QĐ 12/2014
10	161.	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực – bụng qua đường ngực	x	x			x								QĐ 12/2014
10	162.	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực – bụng qua đường bụng	x	x	x		x								QĐ 12/2014
10	163.	Phẫu thuật điều trị mảng sườn di động	x	x	x			x							QĐ 630/2016
10	164.	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
10	167.	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch máu chi	x	x				x							QĐ 12/2014
10	168.	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch cảnh	x	x			x								QĐ 630/2016
10	169.	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch chậu	x	x			x								QĐ 12/2014
10	170.	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch dưới đòn	x	x			x								QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	171.	Phẫu thuật điều trị vết thương mạch đốt sống	x	x	x		x								QĐ 630/2016
10	172.	Phẫu thuật thắt các mạch máu lớn ngoại vi	x	x	x	x		x							QĐ 12/2014
10	173.	Phẫu thuật điều trị chấn thương – vết thương mạch máu ngoại vi ở trẻ em	x	x			x								QĐ 12/2014
10	174.	Phẫu thuật điều trị vết thương – chấn thương động – tĩnh mạch chủ, mạch tạng, mạch thận	x	x			x								QĐ 12/2014
10	175.	Phẫu thuật Hybrid trong cấp cứu mạch máu (phẫu thuật mạch + can thiệp mạch)	x	x			x								QĐ 12/2014
10	259.	Phẫu thuật điều trị bệnh suy – giãn tĩnh mạch chi dưới	x	x				x							QĐ 630/2016
10	260.	Phẫu thuật tạo thông động – tĩnh mạch để chạy thận nhân tạo	x	x	x			x							QĐ 630/2016
10	265.	Phẫu thuật cắt u máu nhỏ (đường kính < 10 cm)	x	x					x						QĐ 630/2016
10	271.	Phẫu thuật cắt một phân thùy phổi, cắt phổi không điển hình do bệnh lý	x	x			x								QĐ 630/2016
10	272.	Phẫu thuật cắt một thùy phổi bệnh lý	x	x			x								QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	277.	Phẫu thuật cắt u nang phế quản	x	x				x							QĐ 630/2016
10	278.	Phẫu thuật cắt u thành ngực	x	x	x				x						QĐ 630/2016
10	281.	Phẫu thuật bóc màng phổi điều trị ổ cặn, dầy dính màng phổi	x	x			x								QĐ 12/2014
10	283.	Phẫu thuật điều trị lỗ dò phế quản	x	x			x								QĐ 12/2014
10	284.	Phẫu thuật mở ngực nhỏ tạo dính màng phổi	x	x				x							QĐ 12/2014
10	285.	Phẫu thuật cắt xương sườn do u xương sườn	x	x				x							QĐ 12/2014
10	286.	Phẫu thuật cắt xương sườn do viêm xương	x	x				x							QĐ 12/2014
10	287.	Phẫu thuật đánh xẹp ngực điều trị ổ cặn màng phổi	x	x				x							QĐ 12/2014
10	288.	Phẫu thuật điều trị nhiễm trùng vết mổ ngực	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	289.	Mở ngực thăm dò, sinh thiết	x	x	x			x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	290.	Phẫu thuật cắt – khâu kén khí phổi	x	x				x							QĐ 12/2014
10	291.	Phẫu thuật điều trị máu đông màng phổi	x	x	x			x							QĐ 12/2014
10	292.	Phẫu thuật lấy dị vật phổi – màng phổi	x	x	x			x							QĐ 12/2014
10	293.	Phẫu thuật điều trị bệnh lý mủ màng phổi	x	x	x			x							QĐ 12/2014
10	299.	Lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận đa nang	x	x				x							QĐ 630/2016
10	302.	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	x	x			x								QĐ 630/2016
10	303.	Cắt thận đơn thuần	x	x				x							QĐ 139/2014
10	306.	Lấy sỏi san hô thận	x	x				x							QĐ 139/2014
10	307.	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang	x	x				x							QĐ 12/2014
10	308.	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	x	x				x							QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	309.	Lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt	x	x			x								QĐ 12/2014
10	310.	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang	x	x				x							QĐ 12/2014
10	311.	Tán sỏi ngoài cơ thể	x	x							x				QĐ 139/2014
10	312.	Chọc hút và bơm thuốc vào nang thận	x	x							x				QĐ 630/2016
10	313.	Dẫn lưu đài bể thận qua da	x	x							x				QĐ 139/2014
10	315.	Phẫu thuật khâu bảo tồn hoặc cắt thận bán phần trong chấn thương thận	x	x				x							QĐ 12/2014
10	316.	Phẫu thuật hở lấy sỏi thận sỏi niệu quản + kết hợp nội soi mềm để lấy toàn bộ sỏi	x	x			x								QĐ 630/2016
10	317.	Dẫn lưu bể thận tối thiểu	x	x					x						QĐ 12/2014
10	318.	Dẫn lưu thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x						x				QĐ 630/2016
10	319.	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	x	x	x			x							QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	320.	Tạo hình khúc nối bể thận – niệu quản (Phương pháp Foley, Anderson – Hynes	x	x				x							QĐ 630/2016
10	323.	Nối niệu quản - đài thận	x	x				x							QĐ 630/2016
10	324.	Cắt nối niệu quản	x	x				x							QĐ 12/2014
10	325.	Lấy sỏi niệu quản đơn thuần	x	x					x						QĐ 12/2014
10	326.	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	x	x				x							QĐ 12/2014
10	327.	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	x	x				x							QĐ 12/2014
10	329.	Nong niệu quản	x	x					x						QĐ 630/2016
10	331.	Tạo hình niệu quản do phình to niệu quản	x	x				x							QĐ 630/2016
10	333.	Cắm lại niệu quản – bàng quang	x	x				x							QĐ 630/2016
10	334.	Đưa niệu quản ra da đơn thuần ± thắt ĐM chậu trong	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	335.	Đặt ống thông JJ trong hẹp niệu quản	x	x								x			QĐ 630/2016
10	342.	Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang	x	x				x							QĐ 12/2014
10	344.	Dẫn lưu bàng quang bằng chọc trôca	x	x							x				QĐ 12/2014
10	347.	Cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da	x	x				x							QĐ 630/2016
10	348.	Cắm niệu quản bàng quang	x	x				x							QĐ 630/2016
10	350.	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang	x	x				x							QĐ 12/2014
10	352.	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang	x	x				x							QĐ 630/2016
10	353.	Bơm rửa bàng quang, bơm hoá chất	x	x	x							x			QĐ 630/2016
10	354.	Thay ống thông dẫn lưu thận, bàng quang	x	x	x							x			QĐ 12/2014
10	355.	Lấy sỏi bàng quang	x	x	x				x						QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	356.	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang	x	x	x				x						QĐ 139/2014
10	357.	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	359.	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần	x	x	x					x					QĐ 12/2014
10	371.	Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nước tiểu	x	x	x			x							QĐ 12/2014
10	372.	Phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt	x	x	x				x						QĐ 630/2016
10	375.	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường sau xương mu	x	x				x							QĐ 12/2014
10	376.	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường bàng quang	x	x				x							QĐ 12/2014
10	378.	Dẫn lưu bàng quang, đặt Tuteur niệu đạo	x	x					x						QĐ 12/2014
10	386.	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ	x	x					x						QĐ 12/2014
10	394.	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chổ	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	395.	Cắt tinh mạc	x	x					x						QĐ 12/2014
10	396.	Cắt mào tinh	x	x					x						QĐ 12/2014
10	397.	Cắt thể Morgani xoắn	x	x					x						QĐ 12/2014
10	400.	Thắt tĩnh mạch tinh trên bụng	x	x					x						QĐ 12/2014
10	402.	Phẫu thuật vỡ vật hang do gẫy dương vật	x	x						x					QĐ 12/2014
10	405.	Nong niệu đạo	x	x	x							x			QĐ 630/2016
10	406.	Cắt bỏ tinh hoàn	x	x	x					x					QĐ 12/2014
10	407.	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	408.	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn	x	x	x					x					QĐ 12/2014
10	410.	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài	x	x	x					x					QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	411.	Cắt hẹp bao quy đầu	x	x	x	x				x					QĐ 12/2014
10	412.	Mở rộng lỗ sáo	x	x	x	x				x					QĐ 630/2016
10	414.	Mở ngực thăm dò	x	x	x				x						QĐ 630/2016
10	415.	Mở ngực thăm dò, sinh thiết	x	x	x				x						QĐ 630/2016
10	416.	Mở thông dạ dày	x	x	x					x					QĐ 139/2014
10	419.	Khâu lỗ thủng hoặc vết thương thực quản	x	x				x							QĐ 630/2016
10	450.	Các phẫu thuật thực quản khác	x	x				x							QĐ 630/2016
10	451.	Mở bụng thăm dò	x	x	x					x					QĐ 139/2014
10	452.	Mở bụng thăm dò, sinh thiết	x	x	x					x					QĐ 12/2014
10	453.	Nối vị tràng	x	x	x					x					QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	454.	Cắt dạ dày hình chêm	x	x	x				x						QĐ 630/2016
10	455.	Cắt đoạn dạ dày	x	x				x							QĐ 12/2014
10	456.	Cắt đoạn dạ dày và mạc nối lớn	x	x				x							QĐ 12/2014
10	463.	Khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng	x	x	x				x						QĐ 139/2014
10	464.	Phẫu thuật Newmann	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	465.	Khâu cầm máu ổ loét dạ dày	x	x					x						QĐ 12/2014
10	469.	Mở cơ môn vị	x	x					x						QĐ 630/2016
10	470.	Tạo hình môn vị	x	x					x						QĐ 630/2016
10	471.	Mở dạ dày xử lý tổn thương	x	x					x						QĐ 12/2014
10	472.	Các phẫu thuật dạ dày khác	x	x					x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	479.	Mở thông hỗng tràng hoặc mở thông hồi tràng	x	x	x					x					QĐ 12/2014
10	480.	Khâu lỗ thủng hoặc khâu vết thương ruột non	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	481.	Cắt dây chằng, gỡ dính ruột	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	482.	Tháo xoắn ruột non	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	483.	Tháo lồng ruột non	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	484.	Đẩy bã thức ăn xuống đại tràng	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	485.	Mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại,…)	x	x	x			x							QĐ 12/2014
10	486.	Cắt ruột non hình chêm	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	487.	Cắt đoạn ruột non, lập lại lưu thông	x	x				x							QĐ 12/2014
10	488.	Cắt đoạn ruột non, đưa hai đầu ruột ra ngoài	x	x	x			x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	489.	Cắt đoạn ruột non, nối tận bên, đưa 1 đầu ra ngoài (Quénue)	x	x				x							QĐ 12/2014
10	490.	Cắt nhiều đoạn ruột non	x	x	x		x								QĐ 12/2014
10	491.	Gỡ dính sau mổ lại	x	x	x			x							QĐ 12/2014
10	492.	Phẫu thuật điều trị apxe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng	x	x	x			x							QĐ 12/2014
10	493.	Đóng mở thông ruột non	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	494.	Nối tắt ruột non - đại tràng hoặc trực tràng	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	495.	Nối tắt ruột non - ruột non	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	496.	Cắt mạc nối lớn	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	497.	Cắt bỏ u mạc nối lớn	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	498.	Cắt u mạc treo ruột	x	x	x			x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	505.	Các phẫu thuật tá tràng khác	x	x				x							QĐ 630/2016
10	506.	Cắt ruột thừa đơn thuần	x	x	x	x			x						QĐ 12/2014
10	507.	Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	508.	Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	509.	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	x	x	x				x						QĐ 139/2014
10	510.	Các phẫu thuật ruột thừa khác	x	x					x						QĐ 12/2014
10	511.	Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	512.	Khâu lỗ thủng đại tràng	x	x					x						QĐ 12/2014
10	513.	Cắt túi thừa đại tràng	x	x					x						QĐ 12/2014
10	514.	Cắt đoạn đại tràng nối ngay	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	515.	Cắt đoạn đại tràng, đưa 2 đầu đại tràng ra ngoài	x	x				x							QĐ 12/2014
10	516.	Cắt đoạn đại tràng, đóng đầu dưới, đưa đầu trên ra ngoài ổ bụng kiểu Hartmann	x	x				x							QĐ 12/2014
10	517.	Cắt manh tràng và đoạn cuối hồi tràng	x	x				x							QĐ 12/2014
10	518.	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái nối ngay	x	x				x							QĐ 12/2014
10	519.	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái, đưa 2 đầu ruột ra ngoài	x	x				x							QĐ 12/2014
10	524.	Làm hậu môn nhân tạo	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	525.	Làm hậu môn nhân tạo	x	x	x				x						QĐ 139/2014
10	526.	Lấy dị vật trực tràng	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	527.	Cắt đoạn trực tràng nối ngay	x	x				x							QĐ 630/2016
10	528.	Cắt đoạn trực tràng, đóng đầu dưới đưa đầu trên ra ngoài kiểu Hartmann	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	534.	Khâu lỗ thủng, vết thương trực tràng	x	x				x							QĐ 12/2014
10	549.	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan – Morgan hoặc Ferguson)	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	550.	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ hỗ trợ	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	551.	Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng	x	x				x							QĐ 139/2014
10	552.	Phẫu thuật Longo	x	x					x						QĐ 12/2014
10	553.	Phẫu thuật Longo kết hợp với khâu treo trĩ	x	x					x						QĐ 12/2014
10	554.	Phẫu thuật khâu treo và triệt mạch trĩ (THD)	x	x					x						QĐ 630/2016
10	555.	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	556.	Phẫu thuật điều trị áp xe hậu môn phức tạp	x	x				x							QĐ 630/2016
10	557.	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản	x						x						QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	558.	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn phức tạp	x					x							QĐ 139/2014
10	561.	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong (vị trí 3 giờ và 9 giờ)	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	565.	Phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	566.	Phẫu thuật cắt u nhú ống hậu môn (condylome)	x	x	x					x					QĐ 630/2016
10	567.	Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp…)	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	569.	Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn	x	x	x			x							QĐ 630/2016
10	571.	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn đơn giản	x	x					x						QĐ 12/2014
10	572.	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn phức tạp	x	x				x							QĐ 12/2014
10	573.	Các phẫu thuật hậu môn khác	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	578.	Cắt gan phân thuỳ sau	x	x			x								QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	580.	Cắt thuỳ gan trái	x	x				x							QĐ 630/2016
10	581.	Cắt hạ phân thuỳ 1	x	x			x								QĐ 1746/2017
10	582.	Cắt hạ phân thuỳ 2	x	x				x							QĐ 1746/2017
10	583.	Cắt hạ phân thuỳ 3	x	x				x							QĐ 1746/2017
10	584.	Cắt hạ phân thuỳ 4	x	x			x								QĐ 1746/2017
10	585.	Cắt hạ phân thuỳ 5	x	x				x							QĐ 1746/2017
10	586.	Cắt hạ phân thuỳ 6	x	x				x							QĐ 1746/2017
10	587.	Cắt hạ phân thuỳ 7	x	x			x								QĐ 1746/2017
10	588.	Cắt hạ phân thuỳ 8	x	x			x								QĐ 1746/2017
10	589.	Cắt hạ phân thuỳ 9	x	x			x								QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	598.	Các phẫu thuật cắt gan khác	x	x											QĐ 630/2016
10	608.	Cầm máu nhu mô gan	x	x	x			x							QĐ 12/2014
10	609.	Chèn gạc nhu mô gan cầm máu	x	x	x			x							QĐ 12/2014
10	610.	Lấy máu tụ bao gan	x	x				x							QĐ 12/2014
10	616.	Dẫn lưu áp xe gan	x	x				x							QĐ 139/2014
10	617.	Dẫn lưu áp xe tồn dư sau mổ gan	x	x				x							QĐ 12/2014
10	620.	Mở thông túi mật	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	621.	Cắt túi mật	x	x	x			x							QĐ 12/2014
10	622.	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, không dẫn lưu đường mật	x	x				x							QĐ 12/2014
10	623.	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, dẫn lưu đường mật	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	624.	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, nội soi đường mật	x	x			x								QĐ 630/2016
10	625.	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, nội soi tán sỏi đường mật	x	x			x								QĐ 630/2016
10	629.	Mở nhu mô gan lấy sỏi	x	x			x								QĐ 1746/2017
10	631.	Các phẫu thuật lấy sỏi mật khác	x	x				x							QĐ 630/2016
10	632.	Nối mật ruột bên - bên	x	x				x							QĐ 630/2016
10	637.	Cắt nang ống mật chủ	x	x				x							QĐ 630/2016
10	638.	Mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật	x	x				x							QĐ 630/2016
10	639.	Các phẫu thuật đường mật khác	x	x				x							QĐ 630/2016
10	640.	Khâu vết thương tụy và dẫn lưu	x	x	x			x							QĐ 12/2014
10	641.	Dẫn lưu nang tụy	x	x	x			x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	643.	Nối nang tụy với dạ dày	x	x	x			x							QĐ 630/2016
10	644.	Nối nang tụy với hỗng tràng	x	x	x			x							QĐ 630/2016
10	645.	Cắt bỏ nang tụy	x	x				x							QĐ 630/2016
10	654.	Cắt thân đuôi tụy kèm cắt lách	x	x	x			x							QĐ 630/2016
10	669.	Lấy tổ chức tụy hoại tử, dẫn lưu	x	x				x							QĐ 630/2016
10	672.	Các phẫu thuật tuỵ khác	x	x				x							QĐ 630/2016
10	673.	Cắt lách do chấn thương	x	x	x			x							QĐ 139/2014
10	674.	Cắt lách bệnh lý	x	x				x							QĐ 630/2016
10	676.	Khâu vết thương lách	x	x	x			x							QĐ 12/2014
10	678.	Các phẫu thuật lách khác	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	679.	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	680.	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	681.	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	682.	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	683.	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	x	x				x							QĐ 12/2014
10	684.	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên	x	x	x			x							QĐ 12/2014
10	685.	Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	686.	Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng	x	x				x							QĐ 12/2014
10	687.	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	x	x	x			x							QĐ 12/2014
10	688.	Phẫu thuật rò, nang ống rốn tràng, niệu rốn	x	x	x				x						

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	689.	Phẫu thuật khâu lỗ thủng cơ hoành do vết thương	x	x	x			x							QĐ 12/2014
10	690.	Phẫu thuật khâu vỡ cơ hoành	x	x	x			x							QĐ 12/2014
10	691.	Phẫu thuật điều trị thoát vị cơ hoành	x	x				x							QĐ 630/2016
10	692.	Phẫu thuật điều trị thoát vị khe hoành	x	x				x							QĐ 630/2016
10	695.	Phẫu thuật cắt u cơ hoành	x	x				x							QĐ 630/2016
10	696.	Các phẫu thuật cơ hoành khác	x	x				x							QĐ 630/2016
10	697.	Phẫu thuật cắt u thành bụng	x	x	x			x							QĐ 12/2014
10	698.	Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác vết mổ	x	x	x			x							QĐ 12/2014
10	699.	Khâu vết thương thành bụng	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	700.	Các phẫu thuật thành bụng khác	x	x					x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	701.	Mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	x	x				x							QĐ 12/2014
10	702.	Bóc phúc mạc douglas	x	x				x							QĐ 12/2014
10	703.	Lấy mạc nối lớn và mạc nối nhỏ	x	x				x							QĐ 12/2014
10	704.	Bóc phúc mạc bên trái	x	x				x							QĐ 12/2014
10	705.	Bóc phúc mạc bên phải	x	x				x							QĐ 12/2014
10	706.	Bóc phúc mạc phủ tạng	x	x				x							QĐ 12/2014
10	707.	Bóc phúc mạc kèm cắt các tạng khác	x	x			x								QĐ 12/2014
10	713.	Lấy u sau phúc mạc	x	x				x							QĐ 12/2014
10	716.	Phẫu thuật tháo khớp vai	x	x				x							QĐ 139/2014
10	717.	Phẫu thuật kết hợp xương (KHX) gãy xương bả vai	x	x				x							QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	718.	Phẫu thuật KHX gãy cổ xương bả vai	x	x				x							QĐ 12/2014
10	719.	Phẫu thuật KHX gãy xương đòn	x	x	x				x						QĐ 139/2014
10	720.	Phẫu thuật KHX trật khớp cùng đòn	x	x				x							QĐ 12/2014
10	721.	Phẫu thuật KHX khớp giả xương đòn	x	x				x							QĐ 12/2014
10	722.	Phẫu thuật KHX trật khớp ức đòn	x	x				x							QĐ 12/2014
10	725.	Phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay	x	x				x							QĐ 12/2014
10	726.	Phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay cánh tay có liệt TK quay	x	x				x							QĐ 630/2016
10	727.	Phẫu thuật KHX khớp giả xương cánh tay	x	x			x								QĐ 12/2014
10	728.	Phẫu thuật KHX phẫu thuật tạo hình điều trị cứng sau chấn thương	x	x			x								QĐ 12/2014
10	729.	Phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay phức tạp	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	730.	Phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương cánh tay	x	x				x							QĐ 12/2014
10	731.	Phẫu thuật KHX gãy liên lồi cầu xương cánh tay	x	x				x							QĐ 12/2014
10	732.	Phẫu thuật KHX gãy ròng rọc xương cánh tay	x	x					x						QĐ 12/2014
10	733.	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	x	x					x						QĐ 12/2014
10	734.	Phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu	x	x	x			x							QĐ 12/2014
10	735.	Phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu phức tạp	x	x				x							QĐ 12/2014
10	736.	Phẫu thuật KHX gãy Monteggia	x	x				x							QĐ 12/2014
10	737.	Phẫu thuật KHX gãy đài quay	x	x					x						QĐ 12/2014
10	738.	Phẫu thuật KHX gãy đài quay phức tạp	x	x				x							QĐ 12/2014
10	739.	Phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng tay	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	740.	Phẫu thuật KHX gãy xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới	x	x				x							QĐ 12/2014
10	741.	Phẫu thuật KHX gãy phức tạp khớp khuỷu	x	x			x								QĐ 12/2014
10	742.	Phẫu thuật tạo hình cứng khớp cổ tay sau chấn thương	x	x			x								QĐ 1746/2017
10	743.	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay	x	x				x							QĐ 12/2014
10	746.	Phẫu thuật KHX gãy thân đốt bàn và ngón tay	x					x							QĐ 12/2014
10	749.	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay	x	x				x							QĐ 12/2014
10	750.	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay	x	x				x							QĐ 12/2014
10	751.	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn – cổ tay	x	x				x							QĐ 12/2014
10	753.	Phẫu thuật KHX gãy cánh chậu	x	x				x							QĐ 12/2014
10	755.	Phẫu thuật KHX toác khớp mu (trật khớp)	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	756.	Phẫu thuật KHX gãy khung chậu – trật khớp mu	x	x				x							QĐ 12/2014
10	757.	Phẫu thuật KHX gãy ổ cối đơn thuần	x	x				x							QĐ 1746/2017
10	759.	Phẫu thuật KHX gãy bán phần chỏm xương đùi	x	x				x							QĐ 630/2016
10	761.	Phẫu thuật KHX gãy cổ xương đùi	x	x				x							QĐ 12/2014
10	762.	Phẫu thuật KHX gãy cổ mấu chuyển xương đùi	x	x				x							QĐ 12/2014
10	763.	Phẫu thuật KHX gãy liên mấu chuyển xương đùi	x	x				x							QĐ 12/2014
10	764.	Phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương đùi	x	x			x								QĐ 630/2016
10	765.	Phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi	x	x				x							QĐ 12/2014
10	766.	Phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương đùi	x	x				x							QĐ 12/2014
10	767.	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương đùi	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	768.	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu trong xương đùi	x	x				x							QĐ 12/2014
10	769.	Phẫu thuật KHX gãy trên và liên lồi cầu xương đùi	x	x				x							QĐ 12/2014
10	770.	Phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi phức tạp	x	x				x							QĐ 12/2014
10	772.	Phẫu thuật KHX gãy bánh chè	x	x					x						QĐ 12/2014
10	773.	Phẫu thuật KHX gãy xương bánh chè phức tạp	x	x				x							QĐ 12/2014
10	774.	Phẫu thuật lấy toàn bộ xương bánh chè	x					x							QĐ 139/2014
10	775.	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày trong	x	x				x							QĐ 12/2014
10	776.	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày ngoài	x	x				x							QĐ 12/2014
10	777.	Phẫu thuật KHX gãy hai mâm chày	x				x								
10	778.	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày + thân xương chày	x	x			x								QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	779.	Phẫu thuật KHX gãy thân xương chày	x	x				x							QĐ 12/2014
10	780.	Phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng chân	x	x				x							QĐ 12/2014
10	781.	Phẫu thuật KHX gãy xương mác đơn thuần	x	x				x							QĐ 12/2014
10	784.	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá trong	x	x				x							QĐ 12/2014
10	785.	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá ngoài	x	x				x							QĐ 12/2014
10	786.	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân	x	x			x								QĐ 12/2014
10	793.	Phẫu thuật KHX gãy hở độ I hai xương cẳng chân	x	x				x							QĐ 12/2014
10	794.	Phẫu thuật KHX gãy hở độ II hai xương cẳng chân	x	x				x							QĐ 12/2014
10	795.	Phẫu thuật KHX gãy hở độ III hai xương cẳng chân	x	x				x							QĐ 12/2014
10	798.	Phẫu thuật KHX gãy hở I thân hai xương cẳng tay	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	799.	Phẫu thuật KHX gãy hở II thân hai xương cẳng tay	x	x				x							QĐ 12/2014
10	800.	Phẫu thuật KHX gãy hở III thân hai xương cẳng tay	x	x				x							QĐ 12/2014
10	801.	Phẫu thuật KHX gãy hở độ I thân xương cánh tay	x	x				x							QĐ 12/2014
10	802.	Phẫu thuật KHX gãy hở độ II thân xương cánh tay	x	x				x							QĐ 12/2014
10	803.	Phẫu thuật KHX gãy hở độ III thân xương cánh tay	x	x				x							QĐ 12/2014
10	805.	Cố đinh ngoại vi trong điều trị gãy hở chi trên	x	x				x							QĐ 12/2014
10	806.	Cố đinh ngoại vi trong điều trị gãy hở chi dưới	x	x				x							QĐ 12/2014
10	807.	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	808.	Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan vận động	x	x				x							QĐ 12/2014
10	809.	Phẫu thuật vết thương bàn tay	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	810.	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi	x	x				x							QĐ 12/2014
10	811.	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp	x	x				x							QĐ 12/2014
10	814.	Phẫu thuật chuyển vạt che phủ phần mềm cuống mạch rời	x				x								QĐ 12/2014
10	815.	Phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn ngón tay	x	x				x							QĐ 12/2014
10	816.	Phẫu thuật KHX gãy nội khớp xương khớp ngón tay	x	x				x							QĐ 12/2014
10	817.	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương khớp ngón tay	x	x				x							QĐ 12/2014
10	819.	Phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay	x	x				x							QĐ 12/2014
10	820.	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay	x	x					x						QĐ 12/2014
10	821.	Phẫu thuật KHX gãy nội khớp đầu dưới xương quay	x	x					x						QĐ 12/2014
10	823.	Phẫu thuật và điều trị trật khớp quay trụ dưới	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	826.	Phẫu thuật tái tạo dây chằng bên của ngón 1 bàn tay	x	x				x							QĐ 12/2014
10	827.	KHX qua da bằng K.Wire gãy đầu dưới xương quay	x	x					x						QĐ 12/2014
10	828.	Phẫu thuật chỉnh trục Cal lệch đầu dưới xương quay	x	x				x							QĐ 630/2016
10	832.	Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	x	x				x							QĐ 12/2014
10	833.	Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ	x	x					x						QĐ 12/2014
10	834.	Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay	x	x					x						QĐ 12/2014
10	835.	Phẫu thuật chuyển gân điều trị liệt thần kinh giữa	x	x				x							QĐ 12/2014
10	836.	Phẫu thuật chuyển gân điều trị liệt thần kinh trụ	x	x				x							QĐ 630/2016
10	837.	Phẫu thuật chuyển gân điều trị liệt thần kinh quay	x	x				x							QĐ 630/2016
10	838.	Phẫu thuật điều trị liệt thần kinh giữa và thần kinh trụ	x	x			x								QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	839.	Khâu tổn thương gân gấp vùng I, III, IV, V	x	x				x							QĐ 12/2014
10	840.	Khâu tổn thương gân gấp bàn tay ở vùng II	x	x			x								QĐ 12/2014
10	842.	Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi	x	x				x							QĐ 12/2014
10	843.	Phẫu thuật điề trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng	x	x					x						QĐ 12/2014
10	845.	Phẫu thuật làm cứng khớp quay Trụ dưới	x	x				x							QĐ 12/2014
10	846.	Phẫu thuật làm cứng khớp cổ tay	x	x				x							QĐ 12/2014
10	847.	Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay	x	x				x							QĐ 12/2014
10	850.	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật dính ngón tay	x	x				x							QĐ 12/2014
10	851.	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay	x	x				x							QĐ 12/2014
10	860.	Thương tích bàn tay giản đơn	x	x	x				x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	861.	Thương tích bàn tay phức tạp	x	x				x							QĐ 12/2014
10	862.	Phẫu thuật làm mỏm cụt ngón và đốt bàn ngón	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	863.	Phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	864.	Phẫu thuật tháo khớp cổ tay	x	x					x						QĐ 12/2014
10	865.	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ chân	x	x				x							QĐ 12/2014
10	866.	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Pilon	x	x			x								QĐ 630/2016
10	870.	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân	x	x				x							QĐ 12/2014
10	871.	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cổ chân	x	x				x							QĐ 12/2014
10	874.	Cụt chấn thương cổ và bàn chân	x	x					x						QĐ 12/2014
10	875.	Phẫu thuật tổn thương gân chày trước	x	x					x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	876.	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I	x	x					x						QĐ 12/2014
10	877.	Phẫu thuật tổn thương gân Achille	x	x				x							QĐ 12/2014
10	878.	Phẫu thuật tổn thương gân cơ mác bên	x	x					x						QĐ 630/2016
10	879.	Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I	x	x					x						QĐ 12/2014
10	880.	Phẫu thuật tổn thương gân cơ chày sau	x	x				x							QĐ 12/2014
10	881.	Phẫu thuật điều trị tổn thương gân cơ chóp xoay	x	x				x							QĐ 630/2016
10	882.	Phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu	x	x				x							QĐ 630/2016
10	885.	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille	x	x				x							QĐ 12/2014
10	892.	Phẫu thuật chỉnh hình bàn chân khoèo theo phương pháp PONESETI	x	x					x						QĐ 12/2014
10	893.	Chuyển vạt da cân - cơ cuống mạch liền	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	899.	Phẫu thuật trật bánh chè mắc phải	x	x				x							QĐ 12/2014
10	900.	Phẫu thuật xơ cứng gân cơ tứ đầu đùi	x	x				x							QĐ 630/2016
10	902.	Phẫu thuật xơ cứng cơ ức đòn chũm	x	x					x						QĐ 630/2016
10	904.	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay	x	x				x							QĐ 12/2014
10	905.	Gãy thân xương cánh tay phẫu thuật phương pháp METAIZEUM	x	x				x							QĐ 1746/2017
10	906.	Phẫu thuật kết hợp xương bằng K.Wire điều trị gãy trên lồi cầu xương cánh tay	x	x					x						QĐ 12/2014
10	909.	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	x	x					x						QĐ 12/2014
10	910.	Phẫu thuật kết hợp xương gãy ròng rọc xương cánh tay	x	x				x							QĐ 12/2014
10	911.	Phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	x	x				x							QĐ 12/2014
10	912.	Phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp vùng khuỷu	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	913.	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Monteggia	x	x				x							QĐ 12/2014
10	914.	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đài quay (Gãy cổ xương quay)	x	x				x							QĐ 12/2014
10	915.	Phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 xương cẳng tay	x	x				x							QĐ 12/2014
10	916.	Phẫu thuật trật khớp háng sau chấn thương	x	x				x							QĐ 12/2014
10	917.	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi	x	x				x							QĐ 12/2014
10	918.	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương đùi	x	x				x							QĐ 12/2014
10	919.	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp vùng khớp gối	x	x				x							QĐ 12/2014
10	920.	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cẳng chân	x	x				x							QĐ 12/2014
10	921.	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương chày	x	x				x							QĐ 12/2014
10	922.	Phẫu thuật sữa chữa di chứng gãy, bong sụn tiếp vùng cổ chân	x					x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	929.	Phẫu thuật thay toàn bộ khớp háng	x	x			x								QĐ 630/2016
10	930.	Phẫu thuật thay khớp háng bán phần	x	x				x							QĐ 630/2016
10	932.	Phẫu thuật kết hợp xương trên màn hình tăng sáng	x	x			x								QĐ 12/2014
10	934.	Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	939.	Phẫu thuật đóng cứng khớp cổ chân	x	x				x							QĐ 12/2014
10	942.	Phẫu thuật cắt cụt chi	x	x					x						QĐ 12/2014
10	943.	Phẫu thuật tháo khớp chi	x	x					x						QĐ 12/2014
10	944.	Phẫu thuật xơ cứng đơn giản	x	x					x						QĐ 12/2014
10	947.	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	x	x					x						QĐ 12/2014
10	948.	Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cổ xương cánh tay	x	x					x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	949.	Phẫu thuật đặt lại khớp, găm kim cố định (buộc vòng chỉ thép)	x	x					x						QĐ 12/2014
10	952.	Phẫu thuật sửa mỏm cụt chi	x	x					x						QĐ 12/2014
10	953.	Phẫu thuật sửa mỏm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)	x	x					x						QĐ 12/2014
10	954.	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	955.	Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp	x	x				x							QĐ 12/2014
10	956.	Phẫu thuật làm sạch ổ khớp	x	x					x						QĐ 12/2014
10	957.	Phẫu thuật điều trị gãy xương/ đặt lại xương trên một vùng chi thể (không sử dụng các phương tiện kết hợp xương)	x	x					x						QĐ 12/2014
10	958.	Phẫu thuật đóng cứng khớp khác	x	x				x							QĐ 12/2014
10	959.	Phẫu thuật chuyển da, cơ che phủ	x	x				x							QĐ 12/2014
10	960.	Phẫu thuật vá da diện tích <5cm2	x	x					x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	961.	Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10cm2	x	x					x						QĐ 12/2014
10	962.	Phẫu thuật vá da diện tích >10cm2	x	x				x							QĐ 12/2014
10	963.	Phẫu thuật nối gân duỗi/ kéo dài gân(1 gân)	x	x					x						QĐ 12/2014
10	964.	Phẫu thuật nối gân gấp/ kéo dài gân (1 gân)	x	x					x						QĐ 12/2014
10	965.	Phẫu thuật giải ép thần kinh (ống cổ tay, Khuỷu…)	x	x				x							QĐ 12/2014
10	968.	Phẫu thuật ghép xương tự thân	x	x				x							QĐ 12/2014
10	970.	Phẫu thuật lấy bỏ u phần mềm	x	x					x						QĐ 12/2014
10	971.	Lấy u xương (ghép xi măng)	x	x					x						QĐ 1746/2017
10	976.	Phẫu thuật chuyển giường thần kinh trụ	x	x					x						QĐ 1746/2017
10	977.	Phẫu thuật vá da dày > 1 cm2	x	x					x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	978.	Phẫu thuật vá da mỏng	x	x					x						QĐ 12/2014
10	979.	Phẫu thuật viêm xương	x	x					x						QĐ 12/2014
10	980.	Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết	x	x				x							QĐ 12/2014
10	983.	Phẫu thuật vết thương khớp	x	x					x						QĐ 12/2014
10	984.	Phẫu thuật rút nẹp, dụng cụ kết hợp xương	x	x	x				x						QĐ 12/2014
10	985.	Nắn, bó bột giai đoạn trong hội chứng Volkmann	x	x									x		QĐ 12/2014
10	986.	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng	x	x								x			QĐ 12/2014
10	987.	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ 0	x	x									x		QĐ 630/2016
10	988.	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X	x	x									x		QĐ 630/2016
10	989.	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	x	x								x			QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	990.	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	x	x								x			QĐ 12/2014
10	991.	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh	x	x									x		QĐ 630/2016
10	992.	Bột Corset Minerve,Cravate	x	x								x			QĐ 1746/2017
10	994.	Nắn, bó bột cột sống	x	x									x		QĐ 630/2016
10	995.	Nắn, bó bột trật khớp vai	x	x									x		QĐ 12/2014
10	996.	Nắn, bó bột gãy xương đòn	x	x									x		QĐ 630/2016
10	997.	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	x	x								x			QĐ 139/2014
10	998.	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	x	x								x			QĐ 139/2014
10	999.	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	x	x								x			QĐ 139/2014
10	1000.	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	x	x									x		QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	1001.	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	x	x									x		QĐ 12/2014
10	1002.	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	x	x									x		QĐ 12/2014
10	1003.	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ III và độ IV	x	x								x			QĐ 630/2016
10	1004.	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cánh tay	x	x								x			QĐ 139/2014
10	1005.	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cánh tay	x	x								x			QĐ 139/2014
10	1006.	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cánh tay	x	x								x			QĐ 139/2014
10	1007.	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	x	x								x			QĐ 12/2014
10	1008.	Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles	x	x									x		QĐ 139/2014
10	1009.	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	x	x									x		QĐ 139/2014
10	1010.	Nắn, bó bột trật khớp háng	x	x									x		QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	1011.	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng	x	x									x		QĐ 12/2014
10	1012.	Nắn, bó bột gãy mâm chày	x	x									x		QĐ 12/2014
10	1013.	Nắn, bó bột gãy xương chậu	x	x									x		QĐ 12/2014
10	1014.	Nắn, bó bột gãy Cổ xương đùi	x	x									x		QĐ 12/2014
10	1015.	Nắn, cố định trật khớp háng không chỉ định phẫu thuật	x	x								x			QĐ 12/2014
10	1016.	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	x	x								x			QĐ 12/2014
10	1017.	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	x	x									x		QĐ 12/2014
10	1018.	Nắn, bó bột trật khớp gối	x	x									x		QĐ 12/2014
10	1019.	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	x	x								x			QĐ 139/2014
10	1020.	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	x	x								x			QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	1021.	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	x	x									x		QĐ 139/2014
10	1022.	Nắn, bó bột gãy xương chày	x	x									x		QĐ 12/2014
10	1023.	Nắn, bó bột gãy xương gót	x	x									x		QĐ 12/2014
10	1024.	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	x	x									x		QĐ 12/2014
10	1025.	Nắn, bó bột trật khớp cùng đòn	x	x									x		QĐ 12/2014
10	1026.	Nắn, bó bột gãy Dupuptren	x	x								x			QĐ 139/2014
10	1027.	Nắn, bó bột gãy Monteggia	x	x								x			QĐ 139/2014
10	1028.	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	x	x									x		QĐ 12/2014
10	1029.	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	x	x									x		QĐ 12/2014
10	1030.	Nắm, cố định trật khớp hàm	x	x									x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	1031.	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	x	x									x		QĐ 12/2014
10	1032.	Nẹp bột các loại, không nắn	x	x									x		QĐ 12/2014
10	1053.	Phẫu thuật mở cung sau cột sống ngực	x	x				x							QĐ 1746/2017
10	1063.	Phẫu thuật cố định cột sống ngực bằng nẹp vít qua cuống lối sau	x	x			x								QĐ 1746/2017
10	1064.	Phẫu thuật cố định cột sống ngực bằng cố định lối bên	x	x			x								QĐ 1746/2017
10	1066.	Cố định cột sống bằng buộc luồn chỉ thép dưới cung sau đốt sống (phương pháp Luqué)	x	x				x							QĐ 12/2014
10	1068.	Phẫu thuật cố định cột sống bằng vít qua cuống	x	x			x								QĐ 12/2014
10	1074.	Cố định CS và hàn khớp qua liên thân đốt cột sống thắt lưng – cùng đường sau (PLIF)	x	x			x								QĐ 1746/2017
10	1075.	Cố định cột sống và hàn khớp liên thân đốt cột sống thắt lưng – cùng đường sau qua lỗ liên hợp (TLIF)	x	x			x								QĐ 1746/2017
10	1076.	Ghép xương trong phẫu thuật chấn thương cột sống thắt lưng	x	x				x							QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	1077.	Giải phóng chèn ép chấn thương cột sống thắt lưng	x	x				x							QĐ 1746/2017
10	1094.	Phẫu thuật vết thương tủy sống	x	x				x							QĐ 630/2016
10	1095.	Phẫu thuật vết thương tủy sống kết hợp cố định cột sống	x	x			x								QĐ 630/2016
10	1096.	Phẫu thuật máu tụ ngoài màng cứng tuỷ sống	x	x			x								QĐ 1746/2017
10	1097.	Phẫu thuật máu tụ dưới màng cứng tuỷ sống	x	x			x								QĐ 1746/2017
10	1098.	Phẫu thuật dị vật tủy sống, ống sống.	x	x				x							QĐ 1746/2017
10	1099.	Phẫu thuật vá màng cứng hoặc tạo hình màng cứng	x	x			x								QĐ 1746/2017
10	1100.	Phẫu thuật giải ép cắt bỏ dây chằng vàng	x	x			x								QĐ 1746/2017
10	1101.	Mở cung sau và cắt bỏ mỏm khớp dưới	x	x											QĐ 1746/2017
10	1102.	Mở rộng lỗ liên hợp để giải phóng chèn ép rễ	x	x				x							QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
10	1107.	Phẫu thuật giải phóng thần kinh ngoại biên	x	x				x							QĐ 12/2014
10	1113.	Phẫu thuật đặt Catheter ổ bụng để lọc màng bụng	x	x	x				x						QĐ 1746/2017
11	3.	Thay băng điều trị vết bỏng từ 20% - 39% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x									x		QĐ 12/2014
11	4.	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x								x		QĐ 12/2014
11	5.	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
11	7.	Thay băng điều trị vết bỏng từ 40 % - 60% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x								x			QĐ 630/2016
11	8.	Thay băng điều trị vết bỏng từ 20% - 39% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x									x		QĐ 630/2016
11	9.	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x								x		QĐ 12/2014
11	10.	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x									x	QĐ 12/2014
11	11.	Thay băng sau phẫu thuật ghép da điều trị bỏng sâu	x	x	x								x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
11	12.	Thay băng và chăm sóc vùng lấy da	x	x	x									x	QĐ 12/2014
11	13.	Sử dụng thuốc tạo màng điều trị vết thương bỏng nông	x	x	x	x								x	
11	14.	Gây mê thay băng bỏng	x	x	x										QĐ 12/2014
11	15.	Rạch hoại tử bỏng giải thoát chèn ép	x	x	x							x			QĐ 139/2014
11	16.	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bỏng sâu	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
11	18.	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 5% - 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x				x							QĐ 12/2014
11	19.	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x				x						QĐ 139/2014
11	20.	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x					x							QĐ 139/2014
11	21.	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x				x							QĐ 139/2014
11	22.	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x				x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
11	23.	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x					x							QĐ 12/2014
11	24.	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x				x							QĐ 139/2014
11	25.	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x				x						QĐ 139/2014
11	26.	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x					x							QĐ 139/2014
11	27.	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 1% - 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x				x							QĐ 139/2014
11	28.	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x				x						QĐ 139/2014
11	29.	Ghép da tự thân mảnh lớn trên 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x					x							QĐ 12/2014
11	30.	Ghép da tự thân mảnh lớn từ 5% - 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x				x							QĐ 139/2014
11	31.	Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x				x						QĐ 139/2014
11	33.	Ghép da tự thân mảnh lớn từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x				x							QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
11	34.	Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x				x						QĐ 139/2014
11	35.	Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft) ≥ 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x					x							QĐ 12/2014
11	36.	Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft) dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x				x							QĐ 12/2014
11	38.	Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft) dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x				x							QĐ 12/2014
11	39.	Ghép da tự thân tem thư (post stam graft) ≥ 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x					x							QĐ 12/2014
11	40.	Ghép da tự thân tem thư (post stam graft) dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x				x							QĐ 12/2014
11	42.	Ghép da tự thân tem thư (post stam graft) dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x				x							QĐ 12/2014
11	44.	Ghép da tự thân mảnh siêu nhỏ (micro skin graft) dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x				x							QĐ 12/2014
11	46.	Ghép da tự thân mảnh siêu nhỏ (micro skin graft) dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x				x							QĐ 12/2014
11	48.	Ghép da tự thân phối hợp kiểu hai lớp (sandwich) dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
11	50.	Ghép da tự thân phối hợp kiểu hai lớp (sandwich) dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x				x							QĐ 12/2014
11	51.	Ghép da tự thân xen kẽ (molem-jackson) ≥ 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x					x							QĐ 12/2014
11	52.	Ghép da tự thân xen kẽ (molem-jackson) dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x				x							QĐ 12/2014
11	54.	Ghép da tự thân xen kẽ (molem-jackson) dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x				x							QĐ 12/2014
11	55.	Ghép da đồng loại ≥ 10% diện tích cơ thể	x	x					x						QĐ 1746/2017
11	56.	Ghép da đồng loại dưới 10% diện tích cơ thể	x	x	x					x					QĐ 1746/2017
11	57.	Ghép da dị loại điều trị vết thương bỏng	x	x	x								x		QĐ 1746/2017
11	59.	Sử dụng các sản phẩm dạng dung dịch từ nuôi cấy tế bào để điều trị vết thương, vết bỏng	x	x	x									x	QĐ 1746/2017
11	61.	Phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf- krause dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu	x	x				x							QĐ 12/2014
11	62.	Phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf- krause ≥ 1% diện tích cơ thể ở trẻ em điều trị bỏng sâu	x					x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
11	63.	Phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf- krause dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em điều trị bỏng sâu	x	x				x							QĐ 12/2014
11	64.	Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín ≥ 3% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x				x							QĐ 12/2014
11	65.	Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x					x						QĐ 12/2014
11	66.	Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín ≥ 1% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x				x							QĐ 12/2014
11	67.	Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x					x						QĐ 12/2014
11	68.	Phẫu thuật chuyển vạt da tại chỗ điều trị bỏng sâu	x	x				x							QĐ 12/2014
11	69.	Phẫu thuật chuyển vạt da kiểu Ý điều trị bỏng sâu	x	x				x							QĐ 630/2016
11	71.	Lấy bỏ sụn viêm hoại tử trong bỏng vành tai	x	x					x						QĐ 1746/2017
11	72.	Cắt cụt cấp cứu chi thể bỏng không còn khả năng bảo tồn điều trị bỏng sâu	x	x				x							QĐ 12/2014
11	73.	Cắt cụt chi thể bỏng không còn khả năng bảo tồn điều trị bỏng sâu	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
11	74.	Tháo khớp chi thể bỏng không còn khả năng bảo tồn điều trị bỏng sâu	x	x				x							QĐ 12/2014
11	75.	Phẫu thuật khoan đục xương, lấy bỏ xương chết trong điều trị bỏng sâu	x	x				x							QĐ 630/2016
11	76.	Phẫu thuật khoan, đục xương sọ trong điều trị bỏng sâu có tổn thương xương sọ	x	x				x							QĐ 630/2016
11	77.	Khám bệnh nhân bỏng, chẩn đoán diện tích và độ sâu bỏng bằng lâm sàng	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
11	79.	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng nhiệt	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
11	80.	Xử lí tại chỗ kì đầu tổn thương bỏng	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
11	81.	Sơ cấp cứu bỏng do vôi tôi nóng	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
11	82.	Sơ cấp cứu bỏng acid	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
11	83.	Sơ cấp cứu bỏng do dòng điện	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
11	84.	Chẩn đoán và điều trị sốc bỏng	x	x	x							x			QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
11	85.	Chẩn đoán và cấp cứu bỏng đường hô hấp	x	x	x							x			QĐ 630/2016
11	86.	Chẩn đoán và cấp cứu bỏng đường tiêu hóa	x	x	x							x			QĐ 630/2016
11	87.	Mở khí quản cấp cứu qua tổn thương bỏng	x	x	x							x			QĐ 12/2014
11	88.	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm bù dịch điều trị sốc bỏng	x	x								x			QĐ 12/2014
11	89.	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bỏng	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
11	90.	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi để truyền dịch điều trị bệnh nhân bỏng	x	x	x								x		QĐ 12/2014
11	91.	Theo dõi chăm sóc người bệnh bỏng nặng	x	x								x			QĐ 12/2014
11	102.	Khám di chứng bỏng	x	x	x									x	QĐ 12/2014
11	103.	Cắt sẹo khâu kín	x	x	x				x						QĐ 12/2014
11	104.	Cắt sẹo ghép da mảnh trung bình	x	x					x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
11	105.	Cắt sẹo ghép da dày toàn lớp kiểu wolf- krause	x	x				x							QĐ 12/2014
11	107.	Phẫu thuật cắt sẹo, lấy bỏ túi giãn da, tạo hình ổ khuyết	x	x				x							QĐ 630/2016
11	109.	Kỹ thuật tạo vạt da có cuống mạch liền điều trị sẹo bỏng	x	x				x							QĐ 630/2016
11	111.	Kỹ thuật tạo vạt da chữ Z điều trị sẹo bỏng	x	x				x							QĐ 12/2014
11	112.	Kỹ thuật tạo vạt da V-Y điều trị sẹo bỏng	x	x				x							QĐ 12/2014
11	113.	Sử dụng vạt 5 cánh (five flap) trong điều trị sẹo bỏng	x	x				x							QĐ 1746/2017
11	116.	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	x	x	x									x	QĐ 12/2014
11	122.	Khám bệnh nhân phục hồi chức năng sau bỏng	x	x	x									x	QĐ 12/2014
11	123.	Tắm phục hồi chức năng sau bỏng	x	x	x								x		QĐ 630/2016
11	127.	Điều trị sẹo bỏng bằng day sẹo - massage sẹo với các thuốc làm mềm sẹo	x	x										x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
11	128.	Tập vận động phục hồi chức năng sau bỏng	x	x	x								x		QĐ 12/2014
11	129.	Sử dụng gel silicol điều trị sẹo bỏng	x	x	x									x	QĐ 12/2014
11	130.	Tập vận động cho bệnh nhân đang điều trị bỏng để dự phòng cứng khớp và co kéo chi thể	x	x	x								x		QĐ 12/2014
11	131.	Đặt vị thế cho bệnh nhân bỏng	x	x	x									x	QĐ 630/2016
12	2.	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	x	x	x				x						QĐ 630/2016
12	3.	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm	x	x				x							QĐ 630/2016
12	4.	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10 cm	x	x				x							QĐ 630/2016
12	6.	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính dưới 5 cm	x	x				x							QĐ 630/2016
12	7.	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm	x	x				x							QĐ 630/2016
12	8.	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính trên 10 cm	x	x				x							QĐ 630/2016
12	10.	Cắt các u lành vùng cổ	x	x	x				x						QĐ 630/2016
12	11.	Cắt các u lành tuyến giáp	x	x	x				x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
12	13.	Cắt các u nang mang	x	x				x							QĐ 630/2016
12	45.	Cắt u cơ vùng hàm mặt	x	x				x							QĐ 630/2016
12	46.	Cắt u vùng hàm mặt đơn giản	x	x				x							QĐ 630/2016
12	64.	Cắt nang vùng sàn miệng	x	x				x							QĐ 630/2016
12	68.	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm	x	x	x			x							QĐ 630/2016
12	69.	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính trên 3 cm	x	x				x							QĐ 630/2016
12	70.	Cắt nang răng đường kính dưới 2 cm	x	x	x				x						QĐ 139/2014
12	71.	Cắt bỏ nang xương hàm dưới 2 cm	x	x	x				x						QĐ 139/2014
12	72.	Cắt bỏ nang xương hàm từ 2-5 cm	x	x				x							QĐ 139/2014
12	77.	Cắt u môi lành tính có tạo hình	x	x				x							QĐ 630/2016
12	83.	Cắt u lợi đường kính dưới hoặc bằng 2cm	x	x					x						QĐ 139/2014
12	84.	Cắt u lợi đường kính 2 cm trở lên	x	x				x							QĐ 630/2016
12	85.	Cắt toàn bộ u lợi 1 hàm	x	x				x							QĐ 139/2014
12	91.	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	x	x					x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
12	92.	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm	x	x	x				x						QĐ 630/2016
12	97.	Cắt u mi cả bề dày không vá	x	x				x							QĐ 1746/2017
12	102.	Cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da	x	x				x							QĐ 1746/2017
12	106.	Cắt u kết mạc, giác mạc không vỏ	x	x				x							QĐ 1746/2017
12	107.	Cắt u kết mạc không vá	x	x				x							QĐ 139/2014
12	108.	Cắt u kết mạc, giác mạc có ghép kết mạc, màng ối hoặc giác mạc	x	x				x							QĐ 1746/2017
12	113.	Cắt u xơ vòm mũi họng	x	x				x							QĐ 630/2016
12	120.	Cắt u thành bên họng	x	x				x							QĐ 630/2016
12	121.	Cắt u thành sau họng	x	x				x							QĐ 630/2016
12	135.	Cắt u lưỡi lành tính	x	x				x							QĐ 630/2016
12	147.	Cắt u amidan	x	x					x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
12	158.	Phẫu thuật mổ u nang sàn mũi	x	x					x						QĐ 630/2016
12	159.	Phẫu thuật cạnh mũi lấy u hốc mũi	x	x					x						QĐ 630/2016
12	161.	Cắt polyp ống tai	x	x	x				x						QĐ 630/2016
12	162.	Cắt polyp mũi	x	x	x				x						QĐ 630/2016
12	163.	Cắt u xương ống tai ngoài	x	x				x							QĐ 630/2016
12	164.	Khí dung vòm họng trong điều trị ung thư vòm	x	x										x	QĐ 630/2016
12	165.	Súc rửa vòm họng trong xạ trị	x	x										x	QĐ 630/2016
12	166.	Mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết	x	x					x						QĐ 630/2016
12	167.	Cắt u xương sườn 1 xương	x	x					x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
12	169.	Phẫu thuật bóc kén màng phổi	x	x				x							QĐ 630/2016
12	170.	Phẫu thuật bóc kén trong nhu mô phổi	x	x				x							QĐ 630/2016
12	171.	Phẫu thuật cắt kén khí phổi	x	x				x							QĐ 630/2016
12	172.	Phẫu thuật bóc u thành ngực	x	x					x						QĐ 630/2016
12	173.	Cắt u xương sườn nhiều xương	x	x				x							QĐ 1746/2017
12	186.	Cắt phổi và màng phổi	x	x				x							QĐ 630/2016
12	203.	Mở thông dạ dày ra da do ung thư	x	x	x										QĐ 630/2016
12	207.	Cắt đoạn đại tràng, làm hậu môn nhân tạo có hoặc không vét hạch hệ thống	x	x											QĐ 630/2016
12	208.	Cắt đoạn đại tràng ngang, đại tràng sigma do ung thư có hoặc không vét hạch hệ thống nối ngay	x	x											QĐ 630/2016
12	215.	Làm hậu môn nhân tạo													QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
12	216.	Cắt u sau phúc mạc	x	x											QĐ 630/2016
12	217.	Cắt u mạc treo có cắt ruột	x	x											QĐ 139/2014
12	218.	Cắt u mạc treo không cắt ruột	x	x	x										QĐ 139/2014
12	219.	Phẫu thuật lấy bỏ mạc nối lớn, phúc mạc	x	x											QĐ 630/2016
12	222.	Cắt phân thuỳ gan	x	x											QĐ 630/2016
12	234.	Khâu cầm máu gan và dẫn lưu ổ bụng do ung thư gan vỡ	x	x											QĐ 630/2016
12	239.	Cắt đuôi tuỵ và cắt lách	x	x											QĐ 630/2016
12	240.	Cắt bỏ khối u tá tuỵ	x	x											QĐ 630/2016
12	241.	Cắt thân và đuôi tuỵ	x	x											QĐ 630/2016
12	242.	Cắt lách bệnh lý, ung thư, áp xe, xơ lách	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
12	243.	Cắt u bàng quang đường trên	x	x											QĐ 630/2016
12	244.	Cắt một nửa bàng quang và cắt túi thừa bàng quang	x	x											QĐ 630/2016
12	247.	Cắt nang niệu quản	x	x				x							QĐ 630/2016
12	248.	Cắt túi thừa niệu đạo	x	x				x							QĐ 630/2016
12	256.	Cắt u thận lành	x	x				x							QĐ 630/2016
12	257.	Cắt thận và niệu quản do u niệu quản, u đường tiết niệu	x	x				x							QĐ 630/2016
12	260.	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	x	x				x							QĐ 630/2016
12	262.	Cắt u nang thừng tinh	x	x	x										QĐ 630/2016
12	263.	Cắt nang thừng tinh một bên	x	x	x				x						QĐ 630/2016
12	264.	Cắt nang thừng tinh hai bên	x	x	x				x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
12	265.	Cắt u lành dương vật	x	x	x				x						QĐ 630/2016
12	267.	Cắt u vú lành tính	x	x	x				x						QĐ 139/2014
12	268.	Mổ bóc nhân xơ vú	x	x	x					x					QĐ 630/2016
12	269.	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú	x	x					x						QĐ 630/2016
12	278.	Cắt polyp cổ tử cung	x	x	x					x					QĐ 139/2014
12	279.	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo	x	x	x							x			QĐ 630/2016
12	280.	Cắt u nang buồng trứng xoắn	x	x	x				x						QĐ 139/2014
12	281.	Cắt u nang buồng trứng	x	x	x				x						QĐ 630/2016
12	282.	Cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản	x	x	x				x						QĐ 139/2014
12	283.	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	x	x	x				x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
12	284.	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	x	x	x				x						QĐ 630/2016
12	285.	Phẫu thuật mở bụng/nội soi bóc u lành tử cung	x	x	x			x							QĐ 630/2016
12	287.	Cắt u xơ cổ tử cung	x	x					x						QĐ 630/2016
12	288.	Nạo buồng tử cung chẩn đoán	x	x								x			QĐ 630/2016
12	289.	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung	x	x					x						QĐ 630/2016
12	290.	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần (đường bụng, đường âm đạo)	x	x				x							QĐ 630/2016
12	291.	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng	x	x				x							QĐ 139/2014
12	294.	Phẫu thuật soi buồng tử cung cắt nhân xơ tử cung dưới niêm mạc, polip buồng tử cung	x	x					x						QĐ 630/2016
12	295.	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung	x	x			x								QĐ 630/2016
12	299.	Phẫu thuật mở bụng cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên bệnh nhân có thai	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
12	306.	Cắt u thành âm đạo	x	x	x				x						QĐ 139/2014
12	309.	Bóc nang tuyến Bartholin	x	x	x				x						QĐ 630/2016
12	310.	Cắt u thần kinh	x	x					x						QĐ 630/2016
12	311.	Cắt u xơ cơ xâm lấn	x	x					x						QĐ 630/2016
12	313.	Cắt u máu khu trú, đường kính dưới 5 cm	x	x	x				x						QĐ 630/2016
12	314.	Cắt u máu/u bạch mạch dưới da đường kính từ 5 - 10cm	x	x				x							QĐ 630/2016
12	317.	Cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính dưới 5cm	x	x					x						QĐ 1746/2017
12	318.	Cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính bằng và trên 5cm	x	x				x							QĐ 1746/2017
12	319.	Cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm	x	x				x							QĐ 630/2016
12	320.	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10cm	x	x	x				x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
12	321.	Cắt u bao gân	x	x					x						QĐ 630/2016
12	322.	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)	x	x	x					x					QĐ 630/2016
12	323.	Phẫu thuật phì đại tuyến vú nam	x	x	x				x						QĐ 630/2016
12	324.	Cắt u xương sụn lành tính	x	x	x				x						QĐ 630/2016
12	325.	Cắt u xương, sụn	x	x					x						QĐ 630/2016
12	326.	Cắt chi và vét hạch do ung thư	x	x				x							QĐ 1746/2017
12	328.	Cắt cụt cánh tay do ung thư	x	x				x							QĐ 1746/2017
12	329.	Tháo khớp khuỷu tay do ung thư	x	x				x							QĐ 1746/2017
12	330.	Tháo khớp vai do ung thư đầu trên xương cánh tay	x	x				x							QĐ 1746/2017
12	331.	Tháo nửa bàn chân trước do ung thư	x	x				x							QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
12	332.	Tháo khớp cổ chân do ung thư	x	x				x							QĐ 1746/2017
12	333.	Tháo khớp gối do ung thư	x	x				x							QĐ 1746/2017
12	334.	Tháo khớp háng do ung thư	x	x				x							QĐ 1746/2017
12	335.	Cắt cụt cẳng chân do ung thư	x	x				x							QĐ 1746/2017
13	1.	Phẫu thuật lấy thai và cắt tử cung trong rau cài răng lược	x	*	*		x								QĐ 12/2014
13	2.	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên	x	x				x							QĐ 139/2014
13	3.	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo mổ bụng cũ phức tạp	x	x				x							QĐ 139/2014
13	4.	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh mắc bệnh toàn thân (tim, thận, gan, huyết học, nội tiết...)	x	x				x							QĐ 139/2014
13	5.	Phẫu thuật lấy thai do bệnh lý sản khoa (rau tiền đạo, rau bong non, tiền sản giật, sản giật...)	x	x				x							QĐ 12/2014
13	6.	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng, HIV-AIDS, H5N1, tiêu chảy cấp...)	x	x			x								QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
13	7.	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	x	x	x				x						QĐ 139/2014
13	8.	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B- lynch…)	x	x	x			x							QĐ 12/2014
13	9.	Phẫu thuật cắt tử cung tình trạng người bệnh nặng, viêm phúc mạc nặng, kèm vỡ tạng trong tiểu khung, vỡ tử cung phức tạp	x	x			x								QĐ 12/2014
13	10.	Phẫu thuật cắt tử cung và thắt động mạch hạ vị do chảy máu thứ phát sau phẫu thuật sản khoa	x	x			x								QĐ 12/2014
13	11.	Phẫu thuật thắt động mạch hạ vị trong cấp cứu sản phụ khoa	x	x				x							QĐ 630/2016
13	12.	Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa	x	x	x				x						QĐ 12/2014
13	13.	Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung	x	x	x			x							QĐ 12/2014
13	14.	Phẫu thuật tổn thương đường tiêu hoá do tai biến phẫu thuật sản phụ khoa	x	x				x							QĐ 12/2014
13	15.	Phẫu thuật tổn thương đường tiết niệu do tai biến phẫu thuật sản phụ khoa	x	x				x							QĐ 12/2014
13	16.	Phẫu thuật tổn thương mạch máu do tai biến phẫu thuật sản phụ khoa	x	x				x							QĐ 630/2016
13	17.	Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại tử cung sau mổ lấy thai	x	x				x							QĐ 12/2014
13	18.	Khâu tử cung do nạo thủng	x	x	x				x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
13	19.	Giảm đau trong đẻ bằng phương pháp gây tê ngoài màng cứng	x	x								x			QĐ 12/2014
13	20.	Gây chuyển dạ bằng thuốc	x	x											QĐ 12/2014
13	21.	Nghiệm pháp lọt ngôi chỏm	x	x	x										QĐ 139/2014
13	22.	Đẻ chỉ huy bằng truyền oxytocin tĩnh mạch	x	x	x										QĐ 139/2014
13	23.	Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa	x	x	x										QĐ 12/2014
13	24.	Đỡ đẻ ngôi ngược (*)	x	x	x							x			QĐ 139/2014
13	25.	Nội xoay thai	x	x	x							x			QĐ 139/2014
13	26.	Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên	x	x	x							x			QĐ 139/2014
13	28.	Giác hút	x	x	x							x			QĐ 139/2014
13	30.	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	x	x	x							x			QĐ 12/2014
13	31.	Thủ thuật cặp, kéo cổ tử cung xử trí băng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo (*)	x	x	x							x			QĐ 12/2014
13	32.	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn	x	x	x				x						QĐ 12/2014
13	33.	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm	x	x	x	x							x		QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
13	34.	Cắt và khâu tầng sinh môn	x	x	x	x									QĐ 139/2014
13	35.	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ	x	x	x	x									QĐ 12/2014
13	36.	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau	x	x	x	x									QĐ 139/2014
13	37.	Kiểm soát tử cung	x	x	x	x									QĐ 139/2014
13	38.	Bóc rau nhân tạo	x	x	x	x									QĐ 139/2014
13	39.	Kỹ thuật bấm ối	x	x	x	x									QĐ 12/2014
13	40.	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn	x	x	x	x									QĐ 139/2014
13	41.	Khám thai	x	x	x	x									QĐ 12/2014
13	44.	Huỷ thai: cắt thai nhi trong ngôi ngang	x	x					x						QĐ 12/2014
13	45.	Huỷ thai: chọc óc, kẹp sọ, kéo thai	x	x							x				QĐ 12/2014
13	46.	Chọc ối điều trị đa ối	x	x								x			QĐ 12/2014
13	47.	Chọc ối làm xét nghiệm tế bào	x	x								x			QĐ 12/2014
13	48.	Nong cổ tử cung do bế sản dịch	x	x	x									x	QĐ 12/2014
13	49.	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sẩy, sau đẻ	x	x	x								x		QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
13	50.	Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút	x	x	x										QĐ 630/2016
13	51.	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng ngoại	x	x	x										QĐ 630/2016
13	52.	Khâu vòng cổ tử cung	x	x	x							x			QĐ 12/2014
13	53.	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung	x	x	x										QĐ 12/2014
13	54.	Chích áp xe tầng sinh môn	x	x	x								x		QĐ 12/2014
13	61.	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung	x	x			x								QĐ 12/2014
13	63.	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn	x	x				x							QĐ 630/2016
13	64.	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần	x	x				x							QĐ 630/2016
13	65.	Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung	x	x				x							QĐ 630/2016
13	66.	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo có sự hỗ trợ của nội soi	x	x				x							QĐ 630/2016
13	67.	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo	x	x				x							QĐ 139/2014
13	68.	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	x	x				x							QĐ 139/2014
13	69.	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn cả khối	x	x				x							QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
13	70.	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần	x	x	x			x							QĐ 139/2014
13	71.	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung	x	x	x				x						QĐ 12/2014
13	72.	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	x	x	x				x						QĐ 12/2014
13	73.	Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	x	x			x								QĐ 12/2014
13	74.	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	x	x				x							QĐ 12/2014
13	75.	Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung	x	x					x						QĐ 12/2014
13	76.	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ	x	x				x							QĐ 12/2014
13	77.	Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc tử cung	x	x				x							QĐ 12/2014
13	78.	Phẫu thuật nội soi treo buồng trứng	x	x				x							QĐ 12/2014
13	79.	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên bệnh nhân có thai	x	x				x							QĐ 12/2014
13	80.	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng xoắn	x	x	x			x							QĐ 12/2014
13	81.	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng, nang cạnh vòi tử cung	x	x	x			x							QĐ 139/2014
13	82.	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản	x	x	x			x							QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
13	83.	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ	x	x	x			x							QĐ 139/2014
13	84.	Chọc nang buồng trứng đường âm đạo dưới siêu âm	x	x								x			QĐ 630/2016
13	85.	Phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung	x	x				x							QĐ 12/2014
13	86.	Phẫu thuật mở bụng cắt góc tử cung	x	x	x			x							QĐ 12/2014
13	87.	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang	x	x				x							QĐ 139/2014
13	88.	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung vỡ	x	x				x							QĐ 139/2014
13	89.	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán + tiêm MTX tại chỗ điều trị thai ngoài tử cung	x	x				x							QĐ 139/2014
13	90.	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung chưa vỡ	x	x	x			x							QĐ 139/2014
13	91.	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung vỡ có choáng	x	x	x			x							QĐ 139/2014
13	92.	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung không có choáng	x	x	x				x						QĐ 139/2014
13	93.	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang	x	x	x			x							QĐ 139/2014
13	95.	Phẫu thuật mở bụng tạo hình vòi trứng, nối lại vòi trứng	x	x				x							QĐ 630/2016
13	106.	Phẫu thuật tạo hình tử cung (Strassman, Jones)	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
13	108.	Phẫu thuật tạo hình âm đạo do dị dạng (đường dưới)	x	x					x						QĐ 12/2014
13	109.	Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo	x	x					x						QĐ 12/2014
13	111.	Phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ	x	x					x						QĐ 12/2014
13	112.	Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp	x	x					x						QĐ 12/2014
13	113.	Mở bụng bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi bảo tồn tử cung	x	x					x						QĐ 12/2014
13	115.	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng	x	x					x						QĐ 12/2014
13	116.	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	x	x				x							QĐ 12/2014
13	117.	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần đường bụng	x	x				x							QĐ 630/2016
13	120.	Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu - sinh dục	x	x				x							QĐ 12/2014
13	122.	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt Polip buồng tử cung	x	x				x							QĐ 630/2016
13	123.	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)	x	x				x							QĐ 12/2014
13	127.	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán	x	x					x						QĐ 630/2016
13	128.	Nội soi buồng tử cung can thiệp	x	x					x						QĐ 630/2016
13	129.	Nội soi buồng tử cung + sinh thiết buồng tử cung	x	x					x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
13	130.	Nội soi buồng tử cung + nạo buồng tử cung	x	x					x						QĐ 630/2016
13	131.	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán các bệnh lý phụ khoa	x	x				x							QĐ 12/2014
13	132.	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa	x	x					x						QĐ 12/2014
13	133.	Phẫu thuật nội soi khâu lỗ thủng tử cung	x	x				x							QĐ 12/2014
13	134.	Phẫu thuật TOT điều trị són tiểu	x	x				x							QĐ 12/2014
13	135.	Phẫu thuật TVT điều trị són tiêu	x	x				x							QĐ 12/2014
13	136.	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa	x	x	x					x					QĐ 12/2014
13	137.	Chọc hút dịch màng bụng, màng phổi do quá kích buồng trứng	x	x									x		QĐ 12/2014
13	141.	Cắt cụt cổ tử cung	x	x					x						QĐ 630/2016
13	143.	Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung	x	x	x					x					QĐ 12/2014
13	144.	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo	x	x	x							x			QĐ 12/2014
13	145.	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh...	x	x	x								x		QĐ 12/2014
13	147.	Cắt u thành âm đạo	x	x	x					x					QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
13	148.	Lấy dị vật âm đạo	x	x	x								x		QĐ 12/2014
13	149.	Khâu rách cùng đồ âm đạo	x	x	x					x					QĐ 139/2014
13	150.	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn	x	x	x				x						QĐ 139/2014
13	151.	Chích áp xe tuyến Bartholin	x	x	x								x		QĐ 12/2014
13	152.	Bóc nang tuyến Bartholin	x	x	x							x			QĐ 139/2014
13	153.	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh	x	x	x							x			QĐ 12/2014
13	154.	Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo	x	x	x									x	QĐ 12/2014
13	155.	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn	x	x	x								x		QĐ 139/2014
13	156.	Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính	x	x	x							x			QĐ 12/2014
13	157.	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết	x	x	x								x		QĐ 12/2014
13	158.	Nạo hút thai trứng	x	x	x							x			QĐ 139/2014
13	159.	Dẫn lưu cùng đồ Douglas	x	x	x							x			QĐ 139/2014
13	160.	Chọc dò túi cùng Douglas	x	x	x										QĐ 139/2014
13	161.	Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ	x	x	x										QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
13	162.	Chọc dẫn lưu dịch cổ chướng trong ung thư buồng trứng	x	x	x							x			QĐ 12/2014
13	163.	Chích áp xe vú	x	x	x								x		QĐ 139/2014
13	164.	Khám nam khoa	x	x	x										QĐ 12/2014
13	165.	Khám phụ khoa	x	x	x	x									QĐ 12/2014
13	166.	Soi cổ tử cung	x	x	x	x									QĐ 12/2014
13	167.	Làm thuốc âm đạo	x	x	x	x									QĐ 12/2014
13	174.	Cắt u vú lành tính	x	x	x				x						QĐ 12/2014
13	175.	Bóc nhân xơ vú	x	x	x							x			QĐ 12/2014
13	180.	Bơm Surfactant thay thế qua nội khí quản	x	x											QĐ 12/2014
13	181.	Nuôi dưỡng sơ sinh qua đường tĩnh mạch	x	x											QĐ 12/2014
13	182.	Laser điều trị bệnh lý võng mạc sơ sinh (ROP)	x	x								x			QĐ 12/2014
13	183.	Đặt ống thông tĩnh mạch trung tâm sơ sinh	x	x								x			QĐ 630/2016
13	184.	Chọc dò màng bụng sơ sinh	x	x									x		QĐ 12/2014
13	185.	Đặt ống thông tĩnh mạch rốn sơ sinh	x	x	x								x		QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
13	186.	Đặt nội khí quản cấp cứu sơ sinh + thở máy	x	x	x							x			QĐ 139/2014
13	187.	Hô hấp áp lực dương liên tục (CPAP) không xâm nhập ở trẻ sơ sinh (thở CPAP qua mũi)	x	x	x										QĐ 630/2016
13	189.	Điều trị vàng da ở trẻ sơ sinh bằng phương pháp chiếu đèn	x	x	x										QĐ 139/2014
13	190.	Truyền máu sơ sinh	x	x	x										QĐ 12/2014
13	191.	Chọc hút dịch, khí màng phổi sơ sinh	x	x	x							x			QĐ 12/2014
13	192.	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh	x	x	x										QĐ 12/2014
13	193.	Rửa dạ dày sơ sinh	x	x	x							x			QĐ 630/2016
13	194.	Ep tim ngoài lồng ngực	x	x	x										QĐ 630/2016
13	195.	Dẫn lưu màng phổi sơ sinh	x	x	x							x			QĐ 630/2016
13	196.	Khám sơ sinh	x	x	x	x									QĐ 12/2014
13	197.	Chăm sóc rốn sơ sinh	x	x	x	x									QĐ 139/2014
13	198.	Tắm sơ sinh	x	x	x	x									QĐ 139/2014
13	199.	Đặt sonde hậu môn sơ sinh	x	x	x	x									QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
13	200.	Bóp bóng Ambu, thổi ngạt sơ sinh	x	x	x	x									QĐ 139/2014
13	201.	Hồi sức sơ sinh ngạt sau sinh	x	x	x	x									QĐ 139/2014
13	202.	Cố định tạm thời gãy xương sơ sinh	x	x	x	x									QĐ 12/2014
13	221.	Phẫu thuật nội soi lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng	x	x				x							QĐ 12/2014
13	222.	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ	x	x	x				x						QĐ 139/2014
13	223.	Phẫu thuật nội soi triệt sản nữ	x	x	x			x							QĐ 12/2014
13	224.	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ	x	x	x				x						QĐ 139/2014
13	225.	Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại nhiều nang)	x	x	x								x		QĐ 139/2014
13	226.	Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại một nang)	x	x	x									x	QĐ 139/2014
13	227.	Triệt sản nam (bằng dao hoặc không bằng dao)	x	x	x							x			QĐ 139/2014
13	228.	Đặt và tháo dụng cụ tử cung	x	x	x	x								x	QĐ 139/2014
13	229.	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 9 tuần	x												QĐ 12/2014
13	230.	Phá thai to từ 13 tuần đến 22 tuần bằng phương pháp đặt túi nước	x										x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
13	231.	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 8 tuần	x	x											QĐ 12/2014
13	232.	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai từ 13 tuần đến hết tuần 22	x	x											QĐ 12/2014
13	233.	Phá thai bằng phương pháp nong và gắp từ tuần thứ 13 đến hết tuần thứ 18	x	x								x			QĐ 12/2014
13	234.	Phá thai bệnh lý (bệnh lý mẹ, bệnh lý thai)	x	x								x			QĐ 139/2014
13	235.	Phá thai người bệnh có sẹo mổ lấy thai cũ	x	x								x			QĐ 139/2014
13	236.	Hút thai có kiểm soát bằng nội soi	x	x								x			QĐ 12/2014
13	237.	Hút thai dưới siêu âm	x	x								x			QĐ 12/2014
13	238.	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không	x	x	x								x		QĐ 12/2014
13	239.	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần	x	x	x										QĐ 139/2014
13	240.	Hút thai + Triệt sản qua đường rạch nhỏ	x	x	x				x						QĐ 12/2014
13	241.	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không	x	x	x	x								x	QĐ 139/2014
14	4.	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, Phaco) có hoặc không đặt IOL trên mắt độc nhất	x	x				x							QĐ 12/2014
14	5.	Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (Phaco) có hoặc không đặt IOL	x	x				x							QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
14	6.	Phẫu thuật glôcôm lần hai trởlên	x	x				x							QĐ 12/2014
14	9.	Phẫu thuật phức tạp như: cataract bệnh lý trên trẻ quá nhỏ, người bệnh quá già, có bệnh tim mạch kèm theo	x	x				x							QĐ 139/2014
14	10.	Phẫu thuật glôcôm ác tính trên mắt độc nhất, gần mù	x					x							QĐ 12/2014
14	14.	Cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn	x	x				x							QĐ 12/2014
14	19.	Cắt dịch kính điều trị viêm mủ nội nhãn	x	x				x							QĐ 630/2016
14	25.	Điều trị glôcôm bằng laser mống mắt chu biên	x	x							x				QĐ 1746/2017
14	27.	Điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bè (Trabeculoplasty)	x	x					x						QĐ 630/2016
14	32.	Mở bao sau đục bằng laser	x	x								x			QĐ 1746/2017
14	40.	Rạch giác mạc điều chỉnh loạn thị	x						x						QĐ 12/2014
14	42.	Lấy thể thủy tinh sa, lệch trong bao phối hợp cắt dịch kính có hoặc không cố định IOL	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
14	43.	Cắt thể thủy tinh, dịch kính có hoặc không cố định IOL	x	x				x							QĐ 12/2014
14	44.	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL	x	x				x							QĐ 12/2014
14	45.	Phẫu thuật thể thủy tinh bằng phaco và femtosecond có hoặc không đặt IOL	x	x			x								QĐ 12/2014
14	46.	Phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)	x	x					x						QĐ 12/2014
14	47.	Phẫu thuật chỉnh, xoay, lấy IOL có hoặc không cắt DK	x	x				x							QĐ 12/2014
14	48.	Đặt IOL trên mắt cận thị (Phakic)	x	x				x							QĐ 12/2014
14	49.	Phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính	x	x				x							QĐ 12/2014
14	50.	Cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử	x	x					x						QĐ 12/2014
14	51.	Mở bao sau bằng phẫu thuật	x	x					x						QĐ 12/2014
14	61.	Nối thông lệ mũi có hoặc không đặt ống Silicon có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
14	62.	Nối thông lệ mũi nội soi	x	x					x						QĐ 1746/2017
14	63.	Phẫu thuật mở rộng điểm lệ	x	x						x					QĐ 630/2016
14	65.	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hoá	x	x					x						QĐ 139/2014
14	66.	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học	x	x					x						QĐ 139/2014
14	67.	Phẫu thuật ghép màng sinh học bề mặt nhãn cầu	x						x						QĐ 12/2014
14	69.	Ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc	x	x					x						QĐ 630/2016
14	70.	Tách dính mi cầu, ghép kết mạc rời hoặc màng ối	x	x			x								QĐ 630/2016
14	71.	Lấy dị vật hốc mắt	x	x					x						QĐ 139/2014
14	72.	Lấy dị vật trong củng mạc	x	x					x						QĐ 139/2014
14	73.	Lấy dị vật tiền phòng	x	x				x							QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
14	75.	Cắt mống mắt quang học có hoặc không tách dính phức tạp	x	x				x							QĐ 139/2014
14	76.	Vá da, niêm mạc tạo cùng đồ có hoặc không tách dính mi cầu	x	x				x							QĐ 630/2016
14	79.	Tái tạo lệ quản kết hợp khâu mi	x	x				x							QĐ 139/2014
14	80.	Sinh thiết tổ chức mi	x	x						x					QĐ 1746/2017
14	81.	Sinh thiết tổ chức hốc mắt	x	x						x					QĐ 1746/2017
14	82.	Sinh thiết tổ chức kết mạc	x	x	x					x					QĐ 1746/2017
14	83.	Cắt u da mi không ghép	x	x	x					x					QĐ 12/2014
14	84.	Cắt u mi cả bề dày không ghép	x	x					x						QĐ 12/2014
14	85.	Cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da	x	x				x							QĐ 12/2014
14	86.	Cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
14	88.	Cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép	x	x					x						QĐ 12/2014
14	89.	Cắt u kết mạc, giác mạc có ghép kết mạc, màng ối hoặc giác mạc	x	x				x							QĐ 12/2014
14	97.	Nạo vét tổ chức hốc mắt	x	x			x								QĐ 630/2016
14	98.	Chích mủ hốc mắt	x	x						x					QĐ 139/2014
14	105.	Cố định tuyến lệ chính điều trị sa tuyến lệ chính	x	x					x						QĐ 630/2016
14	107.	Tạo hình đường lệ có hoặc không điểm lệ	x	x					x						QĐ 630/2016
14	111.	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác	x	x									x		QĐ 630/2016
14	112.	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi	x	x	x								x		QĐ 12/2014
14	115.	Sửa sẹo sau mổ lác	x	x						x					QĐ 630/2016
14	116.	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác, sụp mi	x	x								x			QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
14	118.	Phẫu thuật rút ngắn cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	x	x				x							QĐ 630/2016
14	119.	Phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	x	x				x							QĐ 630/2016
14	120.	Phẫu thuật treo mi - cơ trán (bằng Silicon, cân cơ đùi…) điều trị sụp mi	x	x				x							QĐ 630/2016
14	121.	Phẫu thuật hạ mi trên (chỉnh chỉ, lùi cơ nâng mi …)	x	x				x							QĐ 630/2016
14	122.	Cắt cơ Muller	x	x				x							QĐ 630/2016
14	123.	Lùi cơ nâng mi	x	x					x						QĐ 630/2016
14	124.	Vá da tạo hình mi	x	x				x							QĐ 12/2014
14	125.	Phẫu thuật tạo hình nếp mi	x	x					x						QĐ 12/2014
14	126.	Phẫu thuật tạo hình hạ thấp hay nâng nếp mi	x	x					x						QĐ 12/2014
14	127.	Phẫu thuật lấy mỡ dưới da mi (trên, dưới, 2 mi)	x	x					x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
14	128.	Kéo dài cân cơ nâng mi	x	x				x							QĐ 630/2016
14	129.	Ghép da hay vạt da điều trị hở mi do sẹo	x	x				x							QĐ 630/2016
14	130.	Phẫu thuật làm hẹp khe mi, rút ngắn dây chằng mi ngoài, mi trong điều trị hở mi do liệt dây VII	x	x				x							QĐ 630/2016
14	131.	Phẫu thuật cắt cơ Muller có hoặc không cắt cân cơ nâng mi điều trị hở mi	x	x				x							QĐ 630/2016
14	132.	Phẫu thuật điều trị lật mi dưới có hoặc không ghép	x	x				x							QĐ 630/2016
14	133.	Sửa sẹo xấu vùng quanh mi	x	x					x						QĐ 12/2014
14	134.	Di thực hàng lông mi	x	x					x						QĐ 630/2016
14	136.	Phẫu thuật mở rộng khe mi	x	x					x						QĐ 630/2016
14	137.	Phẫu thuật hẹp khe mi	x	x					x						QĐ 630/2016
14	138.	Lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi	x	x					x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
14	142.	Phẫu thuật Doenig	x	x					x						QĐ 139/2014
14	145.	Phẫu thuật cắt mống mắt chu biên	x	x					x						QĐ 12/2014
14	146.	Tạo hình mống mắt (khâu mống mắt, chân mống mắt...)	x	x				x							QĐ 12/2014
14	150.	Mở bè có hoặc không cắt bè	x	x				x							QĐ 630/2016
14	158.	Tiêm nội nhãn (Kháng sinh, antiVEGF, corticoid...)	x	x							x				QĐ 1746/2017
14	161.	Tập nhược thị	x	x	x										QĐ 630/2016
14	162.	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mủ, hóa chất...)	x	x					x						QĐ 12/2014
14	163.	Rửa chất nhân tiền phòng	x	x					x						QĐ 12/2014
14	164.	Cắt bỏ túi lệ	x	x	x				x						QĐ 139/2014
14	165.	Phẫu thuật mộng đơn thuần	x	x	x				x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
14	166.	Lấy dị vật giác mạc sâu	x	x	x							x			QĐ 139/2014
14	167.	Cắt bỏ chắp có bọc	x	x	x							x			QĐ 139/2014
14	168.	Khâu cò mi, tháo cò	x	x	x					x					QĐ 12/2014
14	169.	Chích dẫn lưu túi lệ	x	x	x					x					QĐ 12/2014
14	171.	Khâu da mi đơn giản	x	x	x					x					QĐ 12/2014
14	172.	Khâu phục hồi bờ mi	x	x	x				x						QĐ 12/2014
14	174.	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	x	x	x					x					QĐ 12/2014
14	175.	Khâu phủ kết mạc	x	x	x				x						QĐ 12/2014
14	176.	Khâu giác mạc	x	x	x			x							QĐ 139/2014
14	177.	Khâu củng mạc	x	x	x			x							QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
14	178.	Thăm dò, khâu vết thương củng mạc	x	x	x			x							QĐ 12/2014
14	179.	Khâu lại mép mổ giác mạc, củng mạc	x	x				x							QĐ 12/2014
14	180.	Cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)	x	x	x			x							QĐ 139/2014
14	183.	Bơm hơi / khí tiền phòng	x	x	x				x						QĐ 12/2014
14	184.	Cắt bỏ nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài	x	x	x				x						QĐ 1746/2017
14	185.	Múc nội nhãn	x	x	x				x						QĐ 139/2014
14	187.	Phẫu thuật quặm	x	x	x				x						QĐ 12/2014
14	188.	Phẫu thuật quặm tái phát	x	x					x						QĐ 12/2014
14	192.	Cắt chỉ khâu giác mạc	x	x	x								x		QĐ 139/2014
14	193.	Tiêm dưới kết mạc	x	x	x								x		QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
14	194.	Tiêm cạnh nhãn cầu	x	x	x								x		QĐ 139/2014
14	195.	Tiêm hậu nhãn cầu	x	x	x								x		QĐ 139/2014
14	197.	Bơm thông lệ đạo	x	x	x							x			QĐ 139/2014
14	200.	Lấy dị vật kết mạc	x	x	x	x							x		QĐ 139/2014
14	201.	Khâu kết mạc	x	x	x	x				x					QĐ 12/2014
14	202.	Lấy calci kết mạc	x	x	x	x								x	QĐ 139/2014
14	203.	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
14	204.	Cắt chỉ khâu kết mạc	x	x	x	x								x	QĐ 139/2014
14	205.	Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
14	206.	Bơm rửa lệ đạo	x	x	x	x							x		QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
14	207.	Chích chắp, lẹo, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
14	208.	Thay băng vô khuẩn	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
14	209.	Tra thuốc nhỏ mắt	x	x	x	x									QĐ 12/2014
14	210.	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	x	x	x	x								x	QĐ 139/2014
14	211.	Rửa cùng đồ	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
14	212.	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu	x	x	x	x						x			QĐ 139/2014
14	213.	Bóc sợi giác mạc (Viêm giác mạc sợi)	x	x	x									x	QĐ 12/2014
14	214.	Bóc giả mạc	x	x	x									x	QĐ 12/2014
14	215.	Rạch áp xe mi	x	x	x							x			QĐ 12/2014
14	216.	Rạch áp xe túi lệ	x	x	x							x			QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
14	217.	Đặt kính áp tròng điều trị: tật khúc xạ, giác mạc hình chóp, bệnh lý bề mặt giác mạc	x	x	x										QĐ 630/2016
14	218.	Soi đáy mắt trực tiếp	x	x	x	x							x		QĐ 139/2014
14	219.	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	x	x	x								x		QĐ 1746/2017
14	220.	Soi đáy mắt bằng Schepens	x	x	x								x		QĐ 1746/2017
14	221.	Soi góc tiền phòng	x	x	x								x		QĐ 139/2014
14	222.	Theo dõi nhãnáp 3 ngày	x	x	x	x									QĐ 12/2014
14	223.	Khám lâm sàng mắt	x	x	x	x									QĐ 12/2014
14	227.	Cắt ung thư da vùng mi mắt trên và tạo hình	x	x				x							QĐ 1746/2017
14	229.	Phẫu thuật lấy mỡ mi mắt trên, dưới và tạo hình 2 mi	x	x	x			x							QĐ 12/2014
14	233.	Phẫu thuật tạo nếp mi	x	x	x				x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
14	234.	Phẫu thuật điều trị hở mi	x	x				x							QĐ 630/2016
14	236.	Phẫu thuật tạo hình mi	x	x	**x**			x							QĐ 630/2016
14	237.	Phẫu thuật tạo mí 2 mắt (xẻ đôi mí)	x	x					x						QĐ 12/2014
14	240.	Siêu âm mắt (siêu âm thường qui)	x	x	x										QĐ 12/2014
14	242.	Chụp OCT bán phần trước nhãn cầu	x	x								x			QĐ 1746/2017
14	243.	Chụp OCT bán phần sau nhãn cầu	x	x								x			QĐ 1746/2017
14	244.	Chụp đáy mắt không huỳnh quang	x	x								x			QĐ 1746/2017
14	246.	Chụp mạch với ICG	x	x								x			QĐ 1746/2017
14	249.	Siêu âm bán phần trước	x	x								x			QĐ 630/2016
14	251.	Test phát hiện khô mắt	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
14	252.	Nghiệm pháp phát hiện glôcôm	x	x	x								x		QĐ 630/2016
14	255.	Đo nhãnáp (Maclakov, Goldmann, Schiotz…..)	x	x	x										QĐ 139/2014
14	257.	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	x	x	x								x		QĐ 139/2014
14	258.	Đo khúc xạ máy	x	x	x										QĐ 139/2014
14	259.	Đo khúc xạ giác mạc Javal	x	x	x									x	QĐ 12/2014
14	260.	Đo thị lực	x	x	x	x									QĐ 139/2014
14	261.	Thử kính	x	x	x										QĐ 139/2014
14	262.	Đo độ lác	x	x	x										QĐ 630/2016
14	265.	Đo thị giác 2 mắt	x	x	x							x			QĐ 12/2014
14	267.	Đo đường kính giác mạc	x	x	x								x		QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
14	268.	Đo độ dày giác mạc	x	x									x		QĐ 1746/2017
14	269.	Đếm tế bào nội mô giác mạc	x	x									x		QĐ 1746/2017
14	270.	Chụp bản đồ giác mạc	x	x									x		QĐ 1746/2017
14	275.	Đo công suất thể thuỷ tinh nhân tạo bằng siêu âm	x	x	x								x		QĐ 630/2016
15	16.	Phẫu thuật tai xương chũm trong viêm màng não	x	x				x							QĐ 139/2014
15	17.	Phẫu thuật tai xương chũm trong viêm tắc tĩnh mạch bên	x	x				x							QĐ 139/2014
15	18.	Phẫu thuật xương chũm trong áp xe não do tai	x	x			x								QĐ 139/2014
15	20.	Phẫu thuật xương chũm đơn thuần	x	x				x							QĐ 12/2014
15	21.	Phẫu thuật tiệt căn xương chũm	x	x				x							QĐ 139/2014
15	27.	Mở sào bào	x	x					x						QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
15	28.	Mở sào bào - thượng nhĩ	x	x					x						QĐ 139/2014
15	29.	Mở sào bào thượng nhĩ - vá nhĩ	x	x				x							QĐ 139/2014
15	31.	Chỉnh hình tai giữa có tái tạo chuỗi xương con	x	x				x							QĐ 630/2016
15	32.	Chỉnh hình tai giữa không tái tạo chuỗi xương con	x	x					x						QĐ 630/2016
15	33.	Phẫu thuật mở hòm nhĩ kiểm tra/ lấy dị vật	x	x	x				x						QĐ 630/2016
15	34.	Vá nhĩ đơn thuần	x	x	x				x						QĐ 139/2014
15	42.	Phẫu thuật tạo hình chít hẹp ống tai ngoài	x	x				x							QĐ 12/2014
15	43.	Phẫu thuật cắt bỏ u ống tai ngoài	x	x					x						QĐ 12/2014
15	44.	Mở lại hốc mổ giải quyết các biến chứng sau phẫu thuật	x	x				x							QĐ 12/2014
15	45.	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai/u bả đậu dái tai	x	x	x					x					QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
15	46.	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ	x	x	x					x					QĐ 12/2014
15	47.	Cắt bỏ vành tai thừa	x	x	x					x					QĐ 12/2014
15	48.	Đặt ống thông khí màng nhĩ	x	x	x					x					QĐ 12/2014
15	49.	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ	x	x	x					x					QĐ 12/2014
15	50.	Chích rạch màng nhĩ	x	x	x									x	QĐ 139/2014
15	51.	Khâu vết rách vành tai	x	x	x									x	QĐ 139/2014
15	52.	Bơm hơi vòi nhĩ	x	x	x								x		QĐ 12/2014
15	53.	Phẫu thuật nạo vét sụn vành tai	x	x	x					x					QĐ 12/2014
15	54.	Lấy dị vật tai (gây mê/ gây tê)	x	x	x								x		QĐ 139/2014
15	55.	Nội soi lấy dị vật tai gây mê	x	x	x							x			QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
15	56.	Chọc hút dịch vành tai	x	x	x	x								x	QĐ 139/2014
15	57.	Chích nhọt ống tai ngoài	x	x	x	x							x		QĐ 139/2014
15	58.	Làm thuốc tai	x	x	x	x								x	QĐ 139/2014
15	59.	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
15	69.	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe ổ mắt	x	x					x						QĐ 12/2014
15	70.	Phẫu thuật nội soi giảm áp ổ mắt	x	x				x							QĐ 12/2014
15	71.	Phẫu thuật nội soi giảm áp thần kinh thị giác	x	x			x								QĐ 12/2014
15	74.	Phẫu thuật xoang trán đường ngoài (phẫu thuật Jacques)	x	x				x							QĐ 139/2014
15	75.	Phẫu thuật nội soi mở xoang trán	x	x					x						QĐ 139/2014
15	76.	Phẫu thuật nạo sàng hàm	x	x	x				x						QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
15	77.	Phẫu thuật nội soi mở xoang sàng	x	x	x				x						QĐ 12/2014
15	78.	Phẫu thuật nội soi mở xoang hàm	x	x	x				x						QĐ 12/2014
15	80.	Cắt Polyp mũi	x	x	x				x						QĐ 12/2014
15	81.	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi	x	x	x				x						QĐ 12/2014
15	83.	Phẫu thuật nội soi mở khe giữa	x	x	x				x						QĐ 12/2014
15	84.	Phẫu thuật nội soi mở các xoang sàng, hàm, trán, bướm	x	x				x							QĐ 630/2016
15	85.	Phẫu thuật nội soi mở dẫn lưu/cắt bỏ u nhày xoang	x	x	x			x							QĐ 12/2014
15	86.	Phẫu thuật cắt u nang răng sinh/u nang sàn mũi	x	x	x				x						QĐ 12/2014
15	90.	Phẫu thuật mở cạnh mũi	x	x				x							QĐ 12/2014
15	91.	Phẫu thuật nội soi cắt u mũi xoang	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
15	94.	Phẫu thuật nội soi cắt u vùng vòm mũi họng	x	x					x						QĐ 12/2014
15	97.	Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi	x	x					x						QĐ 12/2014
15	98.	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật nội soi mũi xoang	x	x	x					x					QĐ 12/2014
15	99.	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi	x	x	x				x						QĐ 12/2014
15	101.	Phẫu thuật tịt lỗ mũi sau bẩm sinh	x	x				x							QĐ 630/2016
15	103.	Phẫu thuật cắt Concha Bullosa cuốn mũi	x	x					x						QĐ 12/2014
15	104.	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi giữa	x	x	x				x						QĐ 139/2014
15	105.	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi dưới	x	x	x				x						QĐ 139/2014
15	106.	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới	x	x	x				x						QĐ 12/2014
15	109.	Phẫu thuật nội soi cắt cuốn dưới	x	x	x					x					QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
15	110.	Phẫu thuật thủng vách ngăn mũi	x	x	x			x							QĐ 139/2014
15	111.	Phẫu thuật nội soi bịt lỗ thủng vách ngăn mũi	x	x	x			x							QĐ 139/2014
15	112.	Phẫu thuật chỉnh hình vách ngăn	x	x	x				x						QĐ 139/2014
15	113.	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi	x	x					x						QĐ 139/2014
15	114.	Phẫu thuật chấn thương xoang trán	x	x				x							QĐ 12/2014
15	115.	Khoan xoang trán	x	x					x						QĐ 139/2014
15	116.	Phẫu thuật vỡ xoang hàm	x	x					x						QĐ 12/2014
15	117.	Phẫu thuật mở xoang hàm	x	x					x						QĐ 12/2014
15	118.	Phẫu thuật chấn thương xoang sàng- hàm	x	x				x							QĐ 12/2014
15	121.	Phẫu thuật chấn thương xương gò má	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
15	122.	Phẫu thuật chấn thương khối mũi sàng	x	x				x							QĐ 12/2014
15	123.	Phẫu thuật chỉnh hình sống mũi sau chấn thương	x	x				x							QĐ 12/2014
15	125.	Phẫu thuật xoang hàm Caldwell-Luc	x	x	x				x						QĐ 12/2014
15	127.	Phẫu thuật mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới	x	x	x					x					QĐ 139/2014
15	128.	Phẫu thuật nội soi mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới	x	x	x					x					QĐ 139/2014
15	129.	A- Nội soi chọc thông xoang trán/xoang bướm (gây tê)	x	x	x							x			
		B- Nội soi chọc thông xoang trán/xoang bướm (gây mê)									x				
15	130.	Đốt điện cuốn mũi dưới	x	x	x								x		QĐ 139/2014
15	131.	Nội soi đốt điện cuốn mũi dưới	x	x	x							x			QĐ 139/2014
15	132.	Bẻ cuốn mũi	x	x	x								x		QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
15	133.	Nội soi bẻ cuốn mũi dưới	x	x	x							x			QĐ 12/2014
15	134.	A- Nâng xương chính mũi sau chấn thương (gây mê)	x	x	x					x					QĐ 12/2014
		B- Nâng xương chính mũi sau chấn thương (gây tê)										x			
15	135.	Sinh thiết hốc mũi	x	x	x								x		QĐ 12/2014
15	136.	Nội soi sinh thiết u hốc mũi	x	x	x							x			QĐ 12/2014
15	137.	Nội soi sinh thiết u vòm	x	x	x							x			QĐ 12/2014
15	138.	Chọc rửa xoang hàm	x	x	x								x		QĐ 139/2014
15	139.	Phương pháp Proetz	x	x	x									x	QĐ 12/2014
15	140.	Nhét bấc mũi sau	x	x	x								x		QĐ 139/2014
15	141.	Nhét bấc mũi trước	x	x	x								x		QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
15	142.	Cầm máu mũi bằng Merocel	x	x	x								x		QĐ 12/2014
15	143.	A- Lấy dị vật mũi gây tê	x	x	x								x		QĐ 12/2014
		B- Lấy dị vật mũi gây mê										x			QĐ 12/2014
15	144.	A- Nội soi lấy dị vật mũi gây tê	x	x	x								x		QĐ 12/2014
		B- Nội soi lấy dị vật mũi gây mê										x			QĐ 12/2014
15	145.	Cầm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (Bạc Nitrat)	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
15	146.	Rút meche, rút merocel hốc mũi	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
15	147.	Hút rửa mũi, xoang sau mổ	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
15	149.	Phẫu thuật cắt Amidan gây mê	x	x	x				x						QĐ 139/2014
15	151.	Phẫu thuật cắt u Amydal	x	x				x							QĐ 12/2014
15	152.	Phẫu thuật xử trí chảy máu sau cắt Amygdale (gây mê)	x	x	x				x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
15	153.	Nạo VA	x	x	x							x			QĐ 12/2014
15	154.	Phẫu thuật nạo VA gây mê nội khí quản	x	x	x				x						QĐ 12/2014
15	155.	Phẫu thuật nạo V.A nội soi	x	x					x						QĐ 139/2014
15	158.	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau nạo VA (gây mê)	x	x						x					QĐ 12/2014
15	159.	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hạ họng/ hố lưỡi thanh thiệt	x	x					x						QĐ 12/2014
15	174.	Phẫu thuật mở khí quản (Gây tê/ gây mê)	x	x	x					x					QĐ 12/2014
15	175.	Phẫu thuật mở khí quản thể khó (trẻ sơ sinh, sau xạ trị, u vùng cổ, K tuyến giáp,…)	x	x				x							QĐ 12/2014
15	185.	Phẫu thuật chỉnh hình sẹo hẹp thanh khí quản bằng mảnh ghép sụn	x	x			x								QĐ 12/2014
15	186.	Nối khí quản tận - tận	x	x			x								QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
15	187.	Phẫu thuật trong mềm sụn thanh quản	x	x				x							QĐ 12/2014
15	189.	Phẫu thuật chấn thương thanh khí quản	x	x				x							QĐ 12/2014
15	190.	Phẫu thuật chỉnh hình thanh quản sau chấn thương	x	x				x							QĐ 12/2014
15	191.	Phẫu thuật chỉnh hình khí quản sau chấn thương	x	x				x							QĐ 12/2014
15	192.	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình khí quản sau chấn thương	x	x				x							QĐ 12/2014
15	194.	Phẫu thuật cắt u sàn miệng	x	x	x				x						QĐ 630/2016
15	195.	Phẫu thuật cắt u vùng niêm mạc má	x	x	x					x					QĐ 630/2016
15	196.	Phẫu thuật cắt u lưỡi (phần lưỡi di động)	x	x					x						QĐ 630/2016
15	197.	Phẫu thuật cắt một phần đáy lưỡi	x	x				x							QĐ 12/2014
15	203.	Nội soi cầm máu sau phẫu thuật vùng hạ họng, thanh quản	x	x						x					QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
15	204.	Lấy sỏi ống tuyến Stenon đường miệng	x	x	x					x					QĐ 630/2016
15	205.	Lấy sỏi ống tuyến Wharton đường miệng	x	x	x					x					QĐ 630/2016
15	206.	Chích áp xe sàn miệng	x	x	x							x			QĐ 630/2016
15	207.	Chích áp xe quanh Amidan	x	x	x							x			QĐ 139/2014
15	208.	Cầm máu đơn giản sau phẫu thuật cắt Amygdale, Nạo VA	x	x	x								x		QĐ 12/2014
15	209.	Cắt phanh lưỡi	x	x	x								x		QĐ 630/2016
15	210.	Sinh thiết u hạ họng	x	x	x								x		QĐ 12/2014
15	211.	Sinh thiết u họng miệng	x	x	x								x		QĐ 12/2014
15	212.	Lấy dị vật họng miệng	x	x	x	x								x	QĐ 139/2014
15	213.	Lấy dị vật hạ họng	x	x	x								x		QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
15	214.	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng	x	x	x					x					QĐ 12/2014
15	215.	Đốt họng hạt bằng nhiệt	x	x	x	x							x		QĐ 139/2014
15	218.	Bơm thuốc thanh quản	x	x	x									x	QĐ 12/2014
15	219.	Đặt nội khí quản	x	x	x							x			QĐ 12/2014
15	220.	Thay canuyn	x	x	x								x		QĐ 12/2014
15	221.	Sơ cứu bỏng đường hô hấp	x	x	x	x					x				QĐ 139/2014
15	222.	Khí dung mũi họng	x	x	x	x									QĐ 139/2014
15	223.	A- Chích áp xe thành sau họng gây tê	x	x	x							x			QĐ 12/2014
		B- Chích áp xe thành sau họng gây mê							x						QĐ 12/2014
15	224.	Phẫu thuật chỉnh hình lỗ mở khí quản	x	x	x					x					QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
15	226.	Nội soi hạ họng ống cứng chẩn đoán gây tê	x	x	x								x		QĐ 12/2014
15	227.	Nội soi hạ họng ống mềm chẩn đoán gây tê	x	x	x								x		QĐ 630/2016
15	228.	A- Nội soi hạ họng ống cứng lấy dị vật gây tê	x	x	x							x			QĐ 12/2014
		B- Nội soi hạ họng ống cứng lấy dị vật gây mê								x					QĐ 12/2014
15	229.	Nội soi hạ họng ống mềm lấy dị vật gây tê	x	x	x							x			QĐ 630/2016
15	230.	Nội soi hạ họng ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê	x	x	x							x			QĐ 12/2014
15	231.	Nội soi hạ họng ống mềm sinh thiết u gây tê	x	x	x							x			QĐ 630/2016
15	233.	Nội soi thực quản ống mềm chẩn đoán gây tê/gây mê	x	x	x							x			QĐ 630/2016
15	235.	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây tê/gây mê	x	x	x						x				QĐ 630/2016
15	237.	Nội soi thực quản ống mềm sinh thiết u gây tê/gây mê	x	x	x							x			QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
15	238.	Nội soi thanh quản ống cứng chẩn đoán gây tê	x	x	x							x			QĐ 12/2014
15	240.	A- Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê	x	x	x						x				QĐ 12/2014
		B- Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây mê							x						QĐ 12/2014
15	257.	Phẫu thuật thắt động mạch cảnh ngoài	x	x				x							QĐ 139/2014
15	258.	Phẫu thuật thắt tĩnh mạch cảnh trong	x	x				x							QĐ 139/2014
15	259.	Phẫu thuật chấn thương mạch máu vùng cổ	x	x			x								QĐ 1746/2017
15	288.	Phẫu thuật cắt mỏm trâm theo đường miệng	x	x					x						QĐ 12/2014
15	289.	Phẫu thuật khối u khoảng bên họng	x	x				x							QĐ 12/2014
15	290.	Phẫu thuật mở cạnh cổ dẫn lưu áp xe	x	x					x						QĐ 12/2014
15	291.	Phẫu thuật rò sống mũi	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
15	292.	Phẫu thuật nang rò giáp lưỡi	x	x				x							QĐ 12/2014
15	299.	Phẫu thuật mở lại hốc mổ cầm máu sau phẫu thuật vùng đầu cổ	x	x	x					x					QĐ 12/2014
15	300.	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ	x	x	x					x					QĐ 12/2014
15	301.	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	x	x	x	x						x			QĐ 139/2014
15	302.	Cắt chỉ sau phẫu thuật	x	x	x	x									QĐ 12/2014
15	303.	Thay băng vết mổ	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
15	304.	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
15	309.	Phẫu thuật thẩm mỹ nâng sống mũi lõm bằng vật liệu ghép tổng hợp	x	x					x						QĐ 139/2014
15	310.	Phẫu thuật thẩm mỹ hạ sống mũi gồ	x	x				x							QĐ 139/2014
15	311.	Phẫu thuật thẩm mỹ sống mũi lệch vẹo	x	x				x							QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
15	312.	Phẫu thuật thẩm mỹ thu nhỏ cánh mũi	x	x				x							QĐ 139/2014
15	313.	Phẫu thuật thẩm mỹ mở rộng cánh mũi	x	x				x							QĐ 139/2014
15	314.	Phẫu thuật thẩm mỹ nâng cao chóp mũi	x	x				x							QĐ 139/2014
15	315.	Phẫu thuật thẩm mỹ làm ngắn mũi	x	x				x							QĐ 139/2014
15	316.	Phẫu thuật thẩm mỹ làm dài mũi/xóa bỏ mũi hếch	x	x				x							QĐ 139/2014
15	317.	Phẫu thuật thẩm mỹ nâng cánh mũi xệ	x	x				x							QĐ 139/2014
15	318.	Phẫu thuật tạo hình cánh mũi bằng vạt da	x	x					x						QĐ 139/2014
15	319.	Phẫu thuật tạo hình chóp mũi bằng vạt da	x	x					x						QĐ 139/2014
15	320.	Phẫu thuật tạo hình tháp mũi bằng vật liệu ghép tự thân	x	x			x								QĐ 139/2014
15	321.	Nắn chỉnh hình tháp mũi sau chấn thương							x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
15	322.	Phẫu thuật tạo hình chít hẹp cửa mũi trước	x	x				x							QĐ 139/2014
15	323.	Phẫu thuật tạo hình chít hẹp/tịt cửa mũi sau	x	x				x							QĐ 139/2014
15	324.	Phẫu thuật tạo hình mắt 1 mí thành 2 mí	x	x				x							QĐ 630/2016
15	325.	Phẫu thuật cắt bỏ các túi mỡ mi mắt	x	x					x						QĐ 630/2016
15	326.	Phẫu thuật cắt bỏ da thừa mi mắt	x	x					x						QĐ 630/2016
15	331.	Phẫu thuật cắt u da vùng mặt	x	x					x						QĐ 630/2016
15	332.	Phẫu thuật sửa sẹo xấu vùng cổ, mặt bằng vạt da	x	x					x						QĐ 139/2014
15	337.	Phẫu thuật tạo hình khe hở môi	x	x				x							QĐ 630/2016
15	338.	Phẫu thuật tái tạo hình môi	x	x				x							QĐ 630/2016
15	345.	Phẫu thuật lấy sụn vành tai làm vật liệu ghép tự thân	x	x					x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
15	346.	Phẫu thuật lấy sụn vách ngăn mũi làm vật liệu ghép tự thân	x	x					x						QĐ 12/2014
15	350.	Phẫu thuật tạo hình khuyết bộ phận vành tai bằng vạt da	x	x					x						QĐ 139/2014
15	355.	Phẫu thuật chỉnh hình thu nhỏ vành tai	x	x					x						QĐ 12/2014
15	356.	Phẫu thuật chỉnh hình vành tai cụp	x	x					x						QĐ 12/2014
15	357.	Phẫu thuật chỉnh hình vành tai vùi	x	x					x						QĐ 12/2014
16	2.	Phẫu thuật ghép xương tự thân để cấy ghép Implant	x	x				x							QĐ 630/2016
16	3.	Phẫu thuật ghép xương nhân tạo để cấy ghép Implant	x	x					x						QĐ 630/2016
16	4.	Phẫu thuật ghép xương hỗn hợp để cấy ghép Implant	x	x				x							QĐ 630/2016
16	6.	Phẫu thuật cấy ghép Implant	x	x					x						QĐ 139/2014
16	7.	Phẫu thuật nâng sàn xoang hàm sử dụng vật liệu tự thân để cấy ghép Implant	x	x				x							QĐ 630/2016
16	8.	Phẫu thuật nâng sàn xoang hàm sử dụng vật liệu nhân tạo để cấy ghép Implant	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
16	9.	Phẫu thuật nâng sàn xoang hàm sử dụng vật liệu hỗn hợp để cấy ghép Implant	x	x				x							QĐ 630/2016
16	10.	Phẫu thuật tách xương để cấy ghép Implant	x	x				x							QĐ 630/2016
16	11.	Cấy ghép Implant tức thì sau nhổ răng	x	x					x						QĐ 1746/2017
16	13.	Phẫu thuật đặt lưới Titanium tái tạo xương có hướng dẫn	x	x					x						QĐ 1746/2017
16	14.	Máng hướng dẫn phẫu thuật cấy ghép Implant	x	x								x			QĐ 1746/2017
16	15.	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép xương tự thân lấy trong miệng	x	x				x							QĐ 630/2016
16	16.	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép xương tự thân lấy ngoài miệng	x	x				x							QĐ 630/2016
16	17.	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng màng sinh học	x	x					x						QĐ 630/2016
16	18.	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép xương đông khô	x	x					x						QĐ 630/2016
16	20.	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương tự thân lấy trong miệng	x	x				x							QĐ 630/2016
16	21.	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương tự thân lấy ngoài miệng	x	x				x							QĐ 630/2016
16	26.	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng vạt trượt đẩy sang bên có ghép niêm mạc	x	x					x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50						Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT		
	1	2	3				4				5		
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật		
16	27.	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng ghép vạt niêm mạc toàn phần	x	x					x				QĐ 12/2014
16	28.	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng ghép mô liên kết dưới biểu mô	x	x					x				QĐ 12/2014
16	29.	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng vạt trượt đẩy sang bên	x	x					x				QĐ 12/2014
16	30.	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng đặt màng sinh học	x	x					x				QĐ 12/2014
16	31.	Phẫu thuật vạt niêm mạc làm tăng chiều cao lợi dính	x	x					x				QĐ 12/2014
16	32.	Phẫu thuật ghép biểu mô và mô liên kết làm tăng chiều cao lợi dính	x	x					x				QĐ 12/2014
16	33.	Phẫu thuật cắt lợi điều trị túi quanh răng	x	x					x				QĐ 12/2014
16	34.	Phẫu thuật vạt điều trị túi quanh răng	x	x					x				QĐ 12/2014
16	35.	Phẫu thuật nạo túi lợi	x	x						x			QĐ 630/2016
16	36.	Phẫu thuật tạo hình nhú lợi	x	x					x				QĐ 12/2014
16	37.	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại	x	x								x	QĐ 12/2014
16	38.	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite	x	x								x	QĐ 630/2016
16	39.	Điều trị áp xe quanh răng cấp	x	x						x			QĐ 12/2014
16	40.	Điều trị áp xe quanh răng mạn	x	x						x			QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
16	41.	y	x	x	x							x			QĐ 12/2014
16	42.	Chích áp xe lợi	x	x	x	x						x			QĐ 139/2014
16	43.	Lấy cao răng	x	x	x	x						x			QĐ 139/2014
16	50.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	x	x						x					QĐ 12/2014
16	51.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	x	x						x					QĐ 12/2014
16	52.	Điều trị tuỷ răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay	x	x						x					QĐ 12/2014
16	54.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tuỷ bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy	x	x						x					QĐ 12/2014
16	55.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay máy	x	x						x					QĐ 12/2014
16	56.	Chụp tuỷ bằng MTA	x	x									x		QĐ 630/2016
16	57.	Chụp tuỷ bằng Hydroxit canxi	x	x	x									x	QĐ 12/2014
16	58.	Lấy tuỷ buồng răng vĩnh viễn	x	x									x		QĐ 12/2014
16	59.	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA	x	x						x					QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
16	60.	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhổ)	x	x								x			QĐ 630/2016
16	61.	Điều trị tủy lại	x	x						x					QĐ 12/2014
16	63.	Phẫu thuật nội nha - hàn ngược ống tuỷ	x	x						x					QĐ 12/2014
16	67.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite	x	x									x		QĐ 12/2014
16	68.		x	x	x								x		QĐ 12/2014
16	69.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
16	70.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement	x	x	x	x							x		QĐ 12/2014
16	71.	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement	x	x	x								x		QĐ 12/2014
16	72.	Phục hồi cổ răng bằng Composite	x	x	x								x		QĐ 12/2014
16	73.	Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà	x	x	x								x		QĐ 630/2016
16	85.	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x								x			QĐ 1746/2017
16	86.	Chụp sứ Titanium gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x								x			QĐ 1746/2017
16	87.	Chụp sứ kim loại quý gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x								x			QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
16	88.	Chụp sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x								x			QĐ 1746/2017
16	89.	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant	x	x								x			QĐ 1746/2017
16	90.	Chụp sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant	x	x								x			QĐ 1746/2017
16	91.	Chụp sứ kim loại quý gắn bằng cement trên Implant	x	x								x			QĐ 1746/2017
16	92.	Chụp sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant	x	x								x			QĐ 1746/2017
16	93.	Cầu sứ kim loại thường gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x								x			QĐ 1746/2017
16	94.	Cầu sứ Titanium gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x								x			QĐ 1746/2017
16	95.	Cầu sứ kim loại quý gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x								x			QĐ 1746/2017
16	96.	Cầu sứ Cercon gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x								x			QĐ 1746/2017
16	97.	Cầu sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x								x			QĐ 1746/2017
16	98.	Cầu sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant	x	x								x			QĐ 1746/2017
16	99.	Cầu sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant	x	x								x			QĐ 1746/2017
16	100.	Cầu sứ kim loại quý gắn bằng cement trên Implant	x	x								x			QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
16	101.	Cầu sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant	x	x								x			QĐ 1746/2017
16	102.	Hàm giả toàn phần dạng cúc bấm tựa trên Implant	x	x								x			QĐ 1746/2017
16	103.	Hàm giả toàn phần dạng thanh ngang tựa trên Implant	x	x								x			QĐ 1746/2017
16	104.	Chụp nhựa	x	x	x								x		QĐ 1746/2017
16	105.	Chụp kim loại	x	x	x								x		QĐ 139/2014
16	106.	Chụp hợp kim thường cẩn nhựa	x	x	x								x		QĐ 139/2014
16	107.	Chụp hợp kim thường cẩn sứ	x	x	x						x				QĐ 139/2014
16	108.	Chụp hợp kim Titanium cẩn sứ	x	x	x						x				QĐ 139/2014
16	109.	Chụp sứ toàn phần	x	x	x						x				QĐ 139/2014
16	110.	Chụp kim loại quý cẩn sứ	x	x	x						x				QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
16	118.	Cầu sứ toàn phần	x	x	x						x				QĐ 139/2014
16	131.	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo	x	x	x							x			QĐ 139/2014
16	132.	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo	x	x	x							x			QĐ 139/2014
16	133.	Hàm khung kim loại	x	x	x						x				QĐ 139/2014
16	137.	Tháo cầu răng giả	x	x	x							x			QĐ 630/2016
16	138.	Tháo chụp răng giả	x	x	x								x		QĐ 630/2016
16	197.	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	x	x						x					QĐ 139/2014
16	198.	Phẫu thuật nhổ răng ngầm	x	x					x						QĐ 139/2014
16	199.	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	x	x						x					QĐ 12/2014
16	200.	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới	x	x					x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
16	201.	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân	x	x					x						QĐ 139/2014
16	202.	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng	x	x					x						QĐ 139/2014
16	203.	Nhổ răng vĩnh viễn	x	x	x					x					QĐ 139/2014
16	204.	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	x	x	x							x			QĐ 12/2014
16	205.	Nhổ chân răng vĩnh viễn	x	x	x							x			QĐ 12/2014
16	206.	Nhổ răng thừa	x	x	x							x			QĐ 12/2014
16	207.	Phẫu thuật nhổ răng có tạo hình xương ổ răng	x	x						x					QĐ 12/2014
16	208.	Phẫu thuật tạo hình xương ổ răng	x	x						x					QĐ 12/2014
16	209.	Phẫu thuật mở xương cho răng mọc	x	x						x					QĐ 12/2014
16	210.	Phẫu thuật nạo quanh cuống răng	x	x					x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
16	211.	Phẫu thuật cắt cuống răng	x	x					x						QĐ 139/2014
16	212.	Phẫu thuật cắt, nạo xương ổ răng	x	x					x						QĐ 12/2014
16	213.	Cắt lợi xơ cho răng mọc	x	x	x					x					QĐ 12/2014
16	214.	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	x	x	x					x					QĐ 139/2014
16	215.	Cắt lợi di động để làm hàm giả	x	x						x					QĐ 12/2014
16	216.	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi	x	x						x					QĐ 12/2014
16	217.	Phẫu thuật cắt phanh môi	x	x						x					QĐ 12/2014
16	218.	Phẫu thuật cắt phanh má	x	x						x					QĐ 12/2014
16	219.	Cấy chuyển răng	x	x					x						QĐ 12/2014
16	220.	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng	x	x					x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
16	221.	Điều trị viêm quanh thân răng cấp	x	x	x							x			QĐ 12/2014
16	222.	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp	x	x	x							x			QĐ 12/2014
16	223.	Trám bít hố rãnh với Composite hoá trùng hợp	x	x	x							x			QĐ 12/2014
16	224.	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	x	x	x							x			QĐ 12/2014
16	225.	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	x	x	x							x			QĐ 630/2016
16	226.	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement	x	x	x	x						x			QĐ 139/2014
16	230.	Điều trị răng sữa viêm tuỷ có hồi phục	x	x	x							x			QĐ 12/2014
16	231.	Lấy tuỷ buồng răng sữa	x	x	x					x					QĐ 12/2014
16	232.	Điều trị tuỷ răng sữa	x	x	x					x					QĐ 12/2014
16	233.	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit	x	x	x					x					QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
16	235.	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Amalgam	x	x	x	x						x			QĐ 12/2014
16	236.	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement	x	x	x	x						x			QĐ 12/2014
16	238.	Nhổ răng sữa	x	x	x	x						x			QĐ 139/2014
16	239.	Nhổ chân răng sữa	x	x	x	x						x			QĐ 139/2014
16	240.	Chích Apxe lợi trẻ em	x	x	x	x						x			QĐ 139/2014
16	241.	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)	x	x	x	x						x			QĐ 139/2014
16	247.	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng chỉ thép	x	x				x							QĐ 139/2014
16	248.	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng nẹp vít hợp kim	x	x				x							QĐ 139/2014
16	249.	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng nẹp vít tự tiêu	x	x				x							QĐ 139/2014
16	250.	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng chỉ thép	x	x				x							QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
16	251.	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng nẹp vít hợp kim	x	x				x							QĐ 139/2014
16	252.	Phẫu thuật điểu trị gãy Lefort II bằng nẹp vít tự tiêu	x	x				x							QĐ 139/2014
16	253.	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng chỉ thép	x	x				x							QĐ 139/2014
16	254.	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng nẹp vít hợp kim	x	x				x							QĐ 139/2014
16	255.	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng nẹp vít tự tiêu	x	x				x							QĐ 139/2014
16	268.	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng chỉ thép	x	x				x							QĐ 139/2014
16	269.	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	x	x				x							QĐ 139/2014
16	270.	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	x	x				x							QĐ 139/2014
16	271.	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng chỉ thép	x	x				x							QĐ 139/2014
16	272.	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít hợp kim	x	x				x							QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
16	273.	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít tự tiêu	x	x				x							QĐ 139/2014
16	274.	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng chỉ thép	x	x				x							QĐ 139/2014
16	275.	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	x	x				x							QĐ 139/2014
16	276.	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	x	x				x							QĐ 139/2014
16	277.	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chỉ thép	x	x				x							QĐ 139/2014
16	278.	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	x	x				x							QĐ 139/2014
16	279.	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	x	x				x							QĐ 139/2014
16	280.	Điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nắn chỉnh (có gây tê hoặc gây tê)	x	x				x							QĐ 139/2014
16	281.	Phẫu thuật điều trị gãy xương chính mũi bằng chỉ thép	x	x				x							QĐ 139/2014
16	282.	Phẫu thuật điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít hợp kim	x	x				x							QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
16	283.	Phẫu thuật điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít tự tiêu	x	x				x							QĐ 139/2014
16	285.	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng máng phẫu thuật	x	x				x							QĐ 139/2014
16	286.	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng cung cố định 2 hàm	x	x				x							QĐ 139/2014
16	287.	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng buộc nút Ivy cố định 2 hàm	x	x				x							QĐ 139/2014
16	290.	Điều trị bảo tồn gẫy lồi cầu xương hàm dưới	x	x				x							QĐ 630/2016
16	291.	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt	x	x			x								QĐ 12/2014
16	294.	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	x	x				x							QĐ 12/2014
16	295.	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hổng tổ chức	x	x				x							QĐ 139/2014
16	296.	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức	x	x	x			x							QĐ 630/2016
16	297.	Phẫu thuật điều trị vết thương vùng hàm mặt do hoả khí	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
16	298.	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	x	x	x						x				QĐ 12/2014
16	299.	Dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt	x	x	x				x						QĐ 12/2014
16	300.	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	x	x	x						x				QĐ 12/2014
16	301.	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	x	x	x	x				x					QĐ 12/2014
16	305.	Phẫu thuật cắt đường rò môi dưới	x	x				x							QĐ 630/2016
16	306.	Phẫu thuật lấy sỏi ống Wharton tuyến dưới hàm	x	x				x							QĐ 12/2014
16	309.	Điều trị viêm tuyến mang tai bằng bơm rửa thuốc qua lỗ ống tuyến	x	x								x			QĐ 630/2016
16	318.	Phẫu thuật tạo hình các khuyết hổng lớn vùng hàm mặt bằng vạt da cơ	x				x								QĐ 12/2014
16	321.	Phẫu thuật cắt lồi xương	x	x				x							QĐ 630/2016
16	322.	Phẫu thuật làm sâu ngách tiền đình	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
16	323.	Phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm	x	x				x							QĐ 12/2014
16	324.	Phẫu thuật điều trị viêm xoang hàm do răng	x	x				x							QĐ 12/2014
16	325.	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo rò điều trị viêm xương hàm	x	x				x							QĐ 139/2014
16	328.	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên	x	x				x							QĐ 139/2014
16	329.	Phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm trên	x	x				x							QĐ 139/2014
16	330.	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên có can thiệp xoang	x	x				x							QĐ 139/2014
16	331.	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm dưới	x	x				x							QĐ 139/2014
16	332.	Phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm dưới	x	x				x							QĐ 139/2014
16	333.	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan toả vùng hàm mặt	x	x				x							QĐ 12/2014
16	334.	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt	x	x	x				x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
16	335.	Nắn sai khớp thái dương hàm	x	x	x							x			QĐ 139/2014
16	336.	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê	x	x				x							QĐ 139/2014
16	337.	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê	x	x	x							x			QĐ 139/2014
16	338.	Chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt	x	x	x								x		QĐ 12/2014
16	340.	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp	x	x	x					x					QĐ 12/2014
16	341.	Phẫu thuật điều trị khe hở môi một bên	x	x				x							QĐ 630/2016
16	342.	Phẫu thuật điều trị khe hở môi hai bên	x	x				x							QĐ 630/2016
17	1.	Điều trị bằng sóng ngắn	x	x	x									x	QĐ 139/2014
17	5.	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	x	x	x									x	QĐ 12/2014
17	7.	Điều trị bằng các dòng điện xung	x	x	x									x	QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
17	8.	Điều trị bằng siêu âm	x	x	x									x	QĐ 216/2020
17	11.	Điều trị bằng tia hồng ngoại	x	x	x	x									QĐ 139/2014
17	16.	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)	x	x	x	x									QĐ 12/2014
17	18.	Điều trị bằng Parafin	x	x	x	x								x	QĐ 216/2020
17	22.	Thủy trị liệu toàn thân (bể bơi, bồn ngâm)	x	x	x								x		QĐ 216/2020
17	26.	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	x	x	x									x	QĐ 12/2014
17	31.	Tập nằm đúng tư thế cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
17	32.	Kỹ thuật đặt tư thế đúng cho người bệnh liệt tủy	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
17	33.	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
17	34.	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
17	35.	Tập lăn trở khi nằm	x	x	x	x									QĐ 139/2014
17	36.	Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
17	37.	Tập ngồi thăng bằng tĩnh và động	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
17	38.	Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
17	39.	Tập đứng thăng bằng tĩnh và động	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
17	40.	Tập dáng đi	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
17	41.	Tập đi với thanh song song	x	x	x	x									QĐ 12/2014
17	42.	Tập đi với khung tập đi	x	x	x	x									QĐ 139/2014
17	43.	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)	x	x	x	x									QĐ 139/2014
17	44.	Tập đi với gậy	x	x	x	x									QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
17	47.	Tập lên, xuống cầu thang	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
17	48.	Tập đi trên các địa hình khác nhau (dốc, sỏi, gồ ghề...)	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
17	49.	Tập đi với chân giả trên gối	x	x	x	x								x	QĐ 216/2020
17	50.	Tập đi với chân giả dưới gối	x	x	x	x								x	QĐ 216/2020
17	52.	Tập vận động thụ động	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
17	53.	Tập vận động có trợ giúp	x	x	x	x								x	QĐ 139/2014
17	54.	Tập vận động chủ động	x	x	x	x									QĐ 139/2014
17	55.	Tập vận động tự do tứ chi	x	x	x	x									QĐ 12/2014
17	56.	Tập vận động có kháng trở	x	x	x	x								x	QĐ 139/2014
17	57.	Tập kéo dãn	x	x	x	x								x	QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
17	58.	Tập vận động trên bóng	x	x	x										QĐ 216/2020
17	60.	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi trên	x	x	x									x	QĐ 630/2016
17	61.	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi dưới	x	x	x									x	QĐ 630/2016
17	62.	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể chức năng	x	x	x									x	QĐ 630/2016
17	63.	Tập với thang tường	x	x	x	x									QĐ 630/2016
17	65.	Tập với ròng rọc	x	x	x	x									QĐ 12/2014
17	66.	Tập với dụng cụ quay khớp vai	x	x	x	x									QĐ 12/2014
17	70.	Tập với ghế tập mạnh cơ Tứ đầu đùi	x	x	x	x									QĐ 12/2014
17	71.	Tập với xe đạp tập	x	x	x	x									QĐ 12/2014
17	72.	Tập với bàn nghiêng	x	x	x	x									QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
17	73.	Tập các kiểu thở	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
17	75.	Tập ho có trợ giúp	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
17	76.	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
17	77.	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
17	78.	Kỹ thuật kéo nắn trị liệu	x	x										x	QĐ 12/2014
17	79.	Kỹ thuật di động khớp	x	x										x	QĐ 630/2016
17	80.	Kỹ thuật di động mô mềm	x	x											QĐ 630/2016
17	82.	Kỹ thuật ức chế co cứng tay	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
17	83.	Kỹ thuật ức chế co cứng chân	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
17	84.	Kỹ thuật ức chế co cứng thân mình	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
17	85.	Kỹ thuật xoa bóp vùng	x	x	x	x								x	QĐ 139/2014
17	86.	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	x	x	x									x	QĐ 139/2014
17	88.	Kỹ thuật ức chế và phá vỡ các phản xạ bệnh lý	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
17	89.	Kỹ thuật kiểm soát đầu, cổ và thân mình	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
17	90.	Tập điều hợp vận động	x	x	x	x									QĐ 630/2016
17	91.	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, Pelvis floor)	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
17	92.	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn	x	x	x	x									QĐ 139/2014
17	93.	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt hai chân ra vào xe lăn	x	x	x	x									QĐ 139/2014
17	94.	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt nửa người ra vào xe lăn	x	x	x	x									QĐ 139/2014
17	95.	Tập các vận động thô của bàn tay	x	x	x	x									QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
17	96.	Tập các vận động khéo léo của bàn tay	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
17	97.	Tập phối hợp hai tay	x	x	x	x									QĐ 12/2014
17	98.	Tập phối hợp tay mắt	x	x	x	x									QĐ 12/2014
17	99.	Tập phối hợp tay miệng	x	x	x	x									QĐ 12/2014
17	100.	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí…)	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
17	103.	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày ADL với các dụng cụ trợ giúp thích nghi	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
17	104.	Tập nuốt	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
17	105.	Tập nói	x	x	x	x									QĐ 12/2014
17	106.	Tập nhai	x	x	x	x									QĐ 12/2014
17	107.	Tập phát âm	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
17	109.	Tập cho người thất ngôn	x	x	x	x								x	QĐ 12/2014
17	112.	Lượng giá chức năng người khuyết tật	x	x	x	x									QĐ 630/2016
17	113.	Lượng giá chức năng tim mạch	x	x	x	x									QĐ 630/2016
17	114.	Lượng giá chức năng hô hấp	x	x	x	x									QĐ 630/2016
17	115.	Lượng giá chức năng tâm lý	x	x	x	x									QĐ 630/2016
17	116.	Lượng giá chức năng tri giác và nhận thức	x	x	x	x									QĐ 630/2016
17	118.	Lượng giá chức năng dáng đi	x	x	x	x									QĐ 630/2016
17	119.	Lượng giá chức năng thăng bằng	x	x	x	x									QĐ 630/2016
17	120.	Lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày	x	x	x	x									QĐ 630/2016
17	122.	Thử cơ bằng tay	x	x	x										QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
17	123.	Đo tầm vận động khớp	x	x	x	x									QĐ 139/2014
17	127.	Lượng giá sự phát triển của trẻ theo nhóm tuổi	x	x	x	x							x		QĐ 630/2016
17	133.	Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục hồi chức năng tủy sống	x	x	x	x									QĐ 630/2016
17	134.	Kỹ thuật tập đường ruột cho người bệnh tổn thương tủy sống	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
17	137.	Kỹ thuật băng nẹp bảo vệ bàn tay chức năng *(trong liệt tứ chi)*	x	x	x	x									QĐ 216/2020
17	139.	Kỹ thuật băng chun mỏm cụt chi trên	x	x	x	x									QĐ 630/2016
17	140.	Kỹ thuật băng chun mỏm cụt chi dưới	x	x	x	x									QĐ 630/2016
17	141.	Kỹ thuật sử dụng tay giả trên khuỷu	x	x	x	x									QĐ 216/2020
17	142.	Kỹ thuật sử dụng tay giả dưới khuỷu	x	x	x	x									QĐ 216/2020
17	145.	Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối	x	x	x	x									QĐ 216/2020

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
17	146.	Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối	x	x	x	x									QĐ 216/2020
17	147.	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống ngực- thắt lưng TLSO *(điều trị cong vẹo cột sống)*	x	x	x	x									QĐ 216/2020
17	148.	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống thắt lưng LSO *(điều trị cong vẹo cột sống)*	x	x	x	x									QĐ 216/2020
17	149.	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO	x	x	x	x									QĐ 216/2020
17	151.	Kỹ thuật sử dụng nẹp gối cổ bàn chân KAFO	x	x	x	x									QĐ 216/2020
17	152.	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn chân AFO	x	x	x	x									QĐ 216/2020
17	153.	Kỹ thuật sử dụng nẹp bàn chân FO	x	x	x	x									QĐ 216/2020
17	155.	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng cứng	x	x	x	x									QĐ 139/2014
17	156.	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng mềm	x	x	x	x									QĐ 139/2014
18	1.	Siêu âm tuyến giáp	x	x	x										QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	2.	Siêu âm các tuyến nước bọt	x	x	x										QĐ 12/2014
18	3.	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt	x	x											QĐ 12/2014
18	4.	Siêu âm hạch vùng cổ	x	x											QĐ 12/2014
18	6.	Siêu âm hốc mắt	x	x											QĐ 630/2016
18	7.	Siêu âm qua thóp	x	x											QĐ 1746/2017
18	8.	Siêu âm nhãn cầu	x	x											QĐ 1746/2017
18	9.	Siêu âm Doppler hốc mắt	x	x										x	QĐ 630/2016
18	10.	Siêu âm Doppler u tuyến, hạch vùng cổ	x	x										x	QĐ 12/2014
18	11.	Siêu âm màng phổi	x	x											QĐ 12/2014
18	12.	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	13.	Siêu âm các khối u phổi ngoại vi	x	x											QĐ 12/2014
18	15.	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	x	x	x										QĐ 139/2014
18	16.	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	x	x	x										QĐ 139/2014
18	17.	Siêu âm tiền liệt tuyến qua trực tràng	x	x									x		QĐ 139/2014
18	18.	Siêu âm tử cung phần phụ	x	x	x										QĐ 139/2014
18	19.	Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại tràng)	x	x											QĐ 139/2014
18	20.	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	x	x	x										QĐ 139/2014
18	21.	Siêu âm Doppler các khối u trong ổ bụng	x	x										x	QĐ 139/2014
18	22.	Siêu âm Doppler gan lách	x	x										x	QĐ 139/2014
18	23.	Siêu âm Doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng…)	x	x										x	QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	24.	Siêu âm Doppler động mạch thận	x	x										x	QĐ 139/2014
18	25.	Siêu âm Doppler tử cung phần phụ	x	x										x	QĐ 139/2014
18	26.	Siêu âm Doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)	x	x										x	QĐ 139/2014
18	27.	Siêu âm 3D/4D khối u	x	x										x	QĐ 139/2014
18	28.	Siêu âm 3D/4D thai nhi	x	x										x	QĐ 139/2014
18	29.	Siêu âm Doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới	x	x										x	QĐ 139/2014
18	30.	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	x	x	x										QĐ 139/2014
18	31.	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	x	x	x								x		QĐ 139/2014
18	32.	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng	x	x										x	QĐ 139/2014
18	33.	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường âm đạo	x	x									x		QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	34.	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	x	x	x										QĐ 139/2014
18	35.	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	x	x	x										QĐ 139/2014
18	36.	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	x	x	x										QĐ 139/2014
18	37.	Siêu âm Doppler động mạch tử cung	x	x										x	QĐ 139/2014
18	38.	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng đầu	x	x										x	QĐ 139/2014
18	39.	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng giữa	x	x										x	QĐ 139/2014
18	40.	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng cuối	x	x										x	QĐ 139/2014
18	41.	Siêu âm 3D/4D thai nhi	x	x										x	QĐ 139/2014
18	42.	Siêu âm tầm soát dị tật thai nhi	x	x											QĐ 139/2014
18	43.	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay….)	x	x											QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	44.	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ….)	x	x											QĐ 139/2014
18	45.	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới	x	x										x	QĐ 139/2014
18	46.	Siêu âm cầu nối động mạch tĩnh mạch	x											x	QĐ 139/2014
18	48.	Doppler động mạch cảnh, Doppler xuyên sọ	x	x										x	QĐ 139/2014
18	49.	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực	x	x											QĐ 139/2014
18	52.	Siêu âm Doppler tim, van tim	x	x										x	QĐ 139/2014
18	54.	Siêu âm tuyến vú hai bên	x	x											QĐ 12/2014
18	55.	Siêu âm Doppler tuyến vú	x	x										x	QĐ 12/2014
18	57.	Siêu tinh hoàn hai bên	x	x											QĐ 12/2014
18	58.	Siêu âm Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên	x	x										x	QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	59.	Siêu âm dương vật	x	x											QĐ 12/2014
18	61.	Siêu âm trong mổ	x	x									x		QĐ 12/2014
18	67.	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	68.	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	69.	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	70.	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	71.	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng	x	x	x										QĐ 12/2014
18	72.	Chụp Xquang Blondeau	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	73.	Chụp Xquang Hirtz	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	74.	Chụp Xquang hàm chếch một bên	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	75.	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	x	x	x										QĐ 12/2014
18	76.	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	77.	Chụp Xquang Chausse III	x	x	x										QĐ 12/2014
18	78.	Chụp Xquang Schuller	x	x	x										QĐ 12/2014
18	79.	Chụp Xquang Stenvers	x	x	x										QĐ 12/2014
18	80.	Chụp Xquang khớp thái dương hàm	x	x	x										QĐ 12/2014
18	81.	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical)	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	82.	Chụp Xquang răng cánh cắn (Bite wing)	x	x	x										QĐ 12/2014
18	84.	Chụp Xquang phim cắn (Occlusal)	x	x	x										QĐ 12/2014
18	85.	Chụp Xquang mỏm trâm	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	86.	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	87.	Chụp Xquang cột sống cổ chếch hai bên	x	x	x										QĐ 12/2014
18	88.	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	x	x	x										QĐ 12/2014
18	89.	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2	x	x	x										QĐ 12/2014
18	90.	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	91.	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	92.	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chếch hai bên	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	93.	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	94.	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn	x	x	x										QĐ 12/2014
18	95.	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	96.	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	x	x	x										QĐ 12/2014
18	97.	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chếch hai bên	x	x	x										QĐ 12/2014
18	98.	Chụp Xquang khung chậu thẳng	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	99.	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chếch	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	100.	Chụp Xquang khớp vai thẳng	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	101.	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chếch	x	x	x										QĐ 12/2014
18	102.	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	103.	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	104.	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	105.	Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)	x	x	x	x									QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	106.	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	107.	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	108.	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	109.	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	110.	Chụp Xquang khớp háng nghiêng	x	x	x										QĐ 12/2014
18	111.	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	112.	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	113.	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	x	x	x										QĐ 12/2014
18	114.	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	115.	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x									QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	116.	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	117.	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	118.	Chụp Xquang toàn bộ chi dưới thẳng	x	x											QĐ 12/2014
18	119.	Chụp Xquang ngực thẳng	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	120.	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	121.	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng	x	x	x										QĐ 12/2014
18	122.	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch	x	x	x										QĐ 12/2014
18	123.	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	124.	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng	x	x	x	x									QĐ 12/2014
18	125.	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	x	x	x	x									QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	127.	Chụp Xquang tại giường	x	x	x									x	QĐ 139/2014
18	128.	Chụp Xquang tại phòng mổ	x	x	x									x	QĐ 12/2014
18	129.	Chụp Xquang phim đo sọ thẳng, nghiêng (Cephalometric)	x	x											QĐ 12/2014
18	130.	Chụp Xquang thực quản dạ dày	x	x											QĐ 12/2014
18	131.	Chụp Xquang ruột non	x	x											QĐ 630/2016
18	132.	Chụp Xquang đại tràng	x	x											QĐ 12/2014
18	133.	Chụp Xquang đường mật qua Kehr	x	x	x									x	QĐ 139/2014
18	134.	Chụp Xquang mật tụy ngược dòng qua nội soi	x	x								x			QĐ 139/2014
18	135.	Chụp Xquang đường dò	x	x									x		QĐ 12/2014
18	136.	Chụp Xquang tuyến nước bọt	x	x									x		QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	138.	Chụp Xquang tử cung vòi trứng	x	x									x		QĐ 630/2016
18	140.	Chụp Xquang niệu đồ tĩnh mạch (UIV)	x	x										x	QĐ 139/2014
18	141.	Chụp Xquang bể thận-niệu quản xuôi dòng	x	x								x			QĐ 139/2014
18	142.	Chụp Xquang niệu quản-bể thận ngược dòng	x	x								x			QĐ 139/2014
18	143.	Chụp Xquang niệu đạo bàng quang ngược dòng	x	x									x		QĐ 139/2014
18	144.	Chụp Xquang bàng quang trên xương mu	x	x									x		QĐ 630/2016
18	148.	Chụp Xquang bao rễ thần kinh	x	x								x			QĐ 630/2016
18	149.	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang	x	x	x										QĐ 12/2014
18	150.	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang	x	x	x								x		QĐ 12/2014
18	151.	Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang	x	x									x		QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	152.	Chụp CLVT tưới máu não (CT perfusion)	x	x									x		QĐ 630/2016
18	153.	Chụp CLVT mạch máu não	x	x									x		QĐ 630/2016
18	154.	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D	x	x											QĐ 12/2014
18	155.	Chụp CLVT hàm-mặt không tiêm thuốc cản quang	x	x	x										QĐ 12/2014
18	156.	Chụp CLVT hàm-mặt có tiêm thuốc cản quang	x	x	x								x		QĐ 12/2014
18	157.	Chụp CLVT hàm mặt có ứng dụng phần mềm nha khoa	x	x											QĐ 12/2014
18	158.	Chụp CLVT tai-xương đá không tiêm thuốc	x	x											QĐ 12/2014
18	159.	Chụp CLVT tai-xương đá có tiêm thuốc cản quang	x	x									x		QĐ 12/2014
18	160.	Chụp CLVT hốc mắt	x	x	x										QĐ 12/2014
18	161.	Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	162.	Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm trên (Cone-Beam CT)	x	x											QĐ 630/2016
18	163.	Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm dưới (Cone-Beam CT)	x	x											QĐ 630/2016
18	164.	Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm trên hàm dưới (Cone-Beam CT)	x	x											QĐ 630/2016
18	165.	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang	x	x											QĐ 216/2020
18	166.	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang	x	x									x		QĐ 216/2020
18	167.	Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang	x	x									x		QĐ 216/2020
18	168.	Chụp CLVT tưới máu não (CT perfusion)	x	x									x		QĐ 216/2020
18	169.	Chụp CLVT mạch máu não	x	x									x		QĐ 216/2020
18	170.	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D	x	x											QĐ 216/2020
18	171.	Chụp CLVT hàm-mặt không tiêm thuốc cản quang	x	x											QĐ 216/2020

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	172.	Chụp CLVT hàm-mặt có tiêm thuốc cản quang	x	x									x		QĐ 216/2020
18	173.	Chụp CLVT hàm mặt có ứng dụng phần mềm nha khoa	x	x											QĐ 216/2020
18	174.	Chụp CLVT tai-xương đá không tiêm thuốc	x	x											QĐ 216/2020
18	175.	Chụp CLVT tai-xương đá có tiêm thuốc cản quang	x	x									x		QĐ 216/2020
18	176.	Chụp CLVT hốc mắt	x	x											QĐ 216/2020
18	177.	Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D	x	x											QĐ 216/2020
18	191.	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x	x										QĐ 12/2014
18	192.	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x	x								x		QĐ 12/2014
18	193.	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao	x	x	x										QĐ 12/2014
18	194.	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u	x	x	x										QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	195.	Chụp cắt lớp vi tính nội soi ảo cây phế quản	x	x											QĐ 12/2014
18	196.	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi	x	x									x		QĐ 12/2014
18	197.	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực	x	x									x		QĐ 12/2014
18	198.	Chụp cắt lớp vi tính động mạch vành, tim	x	x									x		QĐ 630/2016
18	199.	Chụp cắt lớp vi tính tính điểm vôi hóa mạch vành	x	x											QĐ 630/2016
18	200.	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x											QĐ 216/2020
18	201.	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x									x		QĐ 216/2020
18	202.	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao	x	x											QĐ 216/2020
18	203.	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u	x	x											QĐ 216/2020
18	204.	Chụp cắt lớp vi tính nội soi ảo cây phế quản	x	x											QĐ 216/2020

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	205.	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi	x	x									x		QĐ 216/2020
18	206.	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực	x	x									x		QĐ 216/2020
18	207.	Chụp cắt lớp vi tính động mạch vành, tim	x	x									x		QĐ 216/2020
18	208.	Chụp cắt lớp vi tính tính điểm vôi hóa mạch vành	x	x											QĐ 216/2020
18	219.	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan-mật, tụy, lách, dạ dày-tá tràng.v.v.)	x	x	x								x		QĐ 12/2014
18	220.	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy	x	x	x								x		QĐ 12/2014
18	221.	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.)	x	x	x								x		QĐ 12/2014
18	222.	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy	x	x	x								x		QĐ 12/2014
18	223.	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u)	x	x									x		QĐ 12/2014
18	224.	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất	x	x									x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	225.	Chụp cắt lớp vi tính gan có dựng hình đường mật	x	x											QĐ 12/2014
18	226.	Chụp cắt lớp vi tính tạng khảo sát huyết động học khối u (CT perfusion)	x	x									x		QĐ 630/2016
18	227.	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) không dùng sonde	x	x									x		QĐ 630/2016
18	228.	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) có dùng sonde	x	x									x		QĐ 630/2016
18	229.	Chụp cắt lớp vi tính đại tràng (colo-scan) dùng dịch hoặc hơi có nội soi ảo	x	x									x		QĐ 12/2014
18	230.	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ-chậu	x	x									x		QĐ 12/2014
18	231.	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan-mật, tụy, lách, dạ dày-tá tràng.v.v.)	x	x									x		QĐ 216/2020
18	232.	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy	x	x									x		QĐ 216/2020
18	233.	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.)	x	x									x		QĐ 216/2020
18	234.	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy	x	x									x		QĐ 216/2020

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	235.	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u)	x	x									x		QĐ 216/2020
18	236.	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất	x	x									x		QĐ 216/2020
18	237.	Chụp cắt lớp vi tính gan có dựng hình đường mật	x	x									x		QĐ 216/2020
18	238.	Chụp cắt lớp vi tính tạng khảo sát huyết động học khối u (CT perfusion)	x	x									x		QĐ 216/2020
18	239.	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) không dùng sonde	x	x									x		QĐ 216/2020
18	240.	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) có dùng sonde	x	x									x		QĐ 216/2020
18	241.	Chụp cắt lớp vi tính đại tràng (colo-scan) dùng dịch hoặc hơi có nội soi ảo	x	x									x		QĐ 216/2020
18	242.	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ-chậu	x	x									x		QĐ 216/2020
18	255.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang	x	x	x										QĐ 12/2014
18	256.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang	x	x	x								x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	257.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x	x										QĐ 12/2014
18	258.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x	x								x		QĐ 12/2014
18	259.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang	x	x	x										QĐ 12/2014
18	260.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang	x	x	x								x		QĐ 12/2014
18	261.	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang	x	x											QĐ 12/2014
18	262.	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang	x	x									x		QĐ 12/2014
18	264.	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang	x	x											QĐ 12/2014
18	265.	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang	x	x									x		QĐ 12/2014
18	266.	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên	x	x									x		QĐ 12/2014
18	267.	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới	x	x									x		QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	268.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang	x	x											QĐ 216/2020
18	269.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang	x	x									x		QĐ 216/2020
18	270.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x											QĐ 216/2020
18	271.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x									x		QĐ 216/2020
18	272.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang	x	x											QĐ 216/2020
18	273.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang	x	x									x		QĐ 216/2020
18	274.	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang	x	x											QĐ 216/2020
18	275.	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang	x	x									x		QĐ 216/2020
18	277.	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang	x	x											QĐ 216/2020
18	278.	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang	x	x									x		QĐ 216/2020

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	280.	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên	x	x									x		QĐ 216/2020
18	281.	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới	x	x									x		QĐ 216/2020
18	296.	Chụp cộng hưởng từ sọ não	x	x											QĐ 216/2020
18	297.	Chụp cộng hưởng từ sọ não có tiêm chất tương phản	x	x									x		QĐ 216/2020
18	298.	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não không tiêm chất tương phản	x	x											QĐ 216/2020
18	299.	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não có tiêm chất tương phản	x	x									x		QĐ 216/2020
18	300.	Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ không tiêm chất tương phản	x	x											QĐ 216/2020
18	301.	Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ có tiêm chất tương phản	x	x									x		QĐ 216/2020
18	302.	Chụp cộng hưởng từ tuyến yên có tiêm chất tương phản (khảo sát động học)	x	x									x		QĐ 216/2020
18	303.	Chụp cộng hưởng từ hốc mắt và thần kinh thị giác	x	x											QĐ 216/2020

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	304.	Chụp cộng hưởng từ hốc mắt và thần kinh thị giác có tiêm chất tương phản	x	x									x		QĐ 216/2020
18	305.	Chụp cộng hưởng từ tưới máu não (perfusion)	x	x									x		QĐ 216/2020
18	307.	Chụp cộng hưởng từ các bó sợi thần kinh (tractography) hay Chụp Cộng hưởng từ khuếch tán sức căng (DTI - Diffusion Tensor Imaging)	x	x									x		QĐ 216/2020
18	308.	Chụp cộng hưởng từ khuếch tán (DWI - Diffusion-weighted Imaging)	x	x									x		QĐ 216/2020
18	309.	Chụp cộng hưởng từ đáy sọ và xương đá	x	x									x		QĐ 216/2020
18	310.	Chụp cộng hưởng từ vùng mặt – cổ	x	x											QĐ 216/2020
18	311.	Chụp cộng hưởng từ vùng mặt – cổ có tiêm tương phản	x	x									x		QĐ 216/2020
18	313.	Chụp cộng hưởng từ lồng ngực	x	x											QĐ 216/2020
18	314.	Chụp cộng hưởng từ lồng ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x									x		QĐ 216/2020
18	315.	Chụp cộng hưởng từ thông khí phổi (Heli)	x	x									x		QĐ 216/2020

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	319.	Chụp cộng hưởng từ tầng bụng không tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ gan-mật, tụy, lách, thận, dạ dày-tá tràng...)	x	x											QĐ 216/2020
18	320.	Chụp cộng hưởng từ tầng bụng có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ gan-mật, tụy, lách, thận, dạ dày-tá tràng...)	x	x									x		QĐ 216/2020
18	321.	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung-phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu…)	x	x											QĐ 216/2020
18	322.	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu dò hậu môn	x	x									x		QĐ 216/2020
18	323.	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung-phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu…)	x	x									x		QĐ 216/2020
18	324.	Chụp cộng hưởng từ bìu, dương vật	x	x											QĐ 216/2020
18	325.	Chụp cộng hưởng từ bìu, dương vật có tiêm chất tương phản	x	x									x		QĐ 216/2020
18	326.	Chụp cộng hưởng từ động học sàn chậu, tống phân (defecography-MR)	x	x											QĐ 216/2020
18	327.	Chụp cộng hưởng từ ruột non (enteroclysis)	x	x									x		QĐ 216/2020

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	328.	Chụp cộng hưởng từ nội soi ảo khung đại tràng (virtual colonoscopy)	x	x									x		QĐ 216/2020
18	329.	Chụp cộng hưởng từ tuyến tiền liệt có tiêm tương phản	x	x									x		QĐ 216/2020
18	331.	Chụp cộng hưởng từ đánh giá bánh nhau (rau)	x	x											QĐ 216/2020
18	332.	Chụp cộng hưởng từ thai nhi	x	x									x		QĐ 216/2020
18	333.	Chụp cộng hưởng từ gan với chất tương phản đặc hiệu mô	x	x									x		QĐ 216/2020
18	334.	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ	x	x											QĐ 216/2020
18	335.	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ có tiêm tương phản	x	x									x		QĐ 216/2020
18	336.	Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực	x	x											QĐ 216/2020
18	337.	Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực có tiêm tương phản	x	x									x		QĐ 216/2020
18	338.	Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng	x	x											QĐ 216/2020

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	339.	Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng có tiêm tương phản	x	x									x		QĐ 216/2020
18	340.	Chụp cộng hưởng từ khớp	x	x											QĐ 216/2020
18	341.	Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản tĩnh mạch	x	x									x		QĐ 216/2020
18	342.	Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản nội khớp	x	x									x		QĐ 216/2020
18	343.	Chụp cộng hưởng từ xương và tủy xương	x	x											QĐ 216/2020
18	344.	Chụp cộng hưởng từ xương và tủy xương có tiêm tương phản	x	x									x		QĐ 216/2020
18	345.	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi	x	x											QĐ 216/2020
18	346.	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi có tiêm tương phản	x	x									x		QĐ 216/2020
18	347.	Chụp cộng hưởng từ động mạch chủ-chậu	x	x									x		QĐ 216/2020
18	348.	Chụp cộng hưởng từ động mạch chủ-ngực	x	x									x		QĐ 216/2020

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	349.	Chụp cộng hưởng từ động mạch vành	x	x									x		QĐ 216/2020
18	350.	Chụp cộng hưởng từ tim	x	x									x		QĐ 216/2020
18	351.	Chụp cộng hưởng từ tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u)	x	x									x		QĐ 216/2020
18	352.	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi trên	x	x											QĐ 216/2020
18	353.	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi trên có tiêm tương phản	x	x									x		QĐ 216/2020
18	354.	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi dưới	x	x											QĐ 216/2020
18	355.	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi dưới có tiêm tương phản	x	x									x		QĐ 216/2020
18	358.	Chụp cộng hưởng từ tĩnh mạch	x	x											QĐ 216/2020
18	359.	Chụp cộng hưởng từ tĩnh mạch có tiêm tương phản	x	x									x		QĐ 216/2020
18	360.	Chụp cộng hưởng từ bạch mạch có tiêm tương phản không đặc hiệu	x	x									x		QĐ 216/2020

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	361.	Chụp cộng hưởng từ bạch mạch có tiêm tương phản đặc hiệu	x	x									x		QĐ 216/2020
18	501.	Chụp động mạch não số hóa xóa nền	x	x								x			QĐ 216/2020
18	502.	Chụp mạch vùng đầu mặt cổ số hóa xóa nền	x	x								x			QĐ 216/2020
18	503.	Chụp động mạch chủ số hóa xóa nền	x	x								x			QĐ 216/2020
18	504.	Chụp động mạch chậu số hóa xóa nền	x	x								x			QĐ 216/2020
18	505.	Chụp động mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền	x	x								x			QĐ 216/2020
18	506.	Chụp động mạch phổi số hóa xóa nền	x	x								x			QĐ 216/2020
18	507.	Chụp động mạch phế quản số hóa xóa nền	x	x								x			QĐ 216/2020
18	508.	Chụp các động mạch tủy	x	x								x			QĐ 216/2020
18	509.	Chụp động mạch tạng (gan, lách, thận, tử cung, sinh dục..) số hóa xóa nền	x	x								x			QĐ 216/2020

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	510.	Chụp động mạch mạc treo số hóa xóa nền	x	x								x			QĐ 216/2020
18	511.	Chụp tĩnh mạch số hóa xóa nền	x	x								x			QĐ 216/2020
18	512.	Chụp tĩnh mạch lách - cửa số hóa xóa nền	x	x								x			QĐ 216/2020
18	513.	Chụp tĩnh mạch lách - cửa đo áp lực số hóa xóa nền	x	x								x			QĐ 216/2020
18	514.	Chụp tĩnh mạch chi số hóa xóa nền	x	x								x			QĐ 216/2020
18	603.	Sinh thiết gan dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x							x			QĐ 630/2016
18	605.	Sinh thiết vú dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x							x			QĐ 630/2016
18	606.	Sinh thiết lách dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x							x			QĐ 630/2016
18	607.	Sinh thiết thận dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x							x			QĐ 630/2016
18	609.	Sinh thiết hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x							x			QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	610.	Sinh thiết tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x							x			QĐ 630/2016
18	611.	Sinh thiết phần mềm dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x							x			QĐ 630/2016
18	612.	Sinh thiết các tạng dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x							x			QĐ 630/2016
18	613.	Sinh thiết tiền liệt tuyến qua trực tràng dưới hướng dẫn siêu âm	x	x								x			QĐ 630/2016
18	618.	Sinh thiết phổi/màng phổi dưới hướng dẫn siêu âm	x	x								x			QĐ 630/2016
18	620.	Chọc hút hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x							x			QĐ 630/2016
18	624.	Chọc hút nang, tiêm xơ dưới hướng dẫn siêu âm	x	x								x			QĐ 630/2016
18	625.	Chọc hút dịch ổ khớp dưới hướng dẫn siêu âm	x	x								x			QĐ 630/2016
18	626.	Chọc ối dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x								x			QĐ 630/2016
18	629.	Chọc hút ổ dịch, áp xe dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x								x			QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
18	632.	Dẫn lưu các ổ dịch trong ổ bụng dưới hướng dẫn siêu âm	x	x								x			QĐ 630/2016
18	633.	Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x								x			QĐ 630/2016
20	7.	Nội soi cầm máu mũi	x	x	x								x		QĐ 630/2016
20	8.	Nội soi mũi hoặc vòm hoặc họng có sinh thiết	x	x	x								x		QĐ 630/2016
20	13.	Nội soi tai mũi họng	x	x	x										QĐ 630/2016
20	44.	Nong đường mật, Oddi qua nội soi	x									x			QĐ 139/2014
20	53.	Nội soi đặt bộ Stent thực quản, dạ dày, tá tràng, đại tràng, trực tràng	x	x							x				QĐ 12/2014
20	54.	Nội soi mật tuỵ ngược dòng để chẩn đoán bệnh lý đường mật tuỵ.	x	x								x			QĐ 139/2014
20	55.	Nội soi mật tuỵ ngược dòng để cắt cơ vòng Oddi dẫn lưu mật hoặc lấy sỏi đường mật tuỵ	x	x							x				QĐ 139/2014
20	56.	Nội soi mật tuỵ ngược dòng để đặt Stent đường mật tuỵ	x	x							x				QĐ 12/2014
20	57.	Nong hẹp thực quản, tâm vị qua nội soi	x	x							x				QĐ 12/2014
20	58.	Nội soi tiêu hoá với gây mê (dạ dày - đại tràng)	x	x								x			QĐ 12/2014
20	59.	Nội soi cầm máu bằng clip trong chảy máu đường tiêu hóa	x	x								x			QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
20	67.	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu hoá cao để chẩn đoán và điều trị	x	x								x			QĐ 139/2014
20	68.	Nội soi thực quản-dạ dày, lấy dị vật	x	x								x			QĐ 139/2014
20	69.	Siêu âm nội soi dạ dày, thực quản	x	x								x			QĐ 139/2014
20	70.	Nội soi đại tràng-lấy dị vật	x	x								x			QĐ 12/2014
20	71.	Nội soi đại tràng tiêm cầm máu	x	x								x			QĐ 12/2014
20	72.	Nội soi trực tràng-hậu môn thắt trĩ	x	x									x		QĐ 12/2014
20	73.	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết	x	x								x			QĐ 12/2014
20	74.	Nội soi cắt polip ông tiêu hoá (thực quản, dạ dày, tá tràng, đại trực tràng)	x	x								x			QĐ 12/2014
20	75.	Nội soi hậu môn có sinh thiết, tiêm xơ	x	x									x		QĐ 12/2014
20	77.	Nội soi băng tần hẹp (NBI)	x	x								x			QĐ 12/2014
20	79.	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng kết hợp sinh thiết	x	x								x			QĐ 12/2014
20	80.	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng	x	x	x								x		QĐ 12/2014
20	81.	Nội soi đại tràng sigma	x	x	x								x		QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
20	82.	Soi trực tràng	x	x	x									x	QĐ 139/2014
21	4.	Đo chỉ số ABI (chỉ số cổ chân/cánh tay)	x	x	x	x									QĐ 630/2016
21	6.	Đo áp lực thẩm thấu máu	x	x											QĐ 630/2016
21	7.	Holter huyết áp	x	x										x	QĐ 630/2016
21	13.	Nghiệm pháp dây thắt	x	x	x	x									QĐ 630/2016
21	14.	Điện tim thường	x	x	x	x									QĐ 630/2016
21	19.	Đo hô hấp ký	x	x									x		QĐ 1746/2017
21	22.	Test dung tích sống gắng sức (FVC)	x	x	x									x	QĐ 1746/2017
21	23.	Test dung tích sống thở chậm (SVC)	x	x	x									x	QĐ 1746/2017
21	24.	Thông khí tự ý tối đa (MVV)	x	x	x									x	QĐ 1746/2017
21	40.	Ghi điện não đồ thông thường	x	x	x										QĐ 139/2014
21	71.	Đo độ dày giác mạc	x	x										x	QĐ 630/2016
21	72.	Đếm tế bào nội mô giác mạc	x	x											QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
21	73.	Đo bản đồ giác mạc	x	x											QĐ 630/2016
21	74.	Siêu âm A/B	x	x											QĐ 630/2016
21	75.	Đo biên độ điều tiết	x	x											QĐ 630/2016
21	76.	Đo độ lồi mắt bằng thước đo Hertel	x	x	x										QĐ 630/2016
21	77.	Test thử cảm giác giác mạc	x	x	x										QĐ 630/2016
21	78.	Test phát hiện khô mắt	x	x	x										QĐ 630/2016
21	79.	Nghiệm pháp phát hiện glocom	x	x	x									x	QĐ 630/2016
21	80.	Đo thị trường trung tâm, tìm ám điểm	x	x	x										QĐ 630/2016
21	81.	Đo thị trường chu biên	x	x	x										QĐ 630/2016
21	82.	Đo sắc giác	x	x	x										QĐ 630/2016
21	83.	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	x	x	x										QĐ 630/2016
21	84.	Đo khúc xạ máy	x	x	x										QĐ 630/2016
21	85.	Đo khúc xạ giác mạc Javal	x	x	x										QĐ 630/2016
21	86.	Thử kính	x	x	x										QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
21	87.	Đo độ lác	x	x	x										QĐ 630/2016
21	88.	Xác định sơ đồ song thị	x	x	x										QĐ 630/2016
21	89.	Đo độ sâu tiền phòng	x	x	x										QĐ 630/2016
21	90.	Đo đường kính giác mạc	x	x	x										QĐ 630/2016
21	91.	Đo công suất thể thuỷ tinh nhân tạo tự động bằng siêu âm	x	x	x										QĐ 630/2016
21	92.	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz…)	x	x	x	x									QĐ 630/2016
21	93.	Đo thị lực	x	x	x	x									QĐ 630/2016
21	105.	Nghiệm pháp Atropin	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
21	118.	Đo đường máu 24 giờ không định lượng Insulin	x	x	x										QĐ 630/2016
21	119.	Nghiệm pháp dung nạp Glucose đường uống (50g Glucose) 2 mẫu cho người bệnh thai nghén	x	x											QĐ 630/2016
21	120.	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (75g Glucose) 3 mẫu cho người bệnh thai nghén	x	x											QĐ 630/2016
21	121.	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (100g Glucose) 4 mẫu cho người bệnh thai nghén	x	x											QĐ 630/2016
21	122.	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 2 mẫu không định lượng	x	x	x										QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
		Insulin													
22	1.	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động	x	x	x										QĐ 139/2014
22	2.	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy bán tự động	x	x	x										QĐ 139/2014
22	3.	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) phương pháp thủ công	x	x	x										QĐ 139/2014
22	4.	Xét nghiệm nhanh INR (Có thể kèm theo cả chỉ số PT%, PTs) bằng máy cầm tay	x	x	x	x									QĐ 12/2014
22	5.	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (Tên khác: TCK) bằng máy tự động	x	x	x										QĐ 139/2014
22	6.	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (Tên khác: TCK) bằng máy bán tự động.	x	x	x										QĐ 139/2014
22	7.	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (tên khác: TCK) phương pháp thủ công	x	x	x										QĐ 139/2014
22	8.	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy tự động	x	x	x										QĐ 139/2014
22	9.	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy bán tự động	x	x	x										QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
22	10.	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) phương pháp thủ công	x	x	x										QĐ 139/2014
22	11.	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy tự động	x	x	x										QĐ 139/2014
22	12.	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy bán tự động	x	x	x										QĐ 139/2014
22	13.	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động	x	x	x										QĐ 139/2014
22	14.	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy bán tự động	x	x	x										QĐ 139/2014
22	19.	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	x	x	x	x								x	QĐ 139/2014
22	20.	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy	x	x	x	x								x	QĐ 139/2014
22	21.	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)	x	x	x	x									QĐ 139/2014
22	22.	Nghiệm pháp dây thắt	x	x	x	x									QĐ 139/2014
22	23.	Định lượng D-Dimer	x	x											QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
22	24.	Bán định lượng D-Dimer	x	x	x										QĐ 139/2014
22	25.	Định lượng AT/AT III (Anti thrombin/ Anti thrombinIII)	x	x											QĐ 12/2014
22	26.	Phát hiện kháng đông nội sinh (Tên khác: Mix test)	x	x	x										QĐ 12/2014
22	27.	Phát hiện kháng đông ngoại sinh	x	x											QĐ 12/2014
22	28.	Phát hiện kháng đông đường chung	x	x											QĐ 12/2014
22	29.	Định lượng yếu tố đông máu nội sinh VIIIc, IX, XI	x	x											QĐ 12/2014
22	30.	Định lượng yếu tố đông máu ngoại sinh II, V,VII, X	x	x											QĐ 12/2014
22	36.	Định tính ức chế yếu tố VIIIc/IX	x	x											QĐ 12/2014
22	38.	Định lượng ức chế yếu tố IX	x												QĐ 12/2014
22	39.	Đo độ nhớt (độ quánh) máu toàn phần/huyết tương/dịch khác	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
22	41.	Đo độ ngưng tập tiểu cầu với ADP/Collagen/Acid Arachidonic/ Thrombin/ Epinephrin	x	x											QĐ 139/2014
22	42.	Đo độ ngưng tập tiểu cầu với Ristocetin	x	x											QĐ 12/2014
22	45.	Định lượng Protein C toàn phần (Protein C Antigen)	x	x											QĐ 12/2014
22	46.	Định lượng Protein S toàn phần	x	x											QĐ 12/2014
22	47.	Định lượng hoạt tính Protein C (Protein Activity)	x	x											QĐ 12/2014
22	49.	Phát hiện kháng đông lupus (LAC/ LA screen: Lupus Anticoagulant screen)	x	x											QĐ 12/2014
22	52.	Nghiệm pháp sinh Thromboplastin (T.G.T: Thromboplastin Generation Test)	x	x											QĐ 12/2014
22	54.	Đàn hồi đồ cục máu (TEG: Thrombo Elasto Graphy)	x	x											QĐ 12/2014
22	55.	Thời gian phục hồi Canxi	x	x											QĐ 12/2014
22	56.	Định lượng hoạt tính yếu tố V Leiden	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
22	57.	Định lượng Heparin	x	x											QĐ 12/2014
22	60.	Xét nghiệm PFA (Platelet Funtion Analyzer) bằng Collagen/Epinephrine trên máy tự động (Tên khác: PFA bằng Col/Epi)	x	x											QĐ 12/2014
22	61.	Xét nghiệm PFA (Platelet Funtion Analyzer) bằng Collagen/ADP trên máy tự động (Tên khác: PFA bằng Col/ADP)	x	x											QĐ 12/2014
22	68.	Định lượng antiCardiolipin IgG bằng phương pháp ELISA/miễn dịch hóa phát quang/ điện hóa phát quang	x	x											QĐ 12/2014
22	69.	Định lượng antiCardiolipin IgM bằng phương pháp ELISA/miễn dịch hóa phát quang điện hóa phát quang	x	x											QĐ 12/2014
22	70.	Định lượng anti b2GPI IgG bằng phương pháp ELISA/miễn dịch hóa phát quang/ điện hóa phát quang	x	x											QĐ 12/2014
22	71.	Định lượng anti b2GPI IgM bằng phương pháp ELISA/ miễn dịch hóa phát quang/ điện hóa phát quang	x	x											QĐ 12/2014
22	73.	Phát hiện DIC bằng phương pháp sóng đôi trên máy đông máu	x	x											QĐ 12/2014
22	78.	Đo độ quánh máu toàn phần, huyết tương	x	x	x										QĐ 12/2014
22	79.	Định lượng Acid Folic	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
22	80.	Định lượng Beta 2 Microglobulin	x	x											QĐ 12/2014
22	81.	Định lượng Cyclosporin A	x	x											QĐ 12/2014
22	82.	Định lượng khả năng gắn sắt toàn thể (TIBC)	x	x											QĐ 12/2014
22	83.	Định lượng Hemoglobin tự do	x	x											QĐ 12/2014
22	84.	Định lượng sắt chưa bão hòa huyết thanh (UIBC)	x	x											QĐ 12/2014
22	85.	Định lượng Transferin receptor hòa tan (TFR)	x	x											QĐ 12/2014
22	87.	Độ bão hòa Transferin	x	x											QĐ 12/2014
22	88.	Định lượng vitamin B12	x	x											QĐ 12/2014
22	89.	Định lượng Transferin	x	x											QĐ 12/2014
22	91.	Định lượng EPO (Erythropoietin)	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
22	92.	Đo huyết sắc tố niệu	x	x	x										QĐ 12/2014
22	93.	Methemoglobin	x	x											QĐ 12/2014
22	94.	Định lượng Peptid - C	x	x											QĐ 12/2014
22	95.	Định lượng Methotrexat	x	x											QĐ 12/2014
22	96.	Định lượng Haptoglobin	x	x											QĐ 12/2014
22	102.	Sức bền thẩm thấu hồng cầu	x	x	x										QĐ 12/2014
22	110.	Fructosamin	x	x											QĐ 12/2014
22	112.	Định lượng IgG	x	x											QĐ 12/2014
22	113.	Định lượng IgA	x	x											QĐ 12/2014
22	114.	Định lượng IgM	x	x											QĐ 12/2014
22	115.	Định lượng IgE	x	x											QĐ 12/2014
22	116.	Định lượng Ferritin	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
22	117.	Định lượng sắt huyết thanh	x	x	x										QĐ 12/2014
22	118.	Dàn tiêu bản máu ngoại vi (Phết máu ngoại vi)	x	x	x	x									QĐ 12/2014
22	119.	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x									QĐ 12/2014
22	120.	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x										QĐ 12/2014
22	121.	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	x	x	x										QĐ 139/2014
22	122.	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi bằng hệ thống tự động hoàn toàn (có nhuộm tiêu bản tự động)	x												QĐ 139/2014
22	123.	Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x										QĐ 139/2014
22	124.	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x										QĐ 139/2014
22	125.	Huyết đồ (bằng máy đếm laser)	x	x	x										QĐ 139/2014
22	126.	Thủ thuật chọc hút tủy làm tủy đồ (chưa bao gồm kim chọc tủy một lần)	x	x									x		QĐ 139/2014
22	127.	Thủ thuật chọc hút tủy làm tủy đồ (bao gồm kim chọc tủy nhiều lần)	x	x									x		QĐ 139/2014
22	128.	Thủ thuật chọc hút tủy làm tủy đồ (sử dụng máy khoan cầm tay)	x	x									x		QĐ 139/2014
22	129.	Xét nghiệm tế bào học tủy xương (không bao gồm thủ thuật chọc hút tủy)	x	x											QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
22	133.	Xét nghiệm mô bệnh học tủy xương (không bao gồm thủ thuật sinh thiết tủy xương)	x	x											QĐ 139/2014
22	134.	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x										QĐ 139/2014
22	135.	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng máy đếm laser)	x	x											QĐ 139/2014
22	136.	Tìm mảnh vỡ hồng cầu	x	x	x										QĐ 139/2014
22	137.	Tìm hồng cầu có chấm ưa bazơ	x	x	x										QĐ 630/2016
22	138.	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x									QĐ 139/2014
22	139.	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp tập trung hồng cầu nhiễm)	x	x	x										QĐ 139/2014
22	140.	Tìm giun chỉ trong máu	x	x	x	x									QĐ 630/2016
22	141.	Tập trung bạch cầu	x	x											QĐ 139/2014
22	142.	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x										QĐ 139/2014
22	143.	Máu lắng (bằng máy tự động)	x	x	x										QĐ 139/2014
22	144.	Tìm tế bào Hargraves	x	x	x										QĐ 139/2014
22	148.	Nhuộm hóa học tế bào tuỷ xương(gồm nhiều phương pháp)	x	x											QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
22	149.	Xét nghiệm tế bào cặn nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x									QĐ 139/2014
22	150.	Xét nghiệm tế bào trong nước tiểu (bằng máy tự động)	x	x											QĐ 139/2014
22	151.	Cặn Addis	x	x	x										QĐ 139/2014
22	152.	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản…) bằng phương pháp thủ công	x	x	x										QĐ 139/2014
22	153.	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tuỷ, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản…) bằng máy phân tích huyết học tự động	x	x	x										QĐ 139/2014
22	154.	Xét nghiệm các loại dịch, nhuộm và chẩn đoán tế bào học	x	x	x										QĐ 139/2014
22	155.	Xét nghiệm tế bào học lách (lách đồ)	x	x											QĐ 12/2014
22	156.	Xử lý và đọc tiêu bản (tuỷ, lách, hạch)	x	x											QĐ 12/2014
22	160.	Thể tích khối hồng cầu (hematocrit) bằng máy ly tâm	x	x	x										QĐ 12/2014
22	161.	Định lượng huyết sắc tố (hemoglobin) bằng quang kế	x	x	x										QĐ 12/2014
22	162.	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x										QĐ 139/2014
22	163.	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ	x	x	x										QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
		công)													
22	164.	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng máy đếm laser)	x	x	x										QĐ 139/2014
22	165.	Làm thủ thuật chọc hút hạch làm hạch đồ	x	x									x		QĐ 12/2014
22	166.	Xét nghiệm tế bào hạch (hạch đồ)	x	x											QĐ 12/2014
22	168.	Xét nghiệm mô bệnh học hạch	x	x											QĐ 12/2014
22	188.	Xác định kháng nguyên K của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	189.	Xác định kháng nguyên k của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	208.	Xác định kháng nguyên M của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x											QĐ 12/2014
22	209.	Xác định kháng nguyên N của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x											QĐ 12/2014
22	210.	Xác định kháng nguyên M của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	211.	Xác định kháng nguyên N của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	212.	Xác định kháng nguyên M của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
		Scangel/Gelcard trên máy tự động)													
22	213.	Xác định kháng nguyên N của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	214.	Xác định kháng nguyên S của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x											QĐ 12/2014
22	215.	Xác định kháng nguyên s của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x											QĐ 12/2014
22	216.	Xác định kháng nguyên S của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	217.	Xác định kháng nguyên s của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	218.	Xác định kháng nguyên S của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	219.	Xác định kháng nguyên s của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	220.	Xác định kháng nguyên Mi^a của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x											QĐ 12/2014
22	221.	Xác định kháng nguyên Mi^a của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	222.	Xác định kháng nguyên Mi^a của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
22	223.	Xác định kháng nguyên P1 của hệ nhóm máu P1Pk (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x											QĐ 12/2014
22	224.	Xác định kháng nguyên P1 của hệ nhóm máu P1Pk (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	226.	Xác định kháng nguyên C của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x											QĐ 12/2014
22	227.	Xác định kháng nguyên C của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	228.	Xác định kháng nguyên C của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	229.	Xác định kháng nguyên c của hệ của nhóm máu Rh (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x											QĐ 12/2014
22	230.	Xác định kháng nguyên c của hệ của nhóm máu Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	231.	Xác định kháng nguyên c của hệ của nhóm máu Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	232.	Xác định kháng nguyên E của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x											QĐ 12/2014
22	233.	Xác định kháng nguyên E của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	234.	Xác định kháng nguyên E của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
		Scangel/Gelcard trên máy tự động)													
22	235.	Xác định kháng nguyên e của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x											QĐ 12/2014
22	236.	Xác định kháng nguyên e của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	237.	Xác định kháng nguyên e của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	256.	Định danh kháng thể bất thường (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x											QĐ 12/2014
22	257.	Định danh kháng thể bất thường (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	258.	Định danh kháng thể bất thường (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	259.	Sàng lọc kháng thể bất thường (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x											QĐ 139/2014
22	260.	Sàng lọc kháng thể bất thường (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x											QĐ 139/2014
22	261.	Sàng lọc kháng thể bất thường (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x											QĐ 139/2014
22	262.	Xét nghiệm lựa chọn đơn vị máu phù hợp (10 đơn vị máu trong 3 điều kiện 22^0C, 37^0C, kháng globulin người) bằng phương pháp	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
		Scangel/Gelcard													
22	263.	Xét nghiệm lựa chọn đơn vị máu phù hợp (10 đơn vị máu trong 3 điều kiện 22^0C, 37^0C, kháng globulin người) bằng phương pháp ống nghiệm	x	x											QĐ 12/2014
22	264.	Hiệu giá kháng thể miễn dịch (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	265.	Hiệu giá kháng thể miễn dịch (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x											QĐ 12/2014
22	266.	Hiệu giá kháng thể tự nhiên chống A, B (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	267.	Hiệu giá kháng thể tự nhiên chống A, B (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x										QĐ 12/2014
22	268.	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22^0C (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x										QĐ 12/2014
22	269.	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22^0C (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	270.	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22^0C (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	271.	Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 37^0C (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x										QĐ 12/2014
22	272.	Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 37^0C (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
22	273.	Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 37^{0}C (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	274.	Phản ứng hoà hợp có sử dụng kháng globulin người (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x										QĐ 12/2014
22	275.	Phản ứng hoà hợp có sử dụng kháng globulin người (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	276.	Phản ứng hoà hợp có sử dụng kháng globulin người (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	277.	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x											QĐ 139/2014
22	278.	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x											QĐ 139/2014
22	279.	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x										QĐ 139/2014
22	280.	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiến đá)	x	x	x										QĐ 139/2014
22	281.	Định nhóm máu khó hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x											QĐ 12/2014
22	282.	Định nhóm máu khó hệ ABO (Kỹ thuật Scangel/Gelcard)	x	x											QĐ 12/2014
22	283.	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên giấy)	x	x	x										QĐ 12/2014
22	284.	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên thẻ)	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
22	285.	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	x	x	x										QĐ 12/2014
22	286.	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	x	x	x										QĐ 12/2014
22	287.	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	x	x	x										QĐ 12/2014
22	288.	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	x	x	x										QĐ 12/2014
22	289.	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	290.	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	291.	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x										QĐ 139/2014
22	292.	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiến đá)	x	x	x										QĐ 139/2014
22	293.	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) bằng công nghệ hồng cầu gắn từ	x	x											QĐ 12/2014
22	294.	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) trên hệ thống máy tự động hoàn toàn	x	x											QĐ 12/2014
22	295.	Xác định kháng nguyên D yếu của hệ Rh (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
22	296.	Xác định kháng nguyên D yếu của hệ Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard)	x	x											QĐ 12/2014
22	297.	Xác định kháng nguyên D từng phần của hệ Rh (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x											QĐ 12/2014
22	298.	Xác định kháng nguyên D từng phần của hệ Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard)	x	x											QĐ 12/2014
22	299.	Xác định bản chất kháng thể đặc hiệu (IgG, IgA, IgM, C3d, C3c (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động khi nghiệm pháp Coombs trực tiếp/gián tiếp dương tính)	x	x											QĐ 12/2014
22	300.	Xác định bản chất kháng thể đặc hiệu (IgG, IgA, IgM, C3d, C3c (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động khi nghiệm pháp Coombs trực tiếp/gián tiếp dương tính)	x	x											QĐ 12/2014
22	301.	Xác định bản chất kháng thể đặc hiệu (IgG, IgA, IgM, C3d, C3c (Kỹ thuật ống nghiệm khi nghiệm pháp Coombs trực tiếp/gián tiếp dương tính)	x	x											QĐ 12/2014
22	302.	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x											QĐ 139/2014
22	303.	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x											QĐ 139/2014
22	304.	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x										QĐ 139/2014
22	305.	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật hồng cầu gắn từ trên máy tự động)	x	x											QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
22	306.	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x											QĐ 139/2014
22	307.	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x											QĐ 139/2014
22	308.	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x										QĐ 139/2014
22	309.	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật hồng cầu gắn từ trên máy tự động)	x	x											QĐ 139/2014
22	310.	Xác định kháng nguyên H (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x											QĐ 12/2014
22	311.	Xác định kháng nguyên H (Kỹ thuật Scangel/Gelcard)	x	x											QĐ 12/2014
22	312.	Xác định nhóm máu A1 (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x											QĐ 12/2014
22	313.	Xác định nhóm máu A1 (Kỹ thuật Scangel/Gelcard)	x	x											QĐ 12/2014
22	323.	Kháng thể kháng nDNA (anti-nDNA) bằng kỹ thuật ELISA	x	x											QĐ 12/2014
22	324.	Kháng thể kháng protein nhân (anti-RNP) bằng kỹ thuật ELISA	x	x											QĐ 12/2014
22	325.	Kháng thể kháng dsDNA (anti-dsDNA) bằng kỹ thuật ELISA	x	x											QĐ 12/2014
22	326.	Kháng thể kháng nhân (anti-ANA) bằng kỹ thuật ELISA	x	x											QĐ 12/2014
22	327.	Kháng thể kháng dsDNA (anti-dsDNA) bằng kỹ thuật huỳnh quang	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
22	328.	Kháng thể kháng nhân (anti-ANA) bằng kỹ thuật huỳnh quang	x	x											QĐ 12/2014
22	342.	Xét nghiệm đếm số lượng CD3 - CD4 - CD8	x	x											QĐ 139/2014
22	344.	Xét nghiệm CD55/59 hồng cầu (chẩn đoán bệnh Đái huyết sắc tố niệu kịch phát ban đêm)	x	x											QĐ 12/2014
22	347.	Xét nghiệm kháng thể kháng dsDNA (ngưng kết latex)	x	x	x										QĐ 630/2016
22	349.	Điện di miễn dịch dịch não tuỷ	x	x											QĐ 630/2016
22	350.	Điện di miễn dịch nước tiểu	x	x											QĐ 630/2016
22	351.	Điện di miễn dịch huyết thanh	x	x											QĐ 630/2016
22	352.	Điện di huyết sắc tố	x	x	x										QĐ 139/2014
22	353.	Điện di protein huyết thanh	x	x											QĐ 139/2014
22	368.	Định lượng sắt không gắn Transferin huyết tương (NTBI - Non Transferin Bound Ion)	x												QĐ 12/2014
22	375.	Anti phospholipid IgG và IgM (sàng lọc các kháng thể kháng phospholipid lớp IgG và IgM bằng kỹ thuật ELISA	x	x											QĐ 12/2014
22	381.	Công thức nhiễm sắc thể (Karyotype) tuỷ xương	x	x											QĐ 12/2014
22	382.	Công thức nhiễm sắc thể (Karyotype) máu ngoại vi	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
22	456.	Xét nghiệm nhanh HBsAg trước hiến máu đối với người hiến máu	x	x											QĐ 12/2014
22	457.	Lấy máu toàn phần từ người hiến máu	x	x	x									x	QĐ 139/2014
22	458.	Xét nghiệm sàng lọc HIV, Viêm gan B, Viêm gan C đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật ELISA	x	x											QĐ 12/2014
22	459.	Xét nghiệm sàng lọc HIV, Viêm gan B, Viêm gan C đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật hoá phát quang	x	x											QĐ 12/2014
22	461.	Xét nghiệm sàng lọc giang mai đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật ELISA	x	x											QĐ 12/2014
22	462.	Xét nghiệm sàng lọc giang mai đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật RPR	x	x											QĐ 12/2014
22	463.	Xét nghiệm sàng lọc giang mai đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật ngưng kết hồng cầu/ vi hạt thụ động	x	x											QĐ 12/2014
22	464.	Xét nghiệm sàng lọc ký sinh trùng sốt rét đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật ELISA	x	x											QĐ 12/2014
22	465.	Xét nghiệm sàng lọc ký sinh trùng sốt rét đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật miễn dịch thấm	x	x											QĐ 12/2014
22	466.	Xét nghiệm sàng lọc ký sinh trùng sốt rét đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật nhuộm giêmsa soi kính hiển vi	x	x	x	x									QĐ 12/2014
22	467.	Xét nghiệm sàng lọc CMV đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
		máu bằng kỹ thuật ELISA													
22	468.	Xét nghiệm sàng lọc CMV đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật hoá phát quang	x	x											QĐ 12/2014
22	470.	Xét nghiệm sàng lọc kháng thể bất thường đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu (Kỹ thuật men tiêu protein/ antiglobulin thực hiện thủ công hoặc trên máy bán tự động, máy tự động)	x	x											QĐ 12/2014
22	471.	Lọc bạch cầu trong máu toàn phần	x	x											QĐ 12/2014
22	480.	Điều chế khối tiểu cầu gạn tách từ một người cho	x	x								x			QĐ 630/2016
22	499.	Rút máu để điều trị	x	x	x								x		QĐ 12/2014
22	500.	Truyền thay máu	x	x								x			QĐ 12/2014
22	501.	Truyền máu tại giường bệnh (bệnh nhân điều trị nội - ngoại trú)	x	x	x								x		QĐ 139/2014
22	502.	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu	x	x	x										QĐ 12/2014
22	506.	Trao đổi huyết tương điều trị	x	x								x			QĐ 12/2014
22	507.	Lọc máu liên tục	x	x							x				QĐ 12/2014
22	508.	Đặt catheter cố định đường tĩnh mạch trung tâm	x	x								x			QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
22	509.	Chăm sóc catheter cố định	x	x										x	QĐ 12/2014
22	510.	Truyền thuốc chống ung thư đường tĩnh mạch	x	x									x		QĐ 12/2014
22	511.	Chăm sóc bệnh nhân điều trị trong phòng vô trùng	x	x											QĐ 12/2014
22	516.	Thủ thuật chọc tủy sống lấy dịch não tủy làm xét nghiệm	x	x									x		QĐ 12/2014
23	3.	Định lượng Acid Uric	x	x	x										QĐ 139/2014
23	7.	Định lượng Albumin	x	x	x										QĐ 139/2014
23	9.	Đo hoạt độ ALP (Alkalin Phosphatase)	x	x	x										QĐ 12/2014
23	10.	Đo hoạt độ Amylase	x	x	x										QĐ 139/2014
23	11.	Định lượng Amoniac (NH3)	x	x											QĐ 12/2014
23	14.	Định lượng Anti-Tg (Antibody- Thyroglobulin)	x	x											QĐ 12/2014
23	15.	Định lượng Anti - TPO (Anti- thyroid Peroxidase antibodies)	x	x											QĐ 630/2016
23	18.	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)	x	x											QĐ 139/2014
23	19.	Đo hoạt độ ALT (GPT)	x	x	x										QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
23	20.	Đo hoạt độ AST (GOT)	x	x	x										QĐ 139/2014
23	24.	Định lượng bhCG (Beta human Chorionic Gonadotropins)	x	x											QĐ 139/2014
23	25.	Định lượng Bilirubin trực tiếp	x	x	x										QĐ 139/2014
23	26.	Định lượng Bilirubin gián tiếp	x	x	x										QĐ 139/2014
23	27.	Định lượng Bilirubin toàn phần	x	x	x										QĐ 139/2014
23	28.	Định lượng BNP (B- Type Natriuretic Peptide)	x	x											QĐ 12/2014
23	29.	Định lượng Calci toàn phần	x	x	x										QĐ 139/2014
23	30.	Định lượng Calci ion hoá	x	x	x										QĐ 139/2014
23	31.	Định lượng canci ion hóa bằng điện cực chọn lọc	x	x											QĐ 12/2014
23	32.	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125)	x	x											QĐ 12/2014
23	33.	Định lượng CA 19 - 9 (Carbohydrate Antigen 19-9)	x	x											QĐ 12/2014
23	34.	Định lượng CA 15 - 3 (Cancer Antigen 15- 3)	x	x											QĐ 12/2014
23	35.	Định lượng CA 72 - 4 (Cancer Antigen 72- 4)	x	x											QĐ 12/2014
23	36.	Định lượng Calcitonin	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
23	39.	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen)	x	x											QĐ 12/2014
23	40.	Đo hoạt độ Cholinesterase (ChE)	x	x	x										QĐ 139/2014
23	41.	Định lượng Cholesterol toàn phần	x	x	x										QĐ 139/2014
23	42.	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase)	x	x											QĐ 12/2014
23	43.	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase)	x	x											QĐ 139/2014
23	44.	Định lượng CK-MB mass	x	x											QĐ 12/2014
23	45.	Định lượng C-Peptid	x	x	x										QĐ 12/2014
23	46.	Định lượng Cortisol	x	x											QĐ 12/2014
23	50.	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sesitivity)	x	x	x										QĐ 12/2014
23	51.	Định lượng Creatinin	x	x	x										QĐ 139/2014
23	52.	Định lượng Cyfra 21- 1	x	x											QĐ 12/2014
23	54.	Định lượng D-Dimer	x												QĐ 12/2014
23	58.	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	x	x	x										QĐ 139/2014
23	60.	Định lượng Ethanol (cồn)	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
23	61.	Định lượng Estradiol	x	x											QĐ 12/2014
23	63.	Định lượng Ferritin	x	x											QĐ 12/2014
23	65.	Định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone)	x	x											QĐ 12/2014
23	66.	Định lượng free bHCG (Free Beta Human Chorionic Gonadotropin)	x	x											QĐ 12/2014
23	67.	Định lượng Folate	x	x											QĐ 12/2014
23	68.	Định lượng FT_3 (Free Triiodothyronine)	x	x											QĐ 139/2014
23	69.	Định lượng FT_4 (Free Thyroxine)	x	x											QĐ 139/2014
23	72.	Đo hoạt độ G6PD (Glucose -6 phosphat dehydrogenase)	x	x											QĐ 12/2014
23	74.	Đo hoạt độ GLDH (Glutamat dehydrogenase)	x	x											QĐ 12/2014
23	75.	Định lượng Glucose	x	x	x										QĐ 139/2014
23	76.	Định lượng Globulin	x	x	x										QĐ 139/2014
23	77.	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	x	x	x										QĐ 12/2014
23	83.	Định lượng HbA1c	x	x	x										QĐ 12/2014
23	84.	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	x	x	x										QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
23	92.	Định lượng IgE Cat Specific (E1)	x	x											QĐ 12/2014
23	93.	Định lượng IgE (Immunoglobuline E)	x	x											QĐ 12/2014
23	94.	Định lượng IgA (Immunoglobuline A)	x	x											QĐ 12/2014
23	95.	Định lượng IgG (Immunoglobuline G)	x	x											QĐ 12/2014
23	96.	Định lượng IgM (Immunoglobuline M)	x	x											QĐ 12/2014
23	98.	Định lượng Insulin	x	x											QĐ 12/2014
23	103.	Xét nghiệm Khí máu	x	x											QĐ 139/2014
23	104.	Định lượng Lactat (Acid Lactic)	x	x											QĐ 139/2014
23	109.	Đo hoạt độ Lipase	x	x											QĐ 12/2014
23	110.	Định lượng LH (Luteinizing Hormone)	x	x											QĐ 12/2014
23	111.	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase)	x	x											QĐ 139/2014
23	112.	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	x	x	x										QĐ 139/2014
23	117.	Định lượng Myoglobin	x	x											QĐ 12/2014
23	118.	Định lượng Mg	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
23	120.	Định lượng NSE (Neuron Specific Enolase)	x	x											QĐ 12/2014
23	121.	Định lượng proBNP (NT-proBNP)	x	x											QĐ 12/2014
23	128.	Định lượng Phospho	x	x	x										QĐ 139/2014
23	129.	Định lượng Pre-albumin	x	x											QĐ 12/2014
23	130.	Định lượng Pro-calcitonin	x	x											QĐ 12/2014
23	131.	Định lượng Prolactin	x	x											QĐ 12/2014
23	132.	Điện di Protein (máy tự động)	x	x											QĐ 630/2016
23	133.	Định lượng Protein toàn phần	x	x	x										QĐ 139/2014
23	134.	Định lượng Progesteron	x	x											QĐ 12/2014
23	138.	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen)	x	x											QĐ 12/2014
23	139.	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen)	x	x											QĐ 12/2014
23	140.	Định lượng PTH (Parathyroid Hormon)	x	x											QĐ 12/2014
23	142.	Định lượng RF (Reumatoid Factor)	x	x											QĐ 12/2014
23	143.	Định lượng Sắt	x	x	x										QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
23	147.	Định lượng T_3 (Tri iodothyronine)	x	x											QĐ 139/2014
23	148.	Định lượng T_4 (Thyroxine)	x	x											QĐ 139/2014
23	151.	Định lượng Testosterol	x	x											QĐ 12/2014
23	154.	Định lượng Tg (Thyroglobulin)	x	x											QĐ 12/2014
23	156.	Định lượng TRAb (TSH Receptor Antibodies)	x	x											QĐ 12/2014
23	157.	Định lượng Transferin	x	x											QĐ 12/2014
23	158.	Định lượng Triglycerid	x	x	x										QĐ 139/2014
23	159.	Định lượng Troponin T	x	x											QĐ 12/2014
23	160.	Định lượng Troponin Ths	x	x											QĐ 12/2014
23	161.	Định lượng Troponin I	x	x											QĐ 12/2014
23	162.	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	x	x											QĐ 139/2014
23	166.	Định lượng Urê	x	x	x										QĐ 139/2014
23	169.	Định lượng Vitamin B12	x	x											QĐ 12/2014
23	172.	Điện giải niệu (Na, K, Cl)	x	x	x										QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
23	173.	Định tính Amphetamin (test nhanh)	x	x	x	x									QĐ 12/2014
23	174.	Định lượng Amphetamine	x	x	x										QĐ 12/2014
23	175.	Đo hoạt độ Amylase	x	x	x										QĐ 139/2014
23	176.	Định lượng Axit Uric	x	x	x										QĐ 139/2014
23	177.	Định lượng Barbiturates	x	x											QĐ 12/2014
23	178.	Định lượng Benzodiazepin	x	x											QĐ 12/2014
23	179.	Định tính beta hCG (test nhanh)	x	x	x	x									QĐ 12/2014
23	180.	Định lượng Canxi	x	x	x										QĐ 139/2014
23	181.	Định lượng Catecholamin	x	x											QĐ 12/2014
23	183.	Định lượng Cortisol	x	x											QĐ 12/2014
23	184.	Định lượng Creatinin	x	x	x										QĐ 139/2014
23	185.	Định lượng Dưỡng chấp	x	x	x										QĐ 12/2014
23	187.	Định lượng Glucose	x	x	x										QĐ 139/2014
23	188.	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh)	x	x	x	x									QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
23	189.	Định lượng MAU (Micro Albumin Arine)	x	x											QĐ 12/2014
23	192.	Định lượng Opiate	x	x											QĐ 139/2014
23	193.	Định tính Opiate (test nhanh)	x	x	x	x									QĐ 139/2014
23	194.	Định tính Morphin (test nhanh)	x	x	x	x									QĐ 139/2014
23	195.	Định tính Codein (test nhanh)	x	x	x	x									QĐ 139/2014
23	196.	Định tính Heroin (test nhanh)	x	x	x	x									QĐ 12/2014
23	197.	Định lượng Phospho	x	x	x										QĐ 12/2014
23	198.	Định tính Phospho hữu cơ	x	x	x	x									QĐ 12/2014
23	199.	Định tính Porphyrin	x	x	x	x									QĐ 12/2014
23	201.	Định lượng Protein	x	x	x										QĐ 139/2014
23	202.	Định tính Protein Bence -jones	x	x	x	x									QĐ 12/2014
23	205.	Định lượng Ure	x	x	x										QĐ 139/2014
23	206.	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	x	x	x	x									QĐ 139/2014
23	207.	Định lượng Clo	x	x	x										QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
23	208.	Định lượng Glucose	x	x	x										QĐ 139/2014
23	209.	Phản ứng Pandy	x	x	x										QĐ 139/2014
23	210.	Định lượng Protein	x	x	x										QĐ 139/2014
23	213.	Đo hoạt độ Amylase	x	x											QĐ 12/2014
23	214.	Định lượng Bilirubin toàn phần	x	x	x										QĐ 12/2014
23	215.	Định lượng Cholesterol toàn phần	x	x	x										QĐ 12/2014
23	216.	Định lượng Creatinin	x	x	x										QĐ 12/2014
23	217.	Định lượng Glucose	x	x	x										QĐ 12/2014
23	218.	Đo hoạt độ LDH	x	x											QĐ 12/2014
23	219.	Định lượng Protein	x	x	x										QĐ 139/2014
23	220.	Phản ứng Rivalta	x	x	x										QĐ 139/2014
23	221.	Định lượng Triglycerid	x	x	x										QĐ 12/2014
23	222.	Đo tỷ trọng dịch chọc dò	x	x	x										QĐ 12/2014
23	223.	Định lượng Ure	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
24	1.	Vi khuẩn nhuộm soi	x	x	x	x									QĐ 12/2014
24	2.	Vi khuẩn test nhanh	x	x	x	x									QĐ 12/2014
24	3.	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	x	x	x										QĐ 12/2014
24	4.	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh hệ thống tự động	x	x											QĐ 216/2020
24	5.	Vi khuẩn nuôi cấy, định danh và kháng thuốc hệ thống tự động	x	x											QĐ 216/2020
24	6.	Vi khuẩn kháng thuốc định tính	x	x	x										QĐ 1746/2017
24	7.	Vi khuẩn kháng thuốc hệ thống tự động	x	x											QĐ 216/2020
24	8.	Vi khuẩn kháng thuốc định lượng (MIC) (cho 1 loại kháng sinh)	x	x											QĐ 630/2016
24	9.	Vi khuẩn kháng sinh phối hợp	x	x											QĐ 12/2014
24	10.	Vi khuẩn kỵ khí nuôi cấy và định danh	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
24	11.	Vi khuẩn khẳng định	x	x											QĐ 12/2014
24	16.	Vi hệ đường ruột	x	x	x	x									QĐ 12/2014
24	17.	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	x	x	x	x									QĐ 139/2014
24	39.	*Mycobacterium leprae* nhuộm soi	x	x	x										QĐ 630/2016
24	41.	*Mycobacterium leprae* mảnh sinh thiết	x	x											QĐ 1746/2017
24	42.	*Vibrio cholerae* soi tươi	x	x	x	x									QĐ 12/2014
24	43.	*Vibrio cholerae* nhuộm soi	x	x	x	x									QĐ 12/2014
24	45.	*Vibrio cholerae* nuôi cấy, định danh và kháng thuốc	x	x											QĐ 12/2014
24	49.	*Neisseria gonorrhoeae* nhuộm soi	x	x	x	x									QĐ 12/2014
24	50.	*Neisseria gonorrhoeae* nuôi cấy, định danh và kháng thuốc	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
24	56.	*Neisseria meningitidis* nhuộm soi	x	x	x	x									QĐ 12/2014
24	57.	*Neisseria meningitidis* nuôi cấy, định danh và kháng thuốc	x	x											QĐ 12/2014
24	60.	*Chlamydia* test nhanh	x	x	x	x									QĐ 12/2014
24	68.	*Clostridium* nuôi cấy, định danh	x	x											QĐ 630/2016
24	73.	*Helicobacter pylori* Ag test nhanh	x	x	x	x									QĐ 216/2020
24	74.	*Helicobacter pylori* Ab test nhanh	x	x	x	x									QĐ 12/2014
24	76.	*Helicobacter pylori* Ab miễn dịch bán tự động	x	x											QĐ 216/2020
24	94.	*Streptococcus pyogenes* ASO	x	x	x	x									QĐ 12/2014
24	100.	*Treponema pallidum* TPHA định tính và định lượng	x	x											QĐ 12/2014
24	108.	Virus test nhanh	x	x	x	x									QĐ 216/2020

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
24	110.	Virus Ag miễn dịch tự động	x	x											QĐ 216/2020
24	112.	Virus Ab miễn dịch tự động	x	x											QĐ 216/2020
24	117.	HBsAg test nhanh	x	x	x	x									QĐ 139/2014
24	118.	HBsAg miễn dịch bán tự động	x	x	x										QĐ 139/2014
24	119.	HBsAg miễn dịch tự động	x	x											QĐ 139/2014
24	120.	HBsAg khẳng định	x	x											QĐ 139/2014
24	121.	HBsAg định lượng	x	x											QĐ 216/2020
24	123.	HBsAb miễn dịch bán tự động	x	x	x										QĐ 12/2014
24	124.	HBsAb định lượng	x	x											QĐ 216/2020
24	125.	HBc IgM miễn dịch bán tự động	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
24	126.	HBc IgM miễn dịch tự động	x	x											QĐ 12/2014
24	128.	HBc total miễn dịch bán tự động	x	x	x										QĐ 12/2014
24	129.	HBc total miễn dịch tự động	x	x											QĐ 12/2014
24	130.	HBeAg test nhanh	x	x	x	x									QĐ 139/2014
24	131.	HBeAg miễn dịch bán tự động	x	x	x										QĐ 139/2014
24	132.	HBeAg miễn dịch tự động	x	x											QĐ 139/2014
24	133.	HBeAb test nhanh	x	x	x	x									QĐ 12/2014
24	134.	HBeAb miễn dịch bán tự động	x	x	x										QĐ 12/2014
24	135.	HBeAb miễn dịch tự động	x	x											QĐ 12/2014
24	144.	HCV Ab test nhanh	x	x	x	x									QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
24	146.	HCV Ab miễn dịch tự động	x	x											QĐ 12/2014
24	148.	HCV Ag/Ab miễn dịch tự động	x	x											QĐ 12/2014
24	149.	HCV Core Ag miễn dịch tự động	x	x											QĐ 12/2014
24	155.	HAV Ab test nhanh	x	x	x	x									QĐ 216/2020
24	157.	HAV IgM miễn dịch tự động	x	x											QĐ 12/2014
24	159.	HAV total miễn dịch tự động	x	x											QĐ 12/2014
24	163.	HEV Ab test nhanh	x	x	x	x									QĐ 216/2020
24	164.	HEV IgM test nhanh	x	x	x	x									QĐ 216/2020
24	166.	HEV IgM miễn dịch tự động	x	x											QĐ 216/2020
24	168.	HEV IgG miễn dịch tự động	x	x	x										QĐ 216/2020

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
24	169.	HIV Ab test nhanh	x	x	x	x									QĐ 139/2014
24	170.	HIV Ag/Ab test nhanh	x	x	x	x									QĐ 12/2014
24	172.	HIV Ab miễn dịch tự động	x	x											QĐ 12/2014
24	174.	HIV Ag/Ab miễn dịch tự động	x	x	x										QĐ 12/2014
24	183.	Dengue virus NS1Ag test nhanh	x	x	x	x									QĐ 12/2014
24	184.	Dengue virus NS1Ag/IgM/IgG test nhanh	x	x	x	x									QĐ 12/2014
24	187.	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	x	x	x	x									QĐ 12/2014
24	188.	Dengue virus IgM miễn dịch bán tự động	x	x	x										QĐ 139/2014
24	189.	Dengue virus IgG miễn dịch bán tự động	x	x	x										QĐ 139/2014
24	194.	CMV IgM miễn dịch tự động	x	x											QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
24	196.	CMV IgG miễn dịch tự động	x	x											QĐ 1746/2017
24	202.	HSV 1 IgM miễn dịch tự động	x	x											QĐ 1746/2017
24	204.	HSV 1 IgG miễn dịch tự động	x	x											QĐ 1746/2017
24	206.	HSV 2 IgM miễn dịch tự động	x	x											QĐ 1746/2017
24	208.	HSV 2 IgG miễn dịch tự động	x	x											QĐ 1746/2017
24	210.	HSV 1+2 IgM miễn dịch tự động	x	x											QĐ 1746/2017
24	212.	HSV 1+2 IgG miễn dịch tự động	x	x											QĐ 1746/2017
24	235.	Coronavirus Real-time PCR	x	x											QĐ 817/2021
24	256.	Rubella virus IgM miễn dịch tự động	x	x											QĐ 12/2014
24	258.	Rubella virus IgG miễn dịch tự động	x	x											QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
24	263.	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	x	x	x	x									QĐ 12/2014
24	264.	Hồng cầu trong phân test nhanh	x	x	x	x									QĐ 12/2014
24	265.	Đơn bào đường ruột soi tươi	x	x	x	x									QĐ 12/2014
24	266.	Đơn bào đường ruột nhuộm soi	x	x	x	x									QĐ 12/2014
24	267.	Trứng giun, sán soi tươi	x	x	x	x									QĐ 12/2014
24	268.	Trứng giun soi tập trung	x	x	x	x									QĐ 12/2014
24	269.	*Strongyloides stercoralis*(Giun lươn) ấu trùng soi tươi	x	x	x	x									QĐ 12/2014
24	273.	*Angiostrogylus cantonensis* (Giun tròn chuột) Ab miễn dịch tự động	x	x											QĐ 216/2020
24	275.	*Clonorchis/Opisthorchis* (Sán lá gan nhỏ) Ab miễn dịch tự động	x	x											QĐ 216/2020
24	277.	*Cysticercus cellulosae* (Sán lợn) Ab miễn dịch tự động	x	x											QĐ 216/2020

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
24	279.	*Echinococcus granulosus* (Sán dây chó) Ab miễn dịch tự động	x	x											QĐ 216/2020
24	281.	*Entamoeba histolytica*(Amip) Ab miễn dịch tự động	x	x											QĐ 216/2020
24	283.	*Fasciola* (Sán lá gan lớn) Ab miễn dịch tự động	x	x											QĐ 216/2020
24	284.	*Filaria* (Giun chỉ) ấu trùng trong máu nhuộm soi	x	x	x	x									QĐ 12/2014
24	286.	*Gnathostoma* (Giun đầu gai) Ab miễn dịch tự động	x	x											QĐ 216/2020
24	288.	*Paragonimus* (Sán lá phổi) Ab miễn dịch tự động	x	x											QĐ 216/2020
24	289.	*Plasmodium* (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính	x	x	x	x									QĐ 139/2014
24	290.	*Plasmodium* (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định lượng	x	x											QĐ 12/2014
24	291.	*Plasmodium* (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh	x	x	x	x									QĐ 216/2020
24	293.	*Schistosoma* (Sán máng) Ab miễn dịch tự động	x	x											QĐ 216/2020

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
24	295.	*Strongyloides stercoralis* (Giun lươn) Ab miễn dịch tự động	x	x											QĐ 216/2020
24	297.	*Toxocara* (Giun đũa chó, mèo) Ab miễn dịch tự động	x	x											QĐ 216/2020
24	299.	*Toxoplasma* IgM miễn dịch tự động	x	x											QĐ 1746/2017
24	301.	*Toxoplasma* IgG miễn dịch tự động	x	x											QĐ 1746/2017
24	304.	*Trichinella spiralis* (Giun xoắn) Ab miễn dịch tự động	x	x											QĐ 216/2020
24	307.	*Phthirus pubis* (Rận mu) soi tươi	x	x	x	x									QĐ 630/2016
24	308.	*Phthirus pubis* (Rận mu) nhuộm soi	x	x	x										QĐ 630/2016
24	309.	*Sarcoptes scabies hominis* (Ghẻ) soi tươi	x	x	x	x									QĐ 630/2016
24	310.	*Sarcoptes scabies hominis* (Ghẻ) nhuộm soi	x	x	x										QĐ 630/2016
24	314.	*Taenia* (Sán dây) soi tươi định danh	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
24	317.	*Trichomonas vaginalis* soi tươi	x	x	x	x									QĐ 12/2014
24	318.	*Trichomonas vaginalis* nhuộm soi	x	x	x										QĐ 12/2014
24	319.	Vi nấm soi tươi	x	x	x	x									QĐ 12/2014
24	321.	Vi nấm nhuộm soi	x	x	x										QĐ 12/2014
24	322.	Vi nấm nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	x	x											QĐ 12/2014
24	329.	Vi sinh vật cấy kiểm tra không khí	x	x	x										QĐ 12/2014
24	330.	Vi sinh vật cấy kiểm tra bàn tay	x	x	x										QĐ 12/2014
24	331.	Vi sinh vật cấy kiểm tra dụng cụ đã tiệt trùng	x	x	x										QĐ 12/2014
24	332.	Vi sinh vật cấy kiểm tra bề mặt	x	x	x										QĐ 12/2014
24	333.	Vi sinh vật cấy kiểm tra nước sinh hoạt	x	x	x										QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
24	335.	Vi khuẩn kháng thuốc - Phát hiện người mang	x	x	x										QĐ 630/2016
24	336.	Vi khuẩn gây nhiễm trùng bệnh viện - Phát hiện nguồn nhiễm	x	x	x										QĐ 12/2014
25	1.	Chọc hút kim nhỏ tuyến vú dưới hướng dẫn của siêu âm, chụp vú	x	x	x										QĐ 630/2016
25	2.	Chọc hút kim nhỏ tuyến vú không dưới hướng dẫn của siêu âm, chụp vú	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
25	13.	Chọc hút kim nhỏ các khối sưng, khối u dưới da	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
25	15.	Chọc hút kim nhỏ các hạch	x	x	x	x								x	QĐ 630/2016
25	19.	Chọc hút kim nhỏ mô mềm	x	x										x	QĐ 630/2016
25	74.	Nhuộm phiến đồ tế bào theo Papanicolaou	x	x	x										QĐ 1746/2017
27	3.	Phẫu thuật nội soi hàm sàng trán bướm	x	x			x								QĐ 630/2016
27	4.	Phẫu thuật nội soi mở ngách mũi giữa	x	x					x						QĐ 630/2016
27	5.	Phẫu thuật nội soi nạo sàng trước / sau	x	x					x						QĐ 630/2016
27	6.	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn dưới	x	x					x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
27	7.	Nội soi can thiệp - gắp giun, dị vật ống tiêu hóa	x	x					x						QĐ 630/2016
27	8.	Phẫu thuật chỉnh hình cắt cuốn mũi giữa	x	x					x						QĐ 630/2016
27	10.	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn	x	x					x						QĐ 630/2016
27	12.	Phẫu thuật nội soi sào bào thượng nhĩ (kín / hở)	x	x				x							QĐ 630/2016
27	15.	Phẫu thuật nội soi mở sàng hàm	x	x				x							QĐ 630/2016
27	17.	Phẫu thuật nội soi cắt u xơ vòm mũi	x	x			x								QĐ 630/2016
27	18.	Phẫu thuật nội soi giảm áp ổ mắt	x	x				x							QĐ 630/2016
27	75.	Phẫu thuật nội soi xử trí tràn máu, tràn khí màng phổi	x	x	x			x							QĐ 630/2016
27	76.	Phẫu thuật nội soi cắt u thành ngực	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
27	77.	Phẫu thuật nội soi gỡ dính - hút rửa màng phổi trong bệnh lý mủ màng phổi	x	x				x							QĐ 630/2016
27	78.	Phẫu thuật nội soi gây dính màng phổi	x	x				x							QĐ 630/2016
27	82.	Phẫu thuật nội soi cắt - khâu kén khí phổi	x	x				x							QĐ 630/2016
27	87.	Phẫu thuật nội soi điều trị máu đông màng phổi	x	x				x							QĐ 630/2016
27	88.	Phẫu thuật nội soi điều trị ổ cặn màng phổi	x	x				x							QĐ 630/2016
27	89.	Phẫu thuật nội soi lấy dị vật phổi - màng phổi	x	x				x							QĐ 630/2016
27	142.	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày	x	x				x							QĐ 12/2014
27	144.	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày	x	x				x							QĐ 630/2016
27	147.	Phẫu thuật nội soi mở thông dạ dày	x	x					x						QĐ 630/2016
27	166.	Phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
27	167.	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng	x	x				x							QĐ 630/2016
27	172.	Phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non	x	x				x							QĐ 630/2016
27	173.	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non	x	x				x							QĐ 630/2016
27	174.	Phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng	x	x				x							QĐ 630/2016
27	175.	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng	x	x				x							QĐ 630/2016
27	177.	Phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột	x	x				x							QĐ 630/2016
27	178.	Phẫu thuật nội soi cắt dây dính hay dây chằng	x	x				x							QĐ 1746/2017
27	183.	Phẫu thuật nội soi tháo lồng ruột và cố định manh tràng	x	x				x							QĐ 630/2016
27	184.	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel	x	x				x							QĐ 630/2016
27	187.	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	x	x	x				x						QĐ 139/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
27	188.	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng	x	x	x				x						QĐ 12/2014
27	189.	Phẫu thuật nội soi cắt lại mỏm ruột thừa	x	x				x							QĐ 12/2014
27	190.	Phẫu thuật nội soi điều trị áp xe ruột thừa trong ổ bụng	x	x	x			x							QĐ 12/2014
27	191.	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa	x	x	x			x							QĐ 12/2014
27	206.	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa đại tràng	x	x				x							QĐ 630/2016
27	207.	Phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng	x	x				x							QĐ 630/2016
27	208.b	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng	x	x				x							QĐ 630/2016
27	263.	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp - xe gan	x	x				x							QĐ 630/2016
27	265.	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi	x	x				x							QĐ 630/2016
27	266.	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt túi mật	x	x			x								QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
27	267.	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi OMC có dẫn lưu Kehr	x	x				x							QĐ 630/2016
27	273.	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật	x	x	x			x							QĐ 139/2014
27	274.	Phẫu thuật nội soi mở túi mật ra da	x	x	x			x							QĐ 630/2016
27	279.	Phẫu thuật nội soi lấy dị vật trong đường mật	x	x				x							QĐ 630/2016
27	294.	Phẫu thuật nội soi cắt lọc tụy hoại tử	x	x				x							QĐ 630/2016
27	295.	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp xe tụy	x	x				x							QĐ 630/2016
27	307.	Phẫu thuật nội soi khâu mạc treo	x	x				x							QĐ 630/2016
27	313.	Phẫu thuật nội soi đặt tấm lưới nhân tạo đường vào hoàn toàn trước phúc mạc (TEP)	x	x				x							QĐ 630/2016
27	314.	Phẫu thuật nội soi đặt tấm lưới nhân tạo trước phúc mạc đường vào qua ổ bụng (TAPP)	x	x				x							QĐ 630/2016
27	315.	Phẫu thuật nội soi đặt lưới nhân tạo trong ổ bụng	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
27	316.	Phẫu thuật nội soi khâu cơ hoành	x	x				x							QĐ 630/2016
27	327.	Phẫu thuật nội soi cắt u sau phúc mạc	x	x				x							QĐ 630/2016
27	328.	Phẫu thuật nội soi khâu thủng cơ hoành	x	x				x							QĐ 630/2016
27	329.	Phẫu thuật nội soi sinh thiết hạch ổ bụng	x	x					x						QĐ 630/2016
27	330.	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau mổ	x	x				x							QĐ 630/2016
27	331.	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp xe tồn dư	x	x				x							QĐ 12/2014
27	332.	Phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu	x	x				x							QĐ 12/2014
27	333.	Nội soi ổ bụng chẩn đoán	x	x					x						QĐ 12/2014
27	334.	Phẫu thuật nội soi cố định các tạng (lồng, sa, thoát vị …)	x	x				x							QĐ 630/2016
27	335.	Phẫu thuật nội soi sinh thiết u trong ổ bụng	x	x					x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
27	336.	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ trong mổ mở	x	x				x							QĐ 630/2016
27	350.	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận sau phúc mạc	x						x						QĐ 12/2014
27	353.	Phẫu thuật nội soi treo thận để điều trị sa thận	x	x				x							QĐ 630/2016
27	354.	Tán sỏi thận qua da	x	x				x							QĐ 630/2016
27	355.	Nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser	x	x				x							QĐ 630/2016
27	357.	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi bể thận	x	x				x							QĐ 630/2016
27	365.	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản	x	x				x							QĐ 12/2014
27	367.	Nội soi mở rộng niệu quản, nong rộng niệu quản	x	x					x						QĐ 630/2016
27	368.	Nội soi niệu quản để đặt thông JJ hoặc rút thông JJ	x	x	x					x					QĐ 630/2016
27	371.	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản	x	x				x							QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
27	372.	Nội soi xẻ lỗ niệu quản lấy sỏi	x	x				x							QĐ 630/2016
27	376.	Nội soi niệu quản tán sỏi bằng laser hoặc bằng xung hơi	x	x				x							QĐ 630/2016
27	378.	Nội soi nong niệu quản hẹp	x	x				x							QĐ 630/2016
27	379.	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì tán sỏi niệu quản	x	x				x							QĐ 630/2016
27	380.	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gắp sỏi niệu quản	x	x				x							QĐ 630/2016
27	384.	Nội soi cắt polyp cổ bàng quang	x	x					x						QĐ 630/2016
27	385.	Nội soi bàng quang cắt u	x	x				x							QĐ 630/2016
27	386.	Cắt u bàng quang tái phát qua nội soi	x	x				x							QĐ 630/2016
27	390.	Nội soi gắp sỏi bàng quang	x	x					x						QĐ 12/2014
27	391.	Nội soi bàng quang tán sỏi	x	x					x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
27	392.	Nội soi khâu lỗ thủng bàng quang qua ổ bụng	x	x				x							QĐ 630/2016
27	396.	Cắt u phì đại lành tính tuyến tiền liệt qua nội soi	x	x				x							QĐ 630/2016
27	397.	Phẫu thuật nội soi cắt u tiền liệt tuyến triệt căn qua ổ bụng hoặc ngoài phúc mạc	x	x			x								QĐ 630/2016
27	398.	Nội soi bóc u tiền liệt tuyến lành tính	x	x				x							QĐ 630/2016
27	408.	Nội soi tán sỏi niệu đạo	x	x					x						QĐ 630/2016
27	412.	Phẫu thuật nội soi xử lý viêm phúc mạc tiểu khung	x	x				x							QĐ 12/2014
27	413.	Phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy dụng cụ tránh thai	x	x				x							QĐ 12/2014
27	414.	Phẫu thuật nội soi cắt khối chửa ngoài tử cung	x	x				x							QĐ 12/2014
27	417.	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán trong phụ khoa	x	x					x						QĐ 630/2016
27	418.	Phẫu thuật nội soi GEU thể huyết tụ thành nang	x	x				x							QĐ 12/2014
27	419.	Phẫu thuật nội soi viêm phần phụ	x	x				x							QĐ 12/2014
27	432.	Phẫu thuật nội soi u buồng trứng trên bệnh nhân có thai	x	x				x							QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
27	433.	Cắt u buồng trứng qua nội soi	x	x				x							QĐ 630/2016
27	434.	Phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng	x	x				x							QĐ 12/2014
27	436.	Cắt u buồng trứng + tử cung qua nội soi	x	x			x								QĐ 630/2016
27	451.	Phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp khuỷu	x	x				x							QĐ 1746/2017
27	460.	Phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp gối	x	x				x							QĐ 1746/2017
27	461.	Phẫu thuật nội soi cắt sụn chêm	x	x				x							QĐ 1746/2017
27	463.	Phẫu thuật nội soi cắt lọc sụn khớp gối	x	x				x							QĐ 1746/2017
27	464.	Phẫu thuật nội soi khoan kích thích tủy	x	x				x							QĐ 1746/2017
27	466.	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân bánh chè tự thân	x	x			x								QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
27	467.	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân chân ngỗng	x	x			x								QĐ 1746/2017
28	1.	Cắt lọc - khâu vết thương da đầu mang tóc	x	x	x	x				x					QĐ 630/2016
28	2.	Cắt lọc - khâu vết thương vùng trán	x	x	x	x				x					QĐ 12/2014
28	3.	Phẫu thuật che phủ vết thương khuyết da đầu mang tóc bằng vạt tại chỗ	x	x	x			x							QĐ 630/2016
28	4.	Phẫu thuật che phủ vết thương khuyết da đầu mang tóc bằng vạt lân cận	x	x	x			x							QĐ 630/2016
28	5.	Phẫu thuật che phủ vết thương khuyết da đầu mang tóc bằng vạt tự do	x	x			x								QĐ 630/2016
28	9.	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	x	x	x					x					QĐ 12/2014
28	10.	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu từ 2cm trở lên	x	x	x				x						QĐ 12/2014
28	11.	Phẫu thuật cắt bỏ ung thư da vùng da đầu dưới 2cm	x	x					x						QĐ 1746/2017
28	12.	Phẫu thuật cắt bỏ ung thư da vùng da đầu từ 2cm trở lên	x	x				x							QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
28	13.	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da mỏng	x	x	x				x						QĐ 1746/2017
28	14.	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da dày	x	x	x				x						QĐ 630/2016
28	15.	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da nhân tạo	x	x				x							QĐ 1746/2017
28	16.	Tạo hình khuyết da đầu bằng vạt da tại chỗ	x	x	x			x							QĐ 630/2016
28	17.	Phẫu thuật tạo vạt da lân cận che phủ các khuyết da đầu	x	x				x							QĐ 630/2016
28	18.	Phẫu thuật tạo vạt da tự do che phủ các khuyết da đầu	x	x			x								QĐ 630/2016
28	20.	Phẫu thuật tạo hình che phủ khuyết phức hợp vùng đầu bằng vạt da cân xương tự do	x	x			x								QĐ 1746/2017
28	23.	Phẫu thuật tạo vạt giãn da vùng da đầu	x	x				x							QĐ 1746/2017
28	24.	Phẫu thuật giãn da cấp tính vùng da đầu	x	x					x						QĐ 1746/2017
28	27.	Phẫu thuật độn khuyết xương sọ bằng xương tự thân	x	x				x							QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
28	29.	Phẫu thuật độn khuyết xương sọ bằng chất liệu nhân tạo	x	x					x						QĐ 1746/2017
28	31.	Phẫu thuật tái tạo trán lõm bằng xi măng xương	x	x					x						QĐ 1746/2017
28	32.	Phẫu thuật lấy mảnh xương sọ hoại tử	x	x					x						QĐ 1746/2017
28	33.	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt	x	x	x	x				x					QĐ 12/2014
28	34.	Khâu da mi	x	x	x					x					QĐ 12/2014
28	35.	Khâu phục hồi bờ mi	x	x						x					QĐ 12/2014
28	36.	Khâu cắt lọc vết thương mi	x	x	x	x				x					QĐ 12/2014
28	37.	Phẫu thuật ghép da tự thân cho vết thương khuyết da mi	x	x					x						QĐ 12/2014
28	38.	Phẫu thuật tạo vạt da tại chỗ cho vết thương khuyết da mi	x	x					x						QĐ 12/2014
28	39.	Phẫu thuật tạo vạt da lân cận cho vết thương khuyết da mi	x	x					x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
28	40.	Phẫu thuật tái tạo cho vết thương góc mắt	x	x					x						QĐ 12/2014
28	41.	Phẫu thuật tạo vạt da tại chỗ cho vết thương khuyết toàn bộ mi trên	x	x				x							QĐ 12/2014
28	42.	Phẫu thuật tạo vạt da tại chỗ cho vết thương khuyết toàn bộ mi dưới	x	x				x							QĐ 12/2014
28	43.	Phẫu thuật rút ngắn, gấp cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	x	x				x							QĐ 12/2014
28	44.	Phẫu thuật treo mi lên cơ trán điều trị sụp mi	x	x					x						QĐ 12/2014
28	45.	Phẫu thuật hạ mi trên	x	x					x						QĐ 12/2014
28	48.	Phẫu thuật điều trị hở mi	x	x					x						QĐ 12/2014
28	49.	Ghép da mi hay vạt da điều trị lật mi dưới do sẹo	x	x					x						QĐ 12/2014
28	50.	Khâu cơ kéo mi dưới để điều trị lật mi dưới	x	x									x		QĐ 12/2014
28	52.	Phẫu thuật mở rộng khe mi	x	x						x					QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
28	53.	Phẫu thuật hẹp khe mi	x	x						x					QĐ 12/2014
28	55.	Phẫu thuật điều trị trễ mi dưới	x	x					x						QĐ 12/2014
28	57.	Phẫu thuật tạo hình khuyết một phần mi mắt	x	x					x						QĐ 12/2014
28	58.	Phẫu thuật tạo hình khuyết ½ toàn bộ mi mắt trên	x	x					x						QĐ 12/2014
28	62.	Phẫu thuật giải phóng sẹo bỏng mi mắt	x	x	x				x						QĐ 12/2014
28	63.	Phẫu thuật cắt bỏ khối u da lành tính mi mắt	x	x	x				x						QĐ 12/2014
28	64.	Phẫu thuật cắt bỏ khối u da ác tính mi mắt	x	x	x			x							QĐ 12/2014
28	65.	Phẫu thuật ghép sụn mi mắt	x	x					x						QĐ 12/2014
28	66.	Phẫu thuật ghép da tự thân vùng mi mắt	x	x	x				x						QĐ 12/2014
28	67.	Phẫu thuật tạo hình mi mắt kết hợp các bộ phận xung quanh	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
28	74.	Phẫu thuật làm hẹp khe mi, rút ngắn dây chằng mi ngoài, mi trong điều trị hở mi do liệt dây VII	x	x				x							QĐ 12/2014
28	82.	Tái tạo cung mày bằng ghép da đầu mang tóc	x	x					x						QĐ 12/2014
28	83.	Khâu và cắt lọc vết thương vùng mũi	x	x	x					x					QĐ 12/2014
28	84.	Phẫu thuật ghép bộ phận mũi đứt rời không sử dụng vi phẫu	x	x	x				x						QĐ 630/2016
28	89.	Phẫu thuật tạo hình mũi một phần	x	x				x							QĐ 12/2014
28	90.	Phẫu thuật tạo hình tháp mũi bằng vạt có cuống mạch nuôi	x	x				x							QĐ 12/2014
28	91.	Phẫu thuật tạo hình tháp mũi bằng vạt da kế cận	x	x				x							QĐ 12/2014
28	93.	Phẫu thuật tạo hình cánh mũi bằng các vạt da có cuống mach nuôi	x	x				x							QĐ 12/2014
28	95.	Phẫu thuật cắt bỏ u lành tính vùng mũi (dưới 2cm)	x	x						x					QĐ 12/2014
28	96.	Phẫu thuật cắt bỏ u lành tính vùng mũi (trên 2cm)	x	x					x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
28	98.	Phẫu thuật sửa cánh mũi trong seo jkhe hở môi đơn	x	x					x						QĐ 12/2014
28	103.	Phẫu thuật tạo hình nâng xương chính mũi	x	x						x					QĐ 12/2014
28	105.	Phẫu thuật tạo tạo vạt giãncho tạo hình tháp mũi	x	x				x							QĐ 12/2014
28	106.	Phẫu thuật chỉnh sụn cánh mũi	x	x						x					QĐ 12/2014
28	107.	Phẫu thuật tạo lỗ mũi	x	x	x				x						QĐ 12/2014
28	108.	Phẫu thuật giải phóng sẹo chít hẹp lỗ mũi	x	x	x				x						QĐ 12/2014
28	109.	Phẫu thuật lấy sụn vách ngăn mũi làm vật liệu ghép tự thân	x	x					x						QĐ 12/2014
28	110.	Khâu vết thương vùng môi	x	x	x					x					QĐ 12/2014
28	111.	Phẫu thuật tái tạo khuyết nhỏ do vết thương môi	x	x	x					x					QĐ 12/2014
28	112.	Phẫu thuật tái tạo khuyết lớn do vết thương môi	x	x	x				x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
28	117.	Phẫu thuật tạo hình môi toàn bộ bằng vạt tự do	x	x			x								QĐ 630/2016
28	118.	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần bằng vạt tại chỗ	x	x					x						QĐ 630/2016
28	119.	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần bằng vạt lân cận	x	x					x						QĐ 630/2016
28	120.	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần bằng vạt từ xa	x	x				x							QĐ 12/2014
28	123.	Phẫu thuật tạo hình khe hở môi bẩm sinh một bên	x	x				x							QĐ 630/2016
28	124.	Phẫu thuật tạo hình khe hở môi bẩm sinh hai bên	x	x				x							QĐ 630/2016
28	125.	Phẫu thuật tạo hình biến dạng môi trong sẹo khe hở môi một bên	x	x					x						QĐ 630/2016
28	132.	Phẫu thuật tái tạo hình sẹo bỏng môi	x	x	x				x						QĐ 12/2014
28	133.	Phẫu thuật tạo hình sẹo dính mép	x	x	x				x						QĐ 12/2014
28	134.	Phẫu thuật tạo hình nhân trung	x	x	x				x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
28	136.	Phẫu thuật khâu vết rách đơn giản vành tai	x	x	x	x				x					QĐ 12/2014
28	137.	Khâu cắt lọc vết thương vành tai	x	x	x	x				x					QĐ 12/2014
28	138.	Phẫu thuật ghép mảnh nhỏ vành tai đứt rời	x	x	x				x						QĐ 12/2014
28	140.	Phẫu thuật bảo tồn sụn vành tai đứt rời	x	x	x					x					QĐ 630/2016
28	141.	Phẫu thuật tạo hình khuyết 1/3 vành tai bằng vạt tại chỗ	x	x					x						QĐ 12/2014
28	142.	Phẫu thuật tạo hình khuyết 1/2 vành tai bằng vạt tại chỗ	x	x					x						QĐ 630/2016
28	143.	Phẫu thuật tạo hình khuyết ¼ vành tai bằng vạt tại chỗ	x	x	x				x						QĐ 12/2014
28	144.	Phẫu thuật tạo hình khuyết bộ phận vành tai bằng vạt da tự do	x	x			x								QĐ 12/2014
28	148.	Phẫu thuật tạo hình thu nhỏ vành tai	x	x	x				x						QĐ 12/2014
28	149.	Phẫu thuật tạo hình vành tai cụp	x	x					x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
28	151.	Phẫu thuật tạo hình cắt bỏ vành tai thừa	x	x	x					x					QĐ 12/2014
28	152.	Phẫu thuật tạo hình lỗ tai ngoài	x	x					x						QĐ 12/2014
28	153.	Phẫu thuật tạo hình dị dạng gờ luân	x	x	x				x						QĐ 12/2014
28	154.	Phẫu thuật tạo hình dị dạng gờ bình	x	x	x				x						QĐ 12/2014
28	155.	Phẫu thuật tạo hình dị dạng dái tai bằng vạt tại chỗ	x	x	x				x						QĐ 12/2014
28	156.	Phẫu thuật tạo hình sẹo bỏng vành tai	x	x	x			x							QĐ 12/2014
28	157.	Phẫu thuật tạo hình sẹo lồi quá phát vành tai	x	x	x					x					QĐ 12/2014
28	158.	Phẫu thuật cắt bỏ u sụn vành tai	x	x	x					x					QĐ 12/2014
28	159.	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vành tai	x	x						x					QĐ 12/2014
28	161.	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ	x	x	x	x				x					QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
28	162.	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức	x	x	x	x				x					QĐ 12/2014
28	163.	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản	x	x	x	x				x					QĐ 12/2014
28	164.	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hổng tổ chức	x	x	x				x						QĐ 12/2014
28	167.	Phẫu thuật khâu vết thương thấu má	x	x	x				x						QĐ 12/2014
28	175.	Điều trị gãy xương chính mũi bằng nắn chỉnh	x	x	x								x		QĐ 12/2014
28	176.	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	x	x	x			x							QĐ 12/2014
28	188.	Phẫu thuật chỉnh sửa gò má - cung tiếp	x	x				x							QĐ 12/2014
28	197.	Phẫu thuật cắt u da mặt lành tính	x	x	x					x					QĐ 12/2014
28	198.	Phẫu thuật khâu đóng trực tiếp sẹo vùng cổ, mặt (dưới 3cm)	x	x	x					x					QĐ 12/2014
28	199.	Phẫu thuật khâu đóng trực tiếp sẹo vùng cổ, mặt (trên 3cm)	x	x	x					x					QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
28	200.	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vạt da tại chỗ	x	x	x				x						QĐ 12/2014
28	201.	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vạt da lân cận	x	x					x						QĐ 12/2014
28	202.	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vạt da tại chỗ	x	x	x				x						QĐ 12/2014
28	225.	Cắt u phần mềm vùng cổ	x	x	x					x					QĐ 12/2014
28	226.	Cắt nơvi sắc tố vùng hàm mặt	x	x	x				x						QĐ 12/2014
28	227.	Cắt u sắc tố vùng hàm mặt	x	x	x			x							QĐ 12/2014
28	230.	Cắt u da lành tính vùng hàm mặt	x	x					x						QĐ 12/2014
28	264.	Phẫu thuật cắt bỏ u xơ vú	x	x	x					x					QĐ 630/2016
28	265.	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú phụ	x	x	x					x					QĐ 630/2016
28	266.	Phẫu thuật cắt bỏ vú thừa	x	x	x				x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
28	267.	Phẫu thuật cắt bỏ u tuyến vú lành tính philoid	x	x					x						QĐ 630/2016
28	269.	Phẫu thuật cắt vú to ở đàn ông	x	x	x				x						QĐ 630/2016
28	270.	Phẫu thuật Tạo hình khuyết phần mềm thành ngực bụng bằng vạt da cơ kế cận	x	x				x							QĐ 630/2016
28	271.	Phẫu thuật Tạo hình khuyết phần mềm thành ngực bụng bằng vạt da lân cận	x	x				x							QĐ 630/2016
28	272.	Phẫu thuật Tạo hình khuyết phần mềm thành ngực, bụng bằng vạt da tự do	x	x			x								QĐ 630/2016
28	273.	Phẫu thuật Tạo hình khuyết phần mềm thành ngực, bụng bằng vạt giãn da	x	x				x							QĐ 630/2016
28	274.	Phẫu thuật Tạo hình khuyết phần mềm thành ngực bụng bằng ghép da tự thân	x	x					x						QĐ 630/2016
28	275.	Cắt bỏ khối u da lành tính dưới 5cm	x	x						x					QĐ 630/2016
28	276.	Cắt bỏ khối u da lành tính trên 5cm	x	x					x						QĐ 630/2016
28	280.	Phẫu thuật cắt bỏ tổ chức hoại tử trong ổ loét tì đè	x	x					x						QĐ 630/2016

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
28	281.	Phẫu thuật loét tì đè cùng cụt bằng ghép da tự thân	x	x					x						QĐ 630/2016
28	282.	Phẫu thuật loét tì đè cùng cụt bằng vạt da cơ có cuống mạch	x	x				x							QĐ 630/2016
28	283.	Phẫu thuật loét tì đè ụ ngồi bằng vạt da cơ có cuống mạch	x	x				x							QĐ 630/2016
28	284.	Phẫu thuật loét tì đè mấu chuyển bằng vạt da cơ có cuống mạch	x	x				x							QĐ 630/2016
28	285.	Phẫu thuật loét tì đè bằng vạt tự do	x	x			x								QĐ 630/2016
28	315.	Phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cánh tay	x	x					x						QĐ 12/2014
28	316.	Phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cẳng tay	x	x					x						QĐ 12/2014
28	317.	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cánh tay bằng vạt tại chỗ	x	x				x							QĐ 12/2014
28	318.	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cẳng tay bằng vạt tại chỗ	x	x				x							QĐ 12/2014
28	319.	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cánh tay bằng vạt lân cận	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
28	320.	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cẳng tay bằng vạt lân cận	x	x				x							QĐ 12/2014
28	321.	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cánh tay bằng vạt da có sử dụng vi phẫu thuật	x	x			x								QĐ 1746/2017
28	322.	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cẳng tay bằng vạt da có sử dụng vi phẫu thuật	x	x			x								QĐ 1746/2017
28	323.	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng ghép da tự thân	x	x					x						QĐ 12/2014
28	324.	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng các vạt da tại chỗ	x	x					x						QĐ 12/2014
28	325.	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng các vạt da lân cận	x	x					x						QĐ 12/2014
28	328.	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng ghép da tự thân	x	x					x						QĐ 12/2014
28	329.	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vạt da tại chỗ	x	x					x						QĐ 12/2014
28	330.	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vạt da lân cận	x	x					x						QĐ 12/2014
28	332.	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng vạt có sử dụng vi phẫu thuật	x	x			x								QĐ 1746/2017

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
28	334.	Phẫu thuật vết thương khớp bàn ngón	x	x	x				x						QĐ 12/2014
28	335.	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương với Kirschner hoặc nẹp vít	x	x					x						QĐ 12/2014
28	336.	Cắt đáy ổ loét vết thương mãn tính	x	x	x					x					QĐ 630/2016
28	337.	Nối gân gấp	x	x	x				x						QĐ 12/2014
28	338.	Phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vi phẫu thuật	x	x	x			x							QĐ 12/2014
28	339.	Phẫu thuật ghép gân gấp có sử dụng vi phẫu thuật	x	x			x								QĐ 1746/2017
28	340.	Nối gân duỗi	x	x	x			x							QĐ 12/2014
28	341.	Gỡ dính gân	x	x	x				x						QĐ 12/2014
28	342.	Khâu nối thần kinh khhông sử dụng vi phẫu thuạt	x	x	x			x							QĐ 12/2014
28	344.	Gỡ dính thần kinh	x	x					x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
28	352.	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật	x	x	x					x					QĐ 12/2014
28	355.	Phẫu thuật tách dính 2 ngón tay	x	x					x						QĐ 12/2014
28	356.	Phẫu thuật tách dính 3 ngón tay	x	x				x							QĐ 12/2014
28	357.	Phẫu thuật tách dính 4 ngón tay	x	x				x							QĐ 12/2014
28	359.	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay cái thừa	x	x					x						QĐ 12/2014
28	360.	Phẫu thuật tạo hình ngón tay cái xẻ đôi	x	x				x							QĐ 12/2014
28	361.	Phẫu thuật sửa sẹo co nách bằng ghép da tự thân	x	x					x						QĐ 12/2014
28	362.	Phẫu thuật sửa sẹo co khuỷu bằng ghép da tự thân	x	x					x						QĐ 12/2014
28	363.	Phẫu thuật sửa sẹo co nách bằng vạt da tại chỗ	x	x				x							QĐ 12/2014
28	364.	Phẫu thuật sửa sẹo co khuỷu bằng vạt tại chỗ	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
28	365.	Phẫu thuật sửa sẹo co nách bằng vạt da cơ lân cận	x	x				x							QĐ 12/2014
28	370.	Phẫu thuật sửa sẹo co cổ bàn tay bằng tạo hình chữ Z	x	x					x						QĐ 12/2014
28	371.	Phẫu thuật sửa sẹo co ngón tay bằng tạo hình chữ Z	x	x					x						QĐ 12/2014
28	372.	Phẫu thuật sửa sẹo co cổ bàn tay bằng ghép da tự thân	x	x					x						QĐ 12/2014
28	373.	Phẫu thuật sửa sẹo co ngón tay bằng ghép da tự thân	x	x					x						QĐ 12/2014
28	380.	Phẫu thuật tạo vạt trì hoãn cho bàn ngón tay	x	x				x							QĐ 1746/2017
28	381.	Phẫu thuật tạo vạt tĩnh mạch cho khuyết phần mềm bàn ngón tay	x	x			x								QĐ 1746/2017
28	383.	Phẫu thuật giãn da cho vùng cánh cẳng tay	x	x				x							QĐ 12/2014
28	384.	Phẫu thuật giãn da điều trị dính ngón bẩm sinh	x	x				x							QĐ 1746/2017
28	385.	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi bằng ghép da tự thân	x	x					x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
28	386.	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng khoeo bằng ghép da tự thân	x	x					x						QĐ 12/2014
28	387.	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cẳng bằng ghép da tự thân	x	x					x						QĐ 12/2014
28	388.	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cổ chân bằng ghép da tự thân	x	x					x						QĐ 12/2014
28	389.	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng bàn chân bằng ghép da tự thân	x	x					x						QĐ 12/2014
28	390.	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi bằng vạt da tại chỗ	x	x				x							QĐ 12/2014
28	391.	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng khoeo bằng vạt da tại chỗ	x	x				x							QĐ 12/2014
28	392.	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cẳng chân bằng vạt da tại chỗ	x	x				x							QĐ 12/2014
28	393.	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng bàn chân bằng vạt da tại chỗ	x	x				x							QĐ 12/2014
28	394.	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi bằng vạt da lân cận	x	x				x							QĐ 12/2014
28	395.	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng khoeo bằng vạt da lân cận	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
28	396.	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cẳng chân bằng vạt da lân cận	x	x				x							QĐ 12/2014
28	397.	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng bàn chân bằng ghép da lân cận	x	x				x							QĐ 12/2014
28	398.	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi bằng vạt da có sử dụng kỹ thuật vi phẫu	x	x			x								QĐ 1746/2017
28	399.	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng khoeo bằng vạt da có sử dụng kỹ thuật vi phẫu	x	x			x								QĐ 1746/2017
28	400.	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cẳng chân bằng vạt da có sử dụng kỹ thuật vi phẫu	x	x			x								QĐ 1746/2017
28	401.	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng bàn chân bằng ghép da có sử dụng kỹ thuật vi phẫu	x	x			x								QĐ 1746/2017
28	402.	Phẫu thuật tạo hình các khuyết chi dưới bằng vạt da cơ có cuống mạch nuôi	x	x				x							QĐ 630/2016
28	403.	Cắt các khối u da lành tính dưới 5cm	x	x						x					QĐ 12/2014
28	404.	Cắt khối u da lành tính trên 5cm	x	x					x						QĐ 12/2014
28	405.	Cắt khối u da lành tính khổng lồ	x	x				x							QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
28	406.	Cắt loét tì đè vùng gót bàn chân	x	x						x					QĐ 12/2014
28	407.	Phẫu thuật cắt ngón chân thừa	x	x					x						QĐ 12/2014
28	409.	Phẫu thuật tạo vạt giãn da	x	x				x							QĐ 630/2016
28	410.	Phẫu thuật cấy, ghép lông mày	x	x	x			x							QĐ 630/2016
28	414.	Phẫu thuật thu gọn môi dày	x	x	x					x					QĐ 12/2014
28	415.	Phẫu thuật độn môi	x	x	x				x						QĐ 12/2014
28	416.	Phẫu thuật điều trị cười hở lợi	x	x					x						QĐ 12/2014
28	417.	Phẫu thuật sa trễ mi trên người già	x	x	x				x						QĐ 630/2016
28	418.	Phẫu thuật thừa da mi trên	x	x	x				x						QĐ 630/2016
28	419.	Phẫu thuật cắt da mi dưới cung mày	x	x	x				x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
28	420.	Phẫu thuật cắt da trán trên cung mày	x	x	x				x						QĐ 12/2014
28	421.	Phẫu thuật tạo hình mắt hai mí	x	x	x				x						QĐ 12/2014
28	422.	Phẫu thuật khâu tạo hình mắt hai mí	x	x	x					x					QĐ 630/2016
28	423.	Phẫu thuật lấy bọng mỡ mi dưới	x	x	x				x						QĐ 630/2016
28	424.	Phẫu thuật thừa da mi dưới	x	x	x				x						QĐ 630/2016
28	425.	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ thẩm mỹ vùng mắt	x	x	x				x						QĐ 630/2016
28	426.	Phẫu thuật treo cung mày trực tiếp	x	x	x					x					QĐ 630/2016
28	427.	Phẫu thuật treo cung mày bằng chỉ	x	x	x										QĐ 630/2016
28	432.	Phẫu thuật thu gọn cánh mũi	x	x	x					x					QĐ 630/2016
28	437.	Phẫu thuật nâng gò má thẩm mỹ	x	x	x				x						QĐ 12/2014

Mã CK	TT43						TT50								Quyết định phê duyệt của Sở Y tế
	TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN				PHẪU THUẬT				THỦ THUẬT				
	1	2	3				4				5				
			I	II	III	IV	Phẫu thuật				Thủ thuật				
28	438.	Phẫu thuật chỉnh cung thái dương gò má	x	x	x				x						QĐ 12/2014
28	483.	Phẫu thuật chỉnh hình cằm bằng tiêm chất làm đầy	x	x	x				x						QĐ 630/2016

DANH MỤC KỸ THUẬT THEO THÔNG TƯ SỐ 21/2017/TT-BYT ĐƯỢC SỞ Y TẾ PHÊ DUYỆT
(QĐ 1746/2017/QĐ-SYT)

I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC						
STT	TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		I. HÔ HẤP				
1	305	Chăm sóc bệnh nhân thở máy	x	x	x	
2	309	Vệ sinh khử khuẩn máy thở	x	x	x	
3	310	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống nội khí quản, mở khí quản bằng ống hút thường để xét nghiệm ở bệnh nhân thở máy	x	x	x	
4	311	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống hút đờm có đầu bảo vệ để xét nghiệm ở bệnh nhân thở máy	x	x	x	
5	312	Thông khí nhân tạo nằm sấp trong hội chứng suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS)	x	x		
6	313	Lọc máu liên tục CVVH trong hội chứng suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS)	x	x		
		K. TIM MẠCH				
7	317	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm một nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
8	318	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm hai nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
9	319	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm ba nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	

10	320	Rút catheter tĩnh mạch trung tâm	x	x	x	
		L. TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU				
9	330	Lọc máu liên tục trong hội chứng tiêu cơ vân cấp	x	x		
10	333	Chăm sóc catheter tĩnh mạch đùi ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu	x	x	x	
11	334	Chăm sóc ống thông bàng quang	x	x	x	x
12	335	Chăm sóc catheter thận nhân tạo ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu và chống độc	x	x	x	
13	336	Rửa bàng quang ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu và chống độc	x	x	x	
14	337	Lọc máu cấp cứu ở bệnh nhân có mở thông động tĩnh mạch (FAV)	x	x	x	
		M. THẦN KINH				
15	345	Điều trị an thần giãn cơ < 8 giờ trong hồi sức cấp cứu và chống độc	x	x	x	
		O. TIÊU HÓA				
16	357	Chọc tháo dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong khoa hồi sức cấp cứu	x	x	x	
		P. CHỐNG ĐỘC				
17	362	Cấp cứu ngừng tuần hoàn cho bệnh nhân ngộ độc	x	x	x	
18	363	Điều trị giảm nồng độ canxi máu	x	x	x	
19	364	Điều trị thải độc bằng phương pháp tăng cường bài niệu	x	x	x	
20	366	Điều trị ngộ độc cấp ma túy nhóm opi	x	x	x	
21	367	Tư vấn cho bệnh nhân ngộ độc	x	x	x	
22	369	Xét nghiệm định tính một chỉ tiêu ma túy trong nước tiểu	x	x	x	
23	370	Xét nghiệm sàng lọc và định tính 5 loại ma túy	x	x	x	
24	380	Sử dụng thuốc giải độc trong ngộ độc cấp (chưa kể tiền thuốc)	x	x	x	

II. NỘI KHOA						
STT	**TT21**	**DANH MỤC KỸ THUẬT**	**PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT**			
	1	**2**	**3**			
			A	**B**	**C**	**D**
1	432	Chọc hút mủ màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
		K. THẬN TIẾT NIỆU				
2	480	Rút catheter tĩnh mạch trung tâm chạy thận nhân tạo cấp cứu	x	x	x	
3	481	Rút catheter tĩnh mạch đùi chạy thận nhân tạo cấp cứu	x	x	x	
4	482	Rút catheter tĩnh mạch trung tâm ở bệnh nhân sau ghép thận	x	x		
5	483	Rút sonde dẫn lưu hố thận ghép qua da	x	x		

6	484	Đặt ống thông niệu quản qua nội soi (sonde JJ) có tiền mê	x	x		
7	485	Nội soi bàng quang chẩn đoán có gây mê	x	x		
8	486	Nội soi bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài cơ thể có gây mê	x	x		
9	488	Nội soi bàng quang lấy sỏi, dị vật có gây mê	x	x		
10	491	Nội soi bàng quang gắp dị vật bàng quang có gây mê	x	x		
11	492	Nội soi bàng quang có gây mê	x	x		
12	493	Rút sonde JJ qua đường nội soi bàng quang có gây mê	x	x		
13	494	Rút sonde Modelage qua đường nội soi bàng quang có gây mê	x	x		
14	495	Thận nhân tạo chu kỳ (Quả lọc, dây máu 06 lần)	x	x	x	
15	496	Thận nhân tạo cấp cứu (Quả lọc, dây máu 01 lần)	x	x	x	
		L. TIÊU HÓA				
16	504	Siêu âm can thiệp - đặt dẫn lưu đường mật qua da	x	x		
17	505	Siêu âm can thiệp - đặt stent đường mật qua da	x	x		
		N. DỊ ỨNG - MIỄN DỊCH LÂM SÀNG				
18	628	Theo dõi và chăm sóc người bệnh sốc phản vệ 72 giờ đầu	x	x		
19	641	Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình hít định liều	x	x	x	
20	642	Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình xịt định liều	x	x	x	
21	643	Tập ho có hiệu quả cho người bệnh Hen phế quản	x	x		
22	644	Tập ho có hiệu quả cho người bệnh Luput ban đỏ hệ thống	x	x		
23	645	Tập ho có hiệu quả cho người bệnh Xơ cứng bì	x	x		
24	646	Vỗ rung cho người bệnh Hen phế quản	x	x		
25	647	Vỗ rung cho người bệnh Lupus ban đỏ hệ thống	x	x		
26	648	Vỗ rung cho người bệnh Xơ cứng bì	x	x		
27	649	Tập vận động cho người bệnh Xơ cứng bì	x	x		
28	650	Xoa bóp cho người bệnh Xơ cứng bì	x	x		
29	651	Xoa bóp và nhiệt trị liệu cho người bệnh Lupus ban đỏ hệ thống có hội chứng Raynaud	x	x		
30	652	Xoa bóp và nhiệt trị liệu cho người bệnh Xơ cứng bì có hội chứng Raynaud	x	x		
		O. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)				
31	653	Chăm sóc da cho người bệnh dị ứng thuốc nặng	x	x		
32	655	Thay rửa hệ thống dẫn lưu màng phổi	x	x	x	

VIII. Y HỌC CỔ TRUYỀN

STT	TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		L. KỸ THUẬT CHUNG				
1	483	Xoa bóp bấm huyệt bằng tay	x	x	x	x
2	484	Xoa bóp bấm huyệt bằng máy	x	x	x	x
3	485	Giác hơi	x	x	x	x
4	486	Nắn bó trật khớp bằng phương pháp YHCT	x	x	x	

IX. NGOẠI KHOA						
STT	TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		K. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)				
1	1118	Phẫu thuật thay toàn bộ khớp gối	x	x		

XIV. MẮT						
STT	TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		1. Nội khoa				
1	288	Test lẩy bì	x	x	x	x
2	289	Test nội bì	x	x	x	x
3	290	Tiêm trong da; tiêm dưới da; tiêm bắp thịt	x	x	x	x
4	291	Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch	x	x	x	x
		3. Các kỹ thuật khác (TTLT 37)				
5	293	Siêu âm + đo trục nhãn cầu	x	x	x	

XV. TAI MŨI HỌNG			
STT	TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN

			KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
1	361	Phẫu thuật cắt u vùng họng miệng	x	x		
2	363	Cắt phanh lưỡi (gây mê)	x	x	x	x
3	366	Khâu lỗ thủng thực quản	x	x		
4	367	Nội soi đường hô hấp và tiêu hóa trên	x	x		
5	368	Trích áp xe vùng đầu cổ	x	x	x	x
6	392	Đóng lỗ rò thực quản-khí quản	x	x		
		E. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)				
7	395	Cắt u cuộn cảnh	x	x		

	XVI. RĂNG - HÀM - MẶT					
STT	TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
1	348	Phẫu thuật tháo nẹp, vít	x	x		

	XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG					
STT	TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		G. VẬT LÝ TRỊ LIỆU				
		(nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)				
1	161	Điều trị chườm ngải cứu	x	x	x	x
		H. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU				
		(nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)				
2	167	Tập vận động cột sống	x	x	x	
3	169	Kỹ thuật xoa bóp dẫn lưu	x	x	x	x
4	170	Kỹ thuật kiểm soát tư thế (ngồi, bò, đứng, đi)	x	x	x	x
5	171	Kỹ thuật tạo thuận vận động cho trẻ (lẫy, ngồi, bò, đứng, đi)	x	x	x	x

6	172	Tập dưỡng sinh	x	x	x	x
7	175	Kỹ thuật kéo dãn cho trẻ em bị vẹo cổ bẩm sinh	x	x		
8	176	Kỹ thuật tập vận động cho trẻ xơ hóa cơ	x	x	x	
9	177	Kỹ thuật tập vận động cho trẻ bị biến dạng cột sống (cong vẹo, gù, ưỡn)	x	x	x	x
10	178	Kỹ thuật hỗ trợ tăng tốc thì thở ra ở trẻ nhỏ	x	x	x	x
11	179	Kỹ thuật kiểm soát tư thế và vận động cho bệnh nhân Parkinson	x	x		
12	180	Kỹ thuật kiểm soát tư thế hội chứng sợ sau ngã	x	x	x	
13	181	Kỹ thuật ngồi, đứng dậy từ sàn nhà	x	x	x	
14	183	Kỹ thuật tập sức bền không có gắn máy theo dõi tim mạch	x	x	x	x
15	184	Kỹ thuật thư dãn	x	x	x	x
16	185	Kỹ thuật tập sức mạnh cơ bằng phản hồi sinh học (Biofeedback)	x	x	x	x
		I. HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU				
		(nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)				
17	188	Kỹ thuật tập bắt buộc bên liệt (CIMT)	x	x	x	
18	189	Kỹ thuật gương trị liệu (Miror therapy)	x	x	x	
		K. NGÔN NGỮ TRỊ LIỆU				
		(nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh tập)				
19	190	Kỹ thuật áp dụng phân tích hành vi (ABA)	x	x	x	
20	191	Kỹ thuật kích thích giao tiếp sớm cho trẻ nhỏ	x	x	x	x
21	192	Kỹ thuật dạy trẻ hiểu và diễn tả bằng ngôn ngữ	x	x	x	x
22	193	Kỹ thuật vận động môi miệng chuẩn bị cho trẻ tập nói	x	x	x	x
23	194	Kỹ thuật kiểm soát cơ hàm mặt và hoạt động nhai, nuốt	x	x	x	x
		L. KỸ THUẬT THĂM DÒ, LƯỢNG GIÁ, CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
		(nhân viên y tế trực tiếp thực hiện)				
24	195	Chẩn đoán điện thần kinh cơ	x	x		
25	196	Lượng giá sự phát triển của trẻ theo nhóm tuổi bằng kỹ thuật ASQ	x	x	x	
26	197	Lượng giá kỹ năng ngôn ngữ-giao tiếp ở trẻ em	x	x	x	x
27	198	Lượng giá kỹ năng vận động tinh và kỹ năng sinh hoạt hàng ngày ở trẻ em	x	x	x	x
28	199	Lượng giá trẻ tự kỷ theo tiêu chuẩn DSM-IV	x	x	x	x
29	200	Lượng giá trẻ tự kỷ bằng thang điểm CARS	x	x	x	
30	201	Kỹ thuật sàng lọc trẻ tự kỷ bằng bảng kiểm M-CHAT	x	x	x	
31	202	Lượng giá kỹ năng vận động thô theo thang điểm GMFM	x	x	x	

32	203	Lượng giá kỹ năng vận động trẻ bại não theo thang điểm GMFCS	x	x	x	
33	208	Nghiệm pháp đi 6 phút	x	x	x	x
34	209	Nghiệm pháp vận động toàn bộ Rickili	x	x	x	x
35	211	Nghiệm pháp đo thời gian đứng dậy và đi	x	x	x	x
36	212	Nghiệm pháp dừng bước khi vừa đi vừa nói	x	x	x	x
37	213	Đo áp lực bàn chân bằng máy để tư vấn sử dụng giày, dép cho người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
38	214	Kỹ thuật tư vấn tâm lý cho người bệnh hoặc người nhà	x	x		
39	217	Kỹ thuật can thiệp rối loạn tiểu tiện bằng phản hồi sinh học (Biofeedback)	x	x		
40	218	Kỹ thuật thông mũi họng ngược dòng ở trẻ em	x	x		
41	219	Chăm sóc điều trị loét do đè ép độ I, độ II	x	x	x	x
42	220	Chăm sóc điều trị loét do đè ép độ III	x	x	x	
43	221	Chăm sóc điều trị loét do đè ép độ IV	x	x		
44	223	Kỹ thuật điều trị sẹo bỏng bằng gel Silicol	x	x		
45	224	Kỹ thuật điều trị sẹo bỏng bằng băng thun áp lực kết hợp gel Silicol	x	x	x	
46	225	Kỹ thuật điều trị sẹo bỏng bằng mặt nạ áp lực kết hợp thuốc làm mềm sẹo	x	x	x	
47	226	Kỹ thuật điều trị sẹo bỏng bằng quần áo áp lực kết hợp thuốc làm mềm sẹo	x	x	x	
48	227	Kỹ thuật điều trị sẹo lồi bằng tiêm Corticoid trong sẹo, dưới sẹo	x	x	x	
49	228	Kỹ thuật điều trị sẹo lồi bằng băng áp lực kết hợp với thuốc làm mềm sẹo và gel Silicol	x	x		
50	229	Kỹ thuật điều trị sẹo lồi bằng băng áp lực kết hợp với thuốc làm mềm sẹo, gel Silicol và các sản phẩm tế bào	x	x		
		M. DỤNG CỤ CHỈNH HÌNH VÀ TRỢ GIÚP				
		(Nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh sử dụng và bảo quản)				
51	230	Kỹ thuật sử dụng giày, nẹp chỉnh hình điều trị các dị tật bàn chân (bàn chân bẹt, bàn chân lõm, bàn chân vẹo trong, bàn chân vẹo ngoài...)	x	x	x	
52	231	Kỹ thuật sử dụng giày, nẹp chỉnh hình điều trị bệnh lý bàn chân của người bệnh đái tháo đường (tiểu đường)	x	x	x	x
53	232	Kỹ thuật sử dụng nẹp chỉnh hình tư thế cổ cho bệnh nhân sau bỏng	x	x	x	x
54	233	Kỹ thuật sử dụng nẹp chỉnh hình tư thế chân, tay cho bệnh nhân sau bỏng	x	x	x	
55	234	Kỹ thuật bó bột chậu lưng không nắn làm khuôn nẹp khớp háng	x	x	x	
56	235	Kỹ thuật bó bột chậu lưng có nắn làm khuôn nẹp khớp háng	x	x	x	
57	236	Kỹ thuật bó bột chậu lưng chân không nắn làm khuôn nẹp cột sống háng	x	x	x	
58	237	Kỹ thuật bó bột chậu lưng chân có nắn làm khuôn nẹp cột sống háng	x	x	x	
59	238	Kỹ thuật bó bột cẳng-bàn tay không nắn làm khuôn nẹp bàn tay	x	x	x	

60	239	Kỹ thuật bó bột cẳng-bàn tay có nắn làm khuôn nẹp bàn tay	x	x	x	
61	240	Kỹ thuật bó bột cánh-cẳng-bàn tay không nắn làm khuôn nẹp bàn tay trên khuỷu	x	x	x	
62	241	Kỹ thuật bó bột cánh-cẳng-bàn tay có nắn làm khuôn nẹp bàn tay trên khuỷu	x	x	x	
63	242	Kỹ thuật bó bột mũ phi công không nắn làm khuôn nẹp hộp sọ	x	x	x	
64	243	Kỹ thuật bó bột mũ phi công có nắn làm khuôn nẹp cổ nhựa	x	x	x	
65	244	Kỹ thuật bó bột chữ U làm khuôn nẹp khớp háng	x	x	x	
66	245	Kỹ thuật bó bột bàn chân khoèo	x	x	x	
67	246	Kỹ thuật bó bột trật khớp háng bẩm sinh	x	x	x	
68	247	Kỹ thuật bó bột cảng-bàn chân làm khuôn nẹp dưới gối	x	x	x	
69	248	Kỹ thuật bó bột xương đùi-chậu/cột sống làm khuôn nẹp trên gối	x	x	x	
		N. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)				
70	249	Kéo nắn, kéo dãn cột ống, các khớp	x	x	x	
71	250	Tập do cứng khớp	x	x	x	x
72	251	Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp	x	x	x	x
73	252	Xoa bóp áp lực hơi	x	x	x	x

	XX. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP					
STT	**TT21**	**DANH MỤC KỸ THUẬT**	**PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT**			
	1	**2**	**3**			
			A	**B**	**C**	**D**
1	107	Nội soi bàng quang có can thiệp	x	x		

XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU						
STT	**TT21**	**DANH MỤC KỸ THUẬT**	**PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT**			
	1	**2**	**3**			
			A	**B**	**C**	**D**
		L. TẾ BÀO HỌC				
1	605	Huyết đồ (bằng hệ thống tự động hoàn toàn)	x	x		

XXIII. HÓA SINH			
STT	**TT21**	**DANH MỤC KỸ THUẬT**	**PHÂN TUYẾN**

			KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		G. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)				
1	227	C-Peptid	x	x		
2	228	Định lượng CRP	x	x	x	
3	241	Nồng độ rượu trong máu	x	x		
4	244	Phản ứng CRP	x	x	x	
5	254	Hydrocorticosteroid định lượng	x	x		
6	255	Oestrogen toàn phần định lượng	x	x		
7	262	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...)	x	x		
8	263	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) có đếm số lượng tế bào	x	x		

XXVI. VI PHẪU						
STT	TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
1	59	Chuyển vạt cơ có nối hoặc ghép mạch vi phẫu	x	x		
2	60	Phẫu thuật tái tạo các tổn khuyết bằng vạt vi phẫu	x	x		